



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**

NIÊN GIÁM

**Địa chỉ: Số 10 Huỳnh Văn Nghệ, P. Bửu Long
TP. Biên Hòa, Đồng Nai**

Tel: 0251.3.952 778 – Fax: 0251.3.952 534

Website: <http://www.lhu.edu.vn>

2026

MỤC LỤC

Trang	
Lời nói đầu	3
Giới thiệu Trường Đại học Lạc Hồng	4
Các phòng ban chính	6
Ngành đào tạo – Các chương trình đào tạo	7
Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	111
Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	112
Chương II. LẬP KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC GIẢNG DẠY	115
Chương III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP	117
Chương IV. NHỮNG QUY ĐỊNH I VỚI SINH VIÊN	122
Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng	126
Chương I. QUY NH CHUNG	127
Chương II. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM	127
Chương III. PHÂN LOẠI ĐÁNH GIÁ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN	129
Chương IV. TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	131
Chương V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	133
Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo i học hệ chính quy Trư ng Đại học Lạc Hồng	143
Chương I. QUY NH CHUNG	143
Chương II. CÔNG TÁC GIÁO DỤC SINH VIÊN	146
Chương III. CÔNG TÁC HỖ TRỢ SINH VIÊN	149
Chương IV. CÔNG TÁC QUẢN LÝ SINH VIÊN	151
Chương V. KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT SINH VIÊN	154
Chương VI. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG TRƯỜNG	158
Trích phụ lục khung kỷ luật sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng	160
Quy trình giải quyết hồ sơ chính sách sinh viên	166
Quy tắc ứng xử của người học tại Trường Đại học Lạc Hồng	171
Hệ thống thông tin Trường Đại học Lạc Hồng	175
Giới thiệu về thư viện Trườ i học Lạc Hồng	183
Đề cương tóm tắt các môn học	189
Phụ lục lịch trình năm c 2026-2027	461
Bản đồ hướng dẫn đường đi đến các địa điểm học	462

LỜI NÓI ĐẦU

Niên giám là tài liệu phát hành chính thức của Trường Đại học Lạc Hồng dành cho sinh viên trúng tuyển vào hệ đại học, cao đẳng chính quy của Trường. Niên giám cung cấp những thông tin cần thiết giúp sinh viên có thể hình dung đầy đủ về quy mô hoạt động của Nhà trường. Đồng thời cũng là cuốn cẩm nang quan trọng nhất – tập tài liệu chính thức để sinh viên tham chiếu trong suốt thời gian học tập.

Phần mở đầu, niên giám giới thiệu sơ lược về lịch sử phát triển của Trường, về các đơn vị hành chính trong Trường, các khoa quản lý ngành.

Phần thứ 2 liệt kê toàn bộ chương trình đào tạo (trình bày dưới dạng bảng) của tất cả các ngành đang được tổ chức đào tạo hệ đại học chính quy tại Trường Đại học Lạc Hồng. Các môn học trong chương trình đào tạo được sắp xếp theo trình tự vào từng cột tương ứng từng học kỳ của khóa đào tạo. Hiện nay gồm 7 hoặc 8 học kỳ chính thức, tùy ngành – **đây là trình độ học mà Nhà trường khuyến cáo sinh viên nên tuân theo để thuận lợi nhất cho việc tiếp thu kiến thức.**

Phần thứ 3 bao gồm toàn văn “Quy chế học vụ” (Quy chế học vụ hệ đại học theo học chế tín chỉ) và văn bản “Quy trình đăng ký học và xếp thời khóa biểu” – quy trình cơ bản nhất của công tác học vụ. Sinh viên cần đọc kỹ từng đề mục trong các văn bản này để biết về hệ thống tổ chức đào tạo của trường, để hiểu và vận dụng cho đúng các quy định của Trường, về quyền và nghĩa vụ của người học trong Nhà trường.

Phần cuối của niên giám cung cấp cho sinh viên thông tin về các môn học được giảng dạy tại trường: nội dung tóm tắt của môn học và các tài liệu tham khảo liên quan.

Phiên bản Niên giám 2026 được Phòng Đào tạo biên tập lại và có nhiều thay đổi so với các phiên bản trước đây. Chúng tôi hy vọng rằng tài liệu này có thể cung cấp ngày càng nhiều những thông tin hữu ích cho các bạn sinh viên ngay ngưỡng cửa trường đại học và sẽ luôn là người bạn đồng hành cùng sinh viên trong suốt khóa học của các bạn tại Trường Đại học Lạc Hồng.

Chúc các bạn sinh viên nhanh chóng hòa nhập với môi trường mới và đạt những kết quả tốt nhất, nhiều thành công nhất trong học tập và trong cuộc sống.

Đồng Nai 2026

GIỚI THIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

Lịch sử hình thành

Đồng Nai là một tỉnh công nghiệp nằm trong khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam (bao gồm: Đồng Nai, Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu), và khu công nghiệp được hình thành từ trước năm 1975. Đến những năm 1990, thực hiện chủ trương của Đảng – Nhà nước về công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước thông qua nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), Đồng Nai đã ngày càng hình thành và phát triển thêm nhiều khu công nghiệp. Xuất phát từ nhu cầu cung ứng nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa của Đồng Nai nói riêng và khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam nói chung; nguyện vọng của Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân Đồng Nai mong muốn có một trường đại học tại Đồng Nai.

Từ những năm 1993 – 1994, lãnh đạo tỉnh đã nhìn thấy nhu cầu bức thiết phải xây dựng một trường đại học tại Biên Hòa, Đồng Nai nhằm tạo nguồn nhân lực kịp thời đáp ứng đà phát triển kinh tế - xã hội tại tỉnh nhà. Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ V cũng như các đại hội sau đó đều có nghị quyết về thành lập trường đại học trên địa bàn TP. Biên Hòa. Đó là cơ sở thuận lợi cho việc sớm ra đời một trường đại học tại Đồng Nai.

Có nhiều ý kiến về tên trường, nhưng cuối cùng nhất trí một trường đại học đào tạo nhân lực cao cho đất nước, cho dân tộc thì những con người được đào tạo phải nhớ đến nguồn cội và tự hào mình là con cháu Lạc Hồng. Chính vì thế Trường có tên là Đại học Lạc Hồng.

Trường Đại học Lạc Hồng được thành lập theo Quyết định số 790/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Quyết định số 3678/GD-ĐT ngày 13/11/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường Đại học Lạc Hồng đào tạo đa ngành, đa cấp; gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực kỹ thuật công nghệ, kinh tế và xã hội nhân văn. Nhà trường đảm bảo cung cấp và chăm lo những điều kiện học tập có chất lượng cho mọi người có nhu cầu đào tạo và đào tạo lại; mặt khác đảm bảo cung cấp nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn và hiểu biết chính trị cho thị trường lao động của tỉnh Đồng Nai nói riêng, cả nước nói chung.

Trường Đại học Lạc Hồng là trường đào tạo nhân lực cung cấp trực tiếp cho các khu công nghiệp, khu chế xuất của tỉnh Đồng Nai và các khu vực lân cận. Chính vì thế trường đã xây dựng chương trình đào tạo theo tỉ lệ 50% lý thuyết, 50% thực hành và tự học. Bên cạnh đào tạo nhân lực, Nhà trường chú trọng bồi dưỡng nhân tài. Những sinh viên có học lực từ khá trở lên phải tự chịu trách nhiệm với điểm số của mình và phải tham gia nghiên cứu khoa học. Nhà trường luôn có một niềm tin vững chắc, đó là mọi

sinh viên đều có một tiềm năng và nhà trường có nhiệm vụ phải khơi dậy những tiềm năng này cho sinh viên bằng hoạt động nghiên cứu khoa học.

Với chương trình đào tạo như vậy, sau khi tốt nghiệp sinh viên sẽ nhanh chóng tìm được việc làm phù hợp với ngành nghề được đào tạo hoặc có khả năng khởi nghiệp.

Nhà trường có xu hướng gắn liền việc giảng dạy, học tập với các khu chế xuất, khu công nghiệp,... tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên thâm nhập thực tế để không ngừng điều chỉnh, bổ sung nội dung giáo trình, đào tạo được nguồn nhân lực theo yêu cầu thực tiễn của nền kinh tế trong thời kỳ hội nhập. Song song đó, nhà trường đã triển khai chương trình tiếng Anh giao tiếp với mục tiêu là tất cả sinh viên tốt nghiệp trường Đại học Lạc Hồng đều có kỹ năng sử dụng tốt tiếng Anh giao tiếp trong Cộng đồng kinh tế ASEAN.

Sứ mạng: “Trường Đại học Lạc Hồng là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học ứng dụng, chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội. Trường cung cấp nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài có năng lực và phẩm chất phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế”

Triết lý giáo dục: “Lãnh đạo - Nhân Văn – Chính trực”

Mục tiêu: “Trường Đại học Lạc Hồng cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, có kiến thức chuyên môn, năng lực và kỹ năng nghề nghiệp, khả năng quản lý và các kỹ năng mềm như tin học, ngoại ngữ, giao tiếp, làm việc nhóm, v.v... Nguồn nhân lực đó có các phẩm chất chính trị, đạo đức và xã hội, có năng lực sáng tạo, có trách nhiệm nghề nghiệp và sức khỏe để góp phần quan trọng vào sự phát triển của xã hội. Nhà trường tạo môi trường thuận lợi để bồi dưỡng nhân tài, có khả năng phát triển kiến thức, nghiên cứu và tham gia học tập sau đại học ở trong và ngoài nước”

CÁC PHÒNG BAN CHÍNH

- ❑ Phòng Đảng ủy, Đoàn thanh niên - ĐT: 0251 3 951 957 - nhà E102
- ❑ Phòng Thanh tra giáo dục - ĐT: 0251 8 850 970 - nhà văn phòng CS1
- ❑ Phòng Đào tạo - ĐT: 0251 3 952 778; 0251 3 953 127; 0251 3 952 188 - nhà B101, B102, B103
- Bộ phận Quản lý học vụ: - ĐT: 0251 3 951 481; Tổ giáo vụ - ĐT: 0251 3 951 976- nhà B104
- Bộ phận Kỹ năng mềm <http://knm.lhu.edu.vn> - nhà B104
ĐT: 0251 3 952 422
- Bộ phận Quan hệ doanh nghiệp và Hỗ trợ sinh viên - nhà B109
ĐT: 0251 3 951 347
- ❑ Phòng Hành chính - Tổ chức (HC-TC) - ĐT: 0251 3 952 138 - nhà văn phòng CS1
- ❑ Phòng Tài chính (TC) - ĐT: 0251 3 952 033 - nhà văn phòng CS1
- ❑ Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng - nhà D203
- ❑ Phòng Nghiên cứu Khoa học - ĐT: 0251 3 952 945 - nhà I101
- ❑ Phòng Công tác sinh viên (CTSV) - ĐT: 0251 3 952 250 - nhà D101, D105
- ❑ Phòng Quan hệ Quốc tế <http://dcc.lhu.edu.vn> - nhà C104
ĐT: 0251 3 953 128
- ❑ Phòng Xây dựng và Cung ứng vật tư - ĐT: 0251 8 662 444 - nhà văn phòng CS5
- ❑ Phòng Quản trị Thiết bị (QT-TB) - ĐT: 0251 8 850 595 - nhà văn phòng CS5
- ❑ Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học <http://nnth.lhu.edu.vn> nhà VP Cơ sở 4
ĐT: 0251 3 951 995 - nhà A201
- ❑ Trung tâm Thông tin - Tư liệu <http://lhu.edu.vn/224/Thong-tin-Tu-lieu.html>
- ❑ ĐT: 0251 3 952 726
- ❑ Ký túc xá Lạc Hồng - ĐT: 0251 3953598 Địa chỉ: KP4 – Phường Bửu Long - BH - ĐN
- ❑ Khoa Sau đ i học <http://saudaihoc.lhu.edu.vn> - nhà B106
ĐT: 0251 3 951 924
- ❑ Khoa Anh văn đại cươ <http://avdc.lhu.edu.vn> - nhà D102
ĐT: 0251 8 850 894
- ❑ Khoa Công nghệ thông tin <http://cs.lhu.edu.vn> - nhà B301
ĐT: 0251 3 952 251
- ❑ Khoa Cơ điện - Điện tử <http://codien.lhu.edu.vn> - nhà I206
ĐT: 0251 3 951 937
- ❑ Khoa Kỹ thuật công trình <http://kc.lhu.edu.vn> - nhà C103
ĐT: 0251 3 952 253
- ❑ Khoa Kỹ thuật Hóa học & Môi trường <http://mt.lhu.edu.vn> - nhà I405
<http://cfe.lhu.edu.vn>
ĐT: 0251 3 953 442
- ❑ Khoa Quản trị - Kinh tế quốc tế <http://qt.lhu.edu.vn> - nhà D305, D306
ĐT: 0251 3 952 252
- ❑ Khoa Tài chính - Kế toán <http://kt.lhu.edu.vn> - nhà B201, B202
<http://tcnh.lhu.edu.vn>
ĐT: 0251 3 953 441; 0251 3 952 923
- ❑ Khoa Đông phư c <http://dp.lhu.edu.vn> - nhà E205
ĐT: 0251 3 951 926
- ❑ Khoa Ngôn ngữ Anh <http://ed.lhu.edu.vn> - nhà D103
ĐT: 0251 3 952 254
- ❑ Khoa Dược <http://duoc.lhu.edu.vn> - nhà H106
ĐT: 0251 3 953 131 Địa chỉ: KP4 – Phường Bửu Long - BH - ĐN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY - CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

KHOA CƠ ĐIỆN – ĐIỆN TỬ:

- Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
- Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
- Công nghệ kỹ thuật cơ khí
- Công nghệ kỹ thuật Ô tô
- Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
- Quản lý công nghiệp

KHOA DƯỢC:

- Dược học (Dược sĩ lâm sàng)
- Tâm lý học

KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN:

- Công nghệ thông tin
- Thương mại điện tử
- Trí tuệ nhân tạo
- Truyền thông đa phương tiện
- An toàn thông tin

KHOA KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH:

- Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng (Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp, Xây dựng cầu đường)
- Quan hệ công chúng

KHOA KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM:

- Công nghệ thực phẩm (Công nghệ thực phẩm, Quản lý chất lượng & an toàn thực phẩm, Khoa học thực phẩm & dinh dưỡng)
- Khoa học môi trường (Công nghệ môi trường, An toàn sức khỏe & môi trường, năng lượng xanh & sinh thái môi trường)

KHOA TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN:

- Tài chính - Ngân hàng
- Kế toán (Kế toán kiểm toán)
- Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

KHOA QUẢN TRỊ - KINH TẾ QUỐC TẾ:

- Quản trị kinh doanh
- Luật kinh tế
- Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Marketing
- Luật
- Kinh doanh quốc tế

KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC:

- Đông phương học (Nhật Bản học, Hàn Quốc học)
- Ngôn ngữ Trung Quốc

KHOA NGÔN NGỮ ANH:

- Ngôn ngữ Anh

Lưu ý: Ký hiệu loại môn học trong chương trình đào tạo

- * Môn học tiên quyết
- ** Môn học trước
- *** Môn học song hành

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ NIÊN KHÓA 2026 -2030
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ

Stt	Mã MH	Mã môn học	Số TC	Môn học trước	Ghi chú
		Giáo dục quốc phòng			
1	102112	Tin học đại cương	3		Môn cơ bản
2	102016	Toán A1	3		Môn cơ bản
3	102146	Ngoại ngữ 1	2		Môn cơ bản
4	116123	Nhập môn ngành Cơ Điện tử	2		
5	116101	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	4		
6	116102	Kỹ thuật điện	3		
7	116103	Kỹ thuật đo lường cơ khí	3		
8	16104	Thực tập cơ khí tổng quát	1		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 1			21		
9	102018	Toán A2	4	102016**	Môn cơ bản
10	102067	Vật lý đại cương {CĐĐT 2020}	2	102016**	Môn cơ bản
11	102147	Ngoại ngữ 2	2	102146**	Môn cơ bản
12	116124	Kỹ thuật điện - Điện tử	3	116102**	
13	114008	Thực tập Điện cơ bản	1		
14	116105	CAD trong kỹ thuật	3		
15	114102	Kỹ thuật số	3		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2			18		
16	102002	Giáo dục thể chất 1			Môn cơ bản
17	102148	Ngoại ngữ 3	2	102147**	Môn cơ bản
18	115101	Kỹ thuật Đo lường - Cảm biến	3	116124**	
19	115102	Thực tập Kỹ thuật Đo lường - Cảm biến	2	116124**	
20	116106	Nguyên lý - Chi tiết máy	4		
21	115103	Thực tập Lắp tủ điện	2		
22	116108	Công nghệ Khí nén - Thủy lực	4	115101**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					

Stt	Mã MH	Mã môn học	Số TC	Môn học trước	Ghi chú
23	116107	Cơ kỹ thuật	3		
24	102152	Xác suất thống kê			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3			20		
25	102003	Giáo dục thể chất 2			Môn cơ bản
26	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
27	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
28	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
29	102149	Ngoại ngữ 4	3	102148**	Môn cơ bản
30	116109	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	4	116106**	
31	115112	Lập trình kỹ thuật	3		
32	114105	Điện tử công suất	3	116124**	
33	114001	Thực tập Điện tử công suất	1		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
34	116129	Bảo trì công nghiệp	2	115101**	
35	116130	Quản trị học đại cương			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 4			24		
36	102004	Giáo dục thể chất 3			Môn cơ bản
37	116112	Thực tập Máy công cụ	2		
38	102153	Pháp luật đại cương	3		Môn cơ bản
39	115113	Vi điều khiển	4	115112**	
40	115114	Thực tập Vi điều khiển	2		
41	102095	Ngoại ngữ 5	3	102149**	Môn cơ bản
42	116113	Đồ án Cơ điện tử	2	116108** 116109**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
43	115130	Kaizen-TPM	3	114113**	
44	116114	Robot công nghiệp		115113**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 5			19		
45	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
46	115107	Kỹ thuật lập trình PLC	3	115101** 115112**	

Stt	Mã MH	Mã môn học	Số TC	Môn học trước	Ghi chú
47	115109	Thực tập kỹ thuật lập trình PLC	2	115107**	
48	115108	Hệ thống điều khiển tự động	3	115107** 115112**	
49	102151	Ngoại ngữ 6	3	102095**	
50	115125	Điều khiển thông minh	2		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
51	115135	Cơ lý thuyết	3	116107**	
52	115136	Điều khiển hệ thống servo			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 6			18		
53	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
54	116119	Học kỳ thực tập 1	4		
55	116117	Công nghệ CAD/CAM/CNC	3		
56	116118	Thực tập Công nghệ CAD/CAM/CNC	2	116117**	
57	116121	Thực tập Kỹ thuật lập trình PLC nâng cao	1	115109**	
58	114116	Đồ án công nghệ	2		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
61	116115	Kỹ thuật lập trình PLC nâng cao	3	115107** 115109**	
62	115137	Mô hình hóa và mô phỏng hệ thống tự động		115107** 115108**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 7			17		
63	116122	Học kỳ thực tập 2	4	116119**	
64	116100	Tốt nghiệp	10		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 8			14		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			151		

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ NIÊN KHÓA 2026 -2030
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN – ĐIỆN TỬ

Stt	Mã MH	Mã môn học	Số TC	Môn học trước	Ghi chú
1	102112	Tin học đại cương	3		Môn cơ bản
2	102016	Toán A1	3		Môn cơ bản
3	102146	Ngoại ngữ 1	2		Môn cơ bản
4	114100	Nhập môn ngành Điện - Điện tử	2		
5	114120	Mạch điện	3	114100**	
6	116101	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	4		
7	114008	Thực tập Điện cơ bản	1	114120**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 1			18		
8	102018	Toán A2	4	102016**	Môn cơ bản
9	102067	Vật lý đại cương {CĐĐT 2020}	2	102016**	Môn cơ bản
10	102147	Ngoại ngữ 2	2	102146**	Môn cơ bản
11	114102	Kỹ thuật số	3	114120**	Môn cơ bản
12	115112	Lập trình kỹ thuật	3	114102**	
13	114103	Điện tử cơ bản	3	114120**	
14	114101	Thực tập thiết kế mạch điện tử ứng dụng	2	114103** 114102**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2			19		
15	102002	Giáo dục thể chất 1			Môn cơ bản
16	102148	Ngoại ngữ 3	2	102147**	Môn cơ bản
17	116108	Công nghệ Khí nén - Thủy lực	4	115101** 114101**	
18	115101	Kỹ thuật Đo lường - Cảm biến	3	114103**	
19	115102	Thực tập Kỹ thuật Đo lường - Cảm biến	2	115101**	
20	114104	Thiết kế mạch in	3	114101**	
21	114001	Thực tập Điện tử công suất	1	114105**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
22	102152	Xác suất thống kê	3	114103** 114120**	

Stt	Mã MH	Mã môn học	Số TC	Môn học trước	Ghi chú
23	114105	Điện tử công suất			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3			18		
24	102003	Giáo dục thể chất 2			Môn cơ bản
25	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
26	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
27	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
28	102149	Ngoại ngữ 4	3	102148**	Môn cơ bản
29	115107	Kỹ thuật lập trình PLC	3	114103** 116108** 114120**	
30	115109	Thực tập Kỹ thuật lập trình PLC	2	115107**	
31	115113	Vi điều khiển	4	114120**	
32	115114	Thực tập Vi điều khiển	2	115113**	
	Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)				
33	114106	CAD trong kỹ thuật điện	3	116101**	
34	115124	Lập trình Web ứng dụng trong IOT		115114**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 4			24		
35	102004	Giáo dục thể chất 3			Môn cơ bản
36	102153	Pháp luật đại cương	3		Môn cơ bản
37	102150	Ngoại ngữ 5	3	102149**	Môn cơ bản
38	114119	Công nghệ sản xuất board mạch dán	3	114103** 114104**	
39	114107	Đồ án Điện - Điện tử	2	114103** 114120** 114104**	
40	115120	Thiết kế hệ thống nhúng	2	114120** 115114**	
41	114110	Trang bị điện	3	114103** 114120**	
	Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)				
42	114118	Vi điều khiển nâng cao	3	115114**	
43	114108	Xử lý ảnh trong công nghiệp		115114** 114107**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 5			19		

Stt	Mã MH	Mã môn học	Số TC	Môn học trước	Ghi chú
44	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
45	102151	Ngoại ngữ 6	3	115112** 115113** 102018**	
46	115104	Điều khiển hệ thống servo	3	114103** 114120** 102067**	
47	114109	Máy điện	3	114109** 114120**	
48	114121	Thực tập trang bị điện và quần dây máy điện	2	114110** 114109**	
49	114111	Thiết kế hệ thống điện	4	114110** 114112**	
50	114112	Cung cấp điện	4	114110**	
51	114063	Thực tập cung cấp điện	1	116125**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
52	116114	Robot công nghiệp	3	114118** 114108**	
53	115133	Hệ thống cơ điện M&E		114110** 114103** 115101**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 6			25		
54	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
55	116119	Học kỳ thực tập 1	4	114110** 114112**	
56	114115	Năng lượng tái tạo và quản lý năng lượng	2	114112**	
57	114114	Bảo vệ role và tự động hoá	3	114112**	
58	114116	Đồ án công nghệ	2	114109**	
59	114113	Bảo trì công nghiệp	3	114107** 115113** 115112**	
60	114117	Kỹ thuật điện lạnh	3	114113**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 7			19		
61	116122	Học kỳ thực tập 2	4	116119**	
62	116100	Tốt nghiệp	10	Các môn	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 8			14		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			156		

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ NIÊN KHÓA 2026 -2030
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA

Mã	Môn học	Số TC	Môn học trước	
	Giáo dục quốc phòng			Môn cơ bản
102112	Tin học đại cương	3		Môn cơ bản
102016	Toán A1	3		Môn cơ bản
102146	Ngoại ngữ 1	2		
115100	Nhập môn tự động hóa	3		
116102	Kỹ thuật điện	3		
114008	Thực tập Điện cơ bản	1		
115103	Thực tập Lắp tủ điện	2		
116124	Kỹ thuật điện - Điện tử	3		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 1		20		
102018	Toán A2	4	102016**	Môn cơ bản
102067	Vật lý đại cương {CĐĐT 2020}	2	102091**	Môn cơ bản
102147	Ngoại ngữ 2	2	102067**	
116108	Công nghệ Khí nén - Thủy lực	4	115106**	
115104	Điều khiển hệ thống servo	3	114008**	
115105	Đồ án Tự động 1	1	116102**	
115106	Cơ lý thuyết	3	115100**	
115101	Kỹ thuật Đo lường - Cảm biến	3	102016**	
115102	Thực tập Kỹ thuật Đo lường - Cảm biến	2		Môn cơ bản
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2		24		
102002	Giáo dục thể chất 1			Môn cơ bản
102148	Ngoại ngữ 3	2	116102**	
115107	Kỹ thuật lập trình PLC	3	102018**	
115108	Hệ thống điều khiển tự động	3	115107**	
115109	Thực tập kỹ thuật lập trình PLC	2	102112**	
115110	CAD trong thiết kế tủ điện	2	102067**	
116106	Nguyên lý - Chi tiết máy	4	102091**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)			115106**	
102152	Xác suất thống kê	3		
114102	Kỹ thuật số			Môn cơ bản
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3		19		
102003	Giáo dục thể chất 2			
102063	Triết học Mác - Lênin	3		
102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		
102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		

Mã	Môn học	Số TC	Môn học trước	
102149	Ngoại ngữ 4	3		
115112	Lập trình kỹ thuật	3		
115113	Vi điều khiển	4		
115114	Thực tập Vi điều khiển	2		
115115	Đồ án Tự động 2	1		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)				
115116	Sơ đồ đường ống FPD và PI&D	3		
116105	CAD trong kỹ thuật			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 4		23		
102004	Giáo dục thể chất 3		115112**	
102153	Pháp luật đại cương	3		
102150	Ngoại ngữ 5	3		
115117	Thị giác máy tính	4	115113**	
115118	Mạng truyền dữ liệu số	2	115113**	
115119	Điều khiển bằng máy tính	3		
115120	Thiết kế hệ thống nhúng	2	115108**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)				
116114	Robot công nghiệp	3		
115121	Hệ thống SCADA ứng dụng			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 5		20		
102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		
102151	Ngoại ngữ 6	3		
115122	Dữ liệu và phân tích dữ liệu	2		
115123	Cơ sở dữ liệu và lập trình quản lý cơ sở dữ liệu	4		
115124	Lập trình Web ứng dụng trong IOT	3		
115125	Điều khiển thông minh	2		
114113	Bảo trì công nghiệp	3		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)				
115126	Mô hình hóa và mô phỏng hệ thống tự động	3		
115127	Module sản xuất linh hoạt (FMS)			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 6		22		
102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Môn cơ bản	
116119	Học kỳ thực tập 1	4		
115128	Kỹ thuật lập dự án	3		
115090	Thiết kế hệ thống AI	3		
114116	Đồ án công nghệ	2		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)				
115132	Kaizen-TPM	3		

Mã	Môn học	Số TC	Môn học trước	
115091	AI ứng dụng			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 7		17		
116122	Học kỳ thực tập 2	4		
116100	Tốt nghiệp	10		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 8		14		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA		159		

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ NIÊN KHÓA 2026 - 2030
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ
CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT VI MẠCH

Stt	Mã MH	Mã môn học	Số TC	Môn học trước	Ghi chú
		Giáo dục quốc phòng			
1	102112	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet}	3		
2	102113	Toán A1	3		
3	102146	Ngoại ngữ 1	2		
4	114100	Nhập môn ngành n - Điện tử	2		
5	114120	Mạch điện	3		
6	116101	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	4		
7	114008	Thực tập Điện cơ bản	1		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 1			18		
8	102018	Toán A2	4	102113**	
9	102067	Vật lý đại cương {CĐĐT 2020}	2	102113**	
10	102147	Ngoại ngữ 2	2	102146**	
11	114102	Kỹ thuật số	3		
12	115112	Lập trình kỹ thuật	3	102112**	
13	114103	Điện tử cơ bản	3	114120**	
14	114101	Thực tập thiết kế mạch điện tử ứng dụng	2	114008**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2			19		
15	102002	Giáo dục thể chất 1			
16	102148	Ngoại ngữ 3	2	102147**	
17	116108	Công nghệ Khí nén - Thủy lực	4		
18	114105	Điện tử công suất	3	114103**	
19	114001	Thực tập Điện tử công suất	1	114101**	
20	115101	Kỹ thuật Đo lường - Cảm biến	3	114102** 114103**	
21	115102	Thực tập Kỹ thuật Đo lường - Cảm biến	2	114102** 114103**	
22	114104	Thiết kế mạch in	3	114101**	

Stt	Mã MH	Mã môn học	Số TC	Môn học trước	Ghi chú
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3			18		
23	102003	Giáo dục thể chất 2			
24	102063	Triết học Mác - Lênin	3		
25	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		
26	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		
27	102149	Ngoại ngữ 4	3	102148**	
28	115107	Kỹ thuật lập trình PLC	3	115101**	
29	115109	Thực tập kỹ thuật lập trình PLC	2	115102**	
30	115113	Vi điều khiển	4	114102**	
31	115114	Thực tập Vi điều khiển	2	114101**	
32	114123	Đồ án Điện tử	2	114101** 114001** 115114**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
33	114106	CAD trong kỹ thuật điện	3	116101**	
34	114400	CAD trong thiết kế vi mạch			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 4			26		
35	102004	Giáo dục thể chất 3			
36	102153	Pháp luật đại cương	3		
37	102150	Ngoại ngữ 5	3	102149**	
38	114503	Kỹ thuật số 2	3	114102**	
39	114501	Thiết kế vi mạch số với HDL	3		
40	114502	Thực tập thiết kế vi mạch số	3		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
41	114119	Công nghệ sản xuất board mạch dán	3	114104**	
42	114504	Công nghệ chế tạo vi mạch			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 5			18		
43	102033	Tư tưởng HCM	2		
44	114600	Thiết kế mạch tích hợp	3	114501**	
45	114601	Thực tập thiết kế mạch tích hợp	3	114502**	

Stt	Mã MH	Mã môn học	Số TC	Môn học trước	Ghi chú
46	114602	Thẩm định thiết kế vi mạch với SystemVerilog	3	114501**	
47	114603	Thực tập thẩm định thiết kế vi mạch	3	114502**	
48	102151	Ngoại ngữ 6	3		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
49	114604	Tổng quan về ATP và các thuật ngữ chuyên ngành vi mạch	4		
50	114605	Cơ sở đóng gói vi mạch			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 6			21		
52	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		
53	114700	Thiết kế vật lý vi mạch	4	114600**	
54	114701	Thiết kế chip SoC	3	114501**	
55	114702	Thực tập thiết kế chip nâng cao	3	114502**	
56	114116	Đồ án công nghệ	2	114107** 115113** 115112**	
57	116119	Học kỳ thực tập 1	4		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
58	114703	Công nghệ lắp ráp, đóng gói và đo kiểm vi mạch bán dẫn (ATP)	4	114604**	
59	114704	Công nghệ đo kiểm vi mạch		114605**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 7			22		
60	116122	Học kỳ thực tập 2	4		
61	116100	Đồ án tốt nghiệp	10		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 8			14		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			156		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA CƠ Đ ĐIỆN TỬ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ NIÊN KHÓA 2026-2030
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
		Giáo dục quốc phòng			
1	102112	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet}	3		Môn cơ bản
2	102016	Toán A1	3		Môn cơ bản
3	149000	Nhập môn ngành Kỹ thuật Cơ kh	2		
4	116101	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	4		
5	116102	Kỹ thuật điện	3		
6	116104	Thực tập cơ khí tổng quát	1		
7	116103	Kỹ thuật đo lường cơ khí	3		
8	102146	Ngoại ngữ 1	2		Môn cơ bản
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 1			21		
9	102147	Ngoại ngữ 2	2		Môn cơ bản
10	102018	Toán A2	4		Môn cơ bản
11	114056	Thực tập Trang bị điện	2	116102** 114008**	
12	102067	Vật lý đại cương {CĐĐT	2		Môn cơ bản
13	116105	CAD trong kỹ thuật	3	116103** 116101**	
14	114008	Thực tập Điện cơ bản	1		
15	116107	Cơ kỹ thuật	3		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2			17		
16	102002	Giáo dục thể chất 1			
17	102148	Ngoại ngữ 3	2		Môn cơ bản
18	149001	Công nghệ kim loại	3		
19	115102	Thực tập Kỹ thuật Đo lường - Cảm biến	2	114056** 116102**	
20	116106	Nguyên lý - Chi tiết máy	4	116109**	
21	149002	Thực tập Kỹ thuật Hàn	2	116104** 149001**	
22	116109	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	4	116107**	
23	116108	Công nghệ Khí nén - Thủy lực	4	114008** 115102**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3			21		

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
24	102003	Giáo dục thể chất 2			
25	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
26	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
27	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
28	102149	Ngoại ngữ 4	3		Môn cơ bản
29	116112	Thực tập Máy công cụ	2	149001** 116107**	
30	149003	Sức bền vật liệu	3	116107**	
31	149004	Công nghệ chế tạo máy	3	116107**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
32	149005	Các phương pháp gia công đặc biệt	2		
33	149020	Phương pháp nghiên cứu khoa học			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 4			20		
34	102004	Giáo dục thể chất 3			
35	149007	Cơ sở nhiệt kỹ thuật	2	149001**	
36	102153	Pháp luật đại cương	3		Môn cơ bản
37	116117	Công nghệ CAD/CAM/CNC	3	116105** 116112**	
38	116118	Thực tập Công nghệ CAD/CAM/CNC	2	116117**	
39	102150	Ngoại ngữ 5	3		Môn cơ bản
40	149008	Đồ án Thiết kế máy	3	116117** 149004** 149003** 116108** 116105**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
41	115130	Kaizen-TPM	3		
42	149009	Trí tuệ nhân tạo trong Kỹ thuật và Quản lý Công nghiệp			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 5			19		
43	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
44	149010	Thực tập Công nghệ CAD/CAM/CNC nâng cao	3	116118**	
45	149019	Hệ thống điều khiển PLC	3	116108** 115102**	
46	116110	Bảo trì công nghiệp	2	116102** 115102** 116108**	
47	149011	CAD trong kỹ thuật nâng cao	3	149018**	

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
48	102151	Ngoại ngữ 6	3		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
49	149012	Mô hình hóa và mô phỏng hệ thống cơ khí	3		
50	149013	Quản lý dự án Cơ khí			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 6			19		
51	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
52	115128	Kỹ thuật lập dự án	3		
53	114128	Đồ án công nghệ	3	149011** 149004** 149003** 116108** 116105**	
54	149015	Thiết kế Khuôn mẫu	3	149011**	
55	149016	Thực tập Máy công cụ nâng cao	3	116112**	
56	149017	Thiết kế và Chế tạo Đồ gá	2	116112** 149011**	
57	116119	Học kỳ thực tập 1	4		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
58	149018	Xác suất thống kê ứng dụng	3		
59	116125	Quản lý chất lượng			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 7			23		
60	116122	Học kỳ thực tập 2	4	116119**	
61	116100	Tốt nghiệp	10		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 8			14		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			154		

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ NIÊN KHÓA 2026 -2030
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ
CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ ĐIỆN

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Môn học trước	Ghi Chú
		Giáo dục quốc phòng			
1	102112	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet}	3		Môn cơ bản
2	102036	Vật lý đại cương	3		Môn cơ bản
3	102016	Toán A1	3		Môn cơ bản
4	102146	Ngoại ngữ 1	2		Môn cơ bản
5	116101	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	4		
6	148100	Nhập môn Công nghệ kỹ thuật Ô tô	2		
7	148082	Lập trình Python cơ bản	3		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 1			20		
8	102147	Ngoại ngữ 2	2		Môn cơ bản
9	102018	Toán A2	4	102016**	Môn cơ bản
10	148102	Đồ án thiết kế ô tô	1		
11	148139	Động cơ điện trên ô tô điện	4		
12	148104	Vật liệu học	2		
13	148106	Cơ kỹ thuật	4		
14	148107	Thực tập Nguội	1		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2			18		
15	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
16	102148	Ngoại ngữ 3	2		Môn cơ bản
17	148084	Điện - điện tử công suất	3		
18	116106	Nguyên lý - Chi tiết máy	4		
19	148105	Dung sai kỹ thuật đo	2		
20	148140	Thực tập động cơ điện trên ô tô điện	3	148139**	
21	148110	Lý thuyết Ô tô	3		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
22	148111	Kinh tế học đại cương	2		Môn cơ bản
23	148112	Nhập môn quản trị chất lượng			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3			19		
24	102003	Giáo dục thể chất 2	0		Môn cơ bản
25	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Môn học trước	Ghi Chú
26	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
27	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
28	102149	Ngoại ngữ 4	3		Môn cơ bản
29	148113	Hệ thống điện – điện tử ô tô	4	148084**	
30	148114	Thiết kế ô tô	3		
31	148115	Thực tập hệ thống truyền lực Ôtô	3		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
32	148116	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2		
33	148117	Máy thủy lực và khí nén			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 4			22		
34	102004	Giáo dục thể chất 3	0		Môn cơ bản
35	102153	Pháp luật đại cương	3		Môn cơ bản
36	148118	Công nghệ kỹ thuật Xe điện và xe lai	3		
37	102150	Ngoại ngữ 5	3		Môn cơ bản
38	148119	Vi điều khiển ứng dụng	2		
39	148120	Hệ thống điều khiển tự động trên ô tô	3		
40	148121	Thực tập hệ thống điện – điện tử ô tô	3	148113**	
41	148122	Thực tập hệ thống điều khiển và chuyển động ô tô	2		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
42	148123	Trình bày các văn bản và văn bản khoa học kỹ thuật	2		
43	148124	Nhập môn Xã hội học			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 5			21		
44	148141	Lập trình nhúng trên ô tô điện	2	148082**	
45	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
46	148126	Hệ thống an toàn và tiện nghi trên ô tô	3		
47	148142	Công nghệ xe tự hành	3	148082**	
48	148128	Thực tập Vi điều khiển ứng dụng	2	148119**	
49	148129	Thực tập hệ thống điện thân xe	3		
50	148143	Thực tập lập trình xe tự hành	3	148082**	
51	102151	Ngoại ngữ 6	3		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
52	148131	Ứng dụng máy tính trong thiết kế và mô phỏng ô tô	2		

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Môn học trước	Ghi Chú
53	148144	Ứng dụng máy tính trong mô hình hóa và mô phỏng ô tô điện			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 6			23		
54	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
55	148133	Quản lý dịch vụ ô tô	3		
56	148134	Dao động và tiếng ồn ô tô	2		
57	114116	Đồ án công nghệ	2		
58	148135	Thực tập lập trình điều khiển ô tô	2	148120**	
59	148136	Thực tập Chẩn đoán trên ô tô	2		
60	116119	Học kỳ thực tập 1	4		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
61	148145	Thiết bị lưu trữ và công nghệ sạc	2		
62	148138	Năng lượng mới trên ô tô			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 7			19		
63	116122	Học kỳ thực tập 2	4		
64	116100	Tốt nghiệp	10		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 8			14		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			156		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

KHOA CƠ ĐIỆN – ĐIỆN TỬ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2026-2031

NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ

STT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1		Giáo dục quốc phòng			Môn cơ bản
2	102112	Tin học đại cương	3		Môn cơ bản
3	102016	Toán A1	3		Môn cơ bản
4	102146	Ngoại ngữ 1	2		Môn cơ bản
5	102036	Vật lý đại cương (Ô tô)	3		Môn cơ bản
6	116101	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	4		
7	148100	Nhập môn Công nghệ kỹ thuật Ô tô	2		Môn cơ bản
8	148101	Kỹ thuật nhiệt	3		
TỔNG HỌC KỲ 1			20		
9	102147	Ngoại ngữ 2	2	102091**	Môn cơ bản
10	102018	Toán A2	4	102016**	Môn cơ bản
11	148102	Đồ án thiết kế ô tô	1	116101** 148100**	Môn cơ sở ngành
12	148103	Nguyên lý Động cơ đốt trong	4	148101**	Môn chuyên ngành
13	148104	Vật liệu học	2	102036	Môn cơ sở ngành
14	148106	Cơ kỹ thuật	4	102016** 102036 **	Môn cơ sở ngành
15	148107	Thực tập Nguội	1	116101**	Môn cơ sở ngành
TỔNG HỌC KỲ 2			18		
16	102002	Giáo dục thể chất 1			Môn cơ bản
17	102148	Ngoại ngữ 3	2	116101**	Môn cơ sở ngành
18	116124	Kỹ thuật điện - Điện tử	3	102147**	Môn cơ bản
19	116106	Nguyên lý - Chi tiết máy	4		Môn cơ sở ngành
20	148105	Dung sai kỹ thuật đo	2	102036**	Môn cơ bản
21	148109	Thực tập động cơ đốt trong	3	148103**	Môn chuyên ngành
22	148110	Lý thuyết Ô tô	3	148106** 148102 **	Môn chuyên ngành
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					

STT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
23	102152	Xác suất thống kê	3	148106** 148102 **	Môn chuyên ngành
24	148147	Quản lý Chất lượng	3		
TỔNG HỌC KỲ 3			20		
25	102003	Giáo dục thể chất 2			Môn cơ bản
26	102063	Triết học Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
27	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
28	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	4		Môn cơ bản
29	102149	Ngoại ngữ 4	2	102148**	Môn cơ bản
30	148113	Hệ thống điệ điện tử ô tô	3	116124**	Môn chuyên ngành
31	148114	Thiết kế ô tô	3	116106** 148110**	Môn chuyên ngành
32	148115	Thực tập hệ thống truyền lực Ôtô	3	116106** 148110**	Môn chuyên ngành
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
33	148123	Trình bày các văn bản và văn bản khoa học kỹ thuật	2		Môn tự chọn
34	148124	Nhập môn Xã hội học			Môn tự chọn
TỔNG HỌC KỲ 4			22		
35	102004	Giáo dục thể chất 3			Môn cơ bản
36	102150	Ngoại ngữ 5	3	102149**	Môn cơ bản
37	102153	Pháp luật đại cương	3		
38	148118	Công nghệ kỹ thuật Xe điện và xe lai	3	148113 **	Môn chuyên ngành
39	148119	Vi điều khiển ứng dụng	2	116124 **	
40	148120	Hệ thống điều khiển tự động trên ô tô	3	148113**	Môn chuyên ngành
41	148121	Thực tập hệ thống điện – điện tử ô tô	3	148113**	Môn chuyên ngành
42	148122	Thực tập hệ thống điều khiển và chuyển động ô tô	2	148103** 148120 **	Môn chuyên ngành

STT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
43	148148	Ứng dụng năng lượng Hydrogen trên phương tiện giao thông	3		Môn tự chọn
44	148149	Máy thủy lực và khí nén			Môn tự chọn
TỔNG HỌC KỲ 5			22		
45	148125	Lập trình Matlab	2	102016** 102018**	Môn cơ bản
46	102151	Ngoại ngữ 6	3		
47	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
48	148126	Hệ thống an toàn và tiện nghi trên ô tô	3	148113** 148120**	Môn chuyên ngành
49	148127	Tính toán Động cơ đốt trong	3	148103** 116106**	Môn chuyên ngành
50	148128	Thực tập Vi điều khiển ứng dụng	2	148119**	Môn chuyên ngành
51	148134	Dao động và tiếng ồn ô tô	2	148106** 148110**	Môn chuyên ngành
52	148130	Thực tập hệ thống điều khiển động cơ	3	148113** 148121**	Môn chuyên ngành
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
53	148150	Công nghệ chẩn đoán và sửa chữa ô tô	3		Môn tự chọn
54	148151	Ứng dụng máy tính trong thiết kế mô phỏng ô tô			Môn tự chọn
TỔNG HỌC KỲ 6			23		
55	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
56	148133	Quản lý dịch vụ ô tô	3	148068** 148129** 148122**	Môn chuyên ngành
57	148135	Thực tập lập trình điều khiển ô tô	2		
58	114116	Đồ án công nghệ	2	148114** 148115**	Môn chuyên ngành

STT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
59	148129	Thực tập hệ thống điện thân xe	3	148126**	Môn chuyên ngành
60	148136	Thực tập Chẩn đoán trên ô tô	2	148109** 148121** 148130**	Môn chuyên ngành
61	116119	Học kỳ thực tập 1	4	148136** 148129** 148135** 148130**	Môn chuyên ngành
Môn tự chọn (chọn 2 trong 3 môn)					
62	116128	Khởi nghiệp Công nghệ	3		Môn tự chọn
63	148146	Năng lượng mới trên ô tô			Môn tự chọn
TỔNG HỌC KỲ 7			21		
64	116122	Học kỳ thực tập 2	4	116119**	Môn chuyên ngành
65	116100	Tốt nghiệp	10	148129** 148136** 114061** 148135**	Môn chuyên ngành
TỔNG HỌC KỲ 8			14		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			160		

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2026-2030
NGÀNH: QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP

STT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1		Giáo dục quốc phòng			Môn cơ bản
2	102112	Tin học đại cương	3		Môn cơ bản
3	102146	Ngoại ngữ 1	2		Môn cơ bản
4	150002	Nhập môn Quản lý công nghiệp	2		Môn cơ sở ngành
5	150020	CAD cho thiết kế hệ thống sản xuất & Layout	3		Môn cơ sở ngành
6	102027	Toán cao cấp C	3		Môn cơ bản
7	150021	Nguyên lý hệ thống điện – tự động cho nhà quản lý	3		Môn cơ sở ngành
TỔNG HỌC KỲ 1			16		
8	102002	Giáo dục thể chất 1			Môn cơ bản
10	102147	Ngoại ngữ 2	2	102146**	Môn cơ bản
11	102038	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	2	102027**	Môn cơ sở ngành
12	150039	Kinh tế học	3		Môn cơ sở ngành
13	150024	Phân tích dữ liệu kinh doanh	2	102112** 102027**	Môn cơ sở ngành
14	150001	Quản trị học	3	150002**	Môn cơ sở ngành
15	150004	Quản lý sản xuất	3	150002**	Môn cơ sở ngành
16	150012	Nguyên lý kế toán	3	102038**	Môn cơ sở ngành
TỔNG HỌC KỲ 2			18		
17	102003	Giáo dục thể chất 2			Môn cơ bản
18	102148	Ngoại ngữ 3	2	102147**	Môn cơ bản
19	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
20	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	115039**	Môn cơ bản
21	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
22	150026	Quản trị sản xuất số	3	150001**	Môn cơ sở ngành

STT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
23	150005	Kỹ thuật dự báo trong công nghiệp	3	150024**	Môn cơ sở ngành
24	150003	Quản lý và Tối ưu hóa quy trình	3	150001**	Môn cơ sở ngành
25	150027	Kế toán quản trị	3	150012**	Môn cơ sở ngành
TỔNG HỌC KỲ 3			21		
26	102004	Giáo dục thể chất 3			Môn cơ bản
27	102149	Ngoại ngữ 4	3	102147**	Môn cơ bản
28	150008	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	150026**; 150003**	Môn chuyên ngành
29	150010	Mô phỏng hệ thống	3	150005**	Môn chuyên ngành
30	150011	Tự động hóa quá trình sản xuất và Internet vạn vật công nghiệp	3	150005**	Môn chuyên ngành
31	150006	Tối ưu hóa vận hành	3	102038**	Môn chuyên ngành
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
32	150022	Hệ thống sản xuất thông minh	2	150003**	Môn tự chọn
33	116110	Bảo trì công nghiệp		150003**	Môn tự chọn
TỔNG HỌC KỲ 4			17		
34	102150	Ngoại ngữ 5	3	102149**	Môn cơ bản
35	102153	Pháp luật đại cương	3		Môn cơ bản
36	150017	Tiếng anh thương mại	3	102149**	Môn chuyên ngành
37	150013	Sản xuất sạch & An toàn công nghiệp	2	150008**	Môn chuyên ngành
38	150014	Sản xuất tinh gọn	3	150010**; 150011**	Môn chuyên ngành
39	150016	Đồ án môn học quản lý công nghiệp	2	150011**; 150005**; 150006**; 150003**	Môn chuyên ngành
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
43	150040	Quản trị mua hàng	2	150001**; 150004**; 150026**	Môn tự chọn
44	150015	Thiết kế và phát triển sản phẩm		150022**	Môn tự chọn

STT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
TỔNG HỌC KỲ 5			18		
45	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
46	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
47	199032	Quality Management	3	150004**; 150003**; 150026**; 150011**	Môn chuyên ngành
48	199031	Strategic Enterprise Innovation	3	1500013**; 150014**; 150011**	Môn chuyên ngành
49	199022	Project Management	3	150004**; 150003**; 150026**; 150011**	Môn chuyên ngành
50	199021	Logistics in the Supply Chain	3	150008**; 150006**; 150040**; 150015**	Môn chuyên ngành
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
51	199019	Operations and Supply Management	3	150008**; 150006**; 150040**; 150015**	Môn tự chọn
52	199020	Strategic Procurement		1500040**; 150001**; 150027**	Môn tự chọn
TỔNG HỌC KỲ 6			19		
53	150030	Học kỳ thực tập	4		Môn chuyên ngành
54	150038	Khóa luận tốt nghiệp	10	150004**; 150003**; 150008**; 150014**; 199021**	Môn chuyên ngành
TỔNG HỌC KỲ 7			14		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			123		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA ĐƯỢC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ CHÍNH QUY NIÊN KHÓA 2026 - 2030
NGÀNH: TÂM LÝ HỌC

Stt	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1		Giáo dục quốc phòng			
2	102002	Giáo dục thể chất 1			
3	102129	Global Digital English 1	2		
4	102063	Triết học Mác - Lênin	3		
5	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	102063**	
6	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	102064**	
7	102153	Pháp luật đại cương	3	102063**, 102064**, 102065**	
8	102112	Tin học đại cương	3		
9	151001	Sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao	3		
10	151002	Nhập môn Tâm lý học	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 1			20		
11	102003	Giáo dục thể chất 2		102002**	
12	102130	Global Digital English 2	2	102129**	
13	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	102065**	
14	151003	Nhập môn nghề nghiệp	2		
15	151004	Tâm lý học căn bản	5	151002**	
16	151005	Tâm lý học giao tiếp	3	151002**	
17	151006	Phương pháp nghiên cứu Tâm lý học	4		
Học phần Tự chọn bắt buộc (Chọn 2 tín chỉ)					
18	151007	Kỹ năng tư duy sáng tạo và 5S - Kaizen	2	151002**	
19	151008	Kỹ năng thích ứng và giải quyết vấn đề	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2			20		
20	102004	Giáo dục thể chất 3		102003**	
21	102131	Global Digital English 3	2	102130**	
22	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	102033**	
23	151009	Tâm lý học phát triển 1	3	151004**	
24	151010	Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học xã hội	3		
25	151011	Tâm lý học xã hội	3	151004**	
26	151012	Trắc nghiệm tâm lý	3		
Học phần Tự chọn bắt buộc (Chọn 6 tín chỉ)					
27	151013	Tâm lý học khác biệt	2	151002**	

28	151014	Tâm lý học thần kinh	2	151001**	
29	151015	Tâm lý học giới tính	2	151002**	
30	151016	Tâm lý học sức khỏe	2	151002**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3			22		

ĐHCN: TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC

31	102115	Global Digital English 4	2	102131**	
32	151017	Tâm lý học phát triển 2	3	151009**	
33	151031	Tâm lý học dạy học và giáo dục	4		
34	151032	Nhập môn Tâm lý học trường học	3		
35	151033	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	3		
36	151034	Tâm lý học tham vấn	3	151004**	

Học phần Tự chọn bắt buộc (Chọn 2 tín chỉ)

37	151035	Nhập môn giáo dục đặc biệt	2		
38	151036	Nhập môn đánh giá tâm lý trong trường học	2		

TỔNG CỘNG HỌC KỲ 4			20		
---------------------------	--	--	-----------	--	--

39	102116	Preparation for VSTEP	2	102129**, 102130**, 102131**, 102115**	
40	151037	Kỹ năng tham vấn tâm lý	3	151034**	
41	151038	Tham vấn tâm lý trong trường học	3	151034**	
42	151039	Giáo dục kỹ năng sống	3		
43	151040	Thực tập nghề nghiệp 1 {Tâm lý học giáo dục}	4		

Học phần Tự chọn bắt buộc (Chọn 2 tín chỉ)

44	151041	Tham vấn hướng nghiệp	2	151034**	
45	151042	Tham vấn nhóm trong trường học	2		

TỔNG CỘNG HỌC KỲ 5			17		
---------------------------	--	--	-----------	--	--

46	151043	Rối loạn học tập chuyên biệt	3		
47	151044	Phòng ngừa và can thiệp trong trường học	4		
48	151045	Tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục	3		
49	151046	Tổ chức hoạt động tham vấn ở trường học	3		
50	151047	Thực tập nghề nghiệp 2 {Tâm lý học giáo dục}	4		

Học phần Tự chọn bắt buộc (Chọn 2 tín chỉ)

51	151048	Quản lý hành vi học sinh	2		
52	151049	Giáo dục cảm xúc – xã hội (SEL)	2		
53	151050	Xây dựng trường học hạnh phúc	2		

TỔNG CỘNG HỌC KỲ 6			19		
---------------------------	--	--	-----------	--	--

Hình thức tốt nghiệp (Chọn 1 trong 2 hình thức)					
54	151019	Khóa luận tốt nghiệp	8		HT1
55	151020	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	8	151040**, 151047**	HT2
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 7			8		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			126		

ĐHCN: TÂM LÝ HỌC TỔ CHỨC NHÂN SỰ

56	102115	Global Digital English 4	2	102131**	
57	151017	Tâm lý học phát triển 2	3	151009**	
58	151061	Tâm lý học lao động	3		
59	151062	Tâm lý học tổ chức – nhân sự	4	151061**	
60	151063	Tâm lý học đào tạo trong doanh nghiệp	3		
61	151064	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3		
Học phần Tự chọn bắt buộc (Chọn 2 tín chỉ)					
62	151065	Tâm lý học kỹ thuật số	2		
63	151066	Chăm sóc sức khỏe tinh thần tại môi trường làm việc	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 4			20		
64	102116	Preparation for VSTEP	2	102129**; 102130**; 102131**; 102115**	
65	151067	Tâm lý học tư vấn trong doanh nghiệp	3		
66	151068	Tâm lý học quản lý	3		
67	151069	Tâm lý học pháp lý	3		
68	151070	Thực tập nghề nghiệp 1 {Tâm lý học tổ chức và nhân sự}	4		
Học phần Tự chọn bắt buộc (Chọn 2 tín chỉ)					
69	151071	Văn hóa doanh nghiệp	2		
70	151072	Quản trị sự thay đổi	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 5			17		
71	151073	Ứng dụng tâm lý học trong tuyển dụng và lựa chọn nhân sự	3		
72	151074	Tâm lý học tiếp thị - quảng cáo	4		
73	151075	Tâm lý học khách hàng	3		
74	151076	Tâm lý học tiền lương - đãi ngộ	3		
75	151077	Thực tập nghề nghiệp 2 {Tâm lý học tổ chức và nhân sự}	4		
Học phần Tự chọn bắt buộc (Chọn 2 tín chỉ)					
76	151078	Khởi nghiệp	2		
77	151079	Quản lý sự kiện trong tổ chức	2		
78	151080	Xử lý khủng hoảng truyền thông	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 6			19		

Hình thức tốt nghiệp (Chọn 1 trong 2 hình thức)					
79	151019	Khóa luận tốt nghiệp	8		HT1
80	151020	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	8	151070**, 151077**	HT2
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 7			8		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			126		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA NGÔN NGỮ ANH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2026 - 2030
CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1		Giáo dục quốc phòng			
2	102002	Giáo dục thể chất 1			Cơ bản
3	135117	English Study Skills	2		
4	135101	Listening 1	2		
5	135119	Speaking 1	2		
6	135120	Reading 1	2		
7	135114	Writing 1	2		
8	135115	Pronunciation 1	2		
9	135116	Grammar 1	2		
Tổng học kỳ 1			14		
10	102003	Giáo dục thể chất 2		102002**	Cơ bản
11	102112	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet}	3		Cơ bản
12	135201	Listening 2	2	135101**	
13	135202	Speaking 2	2	135119**	
14	135203	Reading 2	2	135120**	
15	135204	Writing 2	2	135114**	
16	135218	Pronunciation 2	2	135115**	
17	135217	Grammar 2	2	135116**	
Tổng học kỳ 2			15		
18	102004	Giáo dục thể chất 3		102003**	Cơ bản
19	102063	Triết học Mác Lênin	3		Cơ bản
20	102064	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2		
21	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		
22	135312	Listening 3	2	135201**	
23	135313	Speaking 3	2	135202**	
24	135319	Reading 3	2	135203**	
25	135322	Academic Achievement	2	135204**	
26	135321	Presentation Skills	2	(135119;135202)**	
Tổng học kỳ 3			17		
27	102153	Pháp luật đại cương	3		Cơ bản
28	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Cơ bản

29	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Cơ bản
30	135320	Digital Skills	2		
31	135411	Listening 4	2	135312**	
32	135412	Business Speaking 1	2	135313**	
33	135414	Business Reading 1	2	135319**	
34	135421	IELTS Writing	3	135322**	
35	135323	Morphology	2	(135116; 135217)**	
Tổng học kỳ 4			20		
36	135501	Listening 5	2	135411**	
37	135504	Business Speaking 2	2	135412**	
38	135508	Business Reading 2	2	135414**	
39	135604	Business Writing 1	2	135421**	
40	135410	Syntax	2	135323**	
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)					
41	135517	Introduction to Western Culture and Society	3		
42	135518	Western Identity and Lifestyle	3		
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)					
43	135610	English for Foreign Trade	2		
44	135803	English for Business Management	2		
Tổng học kỳ 5			15		
45	135611	Listening 6	2	135501**	
46	135601	Business Reading 3	2	135508**	
47	135624	Business Writing 2	2	135604**	
48	135625	Translation	3		
49	135609	Research Writing	2		
50	135627	Interpretation 1	2		
51	135507	Semantics	2	135410**	
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)					
52	135420	Ngoại ngữ 2 – HP1	2		Japanese 1 Chinese 1 Korean 1
53	135613	Methods of Teaching English as a Second Language - Course 1	2		
Tổng học kỳ 6			17		

54	135717	Business Writing 3	2	135624**	
55	135713	Interpretation 2	2	135627**	
56	135709	Preparation for International Tests	2		
57	135714	Cross-Cultural Awareness	2		
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)					
58	135802	English for Marketing	2		
59	135711	English for Logistics	2		
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)					
60	135715	Public Speaking	2		
61	135720	Communication in Business and the Professions	2		
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)					
62	135511	Ngoại ngữ 2 – HP2	2	135420**	Japanese 2 Chinese 2 Korean 2
63	135721	Methods of Teaching English as a Second Language - Course 2	2	135613**	
Tổng học kỳ 7			14		
64	99999	Tốt nghiệp	10		
Tổng học kỳ 8			10		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA QUẢN TRỊ - KINH TẾ QUỐC TẾ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2026
NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA QUẢN TRỊ - KINH TẾ QUỐC TẾ
CHƯƠNG TRÌNH O TÍN CHỈ KHÓA 2026
NGÀNH: LUẬT KINH TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA QUẢN TRỊ - KINH TẾ QUỐC TẾ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2026
NGÀNH: LUẬT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA QUẢN TRỊ - KINH TẾ QUỐC TẾ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỐT NGHIỆP CHỈ KHÓA 2026
NGÀNH: KINH DOANH QUỐC TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

KHOA QUẢN TRỊ - KINH TẾ QUỐC TẾ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2026

NGÀNH: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Học phần học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
2	126063	Thực tế nhập môn	2		
3	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
4	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
5	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
6	126090	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3		
7	126091	Tổng quan du lịch	3		
8	102146	Ngoại ngữ 1	2		Môn cơ bản
Tổng học kỳ 1			17		
9	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
10	126092	Tâm lý du lịch và lễ tân ngoại giao	3		
11	125012	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		
12	125089	Quản trị học	2		
13	126093	Marketing du lịch	3	126091**	
14	102014	Tin học đại cương	3		Môn cơ bản
15	126087	Địa lý du lịch	3	126091**	
16	102147	Ngoại ngữ 2	2	102146**	Môn cơ bản
Tổng học kỳ 2			18		
17	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
18	126094	Thiết kế và điều hành tour	3	126091**	
19	126095	Thuyết minh tại điểm đến	3		
20	125088	Ứng dụng AI	2		
21	126008	Kinh tế du lịch	2	126091**	
22	128112	Pháp luật về quyền con người	2		
23	102148	Ngoại ngữ 3	2	102147**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 2 trong 3 môn)					
24	126037	Quản trị đa văn hoá	2	125089**	
25	126011	Lịch sử văn minh thế giới	2		
26	126096	Kỹ năng giao tiếp	2		
Tổng học kỳ 3			18		
27	102006	Pháp luật đại cương	2		Môn cơ bản
28	126089	Quản lý nghiệp vụ nhà hàng - KS	3		

29	126097	Thực tế chuyên ngành 1	2	126063**	
30	126098	Nghệp vụ hướng dẫn du lịch	3		
31	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
32	102149	English 4	3	102148**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 2 trong 3 môn)					
33	126099	Chăm sóc khách hàng	2		
34	125021	Quản trị nguồn nhân lực	2	125089**	
35	125081	Quản trị rủi ro	2	125089**	
Tổng học kỳ 4			19		
36	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
37	126075	Quản trị kinh doanh dịch vụ lưu trú	2	125089**	
38	126100	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	125089**	
39	126104	Quản trị kinh doanh dịch vụ nhà hàng	2	125089**	
40	102150	Ngoại ngữ 5	3	102149**	Môn cơ bản
41	102151	Ngoại ngữ 6	3	102150**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 2 trong 3 môn)					
42	126101	Du lịch quốc tế	2		
43	126102	Kỹ năng hoạt náo - sơ cứu	2		
44	126036	Quản trị bán hàng trong du lịch	2	125089**	
Tổng học kỳ 5			19		
45	199014	Media Entrepreneurship	3		
46	199027	Sustainable Thinking in Tourism	3		
47	199028	Sustainable Tourism Destination Planning and Management	3		
48	199029	Sustainable Food Management in Tourism	3		
49	199030	Sustainable Tourism	3		
50	126105	Thực tế chuyên ngành 2	2	126097**	
Môn tự chọn (chọn 2 trong 3 môn)					
51	126081	Tuyến điểm du lịch	2	126091**	
52	125068	Quản trị sự kiện và lễ hội	2	125089**	
53	126106	Kỹ năng trình bày trước đám đông	2		
Tổng học kỳ 6			21		
54	22222	Tốt nghiệp	10		
Tổng học kỳ 7			10		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA QUẢN TRỊ - KINH TẾ QUỐC TẾ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2026
NGÀNH: MARKETING

29	125066	Quản trị bán hàng	2		
30	125547	Quản trị thương hi u	3		
31	125548	Quản trị marketing	3	125546**	
32	125544	Quản trị quan hệ khách hàng	3		
33	125556	Thực hành marketing 1	2		
34	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		
35	102149	Ngoại ngữ 4	3	102148**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
36	125068	Quản trị sự kiện	2		
37	127007	Kinh doanh quốc tế	2		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ NIÊN KHÓA 2026 - 2030
NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần trước	Ghi chú
102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
102113	Toán cao cấp 1 {CNTT}	4		Môn cơ bản
102146	Ngoại ngữ 1	2		Môn cơ bản
111154	Nhập môn Ngành	3		
111155	Nhập môn lập trình	3		
111156	Lắp ráp và tối ưu hệ thống máy tính	3		
111157	Phần mềm mã nguồn mở	3		
111158	Vật lý thực hành	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 1		20		
102003	Giáo dục thể chất 2	0		Môn cơ bản
102087	Xác suất thống kê	2		Môn cơ bản
102147	Ngoại ngữ 2	2	102146**	Môn cơ bản
102112	Tin học đại cương {2025 trở về sau}	3		Môn cơ bản
111159	Điện tử trong IoT	3		
111174	Toán rời rạc và LTDT	3		
111161	Kỹ Thuật lập trình	3	111155**	
111162	Thiết kế UI/UX	3		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2		19		
102004	Giáo dục thể chất 3	0		Môn cơ bản
102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
102148	Ngoại ngữ 3	2	102147**	Môn cơ bản
111160	Mạng máy tính	3		
111163	Tín hiệu số cơ bản	2	111159**	
111164	Thiết kế web	3	111162**	
111166	Cơ sở dữ liệu	3		
111167	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	111161**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3		23		
102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
102153	Pháp luật đại cương	3		Môn cơ bản
102149	Ngoại ngữ 4	3	102148**	Môn cơ bản
111165	Mạng máy tính nâng cao	3	111160**	
111170	Hệ quản trị CSDL	3	111166**	
111171	Lập trình Front-End	3	111164**	
111172	Lập trình hướng đối tượng	3	111167**	

111173	Kiến tập	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 4		22		
102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
102150	Ngoại ngữ 5	3	102149**	Môn cơ bản
111168	Nhập môn Phát triển dự án kỹ thuật	3		
111175	Dịch vụ mạng	3	111165**	
111181	Lập trình giao tiếp thiết bị	3	111163**	
111176	Lập trình Back-End	3	111170**	
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)				
111241	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	111170**	
111179	Phân tích thiết kế hệ thống hướng quan hệ			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 5		20		
102151	Ngoại ngữ 6	3	102150**	Môn cơ bản
111183	Thiết kế hệ thống mạng	3	111175**	
111182	Lập trình ứng dụng di động	3	111176** 111171**	
111184	Lập trình ứng dụng web	3	111171** 111176**	
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)				
111242	Phân tích dữ liệu thông minh	3	111241**	
111243	Phân tích dữ liệu văn bản			
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)				
111244	Kỹ thuật xử lý dữ liệu với Python	3	111242**	
111186	Lập trình Python trong thị giác máy tính			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 6		18		
199005	Software Verification, Validation, and Testing	3		
199006	Software Project, Process and Quality Management	3		
111245	Thực quan hóa và kể chuyện với dữ liệu	3	111244**	
111188	Quản trị website trên VPS	3	111175**	
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)				
199007	Software Integration and Engineering	3	111181** 111184**	
111189	Phát triển ứng dụng			
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)				
199008	Technology Entrepreneurship	3	111245**	
111246	Generative AI & AI Agents			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 7		18		
111192	Thực tập	6	111173**	
111193	Tốt nghiệp	8		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 8		14		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA		154		

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ NIÊN KHÓA 2026 - 2030
NGÀNH: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

MÃ MH	MÔN HỌC	SỐ TC	HỌC PHẦN TRƯỚC	GHI CHÚ
102002	Giáo dục thể chất 1			Môn cơ bản
102113	Toán cao cấp 1	4		Môn cơ bản
102146	Ngoại ngữ 1	2		Môn cơ bản
112218	Nhập môn thương mại điện tử	3		
112220	Marketing căn bản	3		
112271	Tâm lý học đại cương và hành vi người dùng	3		
112219	Thiết kế đồ họa	3		
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 1	18		
102003	Giáo dục thể chất 2			Môn cơ bản
102087	Xác suất thống kê	2		Môn cơ bản
102153	Tin học đại cương {2025 trở về sau}	3		Môn cơ bản
102147	Ngoại ngữ 2	2	102146**	Môn cơ bản
112038	Quản trị học	3		
112221	Kỹ thuật quay và dựng video	3		
112222	Xây dựng website TMĐT mã nguồn mở	3		
112235	Content Marketing	3	**112220	
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2	19		
102004	Giáo dục thể chất 3			Môn cơ bản
102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
102148	Ngoại ngữ 3	2	102147**	Môn cơ bản
112231	Quản trị bán hàng	3		
111162	Thiết kế UI/UX	3	**112219	
112230	Tối ưu hóa công cụ tìm kiếm (SEO)	3	**112222	

112276	Nguyên lý thống kê	3	**102087	Môn cơ bản
112337	Quản trị tài chính	3		
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3	24		
102006	Pháp luật đại cương	3		Môn cơ bản
102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
102149	Ngoại ngữ 4	3	102148**	Môn cơ bản
112240	Quản trị chuỗi cung ứng	3		
112234	Đánh giá chất lượng Website	3	*112230	
111173	Kiến tập	2		
112338	CRM / Quản trị quan hệ khách hàng số	3		
	Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)			
112242	Kỹ thuật livestream	3	**112221	
112226	Sản xuất video quảng cáo		**112221	
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 4	22		
102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
102150	Ngoại ngữ 5	3	102149**	Môn cơ bản
112238	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong TMĐT	3		
112224	Quản trị chất lượng	3		
112270	Digital marketing	3	**112220	
112237	Thanh toán và an toàn bảo mật trong TMĐT	3	**112222	
	Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)			
112339	Quản trị sàn thương mại điện tử	3		
112225	Ý tưởng khởi nghiệp			
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 5	20		
102151	Ngoại ngữ 6	3	102150**	Môn cơ bản
112249	Quản trị dữ liệu số trong TMĐT	3	**112276	
112232	Thương mại quốc tế	3		
112244	Phân tích dữ liệu kinh doanh	3	**112276	

112252	Tự động hóa quy trình tiếp thị số	3	**112270	
112334	Quản trị và Kinh doanh nền tảng số	3	**112218	
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 6	18		
112248	Phát triển dự án TMĐT	6	**112334	
199026	Global Marketing in a Digital Age	3		
	Môn tự chọn (Chọn 4 trong 8 môn)			
199025	Global Leadership and Personal Development	3		
112118	Quản trị dự án TMĐT		***112248	
199014	Media Entrepreneurship	3	**112225	
112340	Vận hành TMĐT đa kênh			
199013	Media Law for Strategic Communication	3	**102006	
112341	Pháp luật trong Thương mại điện tử		**102006	
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 7	18		
111192	Thực tập	6	**111173	
111193	Tốt nghiệp	8	**112248; ***111192	
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 8	14		
	TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA	153		

Lưu ý: Ký hiệu loại môn học trong chương trình đào tạo

* Môn học tiên quyết

** Môn học trước

*** Môn học song hành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ NIÊN KHÓA 2026 - 2030

NGÀNH: TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN

Mã MH	Môn học	Tổng TC	Học phần trước	Ghi chú
	Giáo dục quốc phòng			
102002	Giáo dục thể chất 1			
102113	Toán cao cấp 1 {CNTT}	4		
102146	Ngoại ngữ 1	2		
112271	Tâm lý học đại cương và hành vi người dùng	3		
112317	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	3		
112318	Nguyên lý tạo hình và thiết kế thị giác	3		
112287	Nhiếp ảnh	3		
112319	Studio 1: Dự án Nhiếp ảnh	2		
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 1	20		
102003	Giáo dục thể chất 2			
102087	Xác suất thống kê	2		
102112	Tin học đại cương {2025 trở về sau}	3		
102147	Ngoại ngữ 2	2	**102146	
112320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản truyền thông	3	**112258	
112259	Kịch bản Truyền thông	3		
112321	Sản xuất nội dung Nghe nhìn	3	**112318	
112322	Studio 2: Dự án Phim ngắn	2		
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2	18		
102004	Giáo dục thể chất 3			
102063	Triết học Mác - Lênin	3		
102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		
102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		
102148	Ngoại ngữ 3	2	**102147	
112277	Lập kế hoạch truyền thông	3		
112323	Kỹ thuật và Công nghệ trường quay	3	**112321	
112265	Thiết kế quảng cáo	3		
112270	Digital Marketing	3		
112324	Studio 3: Digital Campaign	2		
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3	23		
102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		
102149	Ngoại ngữ 4	3	**102148	
102153	Pháp luật đại cương	3		
112256	Quản lý dự án Truyền thông	3	**112277	
112325	Sản xuất Video thương mại	3	**112321	
112326	Studio 4: Applied Agency Model	2	**112270	
111173	Kiến tập	2		
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 3 môn dưới đây)				
112279	Tối ưu hóa và Tiếp thị trên Công cụ Tìm kiếm	3	**112270	
112327	Thương mại điện tử và Tiếp thị liên kết		**112270	
112328	Kỹ xảo Điện ảnh & VFX		**112321	
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 4	20		
102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		

102150	Ngoại ngữ 5	3	**102149	
112274	Motion Graphics Cơ bản	3	**112318	
111162	Thiết kế UI/UX	3		
112329	Phương pháp nghiên cứu Truyền thông & Khán giả	3		
112288	Quản trị thương hiệu	3	**112270	
112330	Studio 5: Nghiên cứu & Tái định vị thương hiệu	2		
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 3 môn dưới đây)				
112331	Quảng cáo Trực tuyến	3		
111249	Truyền thông Đa văn hóa			
112300	Thống kê Ứng dụng			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 5		22		
102151	Ngoại ngữ 6	3	**102150	
112282	Tổ chức sự kiện truyền thông	3		
112292	AI ứng dụng trong Truyền thông	3	**102112	
112301	Phân tích và Trực quan hóa dữ liệu Truyền thông	3		
112332	Văn hóa Doanh nghiệp và xây dựng Portfolio	3		
112333	Studio 6: Tổ chức Sự kiện	2	**112282	
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 3 môn dưới đây)				
112334	Quản trị và Kinh doanh nền tảng số	3	**112270	
112335	Thiết kế Truyền thông tương tác (3D/AR/VR)		**112274	
112302	Khai phá Dữ liệu		**102087	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 6		20		
199025	Global Leadership and Personal Development	3		
112336	Studio 7: Đồ án Truyền thông	3	**112290	
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn dưới đây)				
112303	Pháp luật và Sở hữu trí tuệ trong Truyền thông	3	**102006	
199013	Media Law for Strategic Communication		**102006	
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn dưới đây)				
111248	Khởi nghiệp và Kinh doanh Truyền thông	3		
199014	Media Entrepreneurship			
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn dưới đây)				
111247	Chiến lược Marketing Kỹ thuật số	3	**112270	
199026	Global Marketing in Digital Age		**112270	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 7		15		
111192	Thực tập	6		
111193	Tốt nghiệp	8		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 8		14		
TỔNG		152		

Lưu ý: Ký hiệu loại môn học trong chương trình đào tạo

* Môn học tiên quyết

** Môn học trước

*** Môn học song hành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CHƯƠNG TRÌNH

O TÍN CHỈ NIÊN KHÓA 2026 - 2030

NGÀNH: TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần trước	Ghi chú
	Giáo dục quốc phòng			Môn cơ bản
102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
102113	Toán cao cấp 1	4		Môn cơ bản
102146	Ngoại ngữ 1	2		Môn cơ bản
111154	Nhập môn Ngành	3		
111155	Nhập môn lập trình	3		
111156	Lắp ráp và tối ưu hệ thống máy tính	3		
111158	Vật lý thực hành	2		
111157	Phần mềm mã nguồn mở	3		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 1		20		
102003	Giáo dục thể chất 2	0		Môn cơ bản
102087	Xác suất thống kê	2		Môn cơ bản
102147	Ngoại ngữ 2	2	102146**	Môn cơ bản
102112	Tin học đại cương	3		Môn cơ bản
111159	Điện tử trong IoT	3		
111174	Toán rời rạc và LTDT	3		
111161	Kỹ Thuật lập trình	3	111155**	
111162	Thiết kế UI/UX	3		
111166	Cơ sở dữ liệu	3		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2		22		
102004	Giáo dục thể chất 3	0		Môn cơ bản
102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
102148	Ngoại ngữ 3	2	102147**	Môn cơ bản
111163	Tín hiệu số cơ bản	2	111159**	
111164	Thiết kế web	3	111162**	
111160	Mạng máy tính	3		
111170	Hệ quản trị CSDL	3	111166**	
111167	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	111161**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3		23		
102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
102149	Ngoại ngữ 4	3	102148**	Môn cơ bản
102153	Pháp luật đại cương	3		Môn cơ bản
111172	Lập trình hướng đối tượng	3	111167**	
111173	Kiến tập	2		
111224	Đạo đức và trách nhiệm trong AI	3		
111210	Lập trình giao tiếp thiết bị IoT	3	111163**	
111207	Kỹ thuật Dữ liệu cho AI	3	111166**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 4		22		
102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
102150	Ngoại ngữ 5	3	102149**	Môn cơ bản
111209	Điện toán đám mây	3	111160**	

111226	Thị giác máy tính và ứng dụng	3	111207**	
111212	Học máy - Machine Learning	3	111207**	
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)				
111168	Nhập môn Phát triển dự án kỹ thuật	3	111172**	
111238	Bảo mật trong IoT	3	111210**	
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)				
111221	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	3	111212**	
111217	MLOps - Vận hành Học máy	3	111212**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 5		20		
102151	Ngoại ngữ 6	3	102150**	Môn cơ bản
111216	Khai phá dữ liệu	3	111207**	
111222	Nghiên cứu tình huống và Dự án AI ứng dụng	3	111212**	
111218	Học sâu mạng Neural và ứng dụng	3	111212**	
111223	AI tạo sinh	3	111218**	
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)				
111213	An toàn và bảo mật thông tin	3	111209**	
111215	Kiểm thử và ĐBCL phần mềm	3	111172**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 6		18		
111231	Phát triển ứng dụng Trí tuệ nhân tạo	3	111226** 111218**	
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)				
111219	Dữ liệu lớn	3	111216**	
199003	Data Visualization in Business	3	111216**	
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)				
111239	Ứng dụng AI vào tối ưu hóa các vấn đề kinh tế	3	111212**	
199001	Machine Learning in Business	3	111212**	
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)				
111240	Ứng dụng AI trong robot hình người	3	111218**	
199004	Programming for AI and Data Analytics in Business	3	111212**	
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)				
111227	Công nghệ học tăng cường ứng dụng vào Xe tự hành	3	111218**	
199002	Enterprise Data Analytics	3	111216**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 7		15		
111192	Thực tập	6	111173**	
111193	Tốt nghiệp	8		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 8		14		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA		154		

Lưu ý: Ký hiệu loại môn học trong chương trình đào tạo

- * Môn học tiên quyết
- ** Môn học trước
- *** Môn học song hành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ NIÊN KHÓA 2026-2030

CHUYÊN NGÀNH: NHẬT BẢN HỌC

Stt	Mã MH	Môn học	TC	Môn học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn CB
2	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn CB
3	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn CB
4	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn CB
5	131003	Nghe 1 - Tiếng Nhật	2		
6	131006	Nói 1 - Tiếng Nhật	2		
7	131118	Đọc 1 - Tiếng Nhật	2		
8	131154	Ngữ pháp 1 - tiếng Nhật	3		

30	131055	Đất nước học Nhật Bản	2	134012***	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
31	102013	Tiếng Việt	2	134012***	
32	131061	Kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ NIÊN KHÓA 2026 -2030
CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC

Stt	Mã MH	Mã môn học	Số TC	Môn học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
2	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
3	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
4	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
5	133119	Nói 1 – Tiếng Trung	2		
6	133138	Viết 1 – Tiếng Trung	2		
7	133005	Đọc 1 – Tiếng Trung	2		
8	133120	Nghe 1 - tiếng Trung	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 1			17		
9	102003	Giáo dục thể chất 2			Môn cơ bản
10	102112	Tin học đại cương	3		Môn cơ bản
11	133150	Nghe 2 – Tiếng Trung	3	133120**	
12	133151	Nói 2 – Tiếng Trung	3	133119**	
13	133152	Viết 2 – Tiếng Trung	3	133138**	
14	133071	Đọc 2 – Tiếng Trung	2	133005**	
Tự chọn 1 trong 2 môn					
15	133210	Ngữ pháp Hán ngữ hiện đại 1	3		
16	133211	Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao – nghiệp vụ lưu trú	3		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2			17		
17	102004	Giáo dục thể chất 3			Môn cơ bản
18	133010	Nghe 3 –Tiếng Trung	2	133150**	
19	133114	Nói 3 – Tiếng Trung	2	133151**	
20	133153	Viết 3 – Tiếng Trung	3	133152**	
21	133154	Đọc 3 – Tiếng Trung	3	133071**	

Stt	Mã MH	Mã môn học	Số TC	Môn học trước	Ghi chú
2	133140	Ngữ pháp Hán ngữ hiện i 2	2	133139**	
23	132148	Kỹ năng số	2		
Tự chọn 1 trong 2 môn					
24	133116	Nghệ vụ vi tính văn phòng - tiếng Trung	2	102112**	
25	133125	Nghệ thuật thuyết trình			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3			16		
26	102006	Pháp luật đại cương	3		Môn cơ bản
27	133155	Nhập môn Đất nước học TQ - Kinh tế - Lịch sử TQ	3		
28	133018	Nghe 4 – Tiếng Trung	2	133010**	
29	133156	Nói 4 – Tiếng Trung	3	133114**	
30	133157	Viết 4 – Tiếng Trung	3	133153**	
31	133158	Đọc 4 – Tiếng Trung	3	133154**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
32	102013	Tiếng Việt	2		
33	133061	Nghệ vụ thư ký - Tiếng Trung			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 4			19		
34	133159	Kỹ năng biên - phiên dịch	3	133139** 133140**	Môn cơ bản
35	133016	Nhân học - Văn hóa - Xã hội Trung Quốc	2	133155**	
36	133160	Thành ngữ Trung Quốc	2		
37	133161	Tiếng Anh giao tiếp 1	3		
38	133162	Đàm thoại tiếng Trung 1	3	133018** 133156**	
39	133163	Tiếng Trung thương mại 1	3	133157** 133158**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
40	133124	Kỹ năng quản trị nhân sự	2		
41	133128	Nghệ vụ hướng dẫn du lịch			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 5			16		

Stt	Mã MH	Mã môn học	Số TC	Môn học trước	Ghi chú
42	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
43	133164	Hán ngữ văn phòng	3	133162** 133163**	
44	133141	Kỹ năng biên - phiên dịch 2	2	133159**	
45	133165	Tiếng Anh giao tiếp 2	3	133161**	
46	133166	Đàm thoại tiếng Trung 2	3	133162**	
47	133167	Tiếng Trung thương mại 2	3	133163**	
	Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)				
48	133076	Kỹ năng đàm phán - tiếng Trung	2		
49	133168	Tiếng Trung tổng hợp		133162** 133163** 133139** 133140**	
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 6		18		
50	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
51	133145	Kỹ năng biên phiên dịch 3	2	133141**	
52	133169	Đàm thoại tiếng Trung 3	3	133166**	
53	133170	Tiếng Trung thương mại 3	3	133167**	
54	133171	Tiếng Anh giao tiếp 3	2	133165**	
55	133172	Nghiệp vụ sư phạm	2	133139** 133140**	
	Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)				
56	133137	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu	2		
57	133173	Nghiệp vụ hành chính văn phòng			
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 7		16		
58	66666	Tốt nghiệp	10		
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 8		10		
	TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA		129		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ NIÊN KHÓA 2026-2030

CHUYÊN NGÀNH: HÀN QUỐC HỌC

STT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn CB
2	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn CB
3	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn CB
4	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn CB
5	132004	Nghe 1 - Tiếng Hàn	2		
6	132003	Nói 1 - Tiếng Hàn	2		
7	132140	Ngữ pháp 1 - Tiếng Hàn	2		
8	132141	Đọc Viết 1 – Tiếng Hàn	2		
9	132082	Đất nước học Hàn Quốc	2		

19	132012	Nghe 3 - Tiếng Hàn	2	132054**	
20	132146	Nói 3 - Tiếng Hàn	2	132142**	
21	132159	Ngữ pháp 3 - Tiếng Hàn	3	132143**	
22	132160	Đọc Viết 3 – Tiếng Hàn	3	132144**	
23	132148	Kỹ năng số	2		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
24	132212	Ngữ âm học và dẫn nhập Tiếng Hàn	3		
25	132214	Tiếng Hàn Thườn i			

40	132170	Biên dịch tin tức, báo chí	2		
41	132121	Chuyên đề Topik II - Nghe		132125**	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ BẬC 7 NIÊN KHÓA 2026 - 2030**NGÀNH: CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM****CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM
(MÃ CHUYÊN NGÀNH: 20 - TP)**

S T T	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
2	102008	Vật lý đại cương	3		Môn cơ bản
3	102025	Toán Cao cấp 1	2		Môn cơ bản
4	102146	Ngoại ngữ 1	2		Khoa NNA
5	120084	Hóa học đại cương	2		
6	120086	Tham quan nhà máy	2		
7	120089	Nhập môn công nghệ thực phẩm	2		
8	120090	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	2		
9	120085	Thí nghiệm hóa đại cương	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 1			17		
10	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
11	102011	Thí nghiệm vật lý	1	102008**	Môn cơ bản
12	102112	Tin học đại cương	3		Môn cơ bản
13	102062	Toán Cao cấp	2	102025**	Môn cơ bản
14	102034	Xác suất thống kê	2		Môn cơ bản
15	102147	Ngoại ngữ 2	2	102146**	Khoa NNA
16	120091	Hoá vô cơ	2	120084**	
17	120093	Hóa hữu cơ	2	120084**	

18	120092	Thí nghiệm hóa vô cơ	2	120091**	
19	120094	Thí nghiệm hóa hữu cơ	2	120093**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2			18		
20	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
21	102148	Ngoại ngữ 3	2	102147**	Khoa NNA
22	120095	Vi sinh và phương pháp kiểm nghiệm vi sinh	2		
23	120097	Phương pháp phân tích thực phẩm	3	120084**, 120093**	
24	120099	Quá trình và thiết bị công nghệ 1	2		
25	120102	Hoá lý	2	120084**	
26	120104	Hoá sinh	2	120084**, 120093**	
27	120151	Phương Pháp nghiên cứu khoa học	2		
28	120103	Thí nghiệm hoá lý	2	120102**	
29	120105	Thí nghiệm hóa sinh	2	120104**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3			19		
30	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
31	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
32	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
33	102153	Pháp luật đại cương	3		Môn cơ bản
34	102149	Ngoại ngữ 4	3	102148**	Khoa NNA
35	120100	Quá trình và thiết bị công nghệ 2	2	120099**	
36	120107	Công nghệ chế biến thực phẩm	2	120095**, 120104**	
37	120096	Thí nghiệm vi sinh	2	120095**	

38	120098	Thí nghiệm phân tích thực phẩm	2	120097**	
Môn tự chọn (chọn 2 trong 3 môn)					
39	120108	Vẽ kỹ thuật	2		
40	120109	An toàn lao động	2		
41	120110	Công nghệ sản xuất sạch hơn	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 4			24		
42	102150	Ngoại ngữ 5	3	102146**, 102147**, 102148**, 102149**	Khoa NNA
43	120101	Máy và thiết bị	2	120099**, 120100**	
44	120113	Quản lý chất lượng	2		
45	120114	Công nghệ lên men	2	120095**, 120107**	
46	120087	Thực tập doanh nghiệp 1	2		
47	120116	Thiết kế thí nghiệm và xử lý số liệu thực nghiệm	2	102112**, 102034**	
48	120115	Thí nghiệm công nghệ lên men	2	120114**	
49	120117	Đồ án chuyên ngành 1	2	120106**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 3 môn)					
50	120119	Thực phẩm chức năng	2	120104**	
51	120120	Con người và môi trường	2		
52	120121	Kỹ thuật xử lý nước cấp - nước thải	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 5			19		
53	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
54	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản

55	102151	Ngoại ngữ 6	3	102146**, 102147**, 102148**, 102149**	
56	120088	Thực tập doanh nghiệp 2	2	120087**	
57	120122	Công nghệ sau thu hoạch	2		
58	120123	Đánh giá và kiểm tra chất lượng thực phẩm	2		
59	120118	Đồ án chuyên ngành 2	2	120106**, 120117**	
60	120124	Thực hành đánh giá cảm quan	2	120123**	
Môn tự chọn (chọn 2 trong 6 môn)					
61	120125	Công nghệ hợp chất thiên nhiên	2	120093**	
62	120126	Phát triển sản phẩm	2		
63	120127	Kỹ thuật bao bì thực phẩm	2		
64	120128	Quản trị kinh doanh cho kỹ sư	2		
65	120139	Dinh dưỡng đại cương	2	120104**	
66	120150	Giải phẫu và sinh lý học	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 6			21		
Môn tự chọn 7.1 (Chọn 6 trong 10 môn)					
67	120129	Công nghệ chế biến và bảo quản thịt, thủy sản	3	120104**, 120107**	
68	120131	Công nghệ chế biến sữa và sản xuất bánh kẹo	3	120104**, 120107**	
69	120133	Công nghệ chế biến trà, cà phê, rau quả	3	120104**, 120107**	
70	120135	Công nghệ sản xuất nước giải khát	3	120104**, 120107**	
71	120137	Phụ gia thực phẩm	3	120084**, 120093**	
72	120138	Luật thực phẩm	3		

73	199015	Thực phẩm và dinh dưỡng theo vòng đời	3	120139**	
74	199016	Dinh dưỡng lâm sàng trong chăm sóc và phòng ngừa Bệnh tật	3	120139**	
75	199017	Viêm mạn tính và hội chứng chuyển hóa: Con đường chung dẫn đến bệnh tim mạch và đái tháo đường	3		
76	199018	Dinh dưỡng bổ trợ	3	120139**	
Môn tự chọn 7.2 (Chọn 2 trong 4 môn)					
77	120130	Thực hành chế biến thịt, thủy sản	2	120129**	
78	120132	Thực hành chế biến sữa và sản xuất bánh kẹo	2	120131**	
79	120134	Thực hành chế biến trà, cà phê, rau quả	2	120133**	
80	120136	Thực hành sản xuất nước giải khát	2	120135**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 7			22		
81	999999	Tốt nghiệp	10		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 8			10		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			150		

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ BẬC 7 NIÊN KHÓA 2026 - 2030**NGÀNH: CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM****CHUYÊN NGÀNH: KHOA HỌC THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG
(MÃ CHUYÊN NGÀNH: 113 - TD)**

STT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
2	102008	Vật lý đại cương	3		Môn cơ bản
3	102025	Toán Cao cấp 1	2		Môn cơ bản
4	102146	Ngoại ngữ 1	2		Khoa NNA
5	120084	Hóa học đại cương	2		
6	120086	Tham quan nhà máy	2		
7	120089	Nhập môn công nghệ thực phẩm	2		
8	120090	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	2		
9	120085	Thí nghiệm hóa đại cương	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 1			17		
10	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
11	102011	Thí nghiệm vật lý	1	102008**	Môn cơ bản
12	102112	Tin học đại cương	3		Môn cơ bản
13	102062	Toán Cao cấp 2	2	102025**	Môn cơ bản
14	102034	Xác suất thống kê	2		Môn cơ bản
15	102147	Ngoại ngữ 2	2	102146**	Khoa NNA
16	120091	Hoá vô cơ	2	120084**	
17	120093	Hóa hữu cơ	2	120084**	
18	120092	Thí nghiệm hóa vô cơ	2	120091**	

19	120094	Thí nghiệm hóa hữu cơ	2	120093**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2			18		
20	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
21	102148	Ngoại ngữ 3	2	102147**	Khoa NNA
22	120095	Vi sinh và phương pháp kiểm nghiệm vi sinh	2		
23	120097	Phương pháp phân tích thực phẩm	3	120084**, 120093**	
24	120099	Quá trình và thiết bị công nghệ 1	2		
25	120102	Hoá lý	2	120084**	
26	120104	Hoá sinh	2	120084**, 120093**	
27	120151	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		
28	120103	Thí nghiệm hoá lý	2	120102**	
29	120105	Thí nghiệm hóa sinh	2	120104**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3			19		
30	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
31	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
32	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
33	102153	Pháp luật đại cương	3		Môn cơ bản
34	102149	Ngoại ngữ 4	3	102148**	Khoa NNA
35	120100	Quá trình và thiết bị công nghệ 2	2	120099**	
36	120107	Công nghệ chế biến thực phẩm	2	120095**, 120104**	
37	120096	Thí nghiệm vi sinh	2	120095**	
38	120098	Thí nghiệm phân tích thực phẩm	2	120097**	

Môn tự chọn (chọn 2 trong 3 môn)					
39	120108	Vẽ kỹ thuật	2		
40	120109	An toàn lao động	2		
41	120110	Công nghệ sản xuất sạch hơn	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 4			24		
42	102150	Ngoại ngữ 5	3	102146**, 102147**, 102148**, 102149**	Khoa NNA
43	120101	Máy và thiết bị	2	120099**, 120100**	
44	120113	Quản lý chất lượng	2		
45	120114	Công nghệ lên men	2	120095**, 120107**	
46	120087	Thực tập doanh nghiệp 1	2		
47	120116	Thiết kế thí nghiệm và xử lý số liệu thực nghiệm	2	102112**, 102034**	
48	120115	Thí nghiệm công nghệ lên men	2	120114**	
49	120117	Đồ án chuyên ngành 1	2	120106**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 3 môn)					
50	120119	Thực phẩm chức năng	2	120104**	
51	120120	Con người và môi trường	2		
52	120121	Kỹ thuật xử lý nước cấp - nước thải	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 5			19		
53	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
54	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản

55	102151	Ngoại ngữ 6	3	102146**, 102147**, 102148**, 102149**	
56	120088	Thực tập doanh nghiệp 2	2	120087**	
57	120122	Công nghệ sau thu hoạch	2		
58	120123	Đánh giá và kiểm tra chất lượng thực phẩm	2		
59	120118	Đồ án chuyên ngành 2	2	120106**, 120117**	
60	120124	Thực hành đánh giá cảm quan	2	120123**	
Môn tự chọn (chọn 2 trong 6 môn)					
61	120125	Công nghệ hợp chất thiên nhiên	2	120093**	
62	120126	Phát triển sản phẩm	2		
63	120127	Kỹ thuật bao bì thực phẩm	2		
64	120128	Quản trị kinh doanh cho kỹ sư	2		
65	120139	Dinh dưỡng đại cương	2	120104**	
66	120150	Giải phẫu và sinh lý học	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 6			21		
Môn tự chọn 7.1 (Chọn 5 trong 10 môn)					
67	120129	Công nghệ chế biến và bảo quản thịt, thủy sản	3	120104**, 120107**	
68	120131	Công nghệ chế biến sữa và sản xuất bánh kẹo	3	120104**, 120107**	
69	120133	Công nghệ chế biến trà, cà phê, rau quả	3	120104**, 120107**	
70	120135	Công nghệ sản xuất nước giải khát	3	120104**, 120107**	
71	120137	Phụ gia thực phẩm	3	120084**, 120093**	
72	120138	Luật thực phẩm	3		

73	199015	Thực phẩm và dinh dưỡng theo vòng đời	3	120139**	
74	199016	Dinh dưỡng lâm sàng trong chăm sóc và phòng ngừa Bệnh tật	3	120139**	
75	199017	Viêm mạn tính và hội chứng chuyển hóa: Con đường chung dẫn đến bệnh tim mạch và đái tháo đường	3		
76	199018	Dinh dưỡng bổ trợ	3	120139**	
Môn bắt buộc (Dành cho chuyên ngành Quản lý chất lượng và An toàn thực phẩm)					
77	120143	Dinh dưỡng cộng đồng	3	120139**	
78	120144	Dinh dưỡng theo độ tuổi	2	120139**	
79	120145	Khoa học chế biến món ăn	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 7			22		
80	999999	Tốt nghiệp	10		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 8			10		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			150		

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ BẠC 7 NIÊN KHÓA 2026 - 2030**NGÀNH: CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM****CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM
(MÃ CHUYÊN NGÀNH: 112 - QA)**

STT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
2	102008	Vật lý đại cương	3		Môn cơ bản
3	102025	Toán Cao cấp 1	2		Môn cơ bản
4	102146	Ngoại ngữ 1	2		Khoa NNA
5	120084	Hóa học đại cương	2		
6	120086	Tham quan nhà máy	2		
7	120089	Nhập môn công nghệ thực phẩm	2		
8	120090	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	2		
9	120085	Thí nghiệm hóa đại cương	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 1			17		
10	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
11	102011	Thí nghiệm vật lý	1	102008**	Môn cơ bản
12	102112	Tin học đại cương	3		Môn cơ bản
13	102062	Toán Cao cấp 2	2	102025**	Môn cơ bản
14	102034	Xác suất thống kê	2		Môn cơ bản
15	102147	Ngoại ngữ 2	2	102146**	Khoa NNA
16	120091	Hoá vô cơ	2	120084**	
17	120093	Hóa hữu cơ	2	120084**	
18	120092	Thí nghiệm hóa vô cơ	2	120091**	

19	120094	Thí nghiệm hóa hữu cơ	2	120093**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2			18		
20	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
21	102148	Ngoại ngữ 3	2	102147**	Khoa NNA
22	120095	Vi sinh và phương pháp kiểm nghiệm vi sinh	2		
23	120097	Phương pháp phân tích thực phẩm	3	120084**, 120093**	
24	120099	Quá trình và thiết bị công nghệ 1	2		
25	120102	Hoá lý	2	120084**	
26	120104	Hoá sinh	2	120084**, 120093**	
27	120151	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		
28	120103	Thí nghiệm hoá lý	2	120102**	
29	120105	Thí nghiệm hóa sinh	2	120104**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3			19		
30	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
31	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
32	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
33	102153	Pháp luật đại cương	3		Môn cơ bản
34	102149	Ngoại ngữ 4	3	102148**	Khoa NNA
35	120100	Quá trình và thiết bị công nghệ 2	2	120099**	
36	120107	Công nghệ chế biến thực phẩm	2	120095**, 120104**	
37	120096	Thí nghiệm vi sinh	2	120095**	
38	120098	Thí nghiệm phân tích thực phẩm	2	120097**	

Môn tự chọn (chọn 2 trong 3 môn)					
39	120108	Vẽ kỹ thuật	2		
40	120109	An toàn lao động	2		
41	120110	Công nghệ sản xuất sạch hơn	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 4			24		
42	102150	Ngoại ngữ 5	3	102146**, 102147**, 102148**, 102149**	Khoa NNA
43	120101	Máy và thiết bị	2	120099**, 120100**	
44	120113	Quản lý chất lượng	2		
45	120114	Công nghệ lên men	2	120095**, 120107**	
46	120087	Thực tập doanh nghiệp 1	2		
47	120116	Thiết kế thí nghiệm và xử lý số liệu thực nghiệm	2	102112**, 102034**	
48	120115	Thí nghiệm công nghệ lên men	2	120114**	
49	120117	Đồ án chuyên ngành 1	2	120106**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 3 môn)					
50	120119	Thực phẩm chức năng	2	120104**	
51	120120	Con người và môi trường	2		
52	120121	Kỹ thuật xử lý nước cấp - nước thải	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 5			19		
53	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
54	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản

55	102151	Ngoại ngữ 6	3	102146**, 102147**, 102148**, 102149**	
56	120088	Thực tập doanh nghiệp 2	2	120087**	
57	120122	Công nghệ sau thu hoạch	2		
58	120123	Đánh giá và kiểm tra chất lượng thực phẩm	2		
59	120118	Đồ án chuyên ngành 2	2	120106**, 120117**	
60	120124	Thực hành đánh giá cảm quan	2	120123**	
Môn tự chọn (chọn 2 trong 6 môn)					
61	120125	Công nghệ hợp chất thiên nhiên	2	120093**	
62	120126	Phát triển sản phẩm	2		
63	120127	Kỹ thuật bao bì thực phẩm	2		
64	120128	Quản trị kinh doanh cho kỹ sư	2		
65	120139	Dinh dưỡng đại cương	2	120104**	
66	120150	Giải phẫu và sinh lý học	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 6			21		
Môn tự chọn 7.1 (Chọn 5 trong 10 môn)					
67	120129	Công nghệ chế biến và bảo quản thịt, thủy sản	3	120104**, 120107**	
68	120131	Công nghệ chế biến sữa và sản xuất bánh kẹo	3	120104**, 120107**	
69	120133	Công nghệ chế biến trà, cà phê, rau quả	3	120104**, 120107**	
70	120135	Công nghệ sản xuất nước giải khát	3	120104**, 120107**	
71	120137	Phụ gia thực phẩm	3	120084**, 120093**	
72	120138	Luật thực phẩm	3		

73	199015	Thực phẩm và dinh dưỡng theo vòng đời	3	120139**	
74	199016	Dinh dưỡng lâm sàng trong chăm sóc và phòng ngừa Bệnh tật	3	120139**	
75	199017	Viêm mạn tính và hội chứng chuyển hóa: Con đường chung dẫn đến bệnh tim mạch và đái tháo đường	3		
76	199018	Dinh dưỡng bổ trợ	3	120139**	
Môn bắt buộc (Dành cho chuyên ngành Quản lý chất lượng và An toàn thực phẩm)					
77	120140	Quản lý chuỗi cung ứng và truy xuất nguồn gốc thực phẩm	2		
78	120141	Quy phạm thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	2	120113**	
79	120142	Hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn (HACCP)	3	120113**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 7			22		
80	999999	Tốt nghiệp	10		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 8			10		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			150		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

KHOA KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2026

CHUYÊN NGÀNH: XÂY DỰNG CẦU NG

STT	Mã HP	Học phần	Số tín chỉ	Học phần học trước	Ghi chú
1		Giáo dục quốc phòng	0		Môn cơ bản
2	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
3	102016	Toán A1	3		Môn cơ bản
4	102129	Global Digital English 1	2		Môn cơ bản
5	124205	Tin học xây dựng cơ bản 1 (AutoCAD, SketchUp)	3		
6	124172	Địa chất công trình	3		
7	124176	Trắc địa	4		
8	124177	Vẽ kỹ thuật	4		
Tổng cộng học kỳ 1			19		
9	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
10	102112	Tin học đại cương	3		Môn cơ bản
11	102130	Global Digital English 2	2	102129**	Môn cơ bản
12	124206	Tin học xây dựng cơ bản 2 (Revit)	3	124205**	
13	124178	Cơ học đất	3		
14	124179	Đồ án Kiến trúc	2		
15	124180	Sức bền vật liệu	4		
16	124181	Kiến trúc	3		
17	124182	Ứng dụng AI trong kiến trúc và xây dựng	2		
Tổng cộng học kỳ 2			22		
18	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
19	102131	Global Digital English 3	2	102130**	Môn cơ bản
20	124065	Vật liệu xây dựng	3		
21	124207	Tin học xây dựng nâng cao 1 (SAP, ETABS)	3	124206**	
22	124183	Kết cấu bê tông cốt thép 1	4		
23	124184	Cơ học kết cấu	3		
24	124185	Nền Móng cơ bản	4		
Môn tự chọn (Tự chọn 1 trong 2 môn)					
25	124186	Thực tập kỹ thuật 1	1		
	124187	Thực tập nhận thức ngành			
Tổng cộng học kỳ 3			20		
26	102153	Pháp luật đại cương	3		Môn cơ bản
27	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản

28	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
29	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
30	102132	Global Digital English 4	3	102131**	Môn cơ bản
31	124208	Tin học xây dựng nâng cao 2 (SAP, ETABS)	3	124207**	
32	124188	Thí nghiệm vật liệu xây dựng	2		
33	124189	Kết cấu bê tông cốt thép 2	3	124183**	
Môn tự chọn (Tự chọn 1 trong 2 môn)					
34	124190	Nền Móng nâng cao	3	124185**	
	124191	Các giải pháp nền móng hợp lý			
Tổng cộng học kỳ 4			24		
35	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
36	102133	Preparation for VSTEP	3	102133**	Môn cơ bản
37	124170	Xây dựng bền vững	3		
38	124192	Kết cấu thép 1	3		
39	124193	Kết cấu bê tông cốt thép 3	4	124189**	
40	124194	Đồ án Nền Móng	2	124190** 124191**	
41	124195	Triển khai bản vẽ kỹ thuật	3	124177**	
Môn tự chọn (Tự chọn 1 trong 2 môn)					
42	124196	Kỹ thuật thi công	3		
	124197	Máy xây dựng			
Tổng cộng học kỳ 5			23		
43	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
44	124129	Pháp luật xây dựng	2		
45	124130	Ứng dụng BIM trong xây dựng - cơ bản	3		
46	124198	Thực tập kỹ thuật 2	1	124186** 124187**	
47	124199	Đồ án Kết cấu bê tông cốt thép	2	124193**	
48	123067	Thiết kế đường ô tô	4		
49	123068	Đồ án thiết kế đường ô tô	2		
50	123069	Thiết kế cầu	3		
51	123070	Mố trụ cầu	3		
Môn tự chọn (Tự chọn 1 trong 2 môn)					
52	124202	Thí nghiệm Cơ học đất	1		
	124203	Thí nghiệm Sức bền vật liệu			
Tổng cộng học kỳ 6			23		
53	123076	Đồ án thiết kế cầu	2	123069**	
54	123077	Xây dựng cầu & an toàn lao động	3	123070**	
55	123078	Xây dựng đường ô tô	3	123067**	

56	124204	Anh văn chuyên ngành Xây dựng	3		
57	199037	Construction Co Finance Control	3		
58	199038	Construction Project Management	3		
Môn tự chọn (Tự chọn 1 trong 2 môn)					
59	199008	Technology Entrepreneurship	3		
	199032	Quality Management			
Tổng cộng học kỳ 7			20		
60	124000	Tốt nghiệp	10		
Tổng cộng học kỳ 8			10		

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2026
CHUYÊN NGÀNH: XÂY DỰNG DÂN DỤNG & CÔNG NGHIỆP

STT	Mã HP	Học phần	Số tín chỉ	Học phần học trước	Ghi chú
1		Giáo dục quốc phòng	0		Môn cơ bản
2	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
3	102016	Toán A1	3		Môn cơ bản
4	102129	Global Digital English 1	2		Môn cơ bản
5	124205	Tin học xây dựng cơ bản 1 (AutoCAD, SketchUp)	3		
6	124172	Địa chất công trình	3		
7	124176	Trắc địa	4		
8	124177	Vẽ kỹ thuật	4		
Tổng cộng học kỳ 1			19		
9	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
10	102112	Tin học đại cương	3		Môn cơ bản
11	102130	Global Digital English 2	2	102129**	Môn cơ bản
12	124206	Tin học xây dựng cơ bản 2 (Revit)	3	124205**	
13	124178	Cơ học đất	3		
14	124179	Đồ án Kiến trúc	2		
15	124180	Sức bền vật liệu	4		
16	124181	Kiến trúc	3		
17	124182	Ứng dụng AI trong kiến trúc và xây dựng	2		
Tổng cộng học kỳ 2			22		
18	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
19	102131	Global Digital English 3	2	102130**	Môn cơ bản
20	124065	Vật liệu xây dựng	3		
21	124207	Tin học xây dựng nâng cao 1 (SAP, ETABS)	3	124206**	
22	124183	Kết cấu bê tông cốt thép 1	4		
23	124184	Cơ học kết cấu	3		
24	124185	Nền Móng cơ bản	4		
Môn tự chọn (Tự chọn 1 trong 2 môn)					
25	124186	Thực tập kỹ thuật 1	1		
	124187	Thực tập nhận thức ngành			
Tổng cộng học kỳ 3			20		
26	102153	Pháp luật đại cương	3		Môn cơ bản
27	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
28	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản

29	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
30	102132	Global Digital English 4	3	102131**	Môn cơ bản
31	124208	Tin học xây dựng nâng cao 2 (SAP, ETABS)	3	124207**	
32	124188	Thí nghiệm vật liệu xây dựng	2		
33	124189	Kết cấu bê tông cốt thép 2	3	124183**	
Môn tự chọn (Tự chọn 1 trong 2 môn)					
34	124190	Nền Móng nâng cao	3	124185**	
	124191	Các giải pháp nền móng hợp lý			
Tổng cộng học kỳ 4			24		
35	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
36	102133	Preparation for VSTEP	3	102132**	Môn cơ bản
37	124170	Xây dựng bền vững	3		
38	124192	Kết cấu thép 1	3		
39	124193	Kết cấu bê tông cốt thép 3	4	124189**	
40	124194	Đồ án Nền Móng	2	124190** 124191**	
41	124195	Triển khai bản vẽ kỹ thuật	3	124177**	
Môn tự chọn (Tự chọn 1 trong 2 môn)					
42	124196	Kỹ thuật thi công	3		
	124197	Máy xây dựng			
Tổng cộng học kỳ 5			23		
43	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
44	124129	Pháp luật xây dựng	2		
45	124130	Ứng dụng BIM trong xây dựng - cơ bản	3		
46	124131	Bóc tách khối lượng	3		
47	124198	Thực tập kỹ thuật 2	1	124186** 124187**	
48	124199	Đồ án Kết cấu bê tông cốt thép	2	124193**	
49	124200	Kết cấu thép 2	3	124192**	
50	124201	Đồ án thép	2	124200**	
Môn tự chọn (Tự chọn 1 trong 2 môn)					
51	124202	Thí nghiệm Cơ học đất	1		
	124203	Thí nghiệm Sức bền vật liệu			
Tổng cộng học kỳ 6			19		
52	124089	Đồ án thi công	1		
53	124133	Điện - Nước công trình	2		
54	124134	Ứng dụng BIM trong xây dựng - nâng cao	3	124130**	
55	124135	An toàn lao động	2		
56	124204	Anh văn chuyên ngành Xây dựng	3		

57	199037	Construction Co Finance Control	3		
58	199038	Construction Project Management	3		
Môn tự chọn (Tự chọn 1 trong 2 môn)					
59	199008	Technology Entrepreneurship	3		
	199032	Quality Management			
Tổng cộng học kỳ 7			20		
60	124000	Tốt nghiệp	10		
Tổng cộng học kỳ 8			10		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2026 - 2029
NGÀNH: QUAN HỆ CÔNG CHÚNG

Stt	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
2	102112	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet}	3		Môn cơ bản
3	102129	Global Digital English 1	2		Môn cơ bản
4	1118039	Tiếng Việt trong giao tiếp chuyên nghiệp	2		
5	1118043	Nhập môn Quan hệ công chúng	3		
6	1118044	AI trong sáng tạo nội dung	2		
7	1118015	Tính mỹ thuật trong thiết kế sản phẩm truyền t	2		
8	1118013	Kỹ năng nhiếp ảnh	2		
Tổng học kỳ 1			16		
9	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
10	102130	Global Digital English 2	2	102129**	Môn cơ bản
11	1118037	Cơ sở văn hóa V t Nam	2		
12	1118047	Nền tảng Truyền thông	3		
13	1118010	Kỹ thuật viết cho quan hệ công chúng	2	1118043**	
14	1118012	Kỹ thuật quay và dựng video	2		
15	1118045	Thiết kế đồ họa cơ bản	3		
16	1118048	Nghệ thuật nói trư c công chúng	2		
Tổng học kỳ 2			16		
17	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
18	102131	Global Digital English 3	2	102130**	Môn cơ bản
19	1118005	Giao tiếp đa văn hó	2	1118037**	
20	1118011	Kỹ năng phỏng vấn và trả lời phỏng vấn	2		
21	1118017	Viết và Biên tập tin	2		
22	1118021	Quan hệ công chúng nội bộ và cộng đồng	3	1118043**	
23	1118040	Kế hoạch PR và Truyền thông	3	1118043**	
24	1118052	Corporate Social Responsibility	2		

Stt	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
Tổng học kỳ 3			16		
25	102063	Triết học Mác Lênin	3		Môn cơ bản
26	102064	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2		Môn cơ bản
27	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
28	102153	Pháp luật đại cương	3		Môn cơ bản
29	102132	Global Digital English 4	3	102131**	Môn cơ bản
30	199034	Descriptive and Predictive Analytics	3		
31	1118049	Chiến lược nội dung số và mạng xã hội	2		
32	1118046	Quản trị quan hệ khách hàng	3		
33	1118007	Tâm lý học truyền thông	2		
34	1118036	Kiến tập	2		
Tổng học kỳ 4			25		
35	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
36	102133	Preparation for VSTEP	3		Môn cơ bản
37	1118027	Anh văn chuyên ngành QHCC	2		
38	1118028	Tổ chức sự kiện	2		
39	1118034	Truyền thông quốc tế	3		
40	1118020	Xử lý khủng hoảng truyền thông	3		
41	1118033	Chiến lược truyền thông marketing tích hợp	3		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
42	1118031	Xây dựng và phát triển thương hiệu	3		
	1118035	Quản trị thương hiệu			
Tổng cộng học kỳ 5			21		
43	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
44	1118053	Nghiên cứu truyền thông	2		
45	1118051	Quản trị sản xuất sản phẩm truyền thông	3		
46	199013	Media Law for Strategic Communication	3		
47	199014	Media Entrepreneurship	3		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
48	1118018	Quản trị chiến lược	3		
	199025	Global Leadership and Personal Development			
49	1118025	Ứng dụng công nghệ trong truyền thông	3		

Stt	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
	199026	Global Marketing in Digital Age			
Tổng cộng học kỳ 6			19		
Chọn 01 trong 02 hình thức					
50	1118888	Tốt nghiệp	10		
	Học phần thay thế				
	1118054	Thực tập tốt nghiệp	3		
	1118055	Dự án truyền thông	3		
	1118056	Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu	4		
Tổng cộng học kỳ 7			10		
Tổng cộng			123		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ BẬC 6 NIÊN KHÓA 2026 - 2030
CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN

STT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
		Giáo dục quốc phòng	0		
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
2	102112	Tin học đại cương (Word, Excel, PowerPoint, Internet)	3		Môn cơ bản
3	102146	Ngoại ngữ 1	2		
4	102027	Toán cao cấp C	3		Môn cơ bản
5	102153	Pháp luật đại cương	3		Môn cơ bản
6	129092	Kinh tế học	3		
Tổng cộng học kỳ 1			14		
7	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
8	102147	Ngoại ngữ 2	2	102146**	
9	102038	Lý thuyết xác suất thống kê	2	102027**	Môn cơ bản
10	100011	Luật kinh tế	2		
11	129093	Tài chính tiền tệ	3	102006**	
12	129001	Quản trị doanh nghiệp	2		
13	100002	Marketing căn bản	2		
14	100010	Thuế	2		
15	129094	Thực tập nghề nghiệp 1	1		
Tổng cộng học kỳ 2			16		
16	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
17	102148	Ngoại ngữ 3	2	102147**	
18	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
19	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
20	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản

21	102007	Quy hoạch tuyến tính	3	102027**	Môn cơ bản
22	129002	Thanh toán quốc tế	2	(129092, 129093)**	
23	129095	Nguyên lý kế toán	3		
24	129080	Thống kê ứng dụng trong kinh tế	2	(102027; 129092; 129001)**	
25	129030	Nghệp vụ xuất nhập khẩu	2	129092 **	
Tổng cộng học kỳ 3			21		
26	102149	Ngoại ngữ 4	3	102148**	
27	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
28	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
29	129012	Thị trường chứng khoán	2		
30	129048	Kế toán tài chính 1	3	129095**	
31	130006	Tài chính doanh nghiệp 1	3	(129093; 129001)**	
32	129105	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		
33	129096	Thực tập nghề nghiệp 2	1		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
34	129097	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	3		
35	129109	Kế toán quốc tế	3	129095**	
Tổng cộng học kỳ 4			21		
36	102150	Ngoại ngữ 5	3	(102146, 102147, 102148, 102149)**	
37	130013	Tài chính doanh nghiệp 2	3	130006**	
38	129106	Thực hành khai báo thuế	1	129099**	
39	129085	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	129048**	
40	129049	Kế toán tài chính 2	3	129048**	
41	129064	Tin học ứng dụng ngành kế toán 1	2	(102112; 129095; 129048)**	
42	129010	Thiết lập & thẩm định dự án đầu tư	2	(129093; 129095; 129001)**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
43	129100	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	129095; 129048 **	
44	129110	Kiểm soát nội bộ	3	(129095, 129095, 129048) **	
Tổng cộng học kỳ 5			21		
45	130121	Kinh tế lượng	1	(102027; 129080)**	
46	102151	Ngoại ngữ 6	3	(130012, 13011)**	

47	129102	Kiểm toán	3	(129095; 129048; 129049)**	
48	129111	Báo cáo tài chính	2	(129095, 129048) **	
49	129051	Kế toán tài chính 3	2	(129095; 129048; 129049)**	
50	129103	Kế toán quản trị	3	(129095; 129048; 129085)**	
51	129107	Kế toán chi phí	2	129048**	
52	129065	Tin học ứng dụng ngành kế toán 2	2	(102112; 129095; 129048; 129049)**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
53	129088	Kế toán ngân hàng	3	129095**	
54	129112	Báo cáo tài chính Quốc tế	3	129109**	
Tổng cộng học kỳ 6			20		
55	129902	Tốt nghiệp	10		
Tổng cộng học kỳ 7			10		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2026
CHUYÊN NGÀNH: LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

STT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1		Giáo dục quốc phòng	4		
2	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
3	102014	Tin học đại cương (Word, Excel, PowerPoint, Internet)	3		Môn cơ bản
4	102146	Ngoại ngữ 1	2		Môn cơ bản
5	102027	Toán cao cấp	3		Môn cơ bản
6	102153	Pháp luật đại cương	3	100000**	Môn cơ bản
7	130131	Kinh tế học	3		
8	130132	Nhập môn về Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 1			16		
9	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
10	102147	Ngoại ngữ 2	2	102146**	Môn cơ bản
11	102038	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	2		Môn cơ bản
12	130133	Nguyên lý kế toán	3		
13	130134	Quản trị học	3		
14	100008	Tài chính tiền tệ	3	130131**	
15	100002	Marketing căn bản	2	130131**	
16	130135	Thực tập nghề nghiệp 1	1		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2			16	10	
17	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
18	102148	Ngoại ngữ 3	2	102147**	Môn cơ bản
19	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
20	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
21	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
22	102007	Quy hoạch tuyến tính	3	102027**	Môn cơ bản
23	130136	Marketing thương mại quốc tế	3	100002**	
24	130070	Giao dịch thương mại quốc tế	3	100008**	
25	130137	Luật thương mại quốc tế	2	102006**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3			20		
26	102149	Ngoại ngữ 4	3	102148**	Môn cơ bản

27	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
28	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
29	130069	Quản trị logistics	3	130070**	
30	130162	Vận tải và bảo hiểm hàng hóa xuất khẩu	3	(130072, 130070)**	
31	130139	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	(102014, 102038, 130131)**	
32	130072	Thanh toán quốc tế	2	(100008, 130067)**	
33	130140	Thực tập nghề nghiệp 2	1	130135**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn - 3 tín chỉ)					
34	130142	Quản trị doanh nghiệp logistics	3	130069**	
35	130163	Kinh tế vận tải và logistics	3	(130131, 130069)**	
36	130141	Quản trị kho hàng	3	130069**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 4			21		
37	102150	Ngoại ngữ 5	3	(102146, 102147, 102148, 102149)**	
38	102151	Ngoại ngữ 6	3	(130069, 130070)**	
39	130143	Quản trị chuỗi cung ứng quốc tế	3	(130069, 130070)**	
40	130090	Kinh tế lượng	2	(102014, 102038, 130131)**	
41	130098	Quản trị mua hàng	2	130069**	
42	130100	Giao nhận hàng hóa và khai báo hải quan	2	130070**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn - 3 tín chỉ)					
43	130164	Phát triển hệ thống logistics	3	130142**	
44	130165	Quản trị kinh doanh thương mại quốc tế	3		
45	130145	Mô hình logistics và chuỗi cung ứng	3	(130069, 130142)**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 5			18		
46	130146	Hệ thống thông tin logistics	3	130069**	
47	130102	Quản lý và khai thác cảng	2	(130069, 130141)**	
48	130147	Quản trị vận tải đa phương thức	3	(130070, 130104)**	
49	199020	Strategic Procurement	3	Cintana	
50	199021	Logistics in the Supply Chain	3	Cintana	
51	199022	Project Management	3	Cintana	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn - 3 tín chỉ)					
52	130148	Logistics trong thương mại điện tử	3	(130067, 130137, 130069)**	
53	130149	Dịch vụ khách hàng trong logistics	3	(130069, 130137)**	

54	130150	Logistics quốc tế	3	(130069, 130070)**
55	199019	Operations and Supply Management	3	Cintana
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 6			20	
56	130800	Tốt nghiệp	10	
	TỔNG CỘNG HỌC KỲ 7		10	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2026
CHUYÊN NGÀNH: TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

STT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
		Giáo dục quốc phòng	4		
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
2	102112	Tin học đại cương (Word, Excel, PowerPoint, Internet)	3		Môn cơ bản
3	102146	Ngoại ngữ 1	2		
4	102027	Toán cao cấp C	3		Môn cơ bản
5	102153	Pháp luật đại cương	3		Môn cơ bản
6	130110	Kinh tế học	3		
Tổng cộng học kỳ 1			14		
7	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
8	102147	Ngoại ngữ 2	2	102146**	
9	102038	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	2	102027**	Môn cơ bản
10	100011	Luật kinh tế	2		
11	130111	Tài chính tiền tệ	4	130110**	
12	129001	Quản trị doanh nghiệp	2		
13	100002	Marketing căn bản	2		
14	100010	Thuế	2		
15	130112	Thực tập nghề nghiệp 1	1		
Tổng cộng học kỳ 2			17		
16	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
17	102148	Ngoại ngữ 3	2	102147**	
18	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
19	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
20	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản

21	102007	Quy hoạch tuyến tính	3		Môn cơ bản
22	129002	Thanh toán quốc tế	2	(130110; 130111)**	
23	100005	Nguyên lý kế toán	3		
24	129080	Thông kê ứng dụng trong kinh tế	2	(102027; 129001)**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn - 2 tín chỉ)					
25	130113	Thị trường tài chính	3		
26	130114	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu	3		
Tổng cộng học kỳ 3			22		
27	102149	Ngoại ngữ 4	3	102148**	
28	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
29	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
30	130115	Kế toán tài chính 1	3	100005**	
31	130006	Tài chính doanh nghiệp 1	3	130111**	
32	129012	Thị trường chứng khoán	2		
33	130116	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		
34	130117	Thực tập nghề nghiệp 2	1	130112**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
35	130118	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	3		
36	130119	Toán tài chính	3		
Tổng cộng học kỳ 4			21		
37	102150	Ngoại ngữ 5	3	102149**	
38	130120	Tài chính doanh nghiệp 2	3	130006**	
39	130121	Kinh tế lượng	1	129080**	
40	129010	Thiết lập & thẩm định dự án đầu tư	2	130006**	
41	129049	Kế toán tài chính 2	3	130054**	
42	130012	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	(130006; 129010)**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
43	130122	Marketing ngân hàng	3	100002**	
44	130161	Tài chính cá nhân	3	(130111; 130006)**	
45	130124	Thị trường bất động sản	3	100011**	
Tổng cộng học kỳ 5			18		
46	102151	Ngoại ngữ 6	3	(130012, 130111)**	
47	130125	Thực hành nghiệp vụ Tài chính ngân hàng	3	(130006, 130120; 130012)**	

48	130061	Tin học ứng dụng ngành tài chính	3	(130006, 130013)**	
49	130126	Kế toán ngân hàng	3	(100005, 130012)**	
50	130059	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	130115**	
51	130127	Quản trị ngân hàng thương mại	3	130012**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
52	130128	Tài chính quốc tế	3	129002**	
53	130129	Kế toán tài chính 3	3	129049**	
54	130130	Quản trị rủi ro tài chính	3	130120**	
Tổng cộng học kỳ 6			21		
55	130903	Tốt nghiệp	10		
Tổng cộng học kỳ 7			10		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA DƯỢC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ CHÍNH QUY NIÊN KHÓA 2026 - 2031
NGÀNH: DƯỢC HỌC

Stt	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1		Giáo dục quốc phòng			
2	102002	Giáo dục thể chất 1			
3	102088	Tin học đại cương { c}	2		
4	102129	Global Digital English 1	2		
5	136001	Thực hành dược khoa 1	1		
6	136109	Thực hành dược khoa 2	1		
7	136110	Thực hành dược khoa 3	1		
8	136192	Hóa vô cơ	3		
9	102114	Vật lý đại cương	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 1			12		
10	102003	Giáo dục thể chất 2		102002**	
11	102130	Global Digital English 2	2	102129**	
12	136604	Hóa hữu cơ 1	2	136192**	
13	136167	Sinh học đại cương 1 {SHTB}	2		
14	102012	Thí nghiệm Vật lý đại cương	1		
15	136013	Giải phẫu	2		
16	102089	Xác suất thống kê Y d c	2		
17	136020	Ký sinh trùng	2		
18	136605	Pháp luật đại cương	3		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2			16		
19	102004	Giáo dục thể chất 3		102003**	
20	102131	Global Digital English 3	2	102130**	
21	136193	Hóa hữu cơ 2	4	136604**	
22	136194	Thực vật dược	4	136167**	
23	136188	Sinh lý	2	136013**	
24	136191	Sinh học đại cương 2 {SHPT	2	136167**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3			14		
25	102063	Triết học Mác - Lênin	3		
26	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		
27	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		
28	102115	Global Digital English 4	2	102131**	
29	136196	Hóa lý dược	3	102114**, 136193**	
30	136195	Vi sinh	3		
31	136603	Sinh lý bệnh và miễn dịch	2	136013**, 136188**	
32	136606	Dược liệu 1	2	136109**, 136194**	

TỔNG CỘNG HỌC KỲ 4			19		
33	102116	Preparation for VSTEP	2	102129**, 102130**, 102131**, 102115**	
34	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		
35	136198	Hóa phân tích 1	3	136196**, 136193**	
36	136189	Bệnh học	3	136603**	
37	136190	Hóa sinh	4	136193**	
38	136197	Dược liệu 2	3	136194**	
39	136607	Hóa dược 1	2	136193**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 5			19		
40	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		
41	136601	Anh văn chuyên ngành 1	2	102129**, 102130**, 102131**, 102115**, 102116**	
42	136199	Hóa phân tích 2	3	136198**	
43	136609	Dược lý 1	2	136189**, 136190**, 136195**	
44	136183	Pháp chế dược	3		
45	136608	Bào chế và sinh dược học 1	2	136196**	
46	136182	Hóa dược 2	3	136607**	
Môn Tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)					
47	136610	Độc chất học	2	136190**	
48	136611	Đạo đức hành nghề dược	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 6			19		
49	136602	Anh văn chuyên ngành 2	2	102129**, 102130**, 102131**, 102115**, 102116**, 136601**	
50	136186	Bào chế và sinh dược học 2	3	136608**, 136196**	
51	136184	Dược lý 2	3	136609**	
52	136618	Dược động học	2	136188**, 136196**	
53	136600	Kiểm nghiệm dược phẩm	3	136198**, 136199**	
54	136619	Quản lý cung ứng thuốc	2	136183**	
Môn Tự chọn (Chọn 2 trong 4 môn)					
55	136612	Dược học cổ truyền	2	136109**, 136194**	Chọn 1 trong 2 môn
56	136613	Dược liệu và chất chống oxy hóa có nguồn gốc tự nhiên	2	136606**, 136197**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 7			17		
57	136185	Dược lâm sàng	3	136182**, 136184**	
58	136176	Thực hành nhà thuốc {Tư K20CQ}	3	136614**, 136187**	
59	199010	Health Economics and Policy	3		
60	136187	Sản xuất và đảm bảo chất lượng thuốc	4	136608**, 136186**	

61	199009	Population Health Data Management and Analysis	3		
Môn Tự chọn (Chọn 2 trong 4 môn)					
62	136614	Dược xã hội học	2	136183**	Chọn 1 trong 2 môn
63	136615	Dân số học - Các chương trình y tế quốc gia	2	136189**	
64	136616	Mỹ phẩm và Thực phẩm bảo vệ sức khỏe	2	136186**	Chọn 1 trong 2 môn
65	136617	Vaccin và sinh phẩm y tế	2	136195**, 136603**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 8			20		
ĐHCN: CHĂM SÓC DƯỢC					
66	136529	Dược Lâm sàng nâng cao	3	136185**	
67	136531	Sử dụng thuốc trong điều trị	3	136184**	TH 30 tiết
68	136239	Dược bệnh viện {ĐH CSD	2	136185**	
69	199012	Health Care Transformation and Leadership	3		
70	136528	Thực tập thực tế định hướng chăm sóc Dược	8	136185**, 136239**, 136529**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 9			19		
71	199011	Population Health	3	136614**, 136176**	
1. Môn Tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)					
72	136154	Các bệnh thường gặp ở nhà thuốc	2	136185**	
73	136527	Hóa sinh lâm sàng	2	136189**, 136190**	
2. Hình thức tốt nghiệp (Chọn 1 trong 3 hình thức tốt nghiệp)					
74	136444	Khóa luận tốt nghiệp	10		HT1
75	136179	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	10	136528**	HT2
76	136178	Chuyên đề tốt nghiệp	6	199010**, 136182**, 136183**, 136184**, 136186**, 136197**, 136529**, 136600**	HT3
		HP bổ sung kiến thức 1	2		
		HP bổ sung kiến thức 2	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 10			15		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			170		
Các học phần bổ sung kiến thức cho hình thức tốt nghiệp số 3 (HT3)					
Sinh viên chọn 2/6 học phần sau:					
77	136508	Phản ứng có hại của thuốc và cơ chế tác động	2	136185**	
78	136513	Kỹ năng giao tiếp và tư vấn sử dụng thuốc	2	136609**, 136184**	
79	136072	Thông tin thuốc & Dược cảnh giác	2	136618, 136185**	
80	136243	Marketing dược	2		
81	136246	Đánh giá công nghệ y tế	2	199010**	

82	136153	Dịch tễ dược học	2		
ĐHCN: KHOA HỌC C					
83	136348	Nghiên cứu phát triển dược liệu và thuốc có nguồn gốc tự nhiên	3	136606**, 136197**	
84	136349	Phát triển - Sản xuất thuốc	4	136186**, 136187**	
85	136342	Đảm bảo chất lượng thuốc chuyên ngành	2	136186**, 136187**	
86	136347	Phân tích dụng cụ	3	136600**	
87	136346	Thực tập thực tế định hướng khoa học Dược	8	136187**, 136349**, 136600**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 9			20		
1. Môn Tự chọn (Chọn 2 trong 4 môn)					
88	136316	Các dạng bào chế đặc biệt	2	136608**, 136186**	
89	136325	Sinh dược học	2	136186**	
90	136335	7 công cụ thống kê trong quản lý chất lượng	2		
91	136326	Tối ưu hóa công thức và quy trình sản xuất	2	136186**, 136349**	
2. Hình thức tốt nghiệp (Chọn 1 trong 3 hình thức tốt nghiệp)					
92	136444	Khóa luận tốt nghiệp	10		HT1
93	136179	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	10	136346**	HT2
94	136178	Chuyên đề tốt nghiệp	6	199010**, 136182**, 136183**, 136184**, 136186**, 136197**, 136529**, 136600**	HT3
		HP bổ sung kiến thức 1	2		
		HP bổ sung kiến thức 2	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 10			14		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			170		
Các học phần bổ sung kiến thức cho hình thức tốt nghiệp số 3 (HT3)					
Sinh viên chọn 2/6 học phần sau:					
95	136337	Kiểm nghiệm mỹ phẩm	2	136600**	
96	136338	Kiểm nghiệm thực phẩm	2	136600**	
97	136345	Sàng lọc hoạt tính sinh học dược liệu	2	136612**, 136606**, 136197**	
98	136153	Dịch tễ dược học	2		
99	136320	Bào chế chuyên ngành	2	136608**, 136186**	
100	136350	Bào chế mỹ phẩm	2	136182**, 136186**	

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế đào tạo đại học và liên thông đại học chính quy
theo hệ thống tín chỉ cho khóa tuyển sinh 2026**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

Căn cứ Quyết định số 790/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn c Quyết định số 1801/QĐ-TTg ngày 22/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường i học dân lập Lạc Hồng;

Căn Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-ĐHLH.K3 ngày 15/12/2025 của Hội nghị nhà đ u tư việc công nhận chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học tư thục Lạc Hồng nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo trình đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 a Bộ trư ng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy đ nh về chuẩn chương trình đào t o; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ chức năng và q n hạn của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng;

Xét nghị của ông Trưởng Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo đại học và liên thông đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ cho khóa tuyển sinh 2026.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn v trực thuộc Trường Đại học Lạc Hồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Đ u 3;
- Lưu: VT, P.ĐT, (095).

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Lâm Thành Hiển

QUY CHẾ

Đào tạo đại học và liên thông đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ cho khóa tuyển sinh 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03 /QĐ-ĐHLH

Ngày 02 tháng 1 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định chung về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học, bao gồm: Chương trình đào tạo và thời gian học tập; hình thức và phương thức tổ chức đào tạo; lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy; đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp; những quy định khác đối với sinh viên.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên đào tạo hệ chính quy ở trình độ đại học (bao gồm các hệ đào tạo như: đại học, liên thông đại học – đại học, liên thông từ trình độ trung cấp chuyên nghiệp - trình độ đại học, liên thông từ trình độ cao đẳng - trình độ đại học) tại Trường Đại học Lạc Hồng thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ.

Điều 2. Chương trình đào tạo và thời gian học tập

1. Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các môn học hoặc học phần (sau đây gọi chung là học phần), trong đó phải có đủ các học phần bắt buộc và đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong trường hợp đào tạo song ngành hoặc ngành chính - ngành phụ, chương trình đào tạo phải thể hiện rõ khối lượng học tập chung và riêng theo từng ngành.

2. Nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau. Đối với người đã tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành khác, khối lượng học tập thực tế được xác định trên cơ sở công nhận, hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy và miễn trừ học phần trong chương trình đào tạo trước.

3. Chương trình đào tạo phải được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho sinh viên.

4. Chương trình đào tạo cần cung cấp kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa để định hướng cho sinh viên, phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ sở hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời đảm bảo đa số sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo;

5. Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học không vượt quá 02 lần thời gian

theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với mỗi hình thức đào tạo mà sinh viên đang theo học.

Điều 3. Phương thức và hình thức đào tạo

1. Phương thức đào tạo:

Đào tạo theo tín chỉ áp dụng thống nhất cho tất cả các khoá và hình thức đào tạo. Là phương thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy chung của trường;

a) Sinh viên không tốt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

b) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

2. Hình thức đào tạo:

a) Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại các cơ sở đào tạo của trường, một số hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài cơ sở đào tạo;

b) Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy:

- Buổi sáng: bắt đầu từ 7h30 đến 11h35;
- Buổi chiều: bắt đầu từ 12h50 đến 16h55;
- Buổi tối: bắt đầu từ 17h30 đến 20h40.

Điều 4. Khối lượng học tập

1. Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận. Trong đó, 10 giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

2. Khối lượng học tập **tối thiểu** của một chương trình đào tạo phải phù hợp với yêu cầu của Khung trình quốc gia Việt Nam, cụ thể như sau:

a) Chương trình đào tạo đại học (trình cử nhân): 120 tín chỉ cộng với khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh theo quy định hiện hành. Thời gian học là 7 học kỳ; riêng khối ngành ngôn ngữ là 8 học kỳ.

b) Chương trình đào tạo đại học chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7:

- Khối ngành kỹ thuật: 150 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - An ninh theo quy định hiện hành. Thời gian học 8 học kỳ;

- Khối ngành sức khỏe: 150 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - An ninh theo quy định hiện hành. Thời gian học 10 học kỳ.

c) Chương trình đào tạo liên thông đại học (trừ ngành Dược học):

- Liên thông đại học - đại học: 60 tín chỉ, thời gian học 4 học kỳ;

- Liên thông trung cấp - đại học thuộc cùng nhóm ngành: Cấp bằng cử nhân: 85 tín chỉ, thời gian học 4 học kỳ; Cấp bằng kỹ sư: 115 tín chỉ, thời gian học 4 học kỳ. Nếu người học có bằng trung cấp nghề hoặc bằng trung cấp không cùng nhóm ngành thì người học phải học thêm các học phần chuyển đổi;

- Liên thông cao đẳng - đại học thuộc cùng nhóm ngành: Cấp bằng cử nhân: 60 tín chỉ, thời gian học 3 học kỳ; Cấp bằng kỹ sư: 90 tín chỉ, thời gian học 3 học kỳ. Nếu người học có bằng cao đẳng nghề hoặc bằng cao đẳng không cùng nhóm ngành, người học phải học thêm các học phần chuyển đổi;

d) Chương trình đào tạo liên thông đại học của khối ngành sức khỏe:

- Liên thông trung cấp - đại học: 115 tín chỉ;

- Liên thông cao đẳng - đại học: 90 tín chỉ.

Điều 5. Học phần và tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định.

2. Các loại học phần:

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hóa kiến thức chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ tín chỉ theo quy định cho mỗi chương trình;

c) Học phần tương đương:

Học phần tương đương hiểu là một hay một nhóm học phần thuộc chương trình đào tạo (CTĐT) một khóa/ngành khác đã được thực hiện đào tạo tại trường được phép tích thay cho một học phần hay một nhóm học phần trong CTĐT của ngành đào tạo;

Các học phần hay nhóm học phần tương đương do Khoa quản lý chuyên môn đề xuất và là các phần bổ sung cho CTĐT trong quá trình thực hiện. Học phần tương đương chỉ áp dụng cho tất cả các Khoa, các ngành hoặc chỉ được áp dụng hạn chế cho một số khóa ngành;

d) Học phần A là học phần tiên quyết của học phần B: điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần B là sinh viên đã đăng ký học và hoàn tất học phần A;

đ) Học phần A là học phần trước của học phần B: điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần B là sinh viên đã đăng ký học và đã xác nhận hoàn thành học phần A (có thể chưa đạt).

e) Học phần A là học phần song hành của học phần B: điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần B là sinh viên đã đăng ký học cùng học phần A.

Chương II: LẬP KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC GIẢNG DẠY

Điều 6. Kế hoạch giảng dạy và học tập

1. Một năm học có 02 học kỳ chính với tổng số tối thiểu 30 tuần lên lớp. Ngoài các học kỳ chính, nhà trường có thể tổ chức thêm học kỳ phụ. Mỗi học kỳ có 2 đến 4 tuần thi.

2. Kế hoạch năm học thể hiện những mốc thời gian chính của các hoạt động đào tạo trong năm học cho tất cả chương trình đào tạo, được công bố kịp thời đến các khoa, sinh viên trước khi bắt đầu năm học. Kế hoạch học kỳ bao gồm: lịch học, lịch thi của các học phần được tổ chức trong học kỳ cho các khoá học.

3. Thời khóa biểu thể hiện thời gian, địa điểm, hoạt động dạy và học của từng lớp môn học/ lớp học phần thuộc các khoa, khoá học đúng chương trình đào tạo.

Thời khóa biểu của các lớp học phần được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

Điều 7. Tổ chức đăng ký học tập

1. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, nhà trường thông báo dẫn cho sinh viên đăng ký học phần trên hệ thống đăng ký học phần tại địa chỉ: <https://dkmh.lhu.edu.vn>.

2. Sinh viên phải đăng ký và xác nhận lớp học của các học phần dự định sẽ học trong học kỳ trên hệ thống đăng ký học phần tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân.

3. Giới hạn khối lượng học tập của sinh viên trong mỗi học kỳ nằm trong khung như sau:

a) Khối lượng tối thiểu không ít hơn 2/3 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn;

b) Khối lượng tối đa không vượt quá 3/2 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

4. Rút bớt học phần đã đăng ký

a) Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được chấp nhận sau 2 tuần kể từ thời điểm học phần được triển khai giảng dạy. Ngoài thời hạn trên, học phần vẫn được giữ nguyên như trên hệ thống đăng ký học phần, nếu sinh viên không theo học các học phần đã đăng ký và xác nhận trên hệ thống sẽ được xem như bỏ học và phải nhận điểm 0

(không).

b) Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà trường.

5. Đăng ký học lại

a) Sinh viên có học phần bắt buộc bị xếp loại không đạt được quy định tại điểm c khoản 5 Điều 11 phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi được xếp loại đạt quy định tại điểm a khoản 5 Điều 11.

b) Sinh viên có học phần tự chọn bị xếp loại không đạt được quy định tại điểm c khoản 5 Điều 11 phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

6. Việc đăng ký hoặc rút bớt học phần phải đảm bảo giới hạn khối lượng học tập theo khoản 3 của Điều này.

Điều 8. Tổ chức lớp học

1. Lớp học phần là lớp của các sinh viên cùng đăng ký một học phần.

2. Số lượng sinh viên tối thiểu để xem xét mở lớp học phần trong học kỳ tùy thuộc vào đặc thù của từng khoa, ngành.

Lớp học phần đồ án bao gồm cả luận văn tốt nghiệp được mở không hạn chế số lượng sinh viên đăng ký vào mỗi học kỳ chính. Lớp học phần thí nghiệm, thực tập được mở theo khả năng sắp xếp đảm nhận của đơn vị chuyên môn, phòng thí nghiệm.

3. Dạy và học trực tuyến:

a) Các lớp học theo phương thức trực tuyến phải được ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo; có các giải pháp bảo đảm chất lượng và minh chứng về chất lượng tổ chức lớp học phương thức trực tuyến không thấp hơn chất lượng lớp học phương thức trực tiếp;

- Đối với các học phần được tổ chức trên hệ thống đào tạo trực tuyến bao gồm hệ thống quản lý học tập (Learning Management System – LMS), hệ thống quản lý nội dung học tập (Learning Content Management System – LCMS), có đầy đủ học liệu và hệ thống mô phỏng thí nghiệm, thực hành, ... theo yêu cầu của chương trình đào tạo; giám sát được quá trình tổ chức đào tạo, có hệ thống thi và kiểm tra đánh giá trực tuyến đảm bảo trung thực, khách quan theo yêu cầu chuẩn đầu ra của từng học phần; lưu được hồ sơ quản lý việc dạy và học, đánh giá kết quả học tập của từng giảng viên và sinh viên, ... thì được công nhận kết quả học tập tích lũy căn cứ vào kết quả đánh giá chất lượng người học.

- Đối với những học phần chỉ tổ chức đào tạo từ xa qua các công cụ dạy học trực tuyến theo thời gian thực (Real Time Conference – RTC) như Microsoft Teams, Zoom, Webex, Google Hangouts Meet, ... thì việc tổ chức đánh giá kết thúc học phần chỉ được tiến hành khi đã thực hiện đầy đủ khối lượng học tập của học phần. Nếu chưa thực hiện được đầy đủ khối lượng học tập qua công cụ dạy học trực tuyến thì khi quay trở lại học tập trung, người học được tổ chức học bù những nội dung chưa triển khai qua các công cụ dạy học trực tuyến

(thí nghiệm, thực hành, ... nếu có) để đánh giá học phần, công nhận kết quả học tập tích lũy theo quy định, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo.

b) Chỉ tối đa 30% tổng khối lượng tín chỉ của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến.

Điều 9. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối mỗi học kỳ, trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có điểm học phần dưới 4.0 theo thang điểm 10 (và F theo thang điểm chữ) ở kỳ thi chính. Trường tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 01 ngày cho một tín chỉ.

Điều 10. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi học phần

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình và được thực hiện theo quy định hiện hành của nhà trường.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hiệu trưởng duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu luận, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm.

Hiệu trưởng chỉ đạo việc bảo quản các bài thi, quy trình chấm thi và lưu trữ các bài thi sau khi chấm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn theo quy định hiện hành của nhà trường về việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu và bài thi của người học.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Đề thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thì các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa quyết định.

Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi.

5. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, trường dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó, điểm thi ở kỳ thi phụ được coi là điểm thi lần đầu (kỳ thi chính).

Chương III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

Điều 11. Đánh giá và tín chỉ học phần

1. Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần, đối với các học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ có thể có một điểm thành phần để đánh giá kết quả. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Phương pháp đánh

giá, hình thức đánh giá và t ổng số của mỗi đi m thành phần đư c quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.

2. Đi m tổng hợp đánh giá h c phần gọi là điểm học phần gồm 3 điểm thành phần.

a) Điểm quá trình: Chiếm tỷ lệ 30% (Điểm liệt là 0 đi m)

b) Điểm giữa kỳ: Chiếm tỷ lệ 30% (Đi m liệt là 0 đi m)

c) Điểm cuối kỳ: Chiếm tỷ lệ 40% (Điểm liệt là 0 điểm)

Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đ thi, phương pháp để kiểm tra, đánh giá và cho điểm đánh giá học phần, trừ bài thi cuối kỳ.

3. Hình thức đánh gi c tuyển được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần; riêng việc tổ chức bảo vệ và đánh gi án, khóa luận c thực hiện trực tuyến với trọng số cao hơn khi đáp ứng thêm các đi u kiện sau đây:

a) Việc đánh giá đ c thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 03 thành viên;

b) Hình thức bảo vệ và đánh giá trực tuyến được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và ngư i học;

c) Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến c ghi hình, ghi âm đầy đ và lưu trữ.

4. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng ph i nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

5. Điểm học phần đư c tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được quy định tại điểm d khoản này.

a) Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

STT	THANG ĐIỂM 10	THANG ĐIỂM CHỮ	THANG ĐIỂM 4
1	Từ 8.5 đ n 10	A	4.0
2	Từ 8.0 đến 8.4	B+	3.5
3	Từ 7.0 đến 7.9	B	3.0
4	Từ 6.5 đ n 6.9	C+	2.5
5	Từ 5.5 đ n 6.4	C	2.0
6	Từ 5.0 đến 5.4	D+	1.5
7	Từ 4.0 đến 4.9	D	1.0

b) Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P: từ 5.0 trở lên.

c) Loại không đạt:

F: dưới 4.0.

d) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

5. Học lại, thi lại và thi cải thiện điểm:

a) Sinh viên có điểm học phần không đạt phải đăng ký học lại theo quy định tại khoản 5 Điều 7 của Quy chế này, điểm của lần học cuối là điểm chính thức của học phần;

b) Sinh viên đã có điểm học phần đạt có thể đăng ký học hoặc thi để cải thiện điểm học phần theo Quy định thi cải thiện điểm hiện hành của Nhà trường.

Điều 12. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học

1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau mỗi học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

a) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không tốt trong một học kỳ, trong một năm học hoặc nợ đọng từ đầu khóa học;

b) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;

c) Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khóa học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

2. Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số như dưới đây. Được quy đổi sang điểm số tương ứng theo thang từ 0 tới 4.

THANG ĐIỂM CHỮ	THANG ĐIỂM SỐ
A	4.0
B+	3.5
B	3.0
C+	2.5
C	2.0
D+	1.5

D	1.0
F	0.0

3. Những điểm chữ không được quy định tại khoản 2 Điều này không tính vào các điểm trung bình học kỳ, năm học hoặc tích lũy. Những học phần không nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sv.

4. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

a) Theo thang điểm 4:

Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;

Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;

Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;

Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;

Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;

Dưới 1,0: Kém.

b) Theo thang điểm 10:

Từ 9,0 đến 10,0: Xuất sắc;

Từ 8,0 đến cận 9,0: Giỏi;

Từ 7,0 đến cận 8,0: Khá;

Từ 5,0 đến cận 7,0: Trung bình;

Từ 4,0 đến cận 5,0: Yếu;

Dưới 4,0: Kém.

5. Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

a) Trình độ năm thứ nhất: $N < M$;

b) Trình độ năm thứ hai: $M \leq N < 2M$;

c) Trình độ năm thứ ba: $2M \leq N < 3M$;

d) Trình độ năm thứ tư: $3M \leq N < 4M$;

đ) Trình độ năm thứ năm: $4M \leq N < 5M$.

6. Nhà trường áp dụng thang điểm 10 để đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo học kỳ, năm học. Các thang điểm quy đổi được sử dụng trong trường hợp công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ của sinh viên từ cơ sở đào tạo khác.

Đi u 13. Xử lý kết quả học tập theo tín chỉ

Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời gian tối đa được phép theo học chương trình. Vì vậy cảnh báo kết quả học tập của sinh viên căn cứ vào Quy định xử lý học vụ hiện hành của nhà trường.

Điều 14. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Kết quả học tập của người học đã tích lũy tại một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được Hội đồng chuyên môn của Khoa xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học.

2. Hội đồng chuyên môn của Khoa xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá các phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình theo các cấp độ:

- a) Công nhận, chuyển đổi theo từng học phần;
- b) Công nhận, chuyển đổi theo từng nhóm học phần;

3. Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo.

4. Việc công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà trường.

Điều 15. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ;
- b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5.0 trở lên;
- c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức cảnh cáo hoặc chỉ học tập;
- d) Hoàn thành chương trình đào tạo Kỹ năng mềm; học phần giáo dục Quốc phòng – An ninh; Giáo dục thể chất; tốt chuẩn trình độ tin học – ngoại ngữ của trường và các điều kiện khác (nếu có) theo Quy định về điều kiện tốt nghiệp đối với sinh viên trình độ đại học hiện hành của nhà trường.

Việc xét và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Quy định về điều kiện tốt nghiệp đối với sinh viên trình độ đại học hiện hành của nhà trường.

2. Những sinh viên điều kiện tốt nghiệp được hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 30 ngày tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp.

3. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khóa học quy định tại khoản 4 Điều 12 của Quy chế này. Trong đó, sinh tốt nghiệp của sinh viên có

điểm trung bình tích lũy loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

4. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp theo điểm d khoản 1 của Quy chế này, trong thời hạn 3 năm được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

5. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình học.

Chương IV: NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Điều 16. Nghỉ học tạm thời, thôi học

1. Sinh viên được xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp:

a) Được điều động vào lực lượng vũ trang

b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế;

c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;

d) Vì lý do cá nhân khác nhưng đã học tối thiểu 01 học kỳ ở cơ sở đào tạo và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

2. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này.

3. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

4. Sinh viên xin thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật. Những sinh viên này muốn quay trở lại học phải dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác.

Điều 17. Chuyển ngành, chuyển nơi học, chuyển trường

1. Sinh viên được xem xét chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác, hoặc một phân hiệu khác của Trường, hoặc từ phân hiệu về trụ sở chính khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này;

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành học, của trụ sở chính (hoặc phân hiệu) trong cùng khóa tuyển sinh;

c) Được sự đồng ý của thủ trưởng các đơn vị chuyên môn phụ trách chương trình, ngành đào tạo, người phụ trách phân hiệu (nơi chuyển đi và chuyển đến) và của hiệu trưởng.

2. Sinh viên được xem xét chuyển trường khi có các điều kiện sau:

a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này;

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đi và cơ sở đào tạo xin chuyển đến.

3. Sinh viên được xem xét chuyển từ đào tạo theo hình thức chính quy sang hình thức vừa làm vừa học hoặc đào tạo từ xa của cơ sở đào tạo nếu còn đủ thời gian học tập theo quy định đối với hình thức chuyển đến.

Điều 18. Trao đổi sinh viên và hợp tác trong đào tạo

Trên cơ sở đánh giá và công nhận lẫn nhau, sinh viên của trường có thể đăng ký tham gia hiện học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác, nếu được sự đồng ý của hiệu trưởng của hai trường đồng ý với số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở đào tạo khác (nếu có) không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

Điều 19. Học cùng lúc hai chương trình

1. Sinh viên được đăng ký học chương trình thứ hai sớm nhất khi đã đủ xếp trình độ năm thứ hai của chương trình đầu tiên. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên phải đáp ứng 01 trong 02 điều kiện sau và các điều kiện khác của cơ sở đào tạo:

a) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng năng lực bảo đảm chất lượng của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh;

b) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh.

2. Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình tích lũy của chương trình đầu tiên đạt dưới 5.0 hoặc thuộc diện cảnh báo kết quả học tập thì phải dừng học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo; sinh viên sẽ bị loại khỏi danh sách đã đăng ký học chương trình thứ hai.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình đầu tiên, quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình đầu tiên.

4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai khi đã tốt nghiệp chương trình đầu tiên và đăng ký sớm nhất 02 năm trước thời điểm tốt nghiệp chương trình đầu tiên.

Điều 20. Học liên thông đại học

1. Người học phải có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, không trong thời gian thi hành án hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Người đã tốt nghiệp đại học có nhu cầu học liên thông nhận thêm một bằng đại học của một ngành đào tạo khác được đăng ký tuyển theo đúng quy định, quy chế tuyển sinh của Trường.

3. Người đã tốt nghiệp các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp được dự tuyển và học liên thông lên trình độ đại học theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Trường và quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Người học liên thông thực hiện chương trình đào tạo và đăng ký học tập theo kế hoạch chung như các sinh viên khác cùng hình thức đào tạo. Trên cơ sở công nhận và chuyển đổi tín chỉ, sinh viên được miễn trừ các học phần tương ứng với những khối lượng học tập đã tích lũy theo quy định tại khoản 4 của Quy chế này.

Điều 21. Xử lý vi phạm đối với sinh viên

1. Sinh viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm theo các quy định của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Người học sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc đi học tốt nghiệp sẽ bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, huỷ bỏ./.

Chương V: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Lưu trữ thông tin

Trường có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản an toàn các tài liệu liên quan tới công tác đào tạo theo các quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

a) Quyết định trúng tuyển, bảng điểm gốc, quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ gốc cấp phát bằng tốt nghiệp cho sinh viên là tài liệu lưu trữ được bảo quản vĩnh viễn tại CSĐT.

b) Tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo được lưu trữ, bảo quản trong suốt quá trình đào tạo.

c) Việc tiêu hủy tài liệu liên quan tuyển sinh, đào tạo hết thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 23. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Phòng Đào tạo chủ trì và phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng các văn bản

hướng dẫn và quy trình tổ chức đào tạo đối với các bậc hệ đào tạo của Trường khi có những quy định cần thay đổi. Tổ chức, thực hiện giám sát công tác tổ chức đào tạo và báo cáo định kỳ về Ban Giám hiệu.

2. Trung tâm Tuyển sinh & Quan hệ quốc tế và Phòng Công tác sinh viên phối hợp Phòng Đào tạo trong các hoạt động chăm sóc và hỗ trợ sinh viên.

3. Khoa và bộ môn trực thuộc có trách nhiệm xây dựng quy trình thực hiện quản lý chuyên môn theo quy định. Tổ chức xây dựng, cập nhật và điều chỉnh chương trình đào tạo định kỳ theo quy định.

4. Phòng Thanh tra giáo dục xây dựng kế hoạch và thực hiện thanh tra, giám sát đào tạo và báo cáo định kỳ về Ban Giám hiệu.

5. Phòng Tài chính phối hợp Phòng Đào tạo chuẩn bị các phương án tài chính, quản lý danh sách người học đóng học phí và thực hiện thanh toán chi phí học cho các cán bộ giảng viên và các đơn vị chuyên môn.

6. Phòng Quản trị và Cung ứng vật tư phối hợp trong việc chuẩn bị phòng học, các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ hoạt động dạy và học.

7. Phòng Khảo Thí và Đảm bảo chất lượng chủ trì xây dựng quy định, tổ chức triển khai hoạt động về công tác khảo thí, công tác đánh giá và hỗ trợ các đơn vị trong Trường đảm bảo chất lượng đào tạo của các chương trình đào tạo người học.

Điều 24. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành, áp dụng với khóa tuyển sinh năm 2025.

2. Các đơn vị liên quan có trách nhiệm cập nhật quy định này cho người học. Biên soạn các biểu mẫu và hướng dẫn cụ thể cần thiết thực hiện quy định này.

3. Các Khoa/ Bộ môn trực thuộc có trách nhiệm phổ biến quy định này đến giảng viên trước khi tham gia giảng dạy và phối hợp các đơn vị để triển khai thực hiện.

4. Trong quá trình thực hiện quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các đơn vị kịp thời phản ánh với Phòng Đào tạo để tổng hợp trình Ban Giám hiệu ra quyết định điều chỉnh, bổ sung.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Lâm Thành Hiền

Số: 840 /QĐ-ĐHLH

Đồng Nai, ngày 28 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện
của người học hệ chính quy Trư i học Lạc Hồng**

Căn cứ Quyết định số 790/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 1801/QĐ-TTg ngày 22/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi hình thức của Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đ i học Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-ĐHLH.K2 ngày 08/6/2021 của Hội nghị nhà đầu tư về việc công nhận chức vụ Hiệu trưởng Trư i học tư thục Lạc Hồng nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn c Thông tư s 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình đại học;

Căn c Quyết định số 1381/QĐ-ĐHLH ngày 31/12/2020 c a Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành Quy chế Công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy Trường Đại học Lạc Hồng;

Căn cứ chức năng và qu n hạn của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng;

Theo nghị của Trường phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Đi u 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đánh giá k t quả rèn luyện của người học hệ chính quy Trường Đại học Lạc Hồng.

Điều 2. Quyết đ nh có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 406/QĐ-ĐHLH ngày 28/9/2021 v iệc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Lạc Hồng.

Đi u 3. Các Ông (Bà) Trưởng/Phó các Phòng, Khoa, Trung tâm và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BGH Nhà trường;
- Lưu: VT, P. CTSV, (629).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TR NG
(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Lan

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRÍCH QUY CHẾ

Đánh giá kết quả rèn luyện của người học hệ chính quy

Trường Đại học Lạc Hồng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 840/QĐ-ĐHLH

Ngày 28/8/2023 và Thông báo số 1860/TB-ĐHLH ngày 29/12/2023

của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy (sau đây gọi chung là người học) tại Trường Đại học Lạc Hồng, bao gồm: Đánh giá kết quả rèn luyện và khung điểm; phân loại và quy trình đánh giá; tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả.

2. Quy chế này áp dụng đối với người học tại Trường Đại học Lạc Hồng.

Điều 2. Nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện của người học

1. Thực hiện nghiêm túc quy trình và các tiêu chí đánh giá được quy định tại Quy chế này; đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, chính xác.

2. Đảm bảo yếu tố bình đẳng, dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của người học.

3. Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ các bộ phận, các đơn vị có liên quan trong nhà trường tham gia công tác đánh giá kết quả rèn luyện của người học.

Điều 3. Nội dung đánh giá và thang điểm

1. Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của người học là đánh giá ý thức, thái độ của người học theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

- a) Chấp hành quy định nhà trường và pháp luật nhà nước.
- b) Kết quả tham gia hoạt động kết nối – phục vụ cộng đồng (KN-PVCD).
- b) Kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường.

2. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100.

Chương II

Điều 4. Chấp hành pháp luật nhà nước, quy định nhà trường

1. Các tiêu chí xác định điểm đánh giá:

- a) Không vi phạm quy định của nhà trường (20đ; vi phạm: 0đ)

- b) Không vi phạm pháp luật (20đ; vi phạm 0đ)
2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 40 điểm.

Điều 5. Kết quả tham gia hoạt động KN-PVCD

1. Tiêu chí để xác định điểm đánh giá

Số điểm khi tham gia hoạt động KN-PVCD trong học kỳ theo quy định hiện hành về hoạt động KN-PVCD trong học kỳ:

+Không có điểm tích lũy:

+Số điểm hoạt động KN-PVCD là tổng mức điểm người học tham gia các hoạt động KN-PVCD trong kỳ đánh giá.

Trong trường hợp người học tham gia hoạt động KN-PVCD ở mục II có số điểm quy định vượt 40 điểm thì được khuyến khích cộng thêm tối đa 05 điểm (tức tổng số điểm tối đa ở mục II của người học không vượt quá 45 điểm) nhưng phải đảm bảo tổng kết quả rèn luyện của học kỳ không vượt quá 100 điểm).

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 40 điểm.

Điều 6. Kết quả khi tham gia công tác ban cán sự lớp, các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường hoặc các học đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện (người học chỉ chọn 01 trong 04 mục)

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả công việc của người học được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong nhà trường;

b) Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên Hội sinh viên và các tổ chức khác trong nhà trường;

c) Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, khoa và nhà trường;

d) Người học đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

Điều 7. Nội dung đánh giá và thang điểm đối với hệ đại học liên thông, văn bằng 2

1. Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của người học là đánh giá ý thức, thái độ của người học theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

a) Chấp hành pháp luật nhà nước, quy định nhà trường (65 điểm).

b) Kết quả tham gia hoạt động kết nối – phục vụ cộng đồng (15 điểm);

+Không có điểm tích lũy: 0đ

+Số điểm hoạt động KN-PVCD là tổng mức điểm người học tham gia các hoạt động KN-PVCD trong kỳ đánh giá.

Trong trường hợp người học tham gia hoạt động KN-PVCD ở mục II có số điểm quy định vượt 15 điểm thì được khuyến khích cộng thêm tối đa 05 điểm (tức tổng số điểm tối đa ở mục II của người học không vượt quá 20 điểm) nhưng phải đảm bảo tổng kết quả rèn luyện của học kỳ không vượt quá 100 điểm).

Khung điểm đánh giá từ 0 đến 15 điểm.

c) Kết quả tham gia công tác ban cán sự, các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường (20 điểm).

2. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100.

Chương III

PHÂN LOẠI ĐÁNH GIÁ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 8. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: Xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém.

2. Phân loại kết quả rèn luyện:

- a) Từ 90 đến 100 điểm: Loại xuất sắc.
- b) Từ 80 đến dưới 90 điểm: Loại tốt.
- c) Từ 65 đến dưới 80 điểm: Loại khá.
- d) Từ 50 đến dưới 65 điểm: Loại trung bình.
- đ) Từ 35 đến dưới 50 điểm: Loại yếu.
- e) Dưới 35 điểm: Loại kém.

Điều 9. Phân loại để đánh giá

1. Người học vi phạm khi có quyết định kỷ luật với hình thức khiển trách ở học kỳ nào, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá trong học kỳ đó.

2. Người học vi phạm khi có quyết định kỷ luật với hình thức cảnh cáo ở học kỳ nào, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình trong học kỳ đó.

3. Người học vi phạm khi có quyết định kỷ luật với hình thức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ.

4. Người học vi phạm khi có quyết định kỷ luật với hình thức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện.

5. Người học nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.

6. Người học đồng thời học hai chuyên ngành sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện tại lớp và khoa quản lý chuyên ngành thứ nhất, lấy ý kiến nhận xét của lớp và khoa quản lý chuyên ngành thứ hai làm căn cứ, cơ sở để đánh giá thêm. Trường hợp chuyên ngành thứ nhất đã hoàn thành thì lớp và khoa quản lý chương trình thứ hai sẽ tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện của người học.

7. Người học chuyển trường được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai cơ sở giáo dục đại học thì được bảo lưu kết quả rèn luyện của cơ sở giáo dục đại học khi học tại cơ sở giáo dục đại học mới và tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện ở các năm học tiếp theo.

Điều 10. Các bước

đánh giá kết quả rèn luyện người học

A) Đối với người học thực hiện việc đánh giá theo kế hoạch của nhà trường, được thực hiện như sau:

Bước 1: Nhà trường ban hành Kế hoạch đánh giá kết quả rèn luyện người học đến các đơn vị có liên quan.

Bước 2: CVHT thông báo kế hoạch đánh giá rèn luyện người học cho người học được biết và người học thực hiện đánh giá tại địa chỉ <http://renluyen.lhu.edu.vn>.

Bước 3: Tổ chức họp lớp và đánh giá kết quả rèn luyện cho người học

- CVHT, tập thể lớp tổ chức họp và đánh giá kết quả rèn luyện cho người học (số người học có mặt phải trên 50% tổng số người học của lớp). CVHT chủ trì họp lớp để cùng tập thể lớp đánh giá kết quả rèn luyện cho lớp. Cách thức họp lớp tùy vào tình hình thực tế của lớp mình.

- Việc trừ điểm đánh giá rèn luyện người học vi phạm kỷ luật chỉ thực hiện khi Nhà trường đã ban hành quyết định kỷ luật người học.

- Sau khi họp lớp xong, CVHT công bố công khai kết quả rèn luyện cho người học và cập nhật kết quả đánh giá kết quả rèn luyện của lớp mình phụ trách lên hệ thống tại <http://renluyen.lhu.edu.vn>.

- Hồ sơ đánh giá kết quả rèn luyện người học (ĐGKQRL Nộp cấp lớp nộp về Khoa gồm có: bảng tổng hợp kết quả rèn luyện (CTSV-01).

- Căn cứ kết quả được công bố, người học có quyền khiếu nại và chỉnh sửa/bổ sung điểm rèn luyện (nếu có) trước khi lớp chuyển hồ sơ về Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp Khoa.

Lưu ý:

- Người học bỏ đánh giá kết quả rèn luyện thì tập thể lớp đánh giá 0 điểm và xếp loại kém, ghi rõ lý do là bỏ đánh giá.

- Người học có tên trong danh sách lớp nhưng đã bảo lưu, chuyển lớp, nghỉ học luôn (hoặc đang nghỉ học tạm thời) thì không đánh giá kết quả rèn luyện, ghi rõ lý do trong bảng điểm tổng hợp.

- Người học có học nhưng không có tên trong danh sách đánh giá trên hệ thống, CVHT báo về Khoa để Khoa liên hệ Trung tâm Thông tin tư liệu kiểm tra, bổ sung.

Bước 4: Khoa kiểm tra hồ sơ đánh giá kết quả rèn luyện cấp lớp.

- Chủ tịch Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện Khoa tiến hành họp và xem xét, đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng người học trong khoa.

- Hoàn thiện hồ sơ, đề nghị Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp Trường xem xét, đề nghị công nhận.

- Hồ sơ đánh giá rèn luyện người học cấp Khoa nộp về P. CTSV gồm: Biên bản họp Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện người học cấp Khoa (CTSV-02), bảng tổng hợp kết quả rèn luyện người học cấp khoa (CTSV-03).

Lưu ý: các hồ sơ đánh giá rèn luyện cấp lớp, Khoa có trách nhiệm lưu trữ (không nộp lên Hội đồng cấp trường).

Bước 5: P. CTSV kiểm tra hồ sơ đánh giá kết quả rèn luyện cấp khoa nộp về, tham mưu Chủ tịch Hội đồng ĐGKQRL NH cấp trường tổ chức Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện người học cấp trường và trình Hiệu trưởng công nhận kết quả rèn luyện của người học.

Bước 6: Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện người học; Khoa, CVHT có trách nhiệm công khai kết quả đánh giá rèn luyện đến người học.

Bước 7: P. CTSV phối hợp với Phòng khảo thí và Đảm bảo Chất lượng cập nhật kết quả đánh giá rèn luyện của người học lên hệ thống quản lý điểm.

B) Đối với người học không thực hiện việc đánh giá theo kế hoạch của nhà trường, được phân thành các đối tượng đánh giá sau:

1. Người học không thực hiện việc đánh giá theo kế hoạch của nhà trường vì lý do chính đáng (nằm viện trong thời gian người học tự đánh giá và được thể hiện lý do tại biên bản họp đánh giá KQRL lớp) thì được đánh giá bổ sung.

Thời gian đánh giá kết quả rèn luyện bổ sung tối đa 20 ngày kể từ ngày người học kết thúc thời gian đánh giá kết quả rèn luyện tại học kỳ đánh giá. Sau thời gian trên, người học không được đánh giá bổ sung.

2. Người học không thực hiện việc đánh giá theo kế hoạch của nhà trường (ngoài lý do nằm viện sẽ được khoa xem xét cho đánh giá bổ sung).

Thời gian đánh giá kết quả rèn luyện bổ sung tối đa 20 ngày kể từ ngày người học kết thúc thời gian đánh giá kết quả rèn luyện tại học kỳ đánh giá. Sau thời gian trên, người học không được đánh giá bổ sung. Kết quả điểm đánh giá rèn luyện người học trong trường hợp không có lý do chính đáng này, kết quả rèn luyện sẽ không được vượt quá mức điểm trung bình.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ DỰNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 11. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện

1. Nhà trường ban hành Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của người học và chấm dứt hoạt động khi Hội đồng ban hành Quyết định công nhận kết quả của người học chính thức.

2. Hội đồng cấp trường.

a) Thẩm quyền thành lập.

Hội đồng cấp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng hoặc Hiệu trưởng ủy quyền ký Quyết định thành lập Hội đồng cấp trường.

b) Thành phần Hội đồng cấp trường bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng hoặc Hiệu trưởng ủy quyền.
- Thường trực Hội đồng: Lãnh đạo phòng Công tác sinh viên.

- Các ủy viên: Đại diện Lãnh đạo các khoa, phòng (ban) có liên quan, đại diện Đoàn thanh niên, Hội sinh viên cấp trường.

c) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp trường:

- Tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.

- Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của các Trưởng khoa, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng khoa, đề nghị Hiệu trưởng công nhận.

- Lưu trữ hồ sơ đánh giá kết quả rèn luyện người học cấp Trường.

3. Hội đồng cấp khoa.

a) Thẩm quyền thành lập.

Hội đồng cấp khoa do Trưởng khoa hoặc Phó Trưởng khoa được Trường khoa ủy quyền ký Quyết định thành lập Hội đồng cấp khoa.

b) Thành phần Hội đồng cấp khoa gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Trưởng khoa hoặc Phó Trưởng khoa được Trường khoa ủy quyền.

- Các ủy viên: Quản sinh khoa, CVHT, đại diện Liên chi Đoàn thanh niên, Chi hội hoặc Liên chi Hội sinh viên, Ban cán sự lớp.

c) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp khoa:

- Xem xét, đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng sinh viên trong khoa.

- Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của CVHT của từng đơn vị lớp học, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng lớp, đề nghị Hội đồng đánh giá Kết quả rèn luyện cấp Trường xem xét, đề nghị công nhận.

- Lưu trữ hồ sơ đánh giá rèn luyện cấp lớp, khoa.

Điều 12. Thời gian đánh giá

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của người học được tiến hành định kỳ theo học kỳ.

2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 3 nội dung đánh giá chi tiết của trường.

3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó.

4. Điểm rèn luyện toàn khóa học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của khóa học.

Điều 13. Sử dụng kết quả

1. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học của người học được lưu trong hồ sơ quản lý người học của trường, được sử dụng trong việc xét duyệt học bổng, xét khen thưởng - kỷ luật, xét thôi học, ngừng học, xét lưu trú Khu nội trú và các ưu tiên khác tùy theo quy định của nhà trường.

2. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học được ghi vào bảng điểm kết quả học tập và lưu trong hồ sơ của người học khi tốt nghiệp ra trường.

3. Người học bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một năm ở năm tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

Điều 14. Quyền khiếu nại

Người học có quyền khiếu nại lên khoa, Phòng Công tác sinh viên, Hiệu trưởng (qua Phòng Thanh tra giáo dục) nếu thấy việc đánh giá kết quả rèn luyện chưa chính xác. Khi được đơn khiếu nại, nhà trường có trách nhiệm giải quyết, trả lời theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

Các trường hợp người học nhận thấy kết quả rèn luyện không chính xác sẽ được khiếu nại trong thời gian tối đa 20 ngày từ ngày Nhà trường công bố kết quả. Sau thời gian trên, Nhà trường không giải quyết khiếu nại về kết quả rèn luyện đã công bố của người học.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Lãnh đạo các khoa

- Nghiên cứu kỹ quy chế này, xem xét thành lập Hội đồng cấp khoa để đánh giá kết quả rèn luyện từng học kỳ của người học theo kế hoạch của nhà trường.
- Triển khai Quy chế này cho CVHT để phổ biến đến các lớp cho người học biết và có kế hoạch rèn luyện.

2. Phòng Công tác sinh viên

- Phối hợp chặt chẽ với các khoa và các đơn vị khác có liên quan trong việc triển khai thực hiện Quy chế này.
- Cơ quan thường trực, theo dõi việc thực hiện của các Khoa.
- Tham mưu thành lập Hội đồng cấp trường.
- Tổng hợp kết quả sau mỗi kỳ đánh giá, báo cáo cho Hiệu trưởng ra quyết định công nhận.
- Tham mưu để Hiệu trưởng (Phó Hiệu trưởng) báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN
(Đối với hệ đại học chính quy tập trung)

Nội dung đánh giá	Thang điểm	Người học tự đánh giá
I. Chấp hành pháp luật của nhà nước, quy định nhà trường	0-40	
Không vi phạm pháp luật: 20đ; Vi phạm: 0 điểm	20	
Không vi phạm quy định nhà trường: Vi phạm: 0 điểm	20	
II. Kết quả tham gia hoạt động KN-PVCD	0-40	
Số điểm tích lũy khi tham gia hoạt động KN-PVCD trong học kỳ theo quy định hiện hành về hoạt động KN-PVCD trong NH: +Không có điểm tích lũy: 0đ +Số điểm hoạt động KN-PVCD là tổng mức điểm người học tham gia các hoạt động KN-PVCD trong kỳ đánh giá. Trong trường hợp người học tham gia hoạt động KN-PVC mục II có số điểm quy đổi vượt 40 điểm thì được khuyến khích cộng thêm tối đa 05 điểm (tức tổng số điểm tối đa ở mục II của người học không vượt quá 45 điểm) nhưng phải đảm bảo tổng kết quả rèn luyện của học kỳ không vượt quá 100 điểm).	40	
III. Kết quả tham gia công tác Ban cán sự lớp, các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường hoặc NH đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện (NH chọn 1 trong 4 mục)	0-20	
1. Lớp trưởng, lớp phó; Bí thư, Phó Bí thư; Chi hội trưởng; Chi hội phó; ủy viên BCH chi đoàn, BCH chi hội hoàn thành tốt nhiệm vụ được tập thể lớp công nhận (thông qua xét kết quả rèn luyện tại lớp)		
2. Bí thư Đoàn TN khoa, Phó Bí thư Đoàn TN khoa, Ủy viên BCH Đoàn TN khoa; Chi hội trưởng Liên chi hội; Chi hội phó Liên chi hội; Ủy viên Liên chi hội hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đoàn TN khoa, Liên chi hội hoặc cấp trên công nhận (có quyết định công nhận kết quả mới được cộng điểm)		
3. Ủy viên BCH Đoàn trường, Hội sinh viên trường; Đội trưởng các đội sinh viên tình nguyện, chủ nhiệm câu lạc bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được khoa hoặc cấp trên công nhận (có quyết định công nhận kết quả mới được cộng điểm)		
4. Đạt thành tích đặc biệt trong học tập và rèn luyện được nhà trường hoặc cấp trên tuyên dương, khen thưởng (có bằng khen/giấy khen hoặc quyết định tuyên dương, khen thưởng mới được cộng điểm)		
TỔNG CỘNG	100 điểm	

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN
(Dành cho lớp đi thực tập, liên thông, văn bằng 2)

Nội dung đánh giá	Thang điểm	Người học tự
-------------------	------------	--------------

		đánh giá
I. Chấp hành pháp luật của nhà nước, quy định nhà trường	0-65	
Không vi phạm pháp luật: 30đ; Vi phạm: 0đ	20	
Không vi phạm quy định nhà trường: 35đ; Vi phạm: 0đ	20	
II. Kết quả tham gia hoạt động KN-PVCD	0-15	
+Không có điểm tích lũy: 0đ +Số điểm hoạt động KN-PVCD là tổng mức điểm người học tham gia các hoạt động KN-PVCD trong kỳ đánh giá. Trong trường hợp người học tham gia hoạt động KN-PVCD ở mục II có số điểm quy đổi vượt 15 điểm thì được khuyến khích cộng thêm tối đa 05 điểm (tức tổng số điểm tối đa ở mục II của người học không vượt quá 20 điểm) nhưng phải đảm bảo tổng kết quả rèn luyện của học kỳ không vượt quá 100 điểm). Khung điểm đánh giá từ 0 đến 15 điểm	15	
III. Kết quả tham gia công tác Ban cán sự lớp, các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường hoặc NH đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện (NH chọn 1 trong 4 mục)	0-20	
5. Lớp trưởng, lớp phó; Bí thư, Phó Bí thư; Chi hội trưởng; Chi hội phó; ủy viên BCH chi đoàn, BCH chi hội hoàn thành tốt nhiệm vụ được tập thể lớp công nhận (thông qua xét kết quả rèn luyện tại lớp)		
6. Bí thư Đoàn TN khoa, Phó Bí thư Đoàn TN khoa, Ủy viên BCH Đoàn TN khoa; Chi hội trưởng Liên chi hội; Chi hội phó Liên chi hội; Ủy viên Liên chi hội hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đoàn TN khoa, Liên chi hội hoặc cấp trên công nhận (có quyết định công nhận kết quả mới được cộng điểm)		
7. Ủy viên BCH Đoàn trường, Hội sinh viên trường; Đội trưởng các đội sinh viên tình nguyện, chủ nhiệm câu lạc bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được khoa hoặc cấp trên công nhận (có quyết định công nhận kết quả mới được cộng điểm)		
8. Đạt thành tích đặc biệt trong học tập và rèn luyện được nhà trường hoặc cấp trên tuyên dương, khen thưởng (có bằng khen/giấy khen hoặc quyết định tuyên dương, khen thưởng mới được cộng điểm)		
TỔNG CỘNG	100 điểm	

THÔNG BÁO

Điểm quy định các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của người học

Căn Quyết định số 840/QĐ-ĐHLH ngày 28/8/2023 về việc ban hành Quy chế đánh giá rèn luyện của người học hệ chính quy Trường Đại học Lạc Hồng;

Để giúp Cố vấn học tập, người học thực hiện việc đánh giá rèn luyện (trong đó có kết quả tham gia hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng trong năm học) theo đúng định hướng, nhà trường thông báo điểm quy định các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng (KN-PVCD) của người học, cụ thể như sau:

1. Điểm quy định hoạt động KN-PVCD của người học

Điểm quy định hoạt động KN-PVCD của người học được quy định như theo bảng sau:

TT	Danh mục hoạt động KN-PVCD	Minh chứng cần có	Số điểm tối đa cho 1 lần tham gia hoạt động
I. Tham gia các hoạt động KN-PVCD mang tính học thuật			
1	Tham dự với tư cách là thành viên Ban Tổ chức hoặc cộng tác viên cho các hoạt động cấp quốc gia, quốc tế (được cấp có thẩm quyền xác nhận)	Xác nhận của Ban Tổ chức	30
2	Tham dự với tư cách là thành viên Ban Tổ chức hoặc cộng tác viên cho các hoạt động cấp tỉnh, thành phố	Xác nhận của Ban Tổ chức	15
3	Tham dự với tư cách là thành viên Ban Tổ chức hoặc cộng tác viên cho các hoạt động (cấp trường, cấp khoa)	Xác nhận của Ban Tổ chức	10
4	Tham gia cổ vũ cho hoạt động các cấp hoặc tham gia bình chọn, chia sẻ cho các dự án/sản phẩm dự thi của trường tại các cuộc thi các cấp (có kèm minh chứng đã bình chọn)	Màn hình thể hiện việc bình chọn/chia sẻ hoặc xác nhận của Ban Tổ chức	5
5	Tham gia và có giải tại các cuộc thi có tính chất cạnh tranh, xếp hạng.	Giấy khen, chứng nhận đạt giải	
5.1	Có giải cấp quốc tế		+ Giải nhất: 90 + Giải nhì: 70 + Giải ba: 50 + Giải khuyến khích: 30
5.2	Có giải cấp quốc gia		+ Giải nhất: 70 + Giải nhì: 50 + Giải ba: 30 + Giải khuyến khích: 15

TT	Danh mục hoạt động KN-PVCD	Minh chứng cần có	Số điểm tối đa cho 1 lần tham gia hoạt động
5.3	Có giải cấp tỉnh, thành phố (hoặc tương đương)		+ Giải nhất: 50 + Giải nhì: 30 + Giải ba: 15 + Giải khuyến khích: 10
5.4	Có giải cấp trường		25
5.5	Có giải cấp khoa		20
6	Tham gia nhưng không đạt giải tại các cuộc thi (có chứng nhận tham gia của Ban Tổ chức cuộc thi)	Xác nhận của Ban Tổ chức	10
II. Các hoạt động thiện nguyện, công tác xã hội			
7	Tham gia hiến tiểu cầu, hiến tủy, hiến tạng...	Xác nhận của Ban Tổ chức, hình ảnh hoặc các tài liệu có liên quan	30
8	Các hoạt động tình nguyện gắn với chuyên môn; tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp hoặc các hoạt động có tính chất tương tự... có thời gian tham gia từ 03 ngày trở lên	Xác nhận của Ban Tổ chức, hình ảnh hoặc các tài liệu có liên quan	20
9	Các hoạt động tình nguyện gắn với chuyên môn; tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp hoặc các hoạt động có tính chất tương tự... có thời gian dưới 03 ngày.	Xác nhận của Ban Tổ chức, hình ảnh hoặc các tài liệu có liên quan	15
10	Tham gia hiến máu nhân đạo	Xác nhận của Ban Tổ chức, hình ảnh, thư cảm ơn hoặc các tài liệu có liên quan	15
11	- Tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa (Dọn dẹp, vệ sinh, tôn tạo nghĩa trang liệt sĩ, thắp hương tri ân các anh hùng liệt sĩ; thăm, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh, bệnh binh, gia đình có công với cách mạng...), giúp đỡ các đối tượng khó khăn (trẻ em mồ côi, tàn tật, khó khăn; người già neo đơn; bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn, các đối tượng yếu thế khác trong xã hội...) - Các hoạt động khác có tính chất tương tự mà thời gian diễn ra dưới 01 ngày.	Xác nhận của Ban Tổ chức, hình ảnh hoặc các tài liệu có liên quan	10

TT	Danh mục hoạt động KN-PVCD	Minh chứng cần có	Số điểm tối đa cho 1 lần tham gia hoạt động
12	Đóng góp vật chất (tiền hoặc hiện vật) để ủng hộ cho các hoạt động từ thiện, tình nguyện... (không tham gia trực tiếp vào hoạt động).	Xác nhận của Ban Tổ chức hoặc các tài liệu có liên quan	5
III. Các hoạt động khác			
13	SV tham gia phục vụ/tham dự các sự kiện của nhà trường; cộng tác viên trực phát thiết bị học tập, các đội/nhóm phòng chống tệ nạn xã hội, vệ sinh môi trường do nhà trường quản lý... (trừ hoạt động được nêu ở Phần I)	Xác nhận của Ban Tổ chức, hình ảnh hoặc các tài liệu có liên quan	10
14	SV tham gia các sự kiện của địa phương theo sự điều động của nhà trường như: Hội nghị, Hội thảo; các chương trình nghệ thuật nhân các ngày lễ lớn, sự kiện đối ngoại và hợp tác quốc tế...	Xác nhận của Ban Tổ chức, hình ảnh hoặc các tài liệu có liên quan	10
15	Kết nối được nguồn tài trợ từ doanh nghiệp hoặc các tổ chức/cá nhân ngoài trường cho hoạt động giảng dạy, NCKH, hỗ trợ sinh viên của trường. (Hiện kim hoặc hiện vật được quy đổi ra giá trị (GT) tương đương)	Xác nhận của Ban Tổ chức, thư cảm ơn hoặc các tài liệu có liên quan	Từ 20 triệu trở lên: 60 Dưới 20 triệu: 40
16	SV chia sẻ công khai các bài viết/nội dung bài viết của Khoa/Trường lên trang mạng xã hội cá nhân (facebook, tiktok, zalo,...)	Màn hình thể hiện việc chia sẻ công khai	5
IV. Đối với việc tham gia các hoạt động KN-PVCD do các Tổ chức bên ngoài trường tổ chức Được nhà trường ghi nhận điểm PVCD khi đáp ứng các điều kiện sau: ✓ HĐ KN-PVCD tuân thủ quy định Pháp luật ✓ Người học cung cấp đầy đủ minh chứng, báo cáo đúng thời gian quy định.		Xác nhận của Ban Tổ chức, thư cảm ơn hoặc các tài liệu có liên quan	10

2. Trách nhiệm của Cố vấn học tập các lớp

- Cố vấn học tập thông báo rộng rãi đến người học các chương trình, hoạt động KN-PVCD của nhà trường trong năm học.

- Cố vấn học tập tiếp nhận, kiểm tra và ghi nhận kết quả hoạt động KN-PVCĐ trên cơ sở thông tin từ học cung cấp để thực hiện việc đánh giá rèn luyện vào cuối mỗi học kỳ, năm học.

- Đối với các trường hợp người học có số điểm hoạt động KN-PVCĐ trong năm vượt ngưỡng 40 điểm, Cố vấn học tập báo cáo Khoa có sự ghi nhận và đề xuất nhà trường có các chính sách ưu tiên trong kết nạp Đảng, xét học bổng hoặc các chính sách khen thưởng trong năm học.

3. Trách nhiệm của người học

- Người học có trách nhiệm theo dõi các thông tin của nhà trường (qua Cố vấn học tập, trang Me) về các hoạt động KN-PVCĐ trong năm học để có kế hoạch đăng ký tham gia.

- Người học tự thu thập minh chứng tham gia (Minh chứng: xác nhận tham gia hoạt động, hình ảnh hoặc các tài liệu có liên quan do đơn vị tổ chức hoạt động KN-PVCĐ cấp).

- Đối chiếu với bảng điểm quy đổi các hoạt động KN-PVCĐ, người học tự đánh giá số điểm hoạt động KN-PVCĐ của mình và báo cáo kết quả về Cố vấn học tập khi thực hiện việc đánh giá rèn luyện vào cuối mỗi học kỳ.

4. Trách nhiệm của Phòng Công tác sinh viên

- Kịp thời theo dõi, hướng dẫn Cố vấn học tập và người học trong việc thực hiện nội dung thông báo này.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan để đề xuất nhà trường có các chính sách ưu tiên trong kết nạp Đảng, xét học bổng, khen thưởng người học có những đóng góp tích cực vào công tác đồng tích cực trong năm học.

Trên đây là Thông báo điểm quy đổi các hoạt động KN-PVCĐ của người học, yêu cầu các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc./.

Số: 915 /QĐ-ĐHLH

Đồng Nai, ngày 11 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy Trường Đại học Lạc Hồng

Căn cứ Quyết định số 790/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 1801/QĐ-TTg ngày 22/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi hình thức của Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-ĐHLH.K2 ngày 08/6/2021 của Hội nghị nhà đầu tư về việc công nhận chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học tư thục Lạc Hồng nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ chức năng và quyền hạn của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng;

Căn cứ tình hình thực tế của Nhà trường;

Theo đề nghị của Trường phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy Trường Đại học Lạc Hồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 1381/QĐ-ĐHLH ngày 31/12/2020 về việc ban hành Quy chế Công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy Trường Đại học Lạc Hồng.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng/Phó các Phòng, Khoa, Trung tâm và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Đề u 3;
- Lưu: VT, P. CTSV, (629).

KT.HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Lan

QUY TRÌNH

Tiếp nhận và xử lý thông tin Người học thất lạc tài sản

1. Mục đích

Nhằm thống nhất trình tự tiếp nhận và xử lý thông tin người học thất lạc tài sản, hỗ trợ kịp thời cho người học khi bị thất lạc tài sản.

2. Phạm vi áp dụng

Quy trình này áp dụng cho toàn bộ các đơn vị thuộc Trường Đại học Lạc Hồng và người học đang học tại Trường.

3. Tài liệu tham chiếu

Quyết định số 915/QĐ-ĐHLH ngày 11/9/2023 về việc ban hành Quy chế Công tác sinh viên đi với chương trình đào tạo người học hệ chính quy.

4. Chữ viết tắt

- Phòng Công tác sinh viên: P.CTSV
- Đơn vị liên quan trong trường: ĐVLQ
- Người học: NH

5. Nội dung quy trình tiếp nhận và xử lý thông tin người học thất lạc tài sản

5.1 Lưu đồ

Bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm
1	Trình báo thông tin	- NH
2	Tiếp nhận thông tin	- P.CTSV
3	Phối hợp xử lý	- P.CTSV - ĐVLQ
4	Phản hồi kết quả	- P.CTSV - Các Khoa
5	Lưu trữ	- P.CTSV

1.1 Mô tả lưu đồ

Nội dung thực hiện công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Biểu mẫu
Bước 1: Trình báo thông tin - Khi bị thất lạc tài sản trong khuôn viên trường, NH liên hệ cán bộ trực của P.CTSV tại các cơ sở hoặc liên hệ trực tiếp tại P.CTSV (Phòng D201, cơ sở 2) trình báo thông tin. - Trường hợp mất tài sản ngoài khuôn viên trường, P.CTSV sẽ hướng dẫn NH đến địa phương Công an có thẩm quyền để trình báo.	01 ngày	- NH	
Bước 2: Tiếp nhận thông tin P.CTSV tiếp nhận trình báo của NH, lập biên bản ghi nhận, kiểm tra và xác minh thông tin	01 ngày	- P.CTSV	BM 01
Bước 3: Phối hợp xử lý P.CTSV căn cứ vào nội dung trình báo của NH, liên hệ với ĐVLQ để phối hợp xác minh vụ việc và tìm lại tài sản thất lạc cho NH.	01-03 ngày	- P.CTSV - ĐVLQ	
Bước 4: Phản hồi kết quả - Sau 03 ngày kể từ khi tiếp nhận thông tin, P.CTSV phản hồi kết quả cho NH qua điện thoại và qua trang thông tin nội bộ me.lhu.edu.vn - Trường hợp tìm thấy tài sản: NH liên hệ P.CTSV (phòng D201, cơ sở 2) để nhận lại tài sản. Sau thời gian 03 ngày kể từ ngày P.CTSV phản hồi kết quả, nếu NH không đến nhận tài sản, P.CTSV chuyển tài sản về Khoa mà NH đang theo học để trả lại tài sản cho NH. - Trường hợp không tìm thấy tài sản: P.CTSV sẽ xin ý kiến chỉ đạo của BGH và hỗ trợ NH (nếu NH có yêu cầu trình báo công an). - Trường hợp tìm thấy tài sản sau khi đã phản hồi kết quả cho NH: P.CTSV phản hồi kết quả bổ sung cho NH qua điện thoại và qua trang thông tin nội bộ me.lhu.edu.vn để thông báo cho NH học đến nhận lại tài sản tại P.CTSV (phòng D201, cơ sở 2).	03 ngày	- P.CTSV - Các Khoa	- BM 02 - BM 03
Bước 5: Lưu trữ P.CTSV lưu các biểu mẫu có liên quan vào hộp hồ sơ hoặc trên Hệ thống lưu trữ (phần mềm quản lý).	01 ngày	- P.CTSV	

2. Biểu mẫu liên quan

Stt	Mã số	Tên biểu mẫu
1	P.CTSV/QT/01/BM01	Biên bản ghi nhận thất lạc tài sản tại trường
2	P.CTSV/QT/01/BM02	Văn bản phản hồi kết quả xử lý
3	P.CTSV/QT/01/BM03	Biên bản bàn giao tài sản cho NH

QUY CHẾ**Công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo
đại học hệ chính quy Trường Đại học Lạc Hồng***(Ban hành kèm theo Quyết định số 915 /QĐ-ĐHLH
Ngày 11 / 9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng)***Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định về công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy, bao gồm: nhiệm vụ và quyền của sinh viên; khen thưởng và kỷ luật sinh viên; nội dung công tác sinh viên; hệ thống tổ chức, quản lý công tác sinh viên và tổ chức thực hiện.
2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên đại học hệ chính quy của Trường Đại học Lạc Hồng.

Điều 2. Sinh viên

1. Sinh viên được quy định tại quy chế này là sinh viên đang học chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Trường Đại học Lạc Hồng.
2. Sinh viên là trung tâm của các hoạt động giáo dục và đào tạo tại trường, được bảo đảm điều kiện thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền trong quá trình học tập và rèn luyện tại trường.

Điều 3. Công tác sinh viên

1. Công tác sinh viên là một trong những công tác trọng tâm của nhà trường, bao gồm tổng thể các hoạt động giáo dục, tuyên truyền; quản lý; hỗ trợ và dịch vụ đối với sinh viên nhằm đảm bảo các mục tiêu của nhà trường.
2. Công tác sinh viên phải thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3. Công tác sinh viên phải bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch trong các vấn đề có liên quan đến sinh viên.

Điều 4. Nhiệm vụ của sinh viên

1. Chấp hành đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ trường đại học và các quy chế, nội quy của nhà trường.
2. Học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục, đào tạo của nhà trường; chủ động, tích cực tự học, nghiên cứu, sáng tạo và rèn luyện đạo đức, lối sống.
3. Tôn trọng nhà giáo, cán bộ và nhân viên của nhà trường; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình học tập và rèn luyện; thực hiện tốt nếp sống văn hóa trong nhà trường.

4. Giữ gìn và bảo vệ tài sản của nhà trường; góp phần bảo vệ, xây dựng và phát huy truyền thống của nhà trường.
5. Thực hiện đầy đủ quy định về việc khám sức khỏe đầu khóa và khám sức khỏe định kỳ trong thời gian học tập theo quy định của nhà trường.
6. Đóng học phí, bảo hiểm y tế đầy đủ, đúng thời hạn.
7. Tham gia lao động công ích, hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội vì cộng đồng phù hợp với năng lực và sức khỏe theo yêu cầu của nhà trường.
8. Chấp hành nghĩa vụ làm việc có thời hạn theo sự điều động của Nhà nước khi được hưởng học bổng, chi phí đào tạo do Nhà nước cấp hoặc do nước ngoài tài trợ theo Hiệp định ký kết với Nhà nước, nếu không chấp hành phải bồi hoàn học bổng, chi phí theo quy định của Chính phủ.
9. Tham gia phòng, chống tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử và các hoạt động khác của sinh viên, cán bộ, giảng viên; kịp thời báo cáo với khoa đang theo học, phòng chức năng, Ban Giám hiệu nhà trường hoặc các cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện những hành vi tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử hoặc những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy, quy chế khác của sinh viên, cán bộ, giảng viên trong nhà trường.
10. Tham gia công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong nhà trường, gia đình và cộng đồng.
11. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và của nhà trường.

Điều 5. Quyền của sinh viên

1. Các quyền quy định tại Điều 83 Luật Giáo dục và các khoản 4, 5, 6 và 7 Điều 60 Luật Giáo dục đại học.
2. Được nhận vào học đúng ngành, nghề đã đăng ký dự tuyển nếu đủ các điều kiện trúng tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của nhà trường.
3. Được tôn trọng và đối xử bình đẳng; được cung cấp đầy đủ thông tin cá nhân về việc học tập, rèn luyện theo quy định của nhà trường; được nhà trường phổ biến nội quy, quy chế về đào tạo, rèn luyện và các chế độ, chính sách của Nhà nước có liên quan đến sinh viên.
4. Được tạo điều kiện trong học tập, tham gia hoạt động khoa học và công nghệ, các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, bao gồm:
 - a. Được sử dụng hệ thống thư viện, các trang thiết bị và phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao.
 - b. Được tham gia nghiên cứu khoa học, thi sinh viên giỏi, thi Olympic các môn học, thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật theo quy định hiện hành.
 - c. Được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo quy định hiện hành của Nhà nước.
 - d. Được đăng ký dự tuyển đi học, tham gia các hoạt động giao lưu, trao đổi sinh viên ở nước ngoài; học chuyển tiếp ở các trình độ đào tạo cao hơn theo quy định hiện hành.
 - đ. Được tạo điều kiện tham gia hoạt động trong tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam; tham gia các tổ chức tự quản của sinh viên, các hoạt động xã hội có liên quan ở trong và ngoài nhà trường theo quy định của pháp luật;

các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao lành mạnh, phù hợp với mục tiêu đào tạo của nhà trường.

e. Được sử dụng các dịch vụ và hỗ trợ người học hiện có của nhà trường (bao gồm các dịch vụ về hướng nghiệp, tư vấn việc làm, tư vấn sức khỏe, tâm lý, nội trú, ngoại trú, hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt...).

f. Được nghỉ học tạm thời, tạm ngừng học, học theo tiến độ chậm, tiến độ nhanh, học cùng lúc hai chương trình, chuyển ngành, chuyển trường theo quy định của quy chế về đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; được nghỉ Tết, nghỉ lễ theo quy định.

5. Được hưởng các chế độ, chính sách, được xét nhận học bổng khuyến khích học tập, học bổng do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ theo quy định hiện hành.

6. Được góp ý kiến, tham gia quản lý và giám sát hoạt động giáo dục và các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp của mình kiến nghị các giải pháp góp phần xây dựng và phát triển nhà trường, được đề đạt nguyện vọng và khiếu nại lên Hiệu trưởng giải quyết các vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích chính đáng của sinh viên.

7. Sinh viên đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp được cấp bằng tốt nghiệp, bằng điểm học tập và rèn luyện.

8. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và của nhà trường.

Điều 6. Các hành vi sinh viên không được làm

1. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể cán bộ, giảng viên nhân viên, sinh viên và cá nhân khác.

2. Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi cử như: quay cốp, mang tài liệu vào phòng thi, xin điểm; học, thi, thực tập thay người khác hoặc nhờ người khác học, thi, thực tập thay; sao chép, nhờ hoặc làm hộ tiểu luận, đồ án, khóa luận tốt nghiệp; tổ chức hoặc tham gia tổ chức thi hộ hoặc các hành vi gian lận khác.

3. Hút thuốc, uống rượu, bia trong trường học; say rượu, bia khi đến lớp học.

4. Tổ chức hoặc tham gia tụ tập đông người, biểu tình, khiếu kiện trái pháp luật; tham gia tệ nạn xã hội, gây rối an ninh, trật tự an toàn trong trường học hoặc ngoài xã hội.

5. Tổ chức hoặc tham gia đua xe, cở vũ đua xe trái phép.

6. Tổ chức hoặc tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức.

7. Sản xuất, buôn bán, vận chuyển, phát tán, tàng trữ, sử dụng hoặc lôi kéo người khác sử dụng vũ khí, chất nổ, các chất ma túy, các loại dược phẩm, hóa chất cấm sử dụng; các tài liệu, ấn phẩm, thông tin phản động, đồi trụy và các tài liệu cấm khác theo quy định của Nhà nước; tổ chức, tham gia, truyền bá các hoạt động mê tín dị đoan, các hoạt động tôn giáo trong nhà trường và các hành vi vi phạm đạo đức khác.

8. Thành lập, tham gia các hoạt động mang tính chất chính trị trái pháp luật; tổ chức, tham gia các hoạt động tập thể mang danh nghĩa Nhà trường khi chưa được Hiệu trưởng cho phép.

9. Đăng tải, bình luận, chia sẻ bài viết, hình ảnh có nội dung dung tục, bạo lực, xâm phạm an ninh quốc gia, chống phá Đảng và Nhà nước, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân trên mạng Internet.

10. Tổ chức hoặc tham gia các hoạt động vi phạm pháp luật khác.

Chương II

CÔNG TÁC GIÁO DỤC SINH VIÊN

Điều 7. Giáo dục chính trị tư tưởng

1. Nội dung triển khai

a. Rà soát đổi mới, nâng cao chất lượng dạy học về lý luận chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh, tìm hiểu lịch sử dân tộc, lịch sử cách mạng và văn hóa trong trường học.

b. Giáo dục để sinh viên nắm vững và thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, kiên quyết đấu tranh chống những quan điểm, hành động sai trái, thù địch, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; hình thành tinh thần yêu Tổ quốc, tự hào, tự tôn dân tộc, khơi dậy khát vọng phát triển, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuyên truyền, hướng dẫn sinh viên tích cực tham gia các cuộc thi “Tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

c. Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể, câu lạc bộ của sinh viên trong các hoạt động học tập, rèn luyện. Tạo môi trường thuận lợi để sinh viên rèn luyện, phấn đấu, trở thành công dân toàn cầu, có lý tưởng sống cao đẹp, tự tin phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo, tự tin hội nhập quốc tế, gia nhập tổ chức đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội và Đảng Cộng sản Việt Nam.

d. Tăng cường công tác nắm bắt tình hình tư tưởng trong sinh viên; không để sinh viên bị dụ dỗ, lôi kéo tham gia các hội, nhóm, tổ chức tôn giáo hoạt động trái pháp luật và các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước, tụ tập gây rối an ninh, trật tự an toàn xã hội.

đ. Tổ chức tuyên truyền, thông tin đến sinh viên qua nhiều hình thức về Luật An ninh mạng để nghiêm chỉnh chấp hành; hướng dẫn kỹ năng sử dụng mạng an toàn cho sinh viên, phù hợp điều kiện nhà trường, trình độ hiểu biết của sinh viên, tránh tình trạng thiếu hiểu biết về Luật An ninh mạng dẫn đến sai phạm Luật.

e. Tổ chức các buổi đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với sinh viên để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và xử lý kịp thời những vấn đề khó khăn, bức xúc trong sinh viên.

2. Chủ trì: Phòng Đào tạo (bộ môn cơ bản) chủ trì mục a; Đoàn Thanh niên-Hội Sinh viên trường (gọi tắt là ĐTN-HSV) chủ trì mục b, c; Phòng Công tác sinh viên chủ trì mục d, đ và e; các khoa chủ trì tổ chức các hoạt động cấp khoa.

3. Trách nhiệm phối hợp

Các đơn vị trong trường phối hợp, hỗ trợ để công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên đạt hiệu quả.

Điều 8. Giáo dục văn hóa, đạo đức, lối sống

1. Nội dung triển khai

a. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, quyết định của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh Đồng Nai về tăng cường các giải pháp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho sinh viên.

b. Giáo dục cho sinh viên giá trị, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, những chuẩn mực đạo đức chung của xã hội và quy tắc đạo đức nghề nghiệp; chủ động phê phán những hành vi ứng xử không phù hợp với chuẩn mực đạo đức, thuần phong mỹ tục của người Việt Nam.

c. Định hướng, giáo dục đạo đức chuẩn mực, lối sống lành mạnh, văn minh, tiến bộ phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam; giáo dục văn hóa ứng xử, ý thức trách nhiệm của sinh viên đối với tập thể, cộng đồng, đất nước.

d. Xây dựng hình mẫu sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng theo triết lý giáo dục của nhà trường, trong đó xây dựng lớp sinh viên trở thành “công dân toàn cầu”, có ý chí khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo.

đ. Phối hợp, tổ chức kiểm tra, kiểm toán, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức Đoàn, Hội tại các lớp sinh viên. Rà soát, quản lý chặt chẽ về nội dung, hình thức các trò chơi, hoạt động ngoại khóa dành cho sinh viên. Không tổ chức cho sinh viên tham gia các trò chơi (trên môi trường mạng hoặc tương tác trực tiếp) có nội dung, hình thức bạo lực, phản cảm, không phù hợp với văn hóa dân tộc, chuẩn mực đạo đức xã hội.

e. Tổ chức các hoạt động Kết nối-Phục vụ cộng đồng lĩnh vực tình nguyện, từ thiện và an sinh xã hội trong đoàn viên, thanh niên.

2. Chủ trì: Phòng CTSV chủ trì các hoạt động cấp Trường mục a, b, c, d; ĐTN-HSV chủ trì các hoạt động đ, e; các khoa chủ trì tổ chức các hoạt động cấp khoa.

3. Trách nhiệm phối hợp:

Các đơn vị trong trường phối hợp tổ chức, tạo điều kiện để sinh viên được giáo dục đạo đức, lối sống.

Điều 9. Giáo dục pháp luật

1. Nội dung triển khai

a. Quán triệt các Chỉ thị, văn bản chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong trường học.

b. Đổi mới phương pháp dạy học trong các giờ pháp luật đại cương, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để cung cấp các hình ảnh, sự việc, con người thật, liên quan đến bài dạy để tránh sự nhầm lẫn, khô khan cho sinh viên.

c. Lựa chọn nội dung và hình thức thích hợp nhằm chuyển tải kiến thức pháp luật cho sinh viên như: tổ chức các cuộc thi tìm hiểu kiến thức pháp luật, các buổi học ngoại khóa, tạo môi trường cởi mở, thân thiện giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu các kiến thức pháp luật, tham gia các câu lạc bộ, xây dựng, bổ sung đầu sách, khai thác tủ sách pháp luật, thông qua các bản tin, trang thông tin nội bộ.

d. Tổ chức các câu lạc bộ pháp luật, tuyên truyền pháp luật bằng những hình thức hấp dẫn các bạn sinh viên tham gia như thi đua giải quyết các tình huống pháp luật có thưởng; tăng cường tổ chức phiên tòa giả định mời sinh viên khoa khác cùng tham dự;

2. Chủ trì: Phòng Công tác sinh viên chủ trì mục a; Phòng Đào tạo (bộ môn cơ bản) chủ trì mục b; Khoa Quản trị - Kinh tế Quốc tế (ngành Luật) chủ trì mục c, d.

3. Trách nhiệm phối hợp

a. ĐTN-HSV trường phối hợp xây dựng các nội dung, hình thức tuyên truyền và các hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật cho đoàn viên, thanh niên toàn trường.

b. Các đơn vị trong trường phối hợp triển khai chương trình và chủ động xây dựng kế hoạch tuyên truyền trong sinh viên thuộc đơn vị quản lý.

Điều 10. Giáo dục, bồi dưỡng kỹ năng

1. Nội dung triển khai

a. Tăng cường tổ chức, quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa; nghiên cứu lựa chọn, đưa vào sử dụng các tài liệu giáo dục kỹ năng sống phù hợp với sinh viên theo nội dung hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b. Bố trí sắp xếp thời gian tổ chức các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo, giáo dục kỹ năng sống trong chương trình học một cách có hiệu quả, hợp lý; khuyến khích việc phối hợp các tổ chức tăng cường tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên đối với những nơi có điều kiện trên tinh thần tự nguyện của sinh viên.

c. Tổ chức thực hiện hiệu quả sinh hoạt các câu lạc bộ, đội nhóm theo sở thích, tài năng; tổ chức các diễn đàn, tọa đàm và khuyến khích sinh viên tham gia nhằm phát triển năng lực, phẩm chất, kỹ năng sống và tạo môi trường tốt cho sinh viên nâng cao khả năng sử dụng ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh.

d. Thường xuyên tổ chức các cuộc thi cho sinh viên theo sở thích, chuyên môn theo từng loại hình câu lạc bộ sinh viên. Phát triển và gắn kết với các đơn vị, cơ quan trong và ngoài trường tổ chức các hoạt động tình nguyện và phục vụ cộng đồng.

2. Chủ trì: Phòng Đào tạo (Bộ phận Kỹ năng mềm) chủ trì các lớp Kỹ năng mềm cho sinh viên; ĐTN-HSV chủ trì các hoạt động ngoại khóa, các câu lạc bộ, đội nhóm theo sở thích cho sinh viên; các khoa chủ trì tổ chức các hoạt động câu lạc bộ học thuật trong sinh viên theo chuyên ngành thuộc đơn vị quản lý.

3. Trách nhiệm phối hợp

Các đơn vị trong trường phối hợp triển khai phong trào và chủ động xây dựng kế hoạch hành động cho các hoạt động để nâng cao kỹ năng cho sinh viên.

Điều 11. Giáo dục thể chất và y tế trường học

1. Nội dung triển khai

a. Tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất gắn liền với nội dung môn học nhằm đa dạng hóa các hoạt động vận động, khuyến khích sinh viên tích cực, chủ động tham gia rèn luyện sức khỏe, phát triển thể chất; duy trì tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp trường, cấp khoa và tổ chức đội tuyển thể thao tham gia các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh (thành phố), quốc gia.

b. Đẩy mạnh việc thành lập và duy trì hiệu quả hoạt động các câu lạc bộ thể thao; câu lạc bộ võ thuật ... cho sinh viên, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, hướng dẫn khai thác, sử dụng và tham gia các hoạt động giáo dục thể chất trên không gian mạng an toàn, hiệu quả; tăng cường công tác xã hội hóa, tạo điều kiện, thu hút sự tham gia của các tổ chức xã hội, các chương trình, dự án hỗ trợ nhằm phát triển công tác giáo dục thể chất và phong trào thể thao trường học.

c. Phối hợp chặt chẽ với ngành Y tế và cơ quan Bảo hiểm Xã hội tiếp tục hướng dẫn thực hiện Bảo hiểm y tế sinh viên; đẩy mạnh tuyên truyền và vận động sinh viên tham gia Bảo

hiểm y tế bắt buộc theo quy định bảo hiểm y tế. Phần đầu đạt tỷ lệ 100% sinh viên tham gia bảo hiểm y tế.

d. Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ y tế. Thường xuyên tổ chức các hội thảo chuyên đề cho sinh viên nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch, bệnh, tai nạn thương tích và các kiến thức, kỹ năng khác. Tổ chức và triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe trong nhà trường theo quy định.

2. Chủ trì: ĐTN-HSV chủ trì mục a, b cho các hoạt động cấp trường; Phòng Hành chính – Tổ chức chủ trì mục c; Phòng Công tác sinh viên chủ trì mục d; các khoa chủ trì tổ chức các hoạt động cấp khoa.

3. Trách nhiệm phối hợp

a. Phòng Công tác sinh viên tiếp tục duy trì công tác tuyên truyền, vận động sinh viên tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn thông qua CVHT. Tổ chức các hoạt động về sức khỏe, y tế học đường cho sinh viên.

b. Các đơn vị trong trường phối hợp, hỗ trợ theo nhiệm vụ được phân công.

Điều 12. Giáo dục thẩm mỹ

1. Nội dung triển khai

a. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục; nâng cao quan điểm thẩm mỹ cho sinh viên về các giá trị thẩm mỹ của dân tộc, và ý nghĩa của việc giữ gìn và phát huy các giá trị thẩm mỹ truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

b. Tiếp tục đổi mới và đa dạng hóa các hình thức giáo dục thẩm mỹ như: báo cáo chuyên đề, thông tin, quảng cáo, bài trừ các tệ nạn mê tín, dị đoan, văn hóa phẩm độc hại, đẩy mạnh tuyên truyền những nét đặc sắc của văn hóa các dân tộc, của các vùng, miền trong cả nước, hình ảnh Nhà trường...; đồng thời tổ chức các cuộc thi lồng ghép trong các hoạt động giao lưu, lễ tưởng niệm dâng hương các anh hùng liệt sĩ, những người có công với đất nước, giỗ tổ Hùng Vương, những liên hoan văn nghệ mừng các ngày lễ lớn...; nâng cao sự hiểu biết và đam mê nghệ thuật, nâng tầm quan điểm thẩm mỹ nói chung cho đông đảo sinh viên.

c. Phát huy vai trò của Đoàn thanh niên - Hội sinh viên trong Nhà trường, thực hiện phối hợp đồng bộ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc giáo dục thẩm mỹ. Từ đó, xây dựng ý thức tự giác trong học tập, định hướng trong nhận thức và hành động, có lập trường tư tưởng vững vàng, có quan điểm thẩm mỹ rõ ràng để cho thế hệ trẻ thẩm thấu các giá trị thẩm mỹ truyền thống tốt đẹp của dân tộc và có được hành trang căn bản cho con đường tương lai.

2. Chủ trì: Phòng Công tác sinh viên chủ trì mục a, b; ĐTN-HSV chủ trì mục c; các khoa chủ trì tổ chức các hoạt động cấp khoa.

3. Trách nhiệm phối hợp:

Các đơn vị trong trường phối hợp, hỗ trợ theo kế hoạch; phát huy vai trò CVHT trong công tác làm cầu nối giữa đại diện trường với gia đình sinh viên.

Chương III

CÔNG TÁC HỖ TRỢ SINH VIÊN

Điều 13. Tư vấn học tập

1. Nội dung triển khai

a. Tư vấn, hỗ trợ sinh viên xây dựng kế hoạch, phương pháp học tập phù hợp với mục tiêu và năng lực; cung cấp thông tin về chương trình đào tạo, hướng dẫn sinh viên tiếp cận các nguồn lực (về học thuật, tài chính, kỹ thuật...) nhằm nâng cao khả năng, học tập hiệu quả và tốt nghiệp đúng thời hạn.

b. Khuyến khích xây dựng các mô hình, cơ chế để sinh viên được tham gia vào công tác tư vấn, hỗ trợ học tập.

2. Chủ trì: các khoa chủ trì việc tư vấn học tập cho sinh viên thông qua đội ngũ Cố vấn học tập; Phòng Công tác sinh viên chủ trì các quy định về hoạt động của đội ngũ Cố vấn học tập.

3. Trách nhiệm phối hợp:

Phòng Đào tạo, các đơn vị trong trường phối hợp, hỗ trợ các khoa trong tư vấn học tập cho sinh viên và công tác cố vấn học tập.

Điều 14. Tư vấn hướng nghiệp, tư vấn việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp

1. Nội dung triển khai

Tổ chức thực hiện các nội dung, biện pháp trong tư vấn hướng nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường.

2. Chủ trì: Trung tâm tuyển sinh và Quan hệ công chúng chủ trì việc tư vấn hướng nghiệp, tư vấn việc làm cho sinh viên cấp trường; Ban Khởi nghiệp sinh viên trường chủ trì các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp; các khoa chủ trì việc tư vấn hướng nghiệp, tư vấn việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp cấp khoa.

3. Trách nhiệm phối hợp:

Các đơn vị trong trường phối hợp, hỗ trợ Tư vấn hướng nghiệp, tư vấn việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên.

Điều 15. Tư vấn tâm lý, chăm sóc sức khỏe

1. Nội dung triển khai

a. Tư vấn, hỗ trợ sinh viên khi gặp phải các vấn đề về tâm lý; phối hợp tổ chức các dịch vụ tư vấn, chăm sóc sức khỏe để có sự hỗ trợ, can thiệp cần thiết khi sinh viên gặp phải các vấn đề ảnh hưởng đến thể chất và tinh thần.

b. Tổ chức khám sức khỏe đầu vào, định kỳ cho sinh viên; tư vấn, tổ chức cho sinh viên thực hiện Luật bảo hiểm y tế; sơ, cấp cứu, khám chữa bệnh ban đầu cho sinh viên.

2. Chủ trì: Phòng CTSV chủ trì tư vấn tâm lý sinh viên, khám chữa bệnh ban đầu cho sinh viên; Phòng Hành chính – Tổ chức chủ trì cho sinh viên thực hiện Luật bảo hiểm y tế, thẻ bảo hiểm y tế.

3. Trách nhiệm phối hợp:

Các đơn vị trong trường phối hợp, hỗ trợ tư vấn tâm lý, chăm sóc sức khỏe cho sinh viên.

Điều 16. Hỗ trợ tài chính

1. Nội dung triển khai

a. Hướng dẫn, tạo điều kiện cho sinh viên tham gia chương trình tín dụng sinh viên theo quy định hiện hành.

b. Phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng, quản lý các quỹ học bổng, quỹ hỗ trợ sinh viên.

c. Tổ chức xét chọn, trao học bổng tài trợ cho sinh viên xuất sắc, sinh viên v ất khó trong học tập, rèn luyện và các học bổng khác theo nh của Nhà trư ng.

2. Chủ trì: Phòng CTSV chủ trì mục a; Phòng Đào tạo chủ trì mục b, c; các khoa chủ trì hoạt động cấp khoa.

3. Trách nhiệm phối hợp:

Các đơn vị trong trường phối hợp, hỗ trợ tài chính cho sinh viên học tập và rèn luyện.

Điều 17. Hỗ trợ đặc biệt

1. Nội dung triển khai

Triển khai dịch vụ công tác xã hội trong trư ng học; tạo đi u kiện giúp đỡ sinh viên khuyết tật, sinh viên diện chính sách, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đặc thù...

2. Chủ trì: Phòng CTSV chủ trì hoạt động cấp trường; các khoa chủ trì hoạt động cấp khoa.

3. Trách nhiệm phối hợp:

Các đơn vị trong trường phối hợp, hỗ trợ cho sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt được tham gia học tập và rèn luyện.

Đi u 18. Các dịch vụ hỗ trợ khác

1. Nội dung triển khai

Tổ chức cung cấp các dịch vụ, tiện ích cho sinh viên như: internet, trông giữ xe, sân chơi, dịch vụ ăn uống...

2. Chủ trì: Trung tâm Thông tin tư liệu chủ trì nội dung liên quan đến internet; Công đoàn trường chủ trì dịch vụ trông giữ xe; các dịch vụ khác, căn cứ tình hình thực tế của Nhà trường trong từng giai đoạn, Hiệu trưởng giao nhiệm vụ bằng văn bản cho các đơn vị.

Chương IV

CÔNG TÁC QUẢN LÝ SINH VIÊN

Điều 19. Công tác tổ chức, hành chính

1. Nội dung triển khai

a. Tổ chức tiếp nhận thí sinh trúng tuyển, sắp xếp, bố trí sinh viên vào các lớp; chỉ định Ban cán sự lớp (lớp trưởng, lớp phó), làm thẻ sinh viên, thẻ thư viện; quản lý, tổ chức cấp phát văn bằng, chứng chỉ của sinh viên.

b. Thống kê, tổng hợp dữ liệu và quản lý, lưu trữ hồ sơ liên quan đến sinh viên; giải quyết các công việc hành chính có liên quan n sinh viên.

2. Chủ trì: Phòng Đào tạo chủ trì các hoạt động trên (trừ nội dung làm thẻ sinh viên, thẻ thư viện do Trung tâm thông tin tư liệu chủ trì; chỉ định Ban cán sự lớp do các khoa chủ trì).

3. Trách nhiệm phối hợp:

Phòng Công tác sinh viên, các đơn vị trong trường phối hợp, hỗ trợ công tác tổ chức, hành chính cho sinh viên.

Điều 20. Lớp sinh viên

1. Lớp sinh viên bao gồm những sinh viên cùng ngành, cùng khóa học. Lớp sinh viên được duy trì ổn định trong cả khóa học, là nơi để nhà trường tổ chức, quản lý về thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện, các hoạt động đoàn thể, các hoạt động xã hội, thi đua, khen thưởng, kỷ luật.

2. Ban cán sự lớp sinh viên gồm:

a. Lớp trưởng và các lớp phó do tập thể sinh viên trong lớp bầu, được Trường khoa công nhận. Nhiệm kỳ của ban cán sự lớp sinh viên theo năm học.

b. Nhiệm vụ của ban cán sự lớp sinh viên:

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện, các hoạt động sinh hoạt, đời sống và các hoạt động xã hội theo kế hoạch của trường, khoa, phòng;

- Đôn đốc sinh viên trong lớp chấp hành nghiêm chỉnh nội quy, quy chế về học tập, rèn luyện, xây dựng nề nếp tự quản trong lớp;

- Tổ chức, động viên giúp đỡ những sinh viên gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Thay mặt cho sinh viên của lớp liên hệ với CVHT và các giảng viên bộ môn; đề nghị các khoa, Phòng Công tác sinh viên và Ban Giám hiệu nhà trường giải quyết những vấn đề có liên quan đến nhiệm vụ và quyền của sinh viên trong lớp;

- Phối hợp chặt chẽ và thường xuyên với tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên trong hoạt động của lớp;

- Báo cáo đầy đủ, chính xác tình hình học tập, rèn luyện theo học kỳ, năm học và những việc đột xuất của lớp cho CVHT hoặc khoa đang theo học.

3. Quyền lợi của ban cán sự lớp sinh viên: Được ưu tiên cộng điểm rèn luyện và các chế độ khác theo quy định của trường.

Điều 21. Lớp học phần

1. Lớp học phần: bao gồm những sinh viên đăng ký cùng học một học phần. Lớp học phần được tổ chức theo thời gian học một học phần, là nơi để nhà trường theo dõi, quản lý về học tập và ý thức kỷ luật của sinh viên trong giờ học.

2. Ban cán sự lớp học phần gồm lớp trưởng và các lớp phó do khoa chỉ định. Nhiệm kỳ của ban cán sự lớp học phần theo thời gian học của học phần. Ban cán sự lớp học phần có trách nhiệm báo cáo việc chấp hành nội quy, quy chế của sinh viên trong lớp với khoa. Ban cán sự lớp học phần được ưu tiên cộng điểm rèn luyện và các chế độ khác theo quy định của nhà trường.

Điều 22. Công tác sinh viên nội trú, ngoại trú

1. Nội dung triển khai

Tổ chức thực hiện các nội dung, biện pháp công tác sinh viên nội trú, ngoại trú theo quy định, quy chế công tác sinh viên nội trú, ngoại trú hiện hành.

2. Chủ trì: Ban Quản lý Khu Nội trú chủ trì công tác sinh viên nội trú; Phòng Công tác sinh viên chủ trì công tác sinh viên ngoại trú.

3. Trách nhiệm phối hợp:

Các đơn vị trong trường phối hợp, hỗ trợ công tác tổ chức sinh viên nội trú, ngoại trú để đảm bảo nơi ở, sinh hoạt an toàn cho sinh viên.

Điều 23. Công tác bảo đảm an ninh, trật tự trường học cho sinh viên

1. Nội dung triển khai

a. Ban hành nội quy, quy định, xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản chỉ đạo, văn bản quy phạm pháp luật của Đảng, Nhà nước về công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong Nhà trường. Phối hợp với công an địa phương thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự trường học.

b. Theo dõi, nắm bắt diễn biến tư tưởng, hành vi của sinh viên có sự định hướng, giáo dục; phối hợp ngăn chặn việc kích động, lôi kéo sinh viên tham gia các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước, tham gia các tệ nạn xã hội, truyền đạo trái phép và các hành vi vi phạm pháp luật; phối hợp xử lý các vụ việc về an ninh, trật tự trường học và các vụ việc liên quan đến sinh viên ở trong và ngoài trường.

2. Chủ trì: Phòng Hành chính – Tổ chức chủ trì mục a, Phòng Công tác sinh viên chủ trì mục b.

3. Trách nhiệm phối hợp:

Các đơn vị trong trường phối hợp, hỗ trợ công tác tổ chức sinh viên nội trú, ngoại trú để đảm bảo nơi ở, sinh hoạt an toàn cho sinh viên.

Điều 24. Thực hiện các chế độ, chính sách đối với sinh viên

1. Nội dung triển khai

Hướng dẫn và giải quyết các chế độ, chính sách của Nhà nước, Nhà trường liên quan đến sinh viên theo quy định.

2. Chủ trì: Phòng Công tác sinh viên chủ trì thực hiện các chế độ, chính sách của nhà nước đối với sinh viên; Phòng Đào tạo chủ trì thực hiện các chế độ, chính sách đối với sinh viên cấp trường.

3. Trách nhiệm phối hợp:

Các đơn vị trong trường phối hợp, hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách cho sinh viên.

Điều 25. Công tác đánh giá; kiểm tra, giám sát

1. Nội dung triển khai

a. Theo dõi, đánh giá ý thức học tập; tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên; phân loại, xếp loại sinh viên theo quy định.

b. Phát động, tổ chức các phong trào thi đua trong sinh viên; chức đánh giá, bình bầu và khen thưởng cho tập thể, cá nhân sinh viên đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện; tổ chức cho sinh viên nghiên cứu khoa học, thi Olympic các môn học, thi sáng tạo tài năng và các hoạt động khuyến khích học tập khác.

c. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định về học tập và rèn luyện đối với sinh viên.

d. Tham mưu, theo dõi và tổng hợp việc xử lý kỷ luật sinh viên vi phạm theo quy định.

2. Chủ trì: Các khoa chủ trì thực hiện công tác đánh giá, kiểm tra, giám sát các hoạt động cấp Khoa. Phòng Công tác sinh viên chủ trì thực hiện hoạt động liên quan đến đánh giá kết quả rèn luyện, kỷ luật đối với sinh viên cấp trường; Phòng Đào tạo chủ trì thực hiện các hoạt động đánh giá kết quả học tập sinh viên cấp trường; Phòng Thanh tra giáo dục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát chung.

3. Trách nhiệm phối hợp:

Các đơn vị trong trường phối hợp, hỗ trợ thực hiện công tác đánh giá, kiểm tra và giám sát sinh viên do đơn vị mình phụ trách.

Chương V

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT SINH VIÊN

Mục 1. KHEN THƯỞNG SINH VIÊN

Điều 26. Đối tượng khen thưởng

Khen thưởng thường xuyên, kịp thời đối với cá nhân và tập thể lớp sinh viên đạt thành tích xứng đáng để biểu dương, khen thưởng. Cụ thể:

1. Đạt giải trong các cuộc thi Olympic các môn học, nghiên cứu khoa học, các cuộc thi sáng tạo kỹ thuật, học thuật, văn hóa, văn nghệ, thể thao.

2. Đóng góp có hiệu quả trong công tác Đảng, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, trong hoạt động thanh niên xung kích, sinh viên tình nguyện, giữ gìn an ninh trật tự, các hoạt động trong lớp, khoa, trong Ký túc xá, hoạt động xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao.

3. Có thành tích trong việc thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, bảo đảm an ninh, trật tự trong nhà trường, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, dũng cảm cứu người bị nạn, chống tiêu cực, tham nhũng.

4. Các thành tích đặc biệt khác do Hiệu trưởng quyết định.

5. Nội dung, hình thức và mức khen thưởng thường xuyên do Hiệu trưởng nhà trường quy định.

Điều 27. Nguyên tắc xét khen thưởng

1. Kịp thời, chính xác, khách quan, công bằng, dân chủ, đúng quy định.

2. Không xét khen thưởng đối với sinh viên đang trong quá trình xem xét xử lý kỷ luật; không khen thưởng đối với sinh viên đang trong thời gian kỷ luật.

3. Khen thưởng phải căn cứ vào tiêu chuẩn, thành tích đạt được của tập thể, sinh viên; thành tích đạt được có giá trị lan tỏa, phạm vi ảnh hưởng lớn có thể được khen thưởng ở mức cao hơn.

Điều 28. Danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn xét danh hiệu thi đua đối với sinh viên

1. Danh hiệu thi đua đối với sinh viên gồm 03 loại: khá, giỏi, xuất sắc.

2. Tiêu chuẩn xét:

a. Đạt danh hiệu sinh viên khá: xếp loại học tập và rèn luyện từ khá trở lên.

b. Đạt danh hiệu sinh viên giỏi: xếp loại học tập từ giỏi trở lên và xếp loại rèn luyện từ tốt trở lên.

- c. Đạt danh hiệu sinh viên xuất sắc: xếp loại học tập và rèn luyện xuất sắc.

Điều 29. Hình thức khen thưởng đối với tập thể, sinh viên

1. Giấy khen của Hiệu trưởng

Hiệu trưởng xem xét, quyết định tặng giấy khen cho tập thể và sinh viên theo đề xuất của Hội đồng thi đua, khen thưởng sinh viên của nhà trường.

2. Các hình thức khen thưởng khác của cấp trên theo quy định

Hiệu trưởng trình cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với các tập thể và sinh viên đạt thành tích đặc biệt xuất sắc theo quy định.

Điều 30. Trình tự, thủ tục xét khen thưởng

a. Căn cứ vào thành tích đạt được trong học tập và rèn luyện của sinh viên, Cố vấn học tập (CVHT) các lớp sinh viên tiến hành họp, lập danh sách kèm theo bản thành tích đề nghị khoa xem xét.

b. Khoa tổ chức họp, xét và đề nghị Hội đồng khen thưởng sinh viên của nhà trường xét duyệt.

c. Căn cứ vào đề nghị của khoa, Hội đồng khen thưởng sinh viên của nhà trường tổ chức xét và đề nghị Hiệu trưởng khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

d. Các hồ sơ đề nghị xét khen thưởng, Hội đồng khen thưởng sinh viên sẽ quy định thông qua các văn bản xét khen thưởng hàng năm.

Điều 31. Hội đồng thi đua, khen thưởng của trường

1. Hội đồng thi đua, khen thưởng sinh viên của nhà trường gồm:

a. Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền.

b. Thường trực Hội đồng: Lãnh đạo đơn vị được Hiệu trưởng phân công phụ trách công tác khen thưởng sinh viên.

c. Các ủy viên: đại diện các đơn vị có liên quan; Đoàn Thanh niên trường, Hội Sinh viên trường.

2. Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập và quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên.

Mục 2. KỶ LUẬT SINH VIÊN

Điều 32. Nguyên tắc xử lý kỷ luật đối với sinh viên

1. Bảo đảm khách quan, công bằng, công khai, minh bạch, nghiêm minh, đúng pháp luật và có tính giáo dục; nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, tinh thần, danh dự, nhân phẩm của sinh viên trong quá trình xử lý kỷ luật đối với sinh viên.

2. Mỗi hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một lần bằng một hình thức kỷ luật. Trong cùng một thời điểm xem xét xử lý kỷ luật, nếu sinh viên có nhiều hành vi vi phạm kỷ luật thì bị xử lý kỷ luật về từng hành vi vi phạm và chịu hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng đối với hành vi vi phạm nặng nhất, trừ trường hợp bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi học.

3. Chưa tổ chức xem xét kỷ luật đối với sinh viên đang trong thời gian nghỉ điều trị bệnh; nghỉ học được sự đồng ý của nhà trường; chờ kết quả của cơ quan có thẩm quyền điều tra, xác minh hành vi vi phạm.

4. Việc xem xét kỷ luật phải căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ, tác hại của hành vi vi phạm, nguyên nhân vi phạm; các chứng cứ thu nhận được; thái độ tiếp thu và sửa chữa vi phạm, khắc phục hậu quả đã gây ra. Sinh viên bị xem xét kỷ luật được tham dự họp xét kỷ luật, được tự mình hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân.

5. Sinh viên đang trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật mà tiếp tục có hành vi vi phạm thì bị áp dụng hình thức kỷ luật như sau:

a. Nếu có hành vi vi phạm kỷ luật bị xử lý kỷ luật ở hình thức nhẹ hơn hoặc bằng so với hình thức kỷ luật đang thi hành thì áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật đang thi hành.

b. Nếu có hành vi vi phạm kỷ luật bị xử lý kỷ luật ở hình thức nặng hơn so với hình thức kỷ luật đang thi hành thì áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng đối với hành vi vi phạm kỷ luật mới.

Điều 33. Hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật

1. Sinh viên vi phạm các nội dung được quy định tại Điều 6, chương I của Quy chế này thì bị xem xét xử lý kỷ luật:

2. Mức độ của hành vi vi phạm được xác định như sau:

a. Vi phạm ít nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ tác hại không lớn, tác động trong phạm vi của một lớp.

b. Vi phạm nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, tác động trong phạm vi nhiều lớp, khoa của nhà trường, gây dư luận xấu trong nhà trường hoặc ngoài nhà trường.

c. Vi phạm rất nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại rất lớn, phạm vi tác động ngoài nhà trường, gây dư luận bức xúc trong tập thể nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, nhân viên, người học của cơ sở giáo dục, làm ảnh hưởng đến uy tín của nhà trường.

d. Vi phạm đặc biệt nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại đặc biệt lớn, phạm vi tác động đến toàn xã hội, gây dư luận rất bức xúc trong tập thể nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, nhân viên, người học của cơ sở giáo dục, làm ảnh hưởng lớn đến uy tín của nhà trường.

Điều 34. Hình thức kỷ luật đối với sinh viên

1. Khiển trách.

2. Cảnh cáo.

3. Đình chỉ học tập/đình chỉ cấp bằng tốt nghiệp có thời hạn.

4. Buộc thôi học.

Điều 35. Mức độ xử lý kỷ luật

Sinh viên có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 33 Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật tương ứng với một trong các hình thức sau:

1. Hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với sinh viên có hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 33 Quy chế này.

2. Hình thức kỷ luật cảnh cáo áp dụng đối với sinh viên đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách mà tái phạm hoặc có hành vi vi phạm lần đầu nhưng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 33 Quy chế này.

3. Hình thức kỷ luật đình chỉ học tập có thời hạn áp dụng đối với sinh viên đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo mà tái phạm hoặc có hành vi vi phạm lần đầu nhưng thuộc trường hợp quy định tại điểm c Điều 33 Quy chế này hoặc vi phạm pháp luật hình sự mà bị áp dụng hình phạt chính là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

4. Hình thức kỷ luật buộc thôi học áp dụng đối với sinh viên đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức đình chỉ học tập có thời hạn mà tái phạm hoặc có hành vi vi phạm lần đầu nhưng thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 33 Quy chế này hoặc vi phạm pháp luật hình sự mà bị áp dụng hình phạt tù.

Điều 36. Trình tự, thủ tục và hồ sơ xét kỷ luật

1. Thủ tục xét kỷ luật:

a. Sinh viên có hành vi vi phạm phải làm bản tự kiểm điểm và tự nhận hình thức kỷ luật. Trong trường hợp sinh viên không chấp hành làm bản tự kiểm điểm thì Hội đồng kỷ luật sinh viên vẫn họp để xử lý trên cơ sở các chứng cứ thu thập được.

b. CVHT chủ trì họp với tập thể lớp sinh viên, phân tích và đề nghị hình thức kỷ luật gửi khoa.

c. Khoa đề nghị hình thức kỷ luật gửi Hội đồng kỷ luật sinh viên của trường.

d. Hội đồng kỷ luật sinh viên của trường tổ chức họp để xét kỷ luật, thành phần bao gồm: các thành viên của Hội đồng, đại diện tập thể lớp sinh viên có sinh viên vi phạm và sinh viên có hành vi vi phạm. Sinh viên vi phạm kỷ luật đã được mời mà không đến dự (nếu không có lý do chính đáng), không có bản tự kiểm điểm thì Hội đồng vẫn tiến hành họp và xét thêm khuyết điểm thiếu ý thức tổ chức kỷ luật.

Hội đồng kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật, đề nghị Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định kỷ luật bằng văn bản.

2. Hồ sơ xử lý kỷ luật của sinh viên:

a. Bản tự kiểm điểm (nếu có).

b. Biên bản họp lớp của tập thể lớp sinh viên họp kiểm điểm sinh viên có hành vi vi phạm.

c. Biên bản họp hội đồng của khoa.

d. Các tài liệu có liên quan.

Điều 37. Hội đồng kỷ luật sinh viên của nhà trường

1. Hội đồng kỷ luật sinh viên của nhà trường gồm:

Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền.

b. Thường trực Hội đồng là Thủ trưởng đơn vị phụ trách công tác sinh viên của nhà trường.

c. Các ủy viên gồm: Cá nhân được giao phụ trách sinh viên bị xem xét kỷ luật; đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên nhà trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2. Hội đồng kỷ luật sinh viên của nhà trường do Hiệu trưởng quyết định thành lập để xét kỷ luật đối với từng sinh viên vi phạm và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 38. Thời hạn, hiệu lực của quyết định kỷ luật

1. Đối với hình thức kỷ luật khiển trách: Sau 03 tháng kể từ ngày quyết định kỷ luật được ban hành, nếu sinh viên không tiếp tục vi phạm hoặc không có hành vi vi phạm đến mức bị xử lý kỷ luật thì quyết định kỷ luật đương nhiên chấm dứt hiệu lực và sinh viên được hưởng quyền lợi của mình kể từ ngày quyết định kỷ luật chấm dứt hiệu lực. Đối với hình thức kỷ luật cảnh cáo: Sau 06 tháng kể từ ngày quyết định kỷ luật được ban hành, nếu sinh viên không tiếp tục vi phạm hoặc không có hành vi vi phạm đến mức bị xử lý kỷ luật thì quyết định kỷ luật đương nhiên chấm dứt hiệu lực và sinh viên được hưởng quyền lợi của mình kể từ ngày quyết định kỷ luật chấm dứt hiệu lực.

2. Đối với hình thức kỷ luật đình chỉ học tập/đình chỉ cấp bằng có thời hạn: Khi hết thời hạn đình chỉ nếu sinh viên không tiếp tục vi phạm hoặc không có các hành vi vi phạm đến mức độ bị xử lý kỷ luật thì sinh viên được hưởng quyền lợi của mình kể từ ngày quyết định tiếp nhận quay trở lại học tập/cấp bằng có hiệu lực. Hiệu trưởng ban hành quyết định thu nhận sinh viên quay trở lại học tập.

3. Quyết định kỷ luật sinh viên phải ghi cụ thể: Hình thức, thời hạn, lý do sinh viên bị thi hành kỷ luật, các quyền lợi mà sinh viên bị kỷ luật không được hưởng trong thời gian bị thi hành kỷ luật. Thời hạn cụ thể tính từ thời điểm ban hành quyết định kỷ luật đến thời điểm hết thời hạn bị kỷ luật.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG TRƯỜNG

Điều 39. Hiệu trưởng nhà trường

1. Hiệu trưởng quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của Phòng Công tác sinh viên và các đơn vị phụ trách các nội dung công tác sinh viên của nhà trường. Chỉ đạo, tổ chức quản lý các hoạt động của công tác sinh viên. Bố trí các nguồn lực nhằm đảm bảo thực hiện tốt các nội dung của công tác sinh viên.

2. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngành và địa phương trong công tác sinh viên; tạo điều kiện cho sinh viên thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ của mình.

3. Chỉ đạo tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” đầu năm học theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hằng năm, tổ chức đối thoại với sinh viên để cung cấp thông tin cần thiết cho sinh viên, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và giải quyết kịp thời những thắc mắc, nhu cầu chính đáng của sinh viên.

4. Đảm bảo các điều kiện để phát huy hiệu quả vai trò của tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên trong công tác sinh viên; chú trọng công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho sinh viên.

5. Quyết định sự tham gia của sinh viên mang tính chất đại diện cho trường khi có sự huy động của địa phương, các cấp, các ngành hoặc các tổ chức khác.

6. Trong một số trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng có quyết định phân công hoặc ủy quyền cho Phó Hiệu trưởng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về công tác sinh viên của trường.

Điều 40. Các đơn vị/cá nhân phụ trách công tác sinh viên

1. Phòng Công tác sinh viên là đơn vị chủ trì, tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện công tác sinh viên của nhà trường.

2. Các Khoa: là đơn vị trực tiếp quản lý toàn diện sinh viên và triển khai thực hiện các hoạt động học tập, rèn luyện của sinh viên thông qua hệ thống CVHT và chuyên viên quản lý sinh viên cấp khoa (gọi tắt là quản sinh khoa). Nhiệm vụ của quản sinh khoa thực hiện theo quy định do Hiệu trưởng ban hành.

Tổ chức các phong trào thi đua trong khoa; chức đánh giá, bình bầu và khen thưởng cho tập thể, cá nhân sinh viên đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện; tổ chức cho sinh viên nghiên cứu khoa học, các cuộc thi về học thuật và các hoạt động khuyến khích học tập khác.

3. CVHT là giảng viên các khoa được Hiệu trưởng nhà trường phân công kiêm nhiệm cố vấn học tập, hướng dẫn các hoạt động học tập và rèn luyện cho sinh viên, hướng dẫn sinh viên thực hiện tốt nội quy, quy định và các quy chế đào tạo của nhà trường. Nhiệm vụ của CVHT thực hiện theo quy định do Hiệu trưởng ban hành.

4. Các đơn vị được Hiệu trưởng giao chủ trì, phụ trách thực hiện nội dung công tác sinh viên có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện, chịu trách nhiệm chính trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện.

5. Các nhiệm vụ khác về công tác sinh viên, căn cứ tình hình thực tế của Nhà trường, Hiệu trưởng có phân công bằng văn bản cho các đơn vị có liên quan.

Điều 41. Công tác báo cáo, khen thưởng, kỷ luật

1. Phòng Công tác sinh viên, các khoa, các đơn vị được phân công thực hiện công tác sinh viên báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cho Hiệu trưởng khi hết thúc mỗi học kỳ, năm học hoặc khi có yêu cầu (Báo cáo gửi qua Phòng Công tác sinh viên).

2. Các đơn vị, cá nhân trong nhà trường có thành tích trong công tác sinh viên được xét khen thưởng theo quy định.

3. Các cá nhân vi phạm quy định về công tác sinh viên tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định./.

Trích Khung xử lý kỷ luật sinh viên

Trường Đại học Lạc Hồng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 839/QĐ-ĐHLH

Ngày 28 /8/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng)

STT	Nội dung vi phạm	Số lần vi phạm và hình thức xử lý (Số lần tính trong cả khóa học; trường hợp khác sẽ thực hiện số lần theo mục ghi chú)				Ghi chú
		Khiển trách	Cảnh cáo	Đình chỉ có thời hạn	Buộc thời học	
1.	Vô lễ với giảng viên, cán bộ và nhân viên nhà trường.					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học
2.	Người mượn hộ hoặc cho mượn thẻ sinh viên hay các loại thẻ sử dụng trong phạm vi nhà trường					Tùy theo mức độ, xử lý từ nhắc nhở đến đình chỉ học tập 01 năm học
3.	Không đeo thẻ sinh viên trong khuôn viên trường	Lần 3	Lần 4			Lần 1, lần 2 nhắc nhở. Số lần tính trong một học kỳ
4.	Mang mặc không đúng quy định của trường	Lần 3	Lần 4			Lần 1, lần 2 nhắc nhở. Số lần tính trong một học kỳ
5.	Vi phạm quy tắc ứng xử của người học tại Trường Đại học Lạc Hồng					Tùy theo mức độ xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học.
6.	Hút thuốc lá trong khuôn viên trường	Lần 3	Lần 4 trở lên			
7.	Học thay hoặc nhờ người khác học thay		Lần 1	Lần 2	Lần 3	
8.	Đe dọa, hành hung giảng viên, cán bộ, nhân viên và sinh viên trong nhà trường		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Tùy theo mức độ có thể giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
9.	Thi, kiểm tra thay, hoặc nhờ thi, kiểm tra thay; làm thay, nhờ làm hoặc sao			Lần 1	Lần 2	

STT	Nội dung vi phạm	Số lần vi phạm và hình thức xử lý (Số lần tính trong cả khóa học; trường hợp khác sẽ thực hiện số lần theo mục ghi chú)				Ghi chú
		Khiển trách	Cảnh cáo	Đình chỉ có thời hạn	Buộc thời học	
	chép tiểu luận, đồ án, khóa luận tốt nghiệp					
10.	Tổ chức học, thi, kiểm tra thay; tổ chức làm thay tiểu luận, đồ án, khóa luận tốt nghiệp				Lần 1	Tùy theo mức độ có thể giao cho cơ quan chức năng lý theo quy định của pháp luật
11.	Mang tài liệu vào phòng thi, đưa đề thi ra ngoài nhờ làm thay, ném tài liệu vào phòng thi, vẽ bậy vào bài thi; bỏ thi không có lý do chính đáng và các hình thức gian lận khác trong học tập, thi, kiểm tra		Lần 1	Lần 2		Xử lý theo quy chế đào tạo
12.	Sử dụng bằng cấp, chứng chỉ giả trong nhà trường			Lần 1	Lần 2	Tùy theo mức độ có thể giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
13.	Vi phạm quy định về vệ sinh phòng học và các khu công cộng khác trong khuôn viên trường					Tùy theo mức độ xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học và bồi thường thiệt hại theo quy định của nhà trường
14.	Làm hư hỏng tài sản của trường					Tùy theo mức độ xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học và phải bồi thường thiệt

STT	Nội dung vi phạm	Số lần vi phạm và hình thức xử lý (Số lần tính trong cả khóa học; trường hợp khác sẽ thực hiện số lần theo mục ghi chú)				Ghi chú
		Khiển trách	Cảnh cáo	Đình chỉ có thời hạn	Buộc thời học	
						hại theo quy định của nhà trường
15.	Ném pin, phấn và vật cứng,...vào nhà dân và sân trường					Tùy theo mức độ xử lý từ nhắc nhở đến cảnh cáo. Nếu nghiêm trọng giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
16.	Uống rượu, bia trong giờ học; say rượu, bia khi n lớp	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	
17.	Đánh bạc dư i mọi hình thức	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Tùy theo mức độ có thể giao cho cơ quan chức năng lý theo quy nh của pháp luật
18.	Tàng trữ, lưu hành, truy cập, sử dụng sản phẩm văn hóa phẩm đồi trụy hoặc tham gia các hoạt động mê tín dị đoan, hoạt đ ng tôn giáo trái phép trong nhà trường	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Nếu nghiêm trọng giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
19.	Buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, lôi kéo người khác sử dụng ma túy				Lần 1	Giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
20.	Sử dụng ma túy					Xử lý theo quy định về xử lý sinh viên liên quan đến ma túy
21.	Chứa chấp, môi giới mại dâm; hoạt động mại dâm				Lần 1	Giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy

STT	Nội dung vi phạm	Số lần vi phạm và hình thức xử lý (Số lần tính trong cả khóa học; trường hợp khác sẽ thực hiện số lần theo mục ghi chú)				Ghi chú
		Khiển trách	Cảnh cáo	Đình chỉ có thời hạn	Buộc thôi học	
						định của pháp luật
22.	Lấy cắp tài sản, chứa chấp, tiêu thụ tài sản do lấy cắp mà có		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Tùy theo mức độ xử lý từ cảnh cáo đến buộc thôi học. Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
23.	Chứa chấp buôn bán vũ khí, chất nổ, chất dễ cháy và hàng cấm theo quy định của Nhà nước				Lần 1	Giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
24.	Đưa p n tử xấu vào trong trường, Khu Nội trú gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự trong nhà trường		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Tùy theo mức độ xử lý từ cảnh cáo đến buộc thôi học. Nếu nghiêm trọng có thể giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
25.	Đánh nhau, tổ chức hoặc tham gia tổ chức đánh nhau		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Nếu nghiêm trọng giao cho cơ quan ch c năng xử lý theo quy nh của pháp luật
26.	Kích động, lôi kéo người khác biểu tình, viết truyền đơn, áp phích trái pháp luật			Lần 1	Lần 2	Nếu nghiêm trọng giao cho cơ quan ch c năng xử lý theo quy đ nh của pháp luật

STT	Nội dung vi phạm	Số lần vi phạm và hình thức xử lý (Số lần tính trong cả khóa học; trường hợp khác sẽ thực hiện số lần theo mục ghi chú)				Ghi chú
		Khiển trách	Cảnh cáo	Đình chỉ có thời hạn	Buộc thời học	
27.	Tham gia biểu tình, tụ tập đông người, khiếu kiện trái quy định của pháp luật	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Nếu nghiêm trọng giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
28.	Đăng tải, bình luận, chia sẻ bài viết, hình ảnh có nội dung dung tục, bạo lực, đồi trụy, xâm phạm an ninh quốc gia, chống phá Đảng và Nhà nước, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân trên mạng internet					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học. Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
29.	Vi phạm các quy định về an toàn giao thông, quy định nội trú, ngoại trú					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học
30.	Có hành động quấy rối, dâm ô, xâm phạm nhân phẩm, đời tư của người khác					Tùy theo mức độ xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học. Nếu nghiêm trọng có thể giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật

STT	Nội dung vi phạm	Số lần vi phạm và hình thức xử lý (Số lần tính trong cả khóa học; trường hợp khác sẽ thực hiện số lần theo mục ghi chú)				Ghi chú
		Khiển trách	Cảnh cáo	Đình chỉ có thời hạn	Buộc thời học	
31.	Các vi phạm khác					Tùy theo mức độ, nhà trường xem xét, nhắc nhở, phê bình, trừ điểm rèn luyện hoặc xử lý kỷ luật từ khiển trách đến buộc thôi học

QUY TRÌNH

Giải quyết hồ sơ chính sách sinh viên

3. Mục đích

Nhằm thống nhất trình tự các bước thực hiện việc cấp giấy xác nhận chính sách cho sinh viên; giải quyết nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo quyền lợi chính đáng của sinh viên.

4. Phạm vi áp dụng

Sinh viên đang theo học tại Trường Đại học Lạc Hồng.

5. Tài liệu tham chiếu

Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực đào tạo.

Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết và biện pháp thi hành phép lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

Nghị định 55/2023 -CP ngày 21/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 của Chính phủ, quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

6. Định nghĩa, Chữ viết tắt

6.1 Định nghĩa

Hồ sơ chính sách cho sinh viên là nháp biểu mẫu theo quy định của pháp luật hiện hành mà sinh viên cần điền thông tin cá nhân và nhà trường xác nhận những thông tin đó là chính xác, “Hồ sơ chính sách” cho sinh viên bao gồm:

- Giấy xác nhận vay vốn sinh viên theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg, ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành;
- Giấy xác nhận miễn giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành;
- Giấy xác nhận ưu đãi giáo dục theo Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành.

6.2 Chữ viết tắt

- Phòng Công tác sinh viên: P. CTSV
- Sinh viên: SV

7. Nội dung quy trình giải quyết hồ sơ chính sách sinh viên

7.1 Quy trình giải quyết hồ sơ chính sách sinh viên dành cho sinh viên đăng ký trực tiếp tại P. CTSV

5.1.1 Lưu đồ

Bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm
1	<pre> graph TD A([Đăng ký thủ tục]) --> B{Kiểm tra hồ sơ} B -- "Sai thông Đăng ký" -.-> A B --> C[Xuất giấy xác nhận trên hệ thống] C --> D[Trình ký] D --> E[Xác nhận hoàn thành trên hệ thống] E --> F[Trả kết quả] F --> G([Lưu trữ hồ sơ]) </pre>	SV
2		P. CTSV
3		P. CTSV
4		P. CTSV
5		P. CTSV
6		- P. CTSV - SV
7		P. CTSV

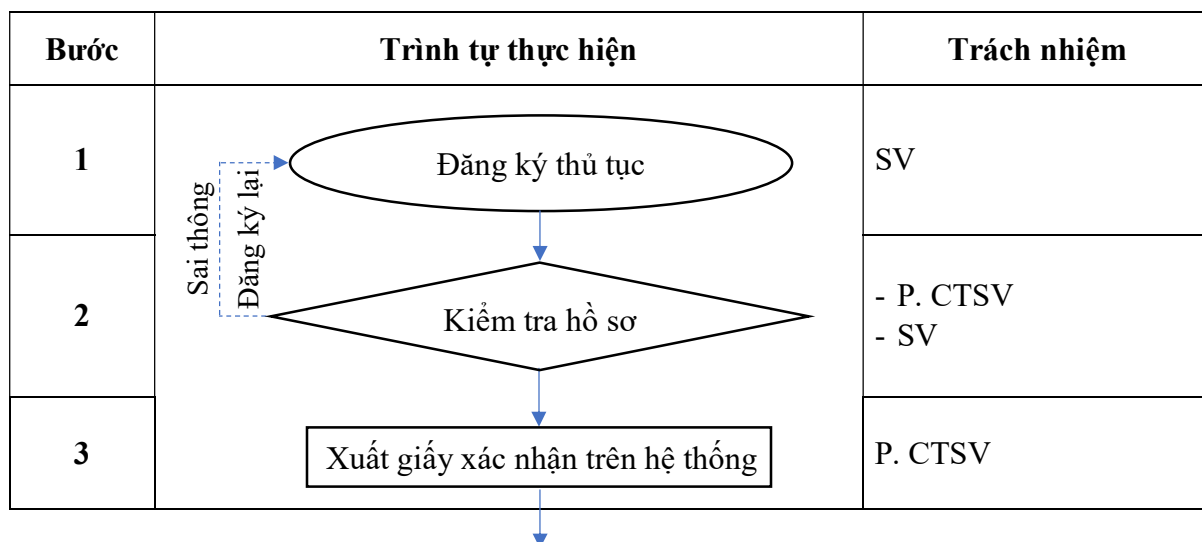
5.1.2 Mô tả lưu đ

Nội dung thực hiện công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Biểu mẫu
Bước 1: Đăng ký thủ tục SV đăng ký tiếp tại P. CTSV (D201 - cơ sở 2) cần mang theo các giấy tờ sau: ➤ Thẻ sinh viên/ Căn cước công dân. ➤ Biên lai học phí kỳ gần nhất (Trường hợp quá hạn đóng học phí, SV cần có đơn gia hạn đóng học phí hoặc biên lai kỳ hiện tại).	Trong giờ hành chính: - Sáng: 07h30-11h30 - Chiều: 13h00-16h30	SV	- Vay vốn SV: 01-TDSV-Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg - Miễn giảm học phí: phụ lục VIII – Nghị định số 81/2021/NĐ-CP - Ưu đãi giáo c: Mẫu số 41 – Nghị định số 131/2021/NĐ-CP
Bước 2: Kiểm tra hồ sơ P.CTSV kiểm tra thông tin SV đăng ký. Nếu có sai sót, P.CTSV hướng dẫn SV đi chỉnh thông tin.	Ngay sau khi SV điền hồ sơ	P. CTSV	

Nội dung thực hiện công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Biểu mẫu
Bước 3: Xuất giấy xác nhận trên hệ thống P.CTSV xuất giấy xác nhận chính sách SV trên hệ thống Certification manager	Ngay sau khi hồ sơ đúng thông tin	P. CTSV	
Bước 4: Trình ký P.CTSV trình Hiệu trưởng ký giấy xác nhận chính sách SV	Tối đa 02 ngày sau khi xuất giấy ở bước 3	P. CTSV	
Bước 5: Xác nhận hoàn thành trên hệ thống Xác nhận hoàn thành trên hệ thống Certification manager hệ thống tự động thông báo SV đến nhận giấy xác nhận chính sách	Ngay sau khi Hiệu trưởng ký giấy	P. CTSV	
Bước 6: Trả kết quả - SV liên hệ P.CTSV theo thông báo của hệ thống để nhận giấy xác nhận chính sách đã đăng ký. Khi SV đến nhận giấy cần mang theo thẻ sinh viên/căn cước công dân. - P. CTSV bàn giao giấy xác nhận chính sách cho SV; SV ký nhận.	Trong giờ hành chính	- P. CTSV - SV	
Bước 7: Lưu trữ hồ sơ Lưu trữ sổ đăng ký/số ký nhận hồ sơ chính sách của sinh viên.	Học kỳ	P. CTSV	

5.2 Quy trình giải quyết hồ sơ chính sách sinh viên dành cho sinh viên đăng ký trực tuyến trên hệ thống

5.2.1 Lưu đồ



4	Trình ký	P. CTSV
5	Xác nhận hoàn thành trên hệ thống	P. CTSV
6	Trả kết quả	- P. CTSV - SV
7	Lưu trữ hồ sơ	P. CTSV

5.2.2 Mô tả lưu đ

Nội dung thực hiện công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Biểu mẫu
Bước 1: Đăng ký thủ tục SV đăng ký t c tuyển trên website của Nhà trường https://sinhviendanghoc.lhu.edu.vn → Cấp giấy chứng nhận → Giấy xác nhận vay vốn.		SV	Vay vốn SV: 01-TDSV-Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg
Bước 2: Kiểm tra hồ sơ P. CTSV liên hệ SV qua số điện thoại mà SV cung cấp trong quá trình đăng ký trực tuyến để kiểm tra thông tin SV (số CCCD, ngày cấp, nơi cấp, mã số SV...). - Trường hợp thông tin đúng: chuyển qua bước 3. - Trường hợp thông tin sai: cán bộ P. CTSV hỗ trợ SV điều chỉnh lại thông tin bị sai trên hệ thống. Sau đó, chuyển qua bước 3.	Ngay sau khi SV đăng ký tr c tuyển	- P. CTSV - SV	
Bước 3: Xuất giấy xác nhận trên hệ thống P.CTSV xuất giấy xác nhận chính sách SV trên hệ thống Certification manager	Ngay sau khi hồ sơ đúng thông tin	P. CTSV	
Bước 4: Trình ký P.CTSV trình Hiệu ng ký giấy xác nhận chính sách SV	Tối đ 02 ngày sau khi xuất giấy ở bước 3	P. CTSV	
Bước 5: Xác nhận hoàn thành trên hệ thống	Ngay sau khi	P. CTSV	

Nội dung thực hiện công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Biểu mẫu
Xác nhận hoàn thành trên hệ thống Certification manager hệ thống tự động thông báo SV đến nhận giấy xác nhận chính sách	Hiệu trưởng ký giấy		
Bước 6: Trả kết quả - SV liên hệ P.CTSV theo thông báo của hệ thống để nhận giấy xác nhận chính sách đã đăng ký. Khi SV nhận giấy cần mang theo thẻ sinh viên/căn cước công dân. - P. CTSV bàn giao giấy xác nhận chính sách cho SV; SV ký nhận.	Trong giờ hành chính	- P. CTSV - SV	
Bước 7: Lưu trữ hồ sơ Lưu trữ sổ đăng ký/s ký nhận hồ sơ chính sách của sinh viên.	Học kỳ	P. CTSV	

6 Biểu mẫu liên quan

Stt	Mã số	Tên biểu mẫu
1	P.CTSV/QT/05/BM01	Giấy xác nhận vay vốn sinh viên theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành
2	P.CTSV/QT/05/BM02	Phụ lục VIII-Miễn giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ ban hành
3	P.CTSV/QT/05/BM03	Mẫu số 41 – Ưu đãi giáo dục theo Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ ban hành

QUY TẮC ỨNG XỬ
của người học tại Trường Đại học Lạc Hồng

*Trích theo Quyết định số 269 /QĐ-ĐHLH ngày 06 tháng 4 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy tắc này quy định các chuẩn mực ứng xử trong Nhà trường.
2. Quy tắc này áp dụng đối với cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học đang công tác, học tập tại Trường Đại học Lạc Hồng.

Điều 2. Mục đích

1. Xây dựng văn hóa ứng xử Nhà trường văn minh, hiện đại, phù hợp với truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước và điều kiện thực tiễn của Nhà trường đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện và phòng, chống bạo lực học đường.
2. Quy định cách ứng xử thể hiện tính văn minh, lịch sự, tôn trọng mọi người và tôn trọng bản thân; góp phần giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống lành mạnh; xây dựng phong cách ứng xử chuẩn mực của tập thể sư phạm Nhà trường và người học.
3. Là căn cứ để đánh giá, xét khen thưởng và kỷ luật khi vi phạm các chuẩn mực của quy tắc ứng xử.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Văn hóa Lạc Hồng: là tập hợp của những đặc trưng về vật chất và tinh thần tạo nên các giá trị về đạo đức, trí tuệ và sáng tạo đã và đang hình thành, phát triển tại Trường Đại học Lạc Hồng. Xây dựng văn hoá Lạc Hồng là cơ sở, là nền tảng để góp phần thực hiện giá trị cốt lõi của Nhà trường về đạo đức-trí tuệ-sáng tạo.
2. Ứng xử: là biểu hiện khi giao tiếp, thể hiện phản ứng của con người đứng trước một hoàn cảnh, tình huống nào đó được thể hiện rõ nét qua thái độ, cử chỉ, hành động và lời nói của con người.
3. Văn hóa ứng xử: là thái độ, hành vi ứng xử của con người với cá thể, tập thể và cộng đồng theo những giá trị, chuẩn mực văn hóa, văn minh luôn phù hợp với yêu cầu và lợi ích xã hội.

Chương III
VĂN HÓA ỨNG XỬ ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC

Điều 13. Những điều người học không được làm

1. Người học không có những hành vi, biểu hiện thiếu văn hóa như nói tục, chửi bậy, cãi nhau, dự họp khi không được phép, không sử dụng điện thoại với mục đích riêng trong giờ học trừ các trường hợp khi được giáo viên cho phép.
2. Không xúc phạm danh dự, nhân phẩm, thân thể người khác.
3. Không vi phạm quy chế công tác sinh viên đối với người học.

Điều 14. Ứng xử với bản thân và gia đình

1. Sống có trách nhiệm và tôn trọng bản thân, không làm những việc trái quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng tới danh dự của bản thân và gia đình. Có lòng trọng, tính trung thực, khách quan và khiêm tốn. Luôn có ý thức vượt khó vươn lên để hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

2. Có ý thức phấn đấu trong học tập và rèn luyện, tu dưỡng đạo đức; rèn luyện lối sống tự lập, lành mạnh, tiết kiệm. Nghiêm túc chấp hành nhiệm vụ của người học tại các quy chế, quy định.

3. Là công dân tốt nơi cư trú.

Điều 15. Ứng xử với bạn bè, người học trong Trường

1. Luôn tôn trọng, chân thành và thân thiện; đoàn kết, cởi mở, cảm thông, chia sẻ, xây dựng mối quan hệ bạn bè trong sáng, lành mạnh, động viên và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Thẳng thắn phê bình, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, tiêu cực.

2. Không ganh ghét, đố kỵ, bè phái, mất đoàn kết, phản ánh sai sự thật làm tổn thương đến tinh thần và xâm phạm thân thể lẫn nhau. Không chạy theo chủ nghĩa thành tích, không bao che khuyết điểm.

3. Sử dụng ngôn từ trong sáng, không nói tục, chửi bậy; hành vi và cử chỉ chuẩn mực.

4. Thể hiện đức tính khiêm tốn, cầu thị; biết nhận lỗi và sửa lỗi khi sai sót.

Điều 16. Ứng xử với cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Trường

1. Kính trọng, lễ phép, đúng mực với cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Trường. Thái độ chào hỏi, ngôn ngữ trong xưng hô thể hiện sự "tôn sư, trọng đạo". Không sử dụng mạng xã hội, trang thông tin điện tử, diễn đàn mạng để đăng tin và bình luận thiếu tính xây dựng về Nhà trường; phán xét, nhận định không đúng sự thật theo chiều hướng tiêu cực đối với cán bộ, giảng viên, nhân viên Trường.

2. Có thái độ tích cực khi bày tỏ ý kiến và nguyện vọng của mình, của tập thể đối với Nhà trường, các đơn vị trong Nhà trường và với từng cán bộ, giảng viên, nhân viên trên tinh thần thẳng thắn, chân thành, trung thực và mang tính xây dựng.

3. Tích cực hợp tác với cán bộ, giảng viên, nhân viên trong hoạt động giáo dục và đào tạo.

4. Không sử dụng vật chất, tiền bạc và những mối quan hệ cá nhân đặc biệt làm “công cụ” tạo sự thiên vị, mưu cầu lợi ích của cá nhân, lợi ích nhóm.

5. Dừng cầm đầu tranh, lên án hành vi vụ lợi cá nhân; những cá nhân lợi dụng việc chung để thực hiện những hành vi vi phạm phẩm chất đạo đức, làm xấu mối quan hệ thầy - trò trong Nhà trường. Mạnh dạn báo cáo và đề nghị Nhà trường làm sáng tỏ mọi hành vi trù dập, đe dọa, gợi ý tiêu cực của cán bộ, giảng viên, nhân viên với người học.

Điều 17. Ứng xử với khách đến thăm và làm việc tại Trường

1. Khi có khách đến thăm và làm việc tại trường, người học phải có tinh thần hợp tác, cởi mở, lịch thiệp trong giao tiếp.

2. Nhiệt tình giúp đỡ, hướng dẫn và giải thích trong giới hạn cho phép và hiểu biết của mình khi khách cần sự trợ giúp.

Điều 18. Ứng xử với cơ quan, tổ chức, cá nhân ngoài Trường

1. Ứng xử văn hóa, nhã nhặn, lắng nghe, tôn trọng ý kiến của tổ chức, cá nhân và nghiêm túc chấp hành quy định của pháp luật, nội quy, quy định của các cơ quan, tổ chức.

2. Không vi phạm các chuẩn mực về thuần phong, mỹ tục tại nơi công cộng để bảo đảm sự tiến bộ, văn minh của xã hội. Không chen lấn, xô đẩy nhau nơi công cộng. Kính trọng người lớn tuổi, có ý thức giúp đỡ, ưu tiên người già, người khuyết tật, phụ nữ mang thai và trẻ em.

Điều 19. Ứng xử ở nơi cư trú

1. Tích cực tham gia các hoạt động ở nơi cư trú, chịu sự giám sát của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể nơi cư trú.

2. Tích cực tuyên truyền, vận động người thân trong gia đình chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của nơi cư trú và tuân thủ pháp luật.

3. Không vi phạm các quy định về đạo đức công dân đã được pháp luật quy định hoặc đã được cộng đồng dân cư thông nhất thực hiện.

Điều 20. Ứng xử trong học tập, rèn luyện

1. Thực hiện nghiêm túc các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Nhà trường như: quy chế về đào tạo, khảo thí, đảm bảo chất lượng, công tác sinh viên, quy định nội trú, ngoại trú...

2. Có ý thức tự học, tự giác và tích cực, chủ động trong quá trình tiếp nhận kiến thức tại các giờ giảng, tích cực tham gia thảo luận, tranh luận trên lớp, hoàn thành tốt và đúng thời hạn các bài tập được giao..., tích cực vận dụng sáng tạo kiến thức vào thực tế cuộc sống.

3. Trung thực, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện. Không gian lận trong thi cử dưới mọi hình thức. Trình bày bài thi sạch sẽ, có trách nhiệm để vừa thể hiện sự tôn trọng giảng viên, vừa thể hiện sự tôn trọng kiến thức và tôn trọng bản thân.

4. Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động cộng đồng và các phong trào thi đua trong và ngoài Nhà trường phát động. Có ý thức tự rèn luyện các kỹ năng sống và học tập.

Điều 21. Ứng xử trong nghiên cứu khoa học

1. Trung thực trong quá trình thực hiện và công bố các tiểu luận, khóa luận, luận văn, luận án, công trình nghiên cứu khoa học.

2. Tôn trọng bản quyền; không đạo văn, đạo ý tưởng của người khác.

3. Không giả mạo hoặc làm sai lệch dữ liệu trong nghiên cứu khoa học.

4. Có trách nhiệm xây dựng và bảo vệ thương hiệu của Nhà trường trong cộng đồng nghiên cứu khoa học trong nước và quốc tế.

5. Kiên quyết đấu tranh đối với những hành vi tiêu cực trong nghiên cứu khoa học; không bao che, thỏa hiệp với tiêu cực trong khoa học.

Điều 22. Ứng xử trong hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Thực hiện nghiêm túc các quy chế, quy định, kế hoạch của Nhà trường về kết nối và phục vụ cộng đồng.

2. Có ý thức tự giác và tích cực, chủ động trong quá trình tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng; tích cực vận dụng sáng tạo kiến thức chuyên môn để mang lại giá trị tích cực và lan tỏa trong cộng đồng.

4. Có trách nhiệm xây dựng và bảo vệ thương hiệu của Nhà trường trong các hoạt động phục vụ cộng đồng.

5. Kiên quyết đấu tranh đối với những hành vi tiêu cực trong hoạt động phục vụ cộng đồng; không bao che, thỏa hiệp với tiêu cực trong hoạt động phục vụ cộng đồng.

Điều 23. Ứng xử trên mạng xã

1. Tìm hiểu và tuân thủ các điều khoản hướng dẫn sử dụng của nhà cung cấp dịch vụ mạng xã hội trước khi đăng ký, tham gia mạng xã hội.

2. Chia sẻ thông tin có nguồn chính thống, đáng tin cậy; có hành vi, ứng xử phù hợp với những giá trị đạo đức, văn hóa, truyền thống của dân tộc Việt Nam, không sử dụng ngôn từ gây thù hận, kích động bạo lực, phân biệt vùng miền, giới tính, tôn giáo.

3. Không đăng tải những nội dung vi phạm pháp luật, các thông tin xúc phạm danh dự, nhân phẩm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác, tung tin giả, tin sai sự thật, quảng cáo, kinh doanh dịch vụ trái phép... gây bức xúc trong dư luận xã hội, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội.

Sử dụng mạng xã hội để chia sẻ thông tin tích cực, tuyên truyền các hoạt động, hình ảnh, quảng bá giá trị văn hóa của Nhà trường, về đất nước - con người, văn hóa tốt đẹp của Việt Nam.

HỆ THỐNG THÔNG TIN TRƯỜNG I HỌC LẠC HỒNG

1. GIỚI THIỆU

Cổng thông tin chính thức của Trường Đại học Lạc Hồng là nền tảng số hóa toàn diện, cung cấp đầy đủ thông tin về các khoa, phòng ban, trung tâm, chương trình đào tạo và công tác tuyển sinh. Bên cạnh đó, website còn liên tục cập nhật tin tức, hình ảnh cùng các sự kiện, hoạt động nổi bật đang diễn ra tại Trường.

1.1. Các cổng thông tin và Website chính thức

Hệ thống cổng thông tin	Địa chỉ truy cập
Website Trường (Tiếng Việt)	http://lhu.edu.vn
Website Trường (Tiếng Anh)	https://en.lhu.edu.vn
Power By ASU	https://asu.lhu.edu.vn/ https://en-asu.lhu.edu.vn/
PBA	https://lhu.edu.vn/924/pba.html https://en.lhu.edu.vn/523/pba.html
Tuyển sinh	https://tuyensinh.lhu.edu.vn/
Tài nguyên học tập	https://tainguyen.lhu.edu.vn
Chương trình đào tạo	https://lhu.edu.vn/24/Chuong-trinh-dao-tao.html
Nghiên cứu khoa học	https://nckh.lhu.edu.vn/
Tạp chí khoa học	https://tapchikhoahoc.lhu.edu.vn/
Học phí, Học bổng	https://hocphilachonglhu.lhu.edu.vn/
Sinh viên tương lai	https://sinhvientuonglai.lhu.edu.vn/
Sinh viên đang học	https://sinhviendanghoc.lhu.edu.vn/
Phụ huynh	https://phuhuynh.lhu.edu.vn/
Cựu sinh viên	https://cuusv.lhu.edu.vn/
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	https://nnth.lhu.edu.vn
Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên	https://doanhoid.lhu.edu.vn
Đảng bộ	https://dangbo.lhu.edu.vn
Công đoàn	https://congdoan.lhu.edu.vn

Virtual Tour 360	https://360.lhu.edu.vn
Đảm bảo chất lượng	https://dambaochatluong.lhu.edu.vn/ https://en-dambaochatluong.lhu.edu.vn/
Nét p sinh viên	https://netdepsinhvien2026.lhu.edu.vn/
Tuyển dụng	https://lhu.edu.vn/319/Tuyen-dung.html
Ngày hội việc làm	https://careerfair.lhu.edu.vn/
Khởi nghiệp	https://khoinghiiep.lhu.edu.vn/
Hợp tác đối ngoại	https://hoptac.lhu.edu.vn/

1.2. Website các Khoa/ Ngành đào tạo

Trường Đại học Lạc Hồng cung cấp hệ thống cổng thông tin riêng biệt cho từng Khoa/ Ngành đào tạo bằng ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh.

Khoa/Ngành đào tạo	Địa chỉ truy cập
Khoa Sau Đại học	https://saudaihoc.lhu.edu.vn https://en-saudaihoc.lhu.edu.vn/
Khoa Dược	http://duoc.lhu.edu.vn https://en-duoc.lhu.edu.vn/
Khoa Công nghệ thông tin	http://cs.lhu.edu.vn https://en-cs.lhu.edu.vn/
Khoa Cơ điện - Điện tử	http://codien.lhu.edu.vn https://en-codien.lhu.edu.vn/
Khoa Kỹ thuật công trình	http://kc.lhu.edu.vn https://en-kc.lhu.edu.vn/
Khoa Khoa học và Công nghệ thực phẩm	http://cee.lhu.edu.vn https://en-cee.lhu.edu.vn/
Khoa Quản trị - Kinh tế quốc tế	http://qt.lhu.edu.vn https://en-qt.lhu.edu.vn/
Khoa Tài chính – Kế toán	http://tckt.lhu.edu.vn https://en-tckt.lhu.edu.vn/
Khoa Ngôn ngữ Anh	http://ed.lhu.edu.vn https://en-ed.lhu.edu.vn/
Khoa Đông phương	http://dp.lhu.edu.vn https://en-dp.lhu.edu.vn/

Ngôn ngữ Trung quốc	https://lhu.edu.vn/847/Nganh-Ngon-ngu-Trung-Quoc.html
Ngôn ngữ Hàn quốc	https://lhu.edu.vn/848/Nganh-Ngon-ngu-Han-quoc.html
Ngôn ngữ Nhật bản	https://lhu.edu.vn/15/Nganh-Ngon-ngu-Nhat-Ban.html https://jp-dp.lhu.edu.vn/
Ngành Quan hệ công chúng	https://qhcc.lhu.edu.vn/
Chương trì	https://lhu.edu.vn/941/Chuong-trinh-song-ngu.html https://en.lhu.edu.vn/935/Bilingual-Program.html

2. HỆ THỐNG CÁC ỨNG DỤNG PHỤC VỤ HỌC TẬP

Hệ thống công nghệ thông tin Trường Đại học Lạc Hồng là hệ sinh thái số hiện đại, tích hợp toàn diện các phần mềm và giải pháp tự động hóa nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, giảng dạy và học tập.

Đóng vai trò trung tâm trong hệ sinh thái này là **Cổng thông tin điện tử ME** – nơi tổng hợp đầy đủ các dịch vụ và tiện ích hỗ trợ sinh viên trong suốt quá trình học tập. Để truy cập và khai thác toàn bộ các dịch vụ số của Nhà trường, sinh viên chỉ cần đăng nhập duy nhất bằng Mã số sinh viên (MSSV) và mật khẩu được cấp. Trong lần đăng nhập đầu tiên, sinh viên thực hiện bổ sung các thông tin cá nhân bắt buộc (như số điện thoại, email) để hoàn tất kích hoạt và bảo mật tài khoản.

2.1. Cổng thông tin điện tử ME - <http://me.lhu.edu.vn> hoặc Me Apps

Cổng thông tin điện tử ME là kênh liên lạc trực tuyến giữa nhà trường và sinh viên, đóng vai trò là người bạn đồng hành xuyên suốt thời gian học tập và cả sau khi tốt nghiệp. Nền tảng cung cấp các tính năng:

- **Thông báo:** Nhận các thông tin quan trọng từ Trường, Khoa, Lớp, ...
- **Chia sẻ thông tin:** Chia sẻ thông tin cho cá nhân, nhóm mặc định của hệ thống hoặc nhóm do cá nhân tạo.
- **Thông tin cá nhân:** Quản lý thông tin tài khoản sinh viên email, số điện thoại, mật khẩu.
- **Chat ME:** Là ứng dụng nhắn tin được phát triển trên nền tảng ME, cho phép người dùng gửi tin nhắn, chia sẻ file một cách nhanh chóng và thuận tiện.

2.2. Hệ thống LMS – <https://lms.lhu.edu.vn/>

LMS là nền tảng quản lý, phân phối, theo dõi các hoạt động học tập trực tuyến

- **Sổ đầu bài điện tử:** Sinh viên đi học danh nhanh chóng bằng cách quét mã QR Code do giảng viên cung cấp tại lớp. Dữ liệu tự động ghi nhận, thống kê chính

xác số lượng sinh viên tham gia, vắng có phép và không phép. Giảng viên ghi nội dung bài giảng trực tiếp trên hệ thống.

- **Bảng điểm sinh viên:** Tích hợp quản lý theo dõi quá trình đánh giá điểm số của từng môn học.

2.3. Thi trực tuyến (Trắc nghiệm) - <https://etestonline.lhu.edu.vn/>

Hệ thống thi trắc nghiệm của trường Đại học Lạc Hồng là hình thức kiểm tra, đánh giá kiến thức và kỹ năng của sinh viên thông qua một nền tảng trực tuyến. Thay vì làm bài trên giấy, người thi sẽ sử dụng máy tính, máy tính bảng hoặc điện thoại có kết nối internet để trả lời các câu hỏi được thiết kế sẵn.

Giáo viên giảng dạy sẽ quyết định và chịu trách nhiệm về toàn bộ quá trình thi, bao gồm nội dung, hình thức và cấu trúc đề thi. Thông tin này sẽ được giáo viên thông báo cụ thể đến sinh viên.

2.4. Thi trực tuyến (Nộp bài thi trực tuyến) - <https://tesu.lhu.edu.vn/>

Hệ thống nộp bài thi trực tuyến, là một nền tảng phần mềm cho phép thí sinh làm bài thi tự luận trên giấy hoặc trên máy tính, sau đó upload bài làm của mình lên hệ thống dưới dạng file điện tử (ví dụ: PDF, ảnh, hoặc file Word).

Hình thức thi này thường được áp dụng cho các môn học yêu cầu thí sinh phải thể hiện khả năng phân tích, lập luận, trình bày, giải quyết vấn đề, hoặc các môn chuyên ngành.

2.5. LH Checkin – Điểm danh thông minh với QR Code -

<https://checkin.lhu.edu.vn/>

Hệ thống điểm danh QR Code tích hợp nhiều tính năng, giúp việc tổ chức và quản lý điểm danh trở nên dễ dàng và hiệu quả hơn. Tính năng nổi bật của hệ thống bao gồm:

- Điểm danh nhanh chóng: Quét mã QR bằng điện thoại trong vài giây với ứng dụng ME, không cần cài đặt ứng dụng phức tạp.
- Báo cáo chi tiết: Thống kê đầy đủ, xuất báo cáo điểm danh, dễ dàng theo dõi và quản lý.
- Thông báo tự động: Gửi thông báo tức thì, cập nhật tình hình điểm danh theo thời gian thực.

2.6. Tra cứu điểm thi - <http://mark.lhu.edu.vn>

Hệ thống hỗ trợ sinh viên tra cứu điểm học tập theo môn học, học kỳ.

2.7. Hệ thống học tập trực tuyến (e-Learning) - <https://learn.lhu.edu.vn>

Hệ thống học tập trực tuyến (e-Learning) của Trường Đại học Lạc Hồng được sử dụng để tổ chức các hoạt động học tập, giảng dạy và quản lý tài liệu. Sinh viên và giảng viên có thể sử dụng hệ thống này để:

- Tham gia các khóa học trực tuyến.
- Nhận và làm bài tập.
- Trao đổi tài liệu, giáo trình.
- Làm bài kiểm tra và bài thi.

Khi truy cập vào hệ thống, sinh viên chỉ cần chọn phương thức **"Log in using your account on: ME"** và sử dụng chính tài khoản ME (với tên đăng nhập là Mã số sinh viên) để đăng nhập dễ dàng mà không cần tạo thêm tài khoản mới.

Lưu ý: Sinh viên phải cập nhật đầy đủ các thông tin: email; số điện thoại của tài khoản ME để sử dụng hệ thống e-Learning.

2.8. Thư viện - Tài nguyên học tập - <http://lib.lhu.edu.vn>

Hệ thống tra cứu tài liệu của Trường Đại học Lạc Hồng. Đây là nơi lưu trữ và cung cấp các nguồn tài liệu học thuật cho sinh viên, giảng viên và cán bộ của trường. Trên trang web này, bạn có thể:

- Tra cứu và tìm kiếm các loại tài liệu in và tài liệu điện tử.
- Truy cập và sử dụng các cơ sở dữ liệu học thuật có bản quyền.
- Đọc và tải về các tài liệu, giáo trình do giảng viên của trường biên soạn.
- Ngoài ra hệ thống cho phép người dùng gia hạn và đăng ký mượn online
 - o Đăng ký mượn online: cho phép các giảng viên đăng ký mượn sách trước khi đến thư viện nhận sách.
 - o Gia hạn sách online: cho phép các giảng viên gia hạn sách online mà không cần đến thư viện.

2.9. Tra cứu thông tin - <https://lookup.lhu.edu.vn>

Hệ thống tra cứu thông tin của Trường Đại học Lạc Hồng để sử dụng để tra cứu các thông tin sau:

- Lịch thi: lịch thi giáo dục quốc phòng, lịch thi định hướng chuyên ngành, ...
- Kết quả thi: kết quả thi đánh giá năng lực tiếng Anh, kết quả thi cao học, ...

2.10. Tra cứu nợ học phí - <https://hocphi.lhu.edu.vn>

Tra cứu thông tin học phí: thông tin nợ học phí; thông tin miễn giảm; khai báo học phí; khai báo học kỳ; ...

Sinh viên có thể truy cập vào trang này, nhập mã số sinh viên để xem chi tiết học phí và lịch sử đóng học phí của mình trong từng học kỳ.

2.11. Lịch sinh viên - <https://calen.lhu.edu.vn>

Tra cứu lịch học sinh viên, học viên; lịch giáo viên; quản lý lịch; đăng ký học. Sinh viên sử dụng mã số sinh viên để tra cứu lịch học. Khi có sự thay đổi lịch học, lịch dạy hệ thống sẽ hiển thị thông tin nhằm giúp sinh viên cập nhật kịp thời và thuận lợi.

2.12. Khảo sát đánh giá giảng dạy - <http://qa.lhu.edu.vn>

Đây là kênh giúp sinh viên nhận xét; góp ý đánh giá về chương trình giảng dạy môn học, về giảng viên phụ trách bộ môn ... để góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy cho Nhà trường.

2.13. Đánh giá rèn luyện - <http://renluyen.lhu.edu.vn>

Đây là kênh giúp sinh viên tham gia đánh giá điểm rèn luyện sau mỗi học kỳ, hệ thống sẽ ghi nhận lần đánh giá cuối nhất của bạn trong học kỳ.

2.14. Đăng ký môn học theo hệ thống tín chỉ - <https://dkmh.lhu.edu.vn>

Sinh viên đăng ký môn học khi bắt đầu mỗi học kỳ mới qua mạng thay vì phải trực tiếp đến đăng ký tại phòng Đào tạo của Trường.

2.15. Đăng ký cấp giấy chứng nhận online - <http://certification.lhu.edu.vn>

Sinh viên đăng ký cấp giấy chứng nhận đang học; bảng điểm; giấy vay vốn; giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời; giấy chứng nhận tin học ngoại ngữ.

2.16. Xét tốt nghiệp - <https://graduate.lhu.edu.vn/>

Đăng ký và xét tốt nghiệp trực tuyến: Sinh viên có thể đăng nhập để thực hiện các thủ tục đăng ký xét tốt nghiệp, kiểm tra các điều kiện và cập nhật hồ sơ xét tốt nghiệp mà không mất quá nhiều thời gian.

Tra cứu thông tin bằng tốt nghiệp bằng đường link <https://dip.lhu.edu.vn/tim-bang-public>.

2.17. Trợ lý LHU AI - <https://gpt.lhu.edu.vn/chat>

LHU AI được thiết kế như một chatbot thông minh, phục vụ nhu cầu tra cứu và hỗ trợ của sinh viên, giảng viên và cán bộ nhân viên trường. Bạn có thể sử dụng trang này để:

- Hỏi đáp thông tin: Đặt các câu hỏi về quy định, quy trình học tập, thông báo của trường.
- Hỗ trợ học tập: Yêu cầu giải đáp các bài toán, viết code, tóm tắt tài liệu...
- Tra cứu nhanh: Tìm kiếm thông tin về lịch học, lịch thi, học phí...

Đây là một trong những ứng dụng AI tiên tiến mà LHU triển khai để số hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động ...

3. SỬ DỤNG ỨNG DỤNG

Mỗi sinh viên khi vào học tại trường Đại học Lạc Hồng sẽ được cấp:

- **Mã số sinh viên** (Tên đăng nhập hệ thống ME)
- **Mật khẩu** (Mật khẩu đăng nhập hệ thống ME)

Thông tin này hiển thị trên biên lai thu học phí hoặc tin nhắn được gửi đến số điện thoại đăng ký ghi trong hồ sơ nhập học.

Để thay đổi mật khẩu, đầu tiên, sinh viên đăng nhập hệ thống (link đăng nhập: <https://app.lhu.edu.vn>) hoặc **Me App** trên thiết bị di động để thực hiện:

3.1. Cập nhật thông tin

Để cập nhật thông tin cá nhân gồm:

- **Số điện thoại**
- **Địa chỉ email**

trong mục **Thông tin tài khoản** của trang **Me** hoặc **Me App** để sử dụng tất cả các ứng dụng của Nhà trường.

Mã người dùng 110001543	
Tên đăng nhập NguyenXuanMai	Chỉnh sửa
Số điện thoại 0942665377	Chỉnh sửa
Thay đổi số điện thoại 0942665377	Cập nhật
Địa chỉ email mainx18@uef.edu.vn	Chỉnh sửa

Giao diện cập nhật hoặc chỉnh sửa thông tin

3.2. Hướng dẫn “Đổi mật khẩu”

Bước 1: Vào trang đăng nhập hệ thống (link: <https://app.lhu.edu.vn>) hoặc đăng nhập trang **Me** (link: <http://me.lhu.edu.vn>) → chọn mục **Đổi mật khẩu**

Bước 2: Nhập **Mã số sinh viên** hoặc **Tên đăng nhập** → nhập **Mật khẩu hiện tại** (nếu lần đầu thì mật khẩu in trên hóa đơn thu c phí) → nhập **Mật khẩu mới** → nhập lại **Mật khẩu mới** (trùng với mật khẩu mới) → chọn nút **Đổi mật khẩu**. Đổi mật khẩu thành công.

Giao diện đổi mật khẩu

Lưu ý:

- Để đảm bảo sự an toàn trong bảo mật hệ thống, mật khẩu phải có độ an toàn "Trung bình" trở lên.
- Chiều dài mật khẩu phải từ 8 ký tự trở lên.
- Nên chứa ít nhất ký tự thường hoặc ký tự hoa hoặc ký tự số hoặc ký tự đặc biệt (! ? \$? % ^ & * + = { [}] : ; @ ~ # | \ < > ? /).

3.3. Hướng dẫn tự đặt lại mật khẩu mới

Nếu cán bộ; nhân viên; giảng viên; sinh viên không đăng nhập được vào hệ thống (link đăng nhập: <https://app.lhu.edu.vn>) hoặc trang thông tin Me, do quên mật khẩu hoặc không thể đăng nhập trang **Me** thì:

- Nếu người dùng **chưa cập nhật** số điện thoại hoặc địa chỉ email, thì liên hệ Trung tâm Thông tin tư liệu (Phòng A201 hoặc ☎ 02513 952726) để được hướng dẫn.

- Nếu người dùng **đã cập nhật** số điện thoại hoặc địa chỉ email, thì **tự đặt lại** mật khẩu mới theo hướng dẫn sau:

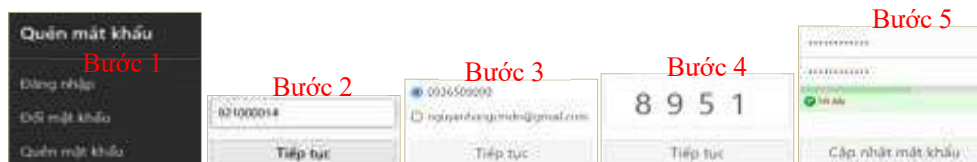
Bước 1: Vào trang đăng nhập hệ thống (link: <https://app.lhu.edu.vn>) hoặc (link: <http://me.lhu.edu.vn>) → chọn mục **Quên mật khẩu**

Bước 2: Nhập **Mã số sinh viên** hoặc **Tên đăng nhập** → chọn nút **Tiếp tục**

Bước 3: Chọn **Số điện thoại** hoặc **Email** → chọn nút **Tiếp tục**

Bước 4: Nhập mã xác nhận từ tin nhắn **SMS** hoặc **Email** → chọn nút **Tiếp tục**

Bước 5: Nhập **Mật khẩu mới** → nhập lại **Mật khẩu mới** (trùng với mật khẩu mới) → chọn nút **Cập nhật mật khẩu**. Cập nhật mật khẩu thành công.



Các bước thực hiện đặt lại mật khẩu mới

THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

1.1. Giới thiệu

Thư viện Trường Đại học Lạc Hồng thành lập năm 1997, có nhiệm vụ tổ chức khai thác, lưu trữ và cung cấp thông tin tư liệu trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kinh tế, ngoại ngữ, xã hội và nhân văn... phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu, học tập của cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên trong trường.

Từ cuối năm 2019, thư viện chuyển sang mô hình kho mở, cho độc giả vào kho sách xem và tự chọn tài liệu để đọc tại chỗ hoặc mượn về.

Hiện nay, thư viện sở hữu các nguồn tài nguyên sau: sách giấy 11.331 đầu sách (tương đương 22.294 cuốn, 85% tiếng Việt, 15% tiếng nước ngoài); Báo cáo nghiên cứu khoa học (NCKH), luận văn, luận án (dạng tài liệu điện tử): 3.594 báo cáo; Giáo trình do giảng viên Trường Đại học Lạc Hồng biên soạn (dạng tài liệu điện tử): 221 giáo trình; Có 03 cơ sở dữ liệu (CSDL) trực tuyến: CSDL Công bố Khoa học và Công nghệ Việt Nam, CSDL Nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ Việt Nam, CSDL ProQuest Central, trang truy cập: <http://lhtv.vista.gov.vn>



Hình 01: Kho sách Thư viện Trường Đại học Lạc Hồng

1.2. Đối tượng sử dụng thư viện

Đối tượng sử dụng thư viện gồm cán bộ, nhân viên, giảng viên, sinh viên và học viên trong trường.

Hình thức phục vụ: đọc tại chỗ, mượn về

1.3. Nguồn lực tài nguyên

- Tài liệu in giấy: sách (giáo trình, sách tham khảo)
- Tài liệu điện tử: tài liệu giáo trình, bài giảng, Báo cáo NCKH (file PDF)

Tài liệu in giấy: Thư viện sử dụng bảng phân loại DDC để phân loại và tổ chức kho, tài liệu chủ yếu thuộc các lĩnh vực sau:

- Công nghệ (khoa học ứng dụng) gồm cả kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh và marketing;
- Địa lý, lịch sử;

- Khoa học tự nhiên và toán học;
- Khoa học xã hội, kinh tế học, luật học;
- Nghệ thuật, mỹ thuật và trang trí;
- Ngôn ngữ;
- Tin học, thông tin và tác phẩm tổng quát;
- Tôn giáo;
- Triết học và tâm lý học;
- Văn học;
- Y dược, dược học.

Tài liệu đi n tử: gồm hai nguồn chính:

- Nguồn của Thư viện Trường Đ i học Lạc Hồng: Báo cáo NCKH bao gồm các báo cáo khoa học sinh viên cấp trường; luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ, trang truy cập: <https://lib.lhu.edu.vn/>

CSDL: bao gồm CSDL Công bố Khoa học và Công nghệ Việt Nam, CSDL Nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ Việt Nam, CSDL ProQuest Central, trang truy cập: <https://tainguyen.lhu.edu.vn/>

1.4. Hệ thống quản lý thư vi n

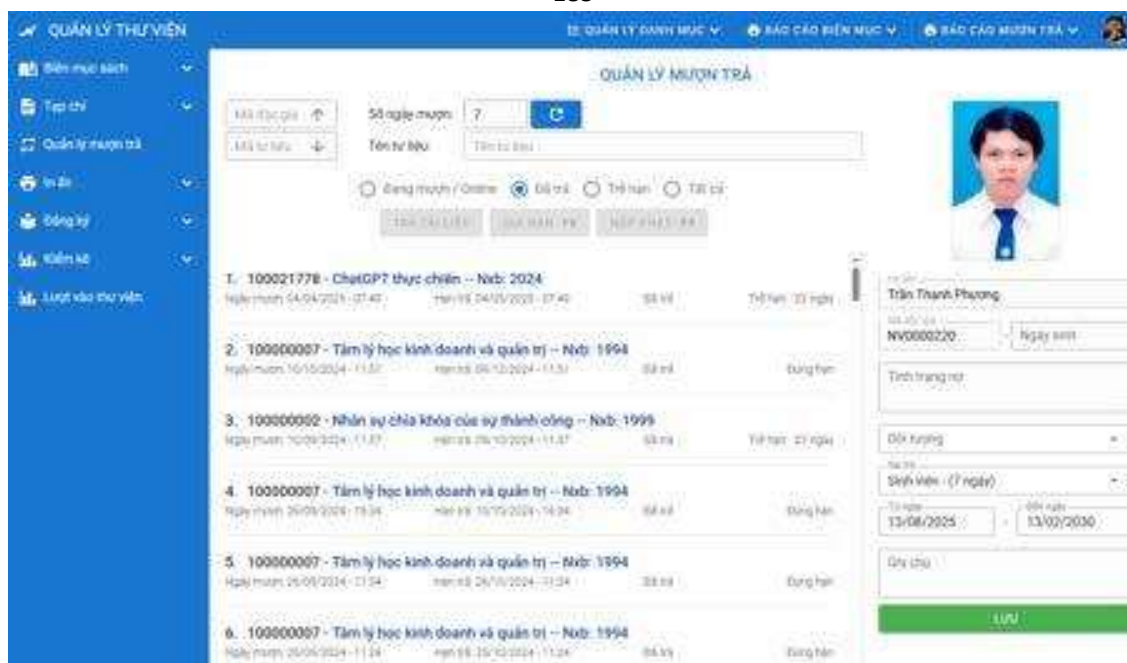
Từ năm 2004, thư viện đã đ c trang bị phần mềm quản lý thư vi n, phục vụ công tác biên mục, quản lý tài liệu, công tác n tra và tra cứu tài liệu trực tuyến qua máy tính hoặc các thiết bị di động.

Hằng năm, phần mềm quản lý thư viện luôn được nhà trường quan tâm nâng cấp, cải tiến các tính năng mới, thuận tiện hơn cho n i sử dụng.

The screenshot displays the 'QUẢN LÝ BIÊN MỤC' (Catalog Management) interface. On the left is a blue sidebar with navigation links: 'Biên mục sách', 'Tập chí', 'Quản lý mượn trả', 'In ấn', 'Đăng ký', 'Kiểm kê', and 'Lưu vào thư viện'. The main area contains a form with the following fields and buttons:

- Top Bar:** 'QUẢN LÝ BIÊN MỤC' and navigation links for 'QUẢN LÝ BIÊN MỤC', 'BÁO CÁO BIÊN MỤC', and 'BÁO CÁO MƯỢN TRẢ'.
- Form Fields:**
 - Tìm theo mã sách:** Includes buttons for 'QUẢN', 'TÌM THEO NGÀY', 'LƯU', 'XÓA', 'MỚI', and 'XÓA'.
 - Sách:** Fields for 'Loại tài liệu' (Sách), 'ISBN' (9786048507342), 'Duyệt' (629.28), and 'Cấp' (S9391 2023).
 - Nghị ngữ:** Field for 'Việt' with a 'THÊM' button.
 - Tên sách:** Field for 'Kỹ thuật bảo dưỡng và sửa chữa ô tô hiện đại. Sửa chữa điện ô tô' with a 'TÌM' button.
 - Tựa //:** Field for '275'.
 - Nhà xuất bản:** Field for 'Bách khoa Hà Nội' with a 'THÊM' button.
 - Nhà xuất bản:** Field for 'H' with a 'THÊM' button.
 - Tập:** Field for 'Đ' with a 'THÊM' button.
 - Alphabet:** Field for 'Ô tô: Sửa chữa: Hệ thống điện'.
- Buttons:** 'THÊM' and 'TÌM' buttons are present throughout the form.
- Bottom Section:** Includes a 'NỘI DUNG' (Content) section with a detailed description of the book's content, and a 'SOURCE FILES' section.

Hình 02: Giao diện quản lý biên mục



Hình 03: Giao diện quản lý mượn trả

1.5. Sử dụng tài nguyên thư v n

Trang tài nguyên học tập cho phép bạn đọc tìm kiếm tài liệu, tải về, đăng ký mượn, gia hạn thời gian mượn tài liệu từ các nguồn tài nguyên như: [Sách](#), [Giáo trình nội sinh](#), [Tài liệu điện tử](#) và [Báo cáo NCKH](#) trong toàn hệ thống hoặc theo bộ sưu tập.

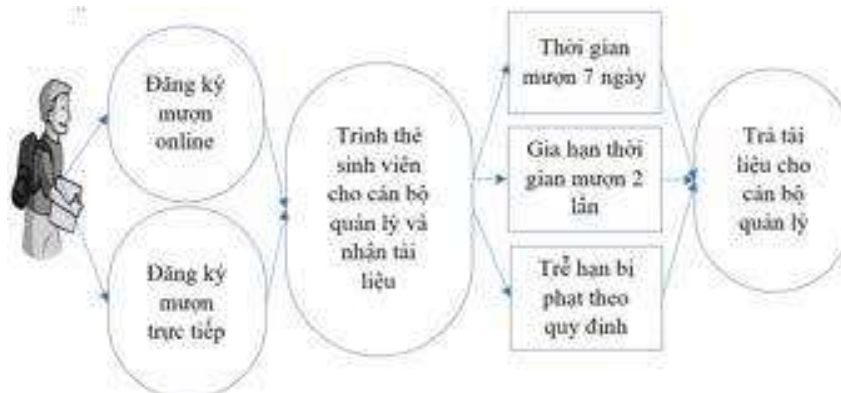
Trang truy cập: <https://tainguyen.lhu.edu.vn>



Hình 04: Giao diện trang tài nguyên học tập



Hình 05: Giao diện đăng ký mượn online



Hình 06: Sơ đồ quy trình mượn trả tài liệu tại Thư viện Lạc Hồng

***Lưu ý:**

Khi chọn tài liệu từ nguồn tài nguyên sách, bạn đọc cần lưu ý hai thông tin để kiểm tra tình trạng của tài liệu:

- Thông tin lưu trữ: sách kho 1 và kho 2 có ở thư viện, sách kho 3 ở tủ sách các khoa

Mã kho	Tên kho	Vị trí	Tổng số bản
3	Kho 3	Cơ sở 3	1

- Thông tin lưu hành

Số đăng ký cá biệt	Còn/thất lạc	Tình trạng	Mã độc giả	Họ tên	Hạn trả
100019084	Còn	Đang mượn	nv0000315	NGUYỄN THỊ HỒNG	10/08/2023
100019083	Còn	Rồi			

Nguồn tài nguyên: [Giáo trình nội sinh](#), [Tài liệu điện tử](#) và [Báo cáo NCKH](#) là các tài liệu dạng PDF, độc giả không đăng ký mượn mà tải về khi có nhu cầu.

1.6. Cơ sở dữ liệu

Từ năm 2022, nhà trường đã mua quyền truy cập, sử dụng 3 CSDL điện tử, bao gồm:

- ProQuest Central là bộ CSDL điện tử n bao gồm 25 CSDL đa ngành, lý trên 19.000 tạp chí, cung cấp toàn văn của 56.000 luận văn trong các lĩnh vực tâm lý học, kinh doanh, khoa học vật lý, y tế, giáo dục... và đưa ra các thông tin cô đ ng về kinh tế, kinh doanh thông qua các báo cáo từ hàng trăm ngành công nghiệp tại 90 quốc gia.



Hình 07: Giao diện trang CSDL ProQuest Central

- CSDL Công bố Khoa học và Công nghệ Việt Nam là CSDL toàn văn về tài liệu KH&CN Việt Nam có trên 200.000 biểu ghi.



Hình 08: Giao diện trang CSDL Công bố Khoa học và Công nghệ Việt Nam

- CSDL Nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ là CSDL thư mục về các báo cáo kết quả của các đề tài nghiên cứu KH&CN các cấp đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin KH&CN Quốc gia.



Hình 09: Giao diện trang CSDL Nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ

Bạn đọc có thể truy cập và khai thác miễn phí CSDL thông qua mạng máy tính của trường, tại trang <https://tainguyen.lhu.edu.vn>

2. LIÊN HỆ

Trung tâm Thông tin tư liệu - Trường Đại học Lạc Hồng

Cơ sở 1: Số 10, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Trăn Biên, Thành phố Đồng Nai.

Bộ phận Thư viện

Địa điểm: Phòng A201 – Cơ sở 1

Điện thoại: 02513.952726

Email: thuvien@lhu.edu.vn

Google Maps: <https://goo.gl/maps/Jxnwr3Y5Tk2vYnE67>

102002 GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1

Phần lý thuyết trang bị cho sinh viên: Một số vấn đề cơ bản về quan điểm, đường lối và chủ trương của Đảng và Nhà nước về công tác TDTT trong giai đoạn mới; Mục đích, nhiệm vụ và yêu cầu của GDTC đối với sinh viên; Cơ sở khoa học của việc tập luyện TDTT đối với sinh viên; Các nguyên tắc và phương pháp luyện TDTT; Nguyên nhân và cách đề phòng chấn thương trong luyện tập TDTT.

Phần thực hành trang bị cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền, Bóng rổ, Bóng đá trong chương trình học phần 1, biết một số phương pháp tự tập luyện, để rèn luyện thể chất, bảo vệ sức khỏe.

Tài liệu tham khảo:

Giáo trình Giáo dục thể chất trường đại học Lạc Hồng.

102003 GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2

Phần lý thuyết gồm các nội dung về: Nguồn gốc; Quá trình hình thành và phát triển môn Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ trên thế giới và Việt Nam; Tác dụng của thể dục thể thao đối với con người; nhận thức về vị trí, vai trò của Giáo dục thể chất và các hoạt động thể dục thể thao trong hoạt động giáo dục đại học; Dụng cụ sân bãi và một số điều luật cơ bản.

Phần thực hành: Sinh viên ôn luyện những kỹ thuật đã học ở học phần 1; tiếp tục thực hiện những kỹ thuật của học phần 2 và một số chiến thuật cơ bản;

Thực hành thi đấu.

Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Giáo dục thể chất trường đại học Lạc Hồng.

102004 GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3

Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về tự kiểm tra và theo dõi sức khỏe để đảm bảo phương pháp tập luyện khoa học, xây dựng nếp sống cân bằng, hài hòa giữa hoạt động trí lực và hoạt động thể lực, giữa nghỉ ngơi tích cực và hoạt động gắng sức.

Phần thực hành: Sinh viên ôn luyện những kỹ thuật đã học ở học phần 1 và 2; tiếp tục thực hiện những kỹ thuật của học phần 3 và một số phương pháp thi đấu và trọng tài.

Tài liệu tham khảo:

Giáo trình Giáo dục thể chất trường đại học Lạc Hồng.

102153 PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Môn Pháp luật đại cương dành cho sinh viên không chuyên ngành Luật, trang bị cho sinh viên không chuyên ngành Luật những kiến thức cơ bản nhất về Nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa nói riêng để giúp cho sinh viên có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đồng thời trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật cụ thể như: Pháp luật dân sự

và tố tụng dân sự, Pháp luật lao động, Pháp luật hình sự và tố tụng hình sự, pháp luật hành chính và tố tụng hành chính, pháp luật kinh doanh, Pháp luật phòng chống tham nhũng, giúp cho sinh viên hiểu biết hơn về pháp luật để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Lý luận Nhà nước và pháp luật Trường Đại học Luật Hà Nội – NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật. 2020.
- Giáo trình pháp luật đại cương – Bộ Giáo Dục và Đào Tạo – NXB Đại học Sư phạm. 2014
- Một số văn bản pháp luật của Nhà nước: Luật Hiến pháp, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Bộ Luật Hình sự, Bộ Luật Dân sự, Luật Hôn nhân, gia đình, Luật Doanh nghiệp, Luật Thương Mại, Luật xử phạt vi phạm hành chính...

102007 QUY HOẠCH TUYẾN TÍNH

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về một số bài toán kinh tế: Bài toán lập kế hoạch sản xuất tối ưu; Bài toán khâu phân thức ăn tối ưu, Bài toán vận tải... Cách lập mô hình và tìm phương án tối ưu bằng thuật toán đơn hình và thuật toán thế vị.

Tài liệu học tập:

- Trần Văn Hoan (2023), Quy Hoạch Tuyến Tính, Nhà xuất bản Hồng Đức.
- Đặng Huấn (1995), Quy Hoạch Tuyến Tính, trường Đại Học Kinh Tế TP.HCM.
- Trần Túc (2001), Bài tập Quy Hoạch Tuyến Tính, nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.

102008 VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG (ngành cơ thực phẩm)

Học phần Vật lý đại cương (ngành hóa) cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công cơ học, các tính chất về chất rắn, chất lưu, nhiệt, dòng điện, quang học, giới thiệu các ứng dụng của chúng trong ngành công nghệ thực phẩm.

Tài liệu học tập:

1. Trần Phú Cường (2022), *Vật lý đại cương (ngành công nghệ thực phẩm)*, Lưu hành nội bộ.
2. Tài liệu tham khảo:
<https://phet.colorado.edu/>
<https://ophysics.com/index.html>
<http://hyperphysics.phy-astr.gsu.edu/hbase/hframe.html>

102010 VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG (ngành dược)

Học phần Vật lý đại cương (ngành dược) cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công cơ học, nhiệt và sức căng mặt ngoài của chất lưu, nhiệt, dòng

điện, quang học, giới thiệu cơ học tiền lượng tử và các ứng dụng của chúng trong ngành dư c.

Tài liệu học tập:

1. Trần Phú Cường (2022), *Vật lý đại cương*, Lưu hành nội bộ.
2. Tài liệu tham khảo:
<https://phet.colorado.edu/>
<https://ophysics.com/index.html>
<http://hyperphysics.phy-astr.gsu.edu/hbase/hframe.html>

102011 THÍ NGHIỆM VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG (ngành hóa)

Học phần thí nghiệm vật lý đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cũng như kỹ thuật đo lường và ghi nhận các đại lượng vật lý về chất lưu, nhiệt, dòng điện, quang học thông qua một bài sai số, bảy bài thí nghiệm.

Tài liệu học tập:

1. Trần Phú Cường (2019), *Thực hành vật lý đại cương*, Nhà xuất bản Hồng Đức.
2. Tài liệu tham khảo:
<https://phet.colorado.edu/>
<https://ophysics.com/index.html>
<http://hyperphysics.phy-astr.gsu.edu/hbase/hframe.html>

102012 THÍ NGHIỆM VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG (ngành dược)

Học phần thí nghiệm vật lý đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cũng như kỹ thuật đo lường và ghi nhận các đại lượng vật lý về chất lưu, nhiệt, dòng điện, quang học, các ứng dụng của chúng trong ngành, thông qua một bài sai số, bảy bài thí nghiệm.

Tài liệu học tập:

1. Trần Phú Cường (2019), *Thực hành vật lý đại cương*, Nhà xuất bản Hồng Đức.
2. Tài liệu tham khảo:
<https://phet.colorado.edu/>
<https://ophysics.com/index.html>
<http://hyperphysics.phy-astr.gsu.edu/hbase/hframe.html>

102014 TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG (WORD, EXCEL, INTERNET, POWERPOINT)

Môn học bao gồm 3 phần: những hiểu biết cơ bản về tin

học; tin học văn phòng; dụng internet và e-mail.

1. Phần những hiểu biết cơ bản về tin học trình bày các kiến thức như
 - Các khái niệm cơ bản về thiết bị phần cứng, phần mềm,...
 - Các khái niệm về hệ điều hành;
 - Các thao tác sử dụng hệ điều hành Windows;
 - Quản lý cây thư mục và dữ liệu;
 - Gõ dấu tiếng Việt trong Windows;
2. Phần tin học văn phòng trình bày những mềm thông dụng của hãng Microsoft là MS Word, MS Excel và MS Powerpoint.
3. Phần sử dụng internet và E-mail trình bày hai dịch vụ quan trọng nhất là WEB và E-MAIL nhằm giúp sinh viên tìm kiếm và trao đổi thông tin trên internet....

Tài liệu học tập:

Giáo trình

1. IIG Việt Nam (Oct 2016). Microsoft Office Word 2016 – Nhà xuất bản Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh
2. IIG Việt Nam (Oct 2016). Microsoft Office Excel 2016 – Nhà xuất bản Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh
3. IIG Việt Nam (Oct 2016). Microsoft Office PowerPoint 2016 – Nhà xuất bản Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh

Phần mềm, công cụ hỗ trợ thực hành:

1. Microsoft Windows 10
2. Microsoft Office 2016.

102016 TOÁN A1

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giới hạn, tính liên tục, phép tính vi tích phân của hàm số một biến, phương trình vi phân và một số ứng dụng của chúng.

Tài liệu học tập:

- Trần Văn Hoan (biên), Đinh Thái Sơn (2023), Toán cao cấp, Nhà xuất bản Hồng Đức.
- Nguyễn Đình Trí (Chủ biên) (2009), Toán cao cấp (Tập 2, 3), Nhà xuất bản Giáo dục.
- Nguyễn Đình Trí (Chủ biên) (2009), Bài tập Toán cao cấp (Tập 2, 3), Nhà xuất bản Giáo dục.

102018 TOÁN A2

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ma trận, định thức; hệ phương trình tuyến tính; cơ sở, số chiều của không gian vectơ; chuỗi số, chuỗi

lũy thừa và một số ứng dụng của chúng.

Tài liệu học tập:

- Trần Văn Hoan (Chủ biên), Đinh Thái Sơn (2023), Toán cao cấp, Nhà xuất bản Hồng Đức.
- Nguyễn Đình Trí (Chủ biên) (2009), Toán cao cấp (Tập 1, 2), Nhà xuất bản Giáo dục.
- Nguyễn Đình Trí (Chủ biên) (2009), Bài tập Toán cao cấp (Tập 1, 2), Nhà xuất bản Giáo dục.

102025 TOÁN CAO CẤP 1 (Ngành CN Thực phẩm – CN Hóa học – CN Môi trường)

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giới hạn, tính liên tục, phép tính tích phân của hàm số một biến, chuỗi số và một số ứng dụng của chúng.

Tài liệu tham khảo:

- Trần Văn Hoan (Chủ biên), Đinh Thái Sơn (2023), Toán cao cấp, Nhà xuất bản Hồng Đức.
- Nguyễn Đình Trí (Chủ biên) (2009), Toán cao cấp (Tập 2), Nhà xuất bản Giáo dục.
- Nguyễn Đình Trí (Chủ biên) (2009), *Bài tập toán cao cấp (Tập 2)*, Nhà xuất bản Giáo dục.

102027 TOÁN CAO CẤP C

Học phần trang bị cho sinh viên khối ngành kinh tế, quản trị kinh doanh các kiến thức cơ bản về phép tính vi tích phân hàm một biến, phương trình vi phân, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính và các ứng dụng của chúng vào kinh tế.

Tài liệu tham khảo:

- Trần Văn Hoan (Chủ biên), Đinh Thái Sơn (2023), *Toán cao cấp*, Nhà xuất bản Hồng Đức.
- Lê Đình Thủy, Nguyễn Quỳnh Lan (2018), Toán cao cấp cho các nhà kinh tế (Phần 1, 2), Nhà xuất bản Đại Học Kinh Tế Quốc Dân.

102033 TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc nhóm môn học đại cương, dành cho sinh viên học khối các ngành không chuyên Lý luận chính trị. Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản nhất về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Về Đảng Cộng sản Việt Nam và về Nhà nước; Về đại đoàn kết toàn dân và đoàn kết quốc tế; Về văn hóa, đạo đức, con người. Từ đó, góp phần giáo dục lòng tự hào dân tộc, bồi đắp tình yêu lãnh tụ và niềm tin đối với Đảng; xác lập ý thức trách nhiệm và thái độ tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Vận dụng nội dung kiến thức đã học để tham gia cuộc vận động và thực hành “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

Giáo trình

[1]. Bộ giáo dục và Đào tạo. (2021). Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2017). Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[3]. Hồ Chí Minh. (2000). Toàn tập (16 tập). Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[4]. Tạp chí Cộng sản - Cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

[5]. Website: <http://www.dangcongsan.vn>

<https://www.bqllang.gov.vn/>

102034 XÁC SUẤT THỐNG KÊ (Ngành CNTP)

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng gồm: Xác suất và các công thức tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số và một số ứng dụng thống kê vào thực tiễn.

Tài liệu tham khảo:

- Đặng Hân (1996), *Xác suất thống kê*, Nhà xuất bản thống kê.
- Nguyễn Thanh Sơn (2009), Lê Khánh Luận, *Lý thuyết xác suất và thống kê toán*, Nhà xuất bản Thống kê.
- Nguyễn Thanh Sơn, Lê Khánh Luận, Phạm Trí Cao (2010), *Bài tập Xác suất và Thống kê toán*, Nhà xuất bản Thống kê.

102036 VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG (ngành)

Học phần Vật lý đại cương (ngành ô tô) cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cơ học chất điểm và hệ chất điểm, cân bằng của vật rắn, sự chuyển hóa giữa các dạng năng lượng, trường điện từ và các ứng dụng của chúng trong ngành ô tô.

Tài liệu học tập:

1. Trần Phú Cường (2022), *Vật lý đại cương (ngành cơ điện)*, Lưu hành nội bộ.
2. Tài liệu tham khảo:
<https://phet.colorado.edu/>
<https://ophysics.com/index.html>
<http://hyperphysics.phy-astr.gsu.edu/hbase/hframe.html>

102037 LÝ THUYẾT XÁC SUẤT THỐNG KÊ

¹ Tài liệu [3] chưa có tài liệu thay thế

TOÁN

Học phần trang bị cho sinh viên khối ngành quản trị các kiến thức về: Xác suất biến cố, công thức tính xác suất, đại ng ngẫu nhiên, lý thuyết mẫu, bài toán ước lư ng các tham số đặc trưng của tổng thể, bài toán kiểm nh các giả thiết thống kê và ứng dụng trong kinh tế, kỹ thuật.

Tài liệu học tập:

1. Đặng Hân (1996), *Xác suất thống kê*, Nhà xuất bản thống kê.
2. Nguyễn Thanh Sơn (2009), Lê Khánh Luận, *Lý thuyết xác suất và thống kê toán*, Nhà xuất bản Thống kê.
3. Nguyễn Thanh Sơn, Lê Khánh Luận, Phạm Trí Cao (2008), *Bài tập Xác suất và Thống kê toán*, Nhà xuất bản Thống kê.

102038 LÝ THUYẾT XÁC SUẤT THỐNG KÊ TOÁN

Học phần trang bị cho sinh viên khối ngành kinh tế, tài chính các kiến thức về: Xác suất biến cố, công thức tính xác suất, đại lư ng ngẫu nhiên, lý thuyết mẫu, bài toán ước l ng các tham số đặc trưng của tổng thể và ứng dụng trong kinh tế.

Tài liệu học tập:

1. Đặng Hân (1996), *Xác suất thống kê*, Nhà xuất bản thống kê.
2. Nguyễn Thanh Sơn (2009), Lê Khánh Luận, *Lý thuyết xác suất và thống kê toán*, Nhà xuất bản Thống kê.
3. Nguyễn Thanh Sơn, Lê Khánh Luận, Phạm Trí Cao (2008), *Bài tập Xác suất và Thống kê toán*, Nhà xuất bản Thống kê.

102055 ENGLISH 1

Môn học Anh văn 1 (English 1) giúp người học củng cố lại những kiến thức tiếng Anh đã học ở cấp phổ thông, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ cấp. Môn học cung cấp những kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, phát âm theo từng chủ đề quen thuộc và thực tế để phát huy tối đa khả năng giao tiếp tiếng Anh.

Đồng thời, môn học có thể giúp người học vận dụng kỹ năng nghe, nói c qua các chủ đề vào tình huống thực tế và thực hành hiệu quả kiến thức đã học vào việc diễn đạt cảm nghĩ, ý kiến, và quan m bằng tiếng Anh trong giao tiếp phù hợp với từng tình huống cụ thể. Ngoài ra, môn học giúp người học rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm đối với bản thân và giúp người học duy trì hiệu quả khả năng tự học và khả năng học tập suốt đời thông qua các nguồn tài liệu và công cụ hỗ trợ học tập.

Giáo trình

[1] Chong, C. S. & Lansford, L. (2022). *Voices Elementary*. Vietnam: National Geographic Learning.

Tài liệu tham khảo

[1] Chase, R. & Johannsen, K. (2017). *Pathways: Listening, Speaking, And Critical Thinking 1 - 2nd Edition*. Cengage Learning.

[2] Scanlon, J. (2020). *Q: Skills For Success: Level 1: Listening And Speaking Student Book - 3rd Edition*. Oxford University Press.

102056 ENGLISH 2

Môn học này cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp cần thiết để sử dụng trong các tình huống giao tiếp hàng ngày ở trình độ sơ cấp.

Kiến thức: Kiến thức về từ vựng và các mẫu câu giao tiếp về các chủ đề như đồ vật; câu chuyện quá khứ và cuộc sống hiện tại; việc đi lại; kỹ năng và tr i nghiệm; những điều đ c biệt; tương lai.

Kĩ năng: Thực hành các bài tập về từ vựng, văn phạm, đọc hiểu, nghe hiểu về các chủ đề trên.

Thực hành giao tiếp tiếng Anh ở trình độ sơ cấp theo các tình huống cụ thể liên quan đến các chủ đề trên.

Thái độ: Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm đối với bản thân trong suốt khóa học. Sẵn sàng tham gia tích cực vào các hoạt động học tập trên lớp và hoàn thành bài tập về nhà.

Giáo trình

Chong, C. S. & Lansford, L. (2022). *Voices Elementary*. Vietnam: National Geographic Learning.

Tài liệu tham khảo

[1] Cunningham, S., Moor, P., Crace, A. (2013). *Cutting Edge: Elementary (3rd edition)*. England: Pearson Education Limited.

[2] Rea, D. & Clementson, T. (2014). *English Unlimited: Elementary*. Cambridge: Cambridge University Press.

[3] Richards, J. C., Bohlke, D. (2012). *Speak Now 1*. New York: Oxford University Press.

102057 ENGLISH 3

Môn học Anh văn 3 (English 3) giúp ngư i học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1 và English 2 ng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate). Môn học cung cấp những kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, phát âm theo từng chủ đề quen thuộc và thực tế để phát huy tối đa khả năng giao tiếp tiếng Anh.

Đồng thời, môn học có thể giúp ngư i học vận dụng kĩ năng nghe, nói, đọc qua các chủ đề vào tình huống thực tế và thực hành hiệu quả kiến thức đã học vào việc diễn đạt cảm nghĩ, ý kiến, quan điểm bằng tiếng Anh trong

giao tiếp phù hợp với từng tình huống cụ thể, và trên hết là hình thành và rèn luyện các kỹ năng mềm mới nhất và cần thiết nhất hiện nay. Ngoài ra, môn học giúp người học rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm với bản thân và giúp người học duy trì hiệu quả khả năng học và khả năng học tập suốt đời thông qua các nguồn tài liệu và công cụ hỗ trợ học tập.

Giáo trình

Bryson, E. & Lee, C. (2022). *Voices: Pre-intermediate* (1st ed.). Washington, D. C.: National Geographic Learning.

Tài liệu tham khảo

[1] Hughes, J., Stephenson, H., & Dummet, P. (2019). *Life: Pre-intermediate* (2nd ed.) Washington, D. C.: National Geographic Learning.

[2] Latham-Koenig, C., Oxenden, C., Lambert, J., & Seligson, P. (2019). *English File: Pre-intermediate* (4th ed.). Oxford: Oxford University Press.

102058 ENGLISH 4

Môn học English 4 trang bị cho người học những kiến thức tiếng Anh cơ bản, trong đó:

Kiến thức: Áp dụng từ vựng ở bậc Tiền trung cấp (Pre-intermediate) trong việc diễn đạt bản thân và những mong muốn về hầu hết các chủ đề phổ biến liên quan đến đời sống hàng ngày (Cảm hứng để thay đổi, Thế giới việc làm, Sức khỏe và hạnh phúc, Giải trí, Các thách thức, Công nghệ...). Thể hiện được khả năng mô tả những tình huống không có sự chuẩn bị, giải thích các điểm chính của vấn đề với độ chính xác hợp lý và thể hiện ý kiến về các chủ đề quen thuộc.

Trình bày ý kiến: với phát âm rõ ràng và dễ hiểu, đạt hiệu quả giao tiếp.

Kỹ năng: Nghe hiểu được thông tin chi tiết trong các đoạn hội thoại ở độ dài vừa phải và chuẩn về các chủ đề phổ biến (Cảm hứng để thay đổi, Thế giới việc làm, Sức khỏe và hạnh phúc, Giải trí, Các thách thức, Công nghệ...); Xác định ý chính và chi tiết cũng như cách dự đoán nội dung khi nghe một cuộc hội thoại các chủ đề quen thuộc hàng ngày (Cảm hứng để thay đổi, Thế giới việc làm, Sức khỏe và hạnh phúc, Giải trí, Các thách thức, Công nghệ...).

Kỹ năng Nói: chi tiết về kinh nghiệm bản thân, cách nói chuyện với người mới gặp và diễn đạt cảm xúc của mình; Thể hiện sự quan tâm, người nghe với người đang trò chuyện; Thuyết trình ngắn và đàm thoại về một chủ đề quen thuộc (Cảm hứng để thay đổi, Thế giới việc làm, Sức khỏe và hạnh phúc, Giải trí, Các thách thức, Công nghệ...), và trả lời câu hỏi liên quan một cách rõ ràng. Sử dụng ngôn ngữ ứng xử phù hợp trong những cảm xúc như ngạc nhiên, vui, buồn, quan tâm, lo lắng....

phục vụ khác, tạo ấn tượng trong một cuộc phỏng vấn.

Kỹ năng Đọc hiểu: Nhận diện khái quát cách tổ chức của một văn bản; hiểu các ý chính và thông tin chi tiết thông qua một số bài đọc về các bài báo về tính cách cá nhân, giải trí, thực phẩm. Đánh giá về một bộ phim truyền hình, sự thay đổi của các công việc trên thế giới hiện nay.

Kỹ năng Viết: Người học nắm được cách viết của một hồ sơ cá nhân, sơ yếu lý lịch, một câu chuyện, một thư thách, viết tin nhắn trực tuyến một cách rõ ràng thân thiện; Biết cách viết email xin việc trang trọng cho một công ty du lịch; Sử dụng đoạn văn, câu chủ đề khi viết một bài đăng trên blog, nhật ký.

Thái độ: Sinh viên ý thức tốt hơn về tầm quan trọng của việc rèn luyện và sử dụng ngoại ngữ trong học tập, công việc và cuộc sống. Hình thành và phát triển tinh thần học tập độc lập, hợp tác, hỗ trợ nhau qua các hoạt động tương tác, học nhóm... có thái độ ứng xử, giao tiếp tốt với mọi người; Sinh viên sẽ hình thành tính kỷ luật, tự giác, trách nhiệm trong học tập cả trong và ngoài lớp học. Rèn luyện và phát triển khả năng tự học, bồi dưỡng thường xuyên và học tập suốt đời; Sinh viên sẽ mở mang hiểu biết, cảm nhận, và học hỏi những điều hay về ngôn ngữ và văn hóa các nước nói tiếng Anh và thế giới, đồng thời tăng cường tinh thần tự hào, tôn trọng, và bảo tồn văn hóa, ngôn ngữ tiếng Việt.

Giáo trình

Bryson, E. & Lee, C. (2022). *Voices: Pre-intermediate* (1st ed.). Washington, D. C.: National Geographic Learning.

Tài liệu tham khảo

[1] Hughes, J., Stephenson, H., & Dummet, P. (2019). *Life: Pre-intermediate* (2nd ed.) Washington, D. C.: National Geographic Learning.

[2] Latham-Koenig, C., Oxenden, C., Lambert, J., & Seligson, P. (2019). *English File: Pre-intermediate* (4th ed.). Oxford: Oxford University Press

102059 ENGLISH 5

Học phần English 5 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, English 2, English 3, và English 4, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ Trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Học phần English 5 cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ trung cấp nhằm giúp người học có thể

hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ cũng như các kỹ năng ngôn ngữ cần thiết đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến bản sắc, sự thành công, cách làm việc cùng nhau, những thói quen và về mỹ thuật cũng như nghệ thuật nhằm giúp sinh viên có thể chủ động học tập suốt đời.

Môn học rèn luyện cho sinh viên ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm đối với bản thân và quá trình giảng dạy của giảng viên, tinh thần sẵn sàng tham gia giải quyết các tình huống giao tiếp được nêu ra.

Giáo trình

[1] Chong, S. C., & Lansford, L. (2022). *The Voices: Intermediate*. United Kingdom: National Geographic Learning.

Tài liệu tham khảo: [1] Archer, G., Kosta, J., Pasmore, L., Uddin, J. (2019). *Mindset for IELTS 3*. Cambridge: Cambridge University Press.

102060 ENGLISH 6

Học phần English 6 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, English 2, English 3, English 4 và English 5, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ Trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Học phần English 6 cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ trung cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ cũng như các kỹ năng ngôn ngữ cần thiết đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến nơi sinh sống-làm việc, cách quản lý thời gian-tiền bạc, các nhu cầu thiết yếu của con người, các kỳ nghỉ dưỡng, các giác quan và giúp sinh viên có thể chủ động học tập suốt đời.

Môn học rèn luyện cho sinh viên ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm đối với bản thân và quá trình giảng dạy của giảng viên, tinh thần sẵn sàng tham gia giải quyết các tình huống giao tiếp được nêu ra.

Giáo trình

[1] Chong, S. C., & Lansford, L. (2022). *The Voices: Intermediate*. United Kingdom: National Geographic Learning.

Tài liệu tham khảo

[1] Archer, G., Kosta, J., Pasmore, L., Uddin, J. (2019). *Mindset for IELTS 3*. Cambridge: Cambridge University Press.

102061 ENGLISH 7

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và vốn từ vựng liên quan đến:

Các mẫu thông báo tuyển dụng và yêu cầu tuyển dụng bằng tiếng Anh;

Sơ yếu lý lịch, thư xin việc bằng tiếng Anh;

Các cuộc hẹn, các cuộc phỏng vấn tuyển dụng qua điện thoại, các cuộc phỏng vấn tuyển dụng trực tiếp bằng tiếng Anh.

Giáo trình

[1]. General English Faculty (2016). *English 7*. LHM (Internal Use Only).

Tài liệu tham khảo

[1] Fitzwater, T.L. (2000). *Behavior-Based Interviewing: Selecting the Right Person for the Job*. Boston: Thomson (Tài liệu không tái bản).

[2] Kirsten Campbell-Howes (2013). *Writing: A2 Pre-intermediate (Collins English for Life)*. NTV (Tài liệu không tái bản).

[3] Kirsten Campbell-Howes & Clare Dignall (2013). *Writing: B1+ Intermediate (Collins English for Life)*. NTV (Tài liệu không tái bản)

102062 TOÁN CAO CẤP 2 (Ngành CN Thực phẩm – CN Hóa học – CN Môi trường)

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, phép tính vi tích phân hàm số nhiều biến, phương trình vi phân và một số ứng dụng của chúng.

Tài liệu tham khảo

- Trần Văn Hoan (Chủ biên), Đinh Thái Sơn (2023), *Toán cao cấp*, Nhà xuất bản Hồng Đức.

- Nguyễn Đình Trí (Chủ biên) (2008), *Toán cao cấp (Tập 1,3)*, Nhà xuất bản Giáo dục.

- Nguyễn Đình Trí (Chủ biên) (2009), *Bài tập toán cao cấp (Tập 1,3)*, Nhà xuất bản Giáo dục.

102063 TRIẾT HỌC

Môn học Triết học Mác - Lênin thuộc nhóm môn học đại cương, dành cho sinh viên các ngành không chuyên Lý luận chính trị. Môn học cung cấp cho sinh viên những nét khái quát nhất về: Triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội, Giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, Ý thức xã hội, Triết học về con người. Từ đó, biết giải thích các hiện tượng xảy ra trong đời sống xã hội trên nền tảng thế giới quan duy vật, biết hành động theo quy luật khách quan.

Giáo trình

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình triết học Mác – Lênin*. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

Tài liệu tham khảo

[2]. C.Mác & Ph.Ăngghen. (1995). Toàn t p. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[3]. V.I.Lênin. (2005). Toàn tập. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[4]. Tạp chí Cộng sản - Cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

[5]. Tạp chí Triết học - Viện Triết học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

[6]. Website:

<http://www.dangcongsan.vn>

102064 KINH TẾ CHÍNH TRỊ

Môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin thuộc nhóm môn học đại cương, dành cho sinh viên đại học khối các ngành không chuyên Lý luận chính trị. Môn học cung cấp cho người học những nét khái quát nhất về: Đề đối tượng, phương pháp và cần thiết nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Các nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh mới, chẳng hạn: Hàng hóa, thị trường, các quy luật của kinh tế thị trường, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh, độc quyền, vấn đề kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay,... Từ đó, có thể giải thích các hiện tượng kinh tế - xã hội cũng như vận dụng các quan điểm đó vào việc nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống.

Giáo trình

[1]. Bộ giáo dục và Đào tạo. (2021). Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

Tài liệu tham khảo

[2]. C.Mác-Ăngghen. (1995). Toàn tập. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[3]. Tạp chí Cộng sản - Cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

[4]. Website:

<http://www.dangcongsan.vn>

102065 CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc nhóm môn học đại cương, dành cho sinh viên đại học khối các ngành không chuyên Lý luận chính trị. Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của tư tưởng xã hội chủ nghĩa và những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Từ đó, sinh viên có thể giải thích những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; Hình thành, củng cố niềm tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

² Tài liệu [2] chưa có tài liệu thay thế

Giáo trình

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[3]. C.Mác & Ph.Ăngghen. (2011). Toàn tập. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[4]. Hồ Chí Minh. (2011). Toàn tập (16 tập). Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[6]. Tạp chí Cộng sản - Cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

[7]. Website: <http://www.dangcongsan.vn>

102066 LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc nhóm môn học đại cương, dành cho sinh viên đại học khối các ngành không chuyên Lý luận chính trị. Môn học cung cấp cho sinh viên những nét khái quát nhất về: Mục đích, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học; Những kiến thức cơ bản, có hệ thống về sự ra đời của Đảng; Quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành chính quyền (1930-1945), kháng chiến chống thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1954); Quá trình Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1975-2018), khẳng định những thành công, nêu lên những hạn chế và tổng kết các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công việc và đời sống, góp phần xây dựng ý thức trách nhiệm cá nhân trong quá trình bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Giáo trình

[1]. Bộ giáo dục và đào tạo (2021). Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

Tài liệu tham khảo

[2]. Các Văn kiện Đại hội, Nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam từ Đại hội đại biểu lần thứ I đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII

[3]. Tạp chí Cộng sản - Cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

[4]. Website: <http://www.dangcongsan.vn>

102067 VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG (cho ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện và Điện tử).

Học phần Vật lý đại cương (ngành công nghệ kỹ thuật điện và điện tử) cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cơ học chất điểm và hệ chất điểm, cân bằng của vật rắn, sự chuyển hóa giữa các dạng năng lượng, trường điện từ và các ứng dụng của chúng trong ngành công nghệ kỹ thuật điện và điện tử. Bên cạnh đó, sinh viên

³ Tài liệu [3],[4] chưa có tài liệu thay thế

cũng được trải nghiệm qua ba bài thí nghiệm về các dao động cơ, dao động đi n từ, quang học.

Tài liệu học tập:

1. Trần Phú Cư ng (2022), *Vật lý đại cương (ngành cơ đi n)*, Lưu hành n i bộ.
2. Tài liệu tham khảo:
<https://phet.colorado.edu/>
<https://ophysics.com/index.html>
<http://hyperphysics.phy-astr.gsu.edu/hbase/hframe.html>

102087 - XÁC SUẤT THỐNG KÊ {CNTT TỪ KHÓA 2021}Học phần cung cấp kiến thức về xác suất và thống kê, giúp sinh viên phân tích dữ liệu trong các chiến dịch truyền thông. Môn học bao gồm các phương pháp tính toán, ứng dụng thực tiễn trong xử lý dữ liệu, và đánh giá hiệu quả truyền thông.

Tài liệu tham khảo:

[1] Trần Văn Hoan, Đinh Thái Sơn (2023), Giáo trình Xác suất Thống kê, Trường Đại học Lạc Hồng.

102146 - NGOẠI NGỮ 1

Học phần củng cố và mở rộng kiến thức tiếng Anh sơ cấp, tập trung vào từ vựng, ngữ pháp, và giao tiếp thực tế. Sinh viên thực hành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống liên quan đến truyền thông, rèn luyện tư duy tự học và trách nhiệm.

Tài liệu tham khảo:

[1] Chong, C.S. & Lansford, L. (2023), Voices Elementary, National Geographic Learning.

102092 - NGOẠI NGỮ 2

Học phần tiếp tục phát triển kỹ năng tiếng Anh sơ cấp, tập trung vào các chủ đề giao tiếp thực tế như công việc, du lịch, và truyền thông. Sinh viên thực hành các bài tập nghe, nói, đọc, viết, và phát triển khả năng diễn đạt ý kiến bằng tiếng Anh.

Tài liệu tham khảo:

[1] Chong, C.S. & Lansford, L. (2023), Voices Elementary Student's Book, Cengage Learning.

102093 - NGOẠI NGỮ 3

Học phần nâng cao kỹ năng tiếng Anh ở mức trung cấp, tập trung vào các tình huống giao tiếp chuyên sâu hơn trong truyền thông. Sinh viên rèn luyện từ vựng, ngữ pháp, và khả năng thuyết trình, chuẩn bị cho các môn chuyên ngành quốc tế.

Tài liệu tham khảo:

[1] Bryson, E. & Lee, C. (2023), Voices: Pre-intermediate, National Geographic Learning.

102094 - NGOẠI NGỮ 4

Học phần tiếp tục nâng cao kỹ năng tiếng Anh trung cấp, nhấn mạnh giao tiếp trong môi trường truyền thông đa phương tiện. Sinh viên thực hành các kỹ năng như viết nội dung, thuyết trình, và thảo luận nhóm, chuẩn bị cho các môn Bridge Course.

Tài liệu tham khảo:

[1] Bryson, E. & Lee, C. (2023), Voices: Pre-intermediate, National Geographic Learning.

102095 - NGOẠI NGỮ 5

Học phần tập trung vào tiếng Anh chuyên ngành truyền thông, giúp sinh viên sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp trong các tình huống thực tế như quảng cáo, tiếp thị, và quản lý dự án. Môn học phát triển kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

[1] Phong, T.H.A., Lan, V.T.T., & Phu, N.M. (2024), English 5, LHU (Internal Use Only).

102151 - NGOẠI NGỮ 6

Học phần mới, tập trung vào tiếng Anh chuyên sâu cho truyền thông đa phương tiện. Sinh viên học cách sử dụng ngôn ngữ trong các chiến dịch quốc tế, viết nội dung đa nền tảng, và giao tiếp với khách hàng toàn cầu, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Tài liệu tham khảo:

[1] Richards, J.C. (2024), English for Media Professionals, Cambridge University Press.

102113 - TOÁN CAO CẤP 1 {CNTT}

Học phần cung cấp kiến thức toán học nâng cao, tập trung vào ứng dụng trong truyền thông và công nghệ. Sinh viên phát triển tư duy logic, giải quyết vấn đề, và

áp dụng toán học vào phân tích dữ liệu, thiết kế thuật toán cho các chiến dịch truyền thông.

Tài liệu tham khảo:

[1] Trần Văn Hoan, Đinh Thái Sơn (2023), Giáo trình Toán cao cấp, Trường Đại học Lạc Hồng.

102112 - TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, bao gồm sử dụng phần mềm, quản lý dữ liệu, và ứng dụng công nghệ trong truyền thông. Sinh viên thực hành các công cụ như Excel, Word, và các phần mềm thiết kế cơ bản.

Tài liệu tham khảo:

[1] Cisco Networking Academy (2023), IT Essentials: PC Hardware and Software, Cisco Press.

112253 - NHẬP MÔN TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN

Học phần giới thiệu tổng quan về ngành truyền thông đa phương tiện, bao gồm lịch sử, xu hướng, và vai trò trong xã hội. Sinh viên tìm hiểu các kỹ năng cơ bản về thiết kế, sản xuất nội dung, và ứng dụng công nghệ, đặt nền tảng cho các môn chuyên ngành.

Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Thị Trường Giang (2023), Báo chí và truyền thông đa phương tiện, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

112254 - Nguyên tắc thiết kế truyền thông

Học phần tập trung vào các nguyên lý thiết kế đồ họa và giao tiếp hình ảnh trong truyền thông. Sinh viên học cách sử dụng màu sắc, bố cục, và typography để tạo ra nội dung trực quan hấp dẫn, ứng dụng vào quảng cáo và truyền thông số.

Tài liệu tham khảo:

[1] Robin Williams (2023), The Non-Designer's Design Book, Peachpit Press.

112255 - NHIẾP ẢNH

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về nhiếp ảnh, từ kỹ thuật chụp ảnh, sử dụng máy ảnh, đến chỉnh sửa hình ảnh. Sinh viên thực hành tạo ra các sản phẩm ảnh phục vụ cho quảng cáo, truyền thông, và các chiến dịch tiếp thị.

Tài liệu tham khảo:

[1] Michael Freeman (2023), The Photographer's Eye, Focal Press.

112257 - KỸ THUẬT QUAY VÀ DỰNG VIDEO

Học phần hướng dẫn kỹ thuật quay phim, dựng video, và chỉnh sửa hậu kỳ. Sinh viên học cách sử dụng camera, phần mềm dựng phim, và tạo nội dung video chuyên nghiệp cho các chiến dịch truyền thông, quảng cáo, và mạng xã hội.

Tài liệu tham khảo:[1] Jim Owens (2023), Video Production Handbook, Routledge.

112256 - QUẢN LÝ DỰ ÁN TRUYỀN THÔNG

Học phần cung cấp kiến thức về lập kế hoạch, quản lý, và triển khai dự án truyền thông. Sinh viên học cách xác định mục tiêu, phân bổ nguồn lực, quản lý thời gian, và đánh giá hiệu quả dự án trong môi trường thực tế.

Tài liệu tham khảo:

[1] Trần Hoàng Dương (2023), Quản trị dự án truyền thông, NXB Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

112258 - MÃ NGUỒN MỞ VÀ CÔNG CỤ SÁNG TẠO NỘI DUNG

Học phần giới thiệu các phần mềm mã nguồn mở và công cụ sáng tạo nội dung như GIMP, Blender, và Audacity. Sinh viên thực hành sử dụng các công cụ này để thiết kế đồ họa, video, và âm thanh cho truyền thông đa phương tiện.

Tài liệu tham khảo:[1] Christopher Negus (2023), Linux Bible, Wiley.

112259 - KỊCH BẢN TRUYỀN THÔNG

Học phần tập trung vào kỹ năng viết kịch bản cho các sản phẩm truyền thông như quảng cáo, video, và podcast. Sinh viên học cách xây dựng câu chuyện, phát triển ý tưởng sáng tạo, và áp dụng vào các chiến dịch truyền thông.

Tài liệu tham khảo:

[1] Robert McKee (2023), Story: Substance, Structure, Style, HarperCollins.

112260 - Vận hành và Bảo trì Thiết bị Truyền thông

Học phần cung cấp kiến thức về vận hành, bảo trì thiết bị truyền thông như máy quay, micro, và hệ thống âm thanh. Sinh viên thực hành lắp ráp, xử lý sự cố, và đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định trong các dự án truyền thông.

Tài liệu tham khảo:

[1] Cisco Networking Academy (2023), IT Essentials: PC Hardware and Software, Cisco Press.

112280 - Âm thanh trong Truyền thông

Học phần hướng dẫn kỹ thuật thu âm, chỉnh sửa âm thanh, và tạo hiệu ứng âm thanh cho video, phim, và quảng cáo. Sinh viên học cách sử dụng phần mềm âm thanh và tích hợp âm thanh vào các sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

Tài liệu tham khảo:

[1] David Miles Huber (2023), Modern Recording Techniques, Focal Press.

112271 - TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG VÀ HÀNH VI NGƯỜI DÙNG

Học phần cung cấp kiến thức về tâm lý học và hành vi người dùng, giúp sinh viên hiểu cách khách hàng phản ứng với các chiến dịch truyền thông. Môn học ứng dụng vào thiết kế nội dung, quảng cáo, và chiến lược tiếp thị hiệu quả.

Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Quang Uẩn (2023), Giáo trình Tâm lý học đại cương, NXB Đại học Sư phạm.

112261 - Thiết kế UI/UX

Học phần tập trung vào thiết kế giao diện người dùng (UI) và trải nghiệm người dùng (UX) cho website và ứng dụng. Sinh viên học cách tạo wireframe, prototype, và thiết kế giao diện trực quan, tối ưu hóa trải nghiệm người dùng.

Tài liệu tham khảo:

[1] Don Norman (2023), The Design of Everyday Things, Basic Books.

112264 - CONTENT MARKETING

Học phần hướng dẫn cách tạo và quản lý nội dung tiếp thị trên các nền tảng số. Sinh viên học cách viết bài, thiết kế nội dung hình ảnh, và tối ưu hóa nội dung để thu hút và giữ chân khách hàng mục tiêu.

Tài liệu tham khảo:

[1] Joe Pulizzi (2023), Epic Content Marketing, McGraw Hill.

112265 - THIẾT KẾ QUẢNG CÁO

Học phần cung cấp kỹ năng thiết kế quảng cáo trực quan và hiệu quả, bao gồm banner, poster, và video quảng cáo. Sinh viên học cách sử dụng phần mềm thiết kế và áp dụng các nguyên tắc thẩm mỹ vào chiến dịch truyền thông.

Tài liệu tham khảo:

[1] Don Norman (2023), Thiết Kế Lấy Người Dùng Làm Trung Tâm, NXB Công thương.

112266 - CÔNG NGHỆ LIVESTREAM

Học phần giới thiệu công nghệ và kỹ thuật tổ chức livestream, từ thiết lập thiết bị, phần mềm, đến quản lý nội dung trực tiếp. Sinh viên thực hành tạo livestream cho các sự kiện truyền thông, quảng cáo, và tiếp thị.

Tài liệu tham khảo:

[1] Susan L. Kline (2023), Direct Communication in a Digital Age, Routledge.

112277 - LẬP KẾ HOẠCH TRUYỀN THÔNG

Học phần hướng dẫn cách lập kế hoạch chiến dịch truyền thông, từ phân tích đối tượng, xác định mục tiêu, đến triển khai và đánh giá hiệu quả. Sinh viên học cách tích hợp các kênh truyền thông để tối ưu hóa chiến lược.

Tài liệu tham khảo:

[1] Helen Katz (2023), The Media Handbook, Routledge.

112269 - SẢN XUẤT VIDEO QUẢNG CÁO

Học phần tập trung vào quy trình sản xuất video quảng cáo, từ viết kịch bản, quay phim, đến chỉnh sửa hậu kỳ. Sinh viên thực hành tạo video chuyên nghiệp, ứng dụng vào các chiến dịch tiếp thị và truyền thông số.

Tài liệu tham khảo:

[1] Tom Hopkins (2023), The Ultimate Guide to Video Advertising, Wiley.

112270 - Digital Marketing

Học phần cung cấp kiến thức về tiếp thị số, bao gồm SEO, SEM, quảng cáo mạng xã hội, và email marketing. Sinh viên học cách xây dựng chiến lược tiếp thị trực tuyến và đánh giá hiệu quả chiến dịch.

Tài liệu tham khảo:

[1] Dave Chaffey (2023), Internet Marketing: Strategy, Implementation and Practice, Financial Times Management.

112263 - XỬ LÝ KHỦNG HOẢNG TRUYỀN THÔNG

Học phần trang bị kỹ năng nhận diện và xử lý khủng hoảng truyền thông. Sinh viên học cách xây dựng kế hoạch ứng phó, giao tiếp với công chúng, và bảo vệ danh tiếng thương hiệu trong các tình huống khủng hoảng.

Tài liệu tham khảo:

[1] W. Timothy Coombs (2023), Ongoing Crisis Communication, Sage Publications.

112272 - KIẾN TẬP

Học phần giúp sinh viên làm quen với môi trường làm việc thực tế trong ngành truyền thông. Sinh viên tham gia thực tập ngắn hạn, quan sát và thực hành các kỹ năng cơ bản, chuẩn bị cho các dự án chuyên sâu hơn.

Tài liệu tham khảo:

[1] Khoa Công nghệ thông tin (2023), Tài liệu hướng dẫn Kiến tập, Trường Đại học Lạc Hồng.

112281 - KIẾM TIỀN ONLINE (TỰ CHỌN)

Học phần hướng dẫn cách kiếm tiền trực tuyến thông qua các nền tảng như mạng xã hội, thương mại điện tử, và affiliate marketing. Sinh viên học cách xây dựng kênh nội dung và tối ưu hóa thu nhập từ các chiến dịch số.

Tài liệu tham khảo:

[1] Shanku Mahato (2023), 1000 Ways to Make Money Online, Amazon Digital Services.

112274 - MOTION GRAPHICS CƠ BẢN (TỰ CHỌN)

Học phần cung cấp kỹ năng thiết kế đồ họa chuyển động (motion graphics) cho video và quảng cáo. Sinh viên học cách sử dụng phần mềm như After Effects để tạo hiệu ứng động, nâng cao chất lượng nội dung truyền thông.

Tài liệu tham khảo:

[1] Angie Taylor (2023), Design Essentials for Adobe After Effects, Focal Press.

112267 - CÔNG NGHIỆP TRUYỀN THÔNG

Học phần giới thiệu tổng quan về ngành công nghiệp truyền thông, bao gồm xu hướng, cấu trúc, và vai trò của các bên liên quan. Sinh viên học cách phân tích thị trường truyền thông và áp dụng vào chiến lược kinh doanh.

Tài liệu tham khảo:

[1] Ramez Elmasri (2023), Fundamentals of Media Systems, Pearson.

112289 - THỰC HÀNH QUẢNG CÁO TRỰC TUYẾN VỚI FACEBOOK ADS VÀ GOOGLE ADWORDS

Học phần hướng dẫn thiết kế và triển khai quảng cáo trực tuyến trên Facebook và Google. Sinh viên thực hành lựa chọn đối tượng, thiết kế quảng cáo, tối ưu từ khóa, và đánh giá hiệu quả chiến dịch.

Tài liệu tham khảo:

[1] MediaZ (2023), Bùng nổ doanh số với Google Ads, NXB Thế giới.

112288 - QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU

Học phần tập trung vào xây dựng, phát triển, và quản lý thương hiệu. Sinh viên học cách nghiên cứu thị trường, định vị thương hiệu, và quản lý tương tác với khách hàng để xây dựng danh tiếng bền vững.

Tài liệu tham khảo:

[1] Bùi Văn Quang (2023), Quản trị thương hiệu: Lý thuyết và thực tiễn, NXB Công thương.

112279 - TỐI ƯU HÓA VÀ TIẾP THỊ TRÊN CÔNG CỤ TÌM KIẾM (TỰ CHỌN)

Học phần cung cấp kiến thức về SEO và SEM, giúp sinh viên tối ưu hóa nội dung trên công cụ tìm kiếm. Sinh viên thực hành chọn từ khóa, tối ưu website, và triển khai chiến dịch quảng cáo trực tuyến hiệu quả.

Tài liệu tham khảo:

[1] Trình Nguyễn (2023), Seo On-Page Trong Tầm Tay, NXB Thế giới.

112300 - Thống kê ứng dụng (Tự chọn)

Học phần cung cấp kiến thức về thống kê ứng dụng trong truyền thông, bao gồm phân tích dữ liệu, dự đoán

xu hướng, và đánh giá hiệu quả chiến dịch. Sinh viên thực hành sử dụng các công cụ như SPSS và Excel.

Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Thị Lý (2023), Nguyên lý và Ứng dụng Thống kê, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

112301 - PHÂN TÍCH VÀ TRỰC QUAN HÓA DỮ LIỆU TRUYỀN THÔNG (TỰ CHỌN)

Học phần hướng dẫn cách phân tích và trực quan hóa dữ liệu để hỗ trợ chiến dịch truyền thông. Sinh viên học cách sử dụng Tableau, Power BI, và các công cụ trực quan để kể chuyện qua dữ liệu.

Tài liệu tham khảo:

[1] Cole Nussbaumer Knaflitz (2023), Storytelling With Data, Wiley.

112282 - TỔ CHỨC SỰ KIỆN TRUYỀN THÔNG

Học phần hướng dẫn lập kế hoạch và tổ chức sự kiện truyền thông, từ xác định mục tiêu, chọn địa điểm, đến quản lý ngân sách và đánh giá hiệu quả. Sinh viên thực hành tổ chức sự kiện thực tế để quảng bá thương hiệu.

Tài liệu tham khảo:

[1] Vũ Minh Hạnh (2023), Giáo trình Tổ chức sự kiện, NXB Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM.

112283 - ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TRONG TRUYỀN THÔNG

Học phần cung cấp kiến thức về các công cụ công nghệ như AI, AR, và VR trong truyền thông. Sinh viên thực hành sử dụng phần mềm và công nghệ để tạo nội dung sáng tạo, phù hợp với các chiến dịch hiện đại.

Tài liệu tham khảo:

[1] Philip Kotler (2023), Kỹ nguyên mới của truyền thông, NXB Công thương.

112284 - PHÂN TÍCH PHIM

Học phần giúp sinh viên phân tích phim từ góc độ nghệ thuật và truyền thông. Sinh viên học cách đánh giá kịch bản, hình ảnh, âm thanh, và thông điệp, áp dụng vào sản xuất nội dung truyền thông và quảng cáo.

Tài liệu tham khảo:

[1] David Bordwell (2023), Film Art: An Introduction, McGraw Hill.

112292 - AI ỨNG DỤNG TRONG TRUYỀN THÔNG

Học phần cung cấp kiến thức về ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong truyền thông, như chatbot, phân tích dữ liệu, và tạo nội dung tự động. Sinh viên thực hành sử dụng các công cụ AI để tối ưu hóa chiến dịch truyền thông.

Tài liệu tham khảo:

[1] Russell, S. & Norvig, P. (2023), Artificial Intelligence in Media, Pearson.

112298 - Xây dựng và Kinh doanh Kênh truyền thông số (Tự chọn)

Học phần hướng dẫn cách xây dựng và kinh doanh kênh truyền thông số như YouTube, TikTok. Sinh viên học cách tạo nội dung, thu hút khán giả, và tối ưu hóa doanh thu từ các nền tảng số.

Tài liệu tham khảo:

[1] Amy Landino (2023), Vlog Like a Boss, Independently Published.

112299 - SẢN XUẤT NỘI DUNG TƯƠNG TÁC VÀ KỂ CHUYỆN ĐA NỀN TẢNG (TỰ CHỌN)

Học phần tập trung vào sản xuất nội dung tương tác trên nhiều nền tảng như mạng xã hội, website, và ứng dụng. Sinh viên học cách kể chuyện sáng tạo và xây dựng trải nghiệm người dùng đa kênh.

Tài liệu tham khảo:

[1] Carolyn Handler Miller (2023), Digital Storytelling, Focal Press.

112287 - KHAI PHÁ DỮ LIỆU (TỰ CHỌN)

Học phần cung cấp kỹ năng khai phá dữ liệu để khám phá xu hướng và quy luật trong truyền thông. Sinh viên thực hành sử dụng các công cụ như Python, R, và phân tích đa biến để hỗ trợ chiến lược tiếp thị.

Tài liệu tham khảo:

[1] Lê Văn Phùng (2023), Khai phá dữ liệu, NXB Thông tin và Truyền thông.

112291 - QUYỀN TÁC GIẢ TRONG PHIM VÀ TRUYỀN THÔNG (TỰ CHỌN)

Học phần giới thiệu các quy định pháp lý về quyền tác giả trong phim và truyền thông. Sinh viên học cách bảo

vệ nội dung sáng tạo, xử lý vi phạm bản quyền, và áp dụng luật vào sản xuất truyền thông.

Tài liệu tham khảo:

[1] Herman Narula (2023), Virtual Society, Penguin books.

112285 - truyền thông đa văn hóa (tự chọn)

Học phần tập trung vào chiến lược truyền thông trong môi trường đa văn hóa. Sinh viên học cách thiết kế nội dung phù hợp với các nền văn hóa khác nhau, nâng cao khả năng giao tiếp toàn cầu.

Tài liệu tham khảo:

[1] Marieke de Mooij (2023), Global Marketing and Advertising, Sage Publications.

199013 - MEDIA LAW FOR STRATEGIC COMMUNICATION

Học phần cung cấp kiến thức về pháp luật truyền thông, tập trung vào chiến lược sử dụng luật để bảo vệ thương hiệu và nội dung. Sinh viên học cách áp dụng quy định pháp lý vào các chiến dịch truyền thông toàn cầu.

Tài liệu tham khảo:

[1] Roy L. Moore (2023), Media Law and Ethics, Routledge.

199014 - MEDIA ENTREPRENEURSHIP

Học phần trang bị tư duy khởi nghiệp trong ngành truyền thông. Sinh viên học cách xây dựng mô hình kinh doanh, phát triển sản phẩm truyền thông, và quản lý dự án khởi nghiệp trong môi trường số.

Tài liệu tham khảo:

[1] Eric Ries (2023), The Lean Startup, Crown Business.

199025 - Global Leadership and Personal Development

Học phần phát triển kỹ năng lãnh đạo và cá nhân trong môi trường truyền thông toàn cầu. Sinh viên học cách quản lý đội nhóm, giao tiếp đa văn hóa, và xây dựng thương hiệu cá nhân chuyên nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

[1] Daniel Goleman (2023), Emotional Intelligence, Bantam Books.

199026 GLOBAL MARKETING IN DIGITAL AGE

Học phần tập trung vào chiến lược tiếp thị toàn cầu trong kỷ nguyên số. Sinh viên học cách sử dụng các công cụ số, phân tích thị trường quốc tế, và xây dựng chiến dịch tiếp thị đa nền tảng.

Tài liệu tham khảo:

[1] Philip Kotler (2023), Marketing 5.0, Wiley.

111192 - THỰC TẬP

Học phần giúp sinh viên áp dụng kiến thức vào thực tế thông qua thực tập tại doanh nghiệp. Sinh viên tham gia các dự án truyền thông, từ sản xuất nội dung đến quản lý chiến dịch, chuẩn bị cho đồ án tốt nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

[1] Khoa Công nghệ thông tin (2023), Tài liệu hướng dẫn Thực tập, Trường Đại học Lạc Hồng.

111193 - TỐT NGHIỆP

Học phần hướng dẫn sinh viên phát triển giải pháp truyền thông đa phương tiện, từ xác định vấn đề, thiết kế, đến triển khai và báo cáo. Mỗi sinh viên làm việc với giáo viên hướng dẫn để hoàn thành đồ án tốt nghiệp chuyên sâu.

Tài liệu tham khảo:

[1] Khoa Công nghệ thông tin (2023), Tài liệu hướng dẫn trình bày báo cáo Tốt nghiệp, Trường Đại học Lạc Hồng.

111155 - NHẬP MÔN LẬP TRÌNH

Tạo môi trường thực hành và u kiện học trải nghiệm để sinh viên nhận thức sâu hơn về đặc điểm của ngành Công nghệ thông tin và yêu cầu công việc sau này, tự khám phá kiến thức thông qua thực hành, đồng thời rèn luyện một số kỹ năng tay nghề tối thiểu. Giúp sinh viên nhận thức rõ sự cần thiết và mối liên hệ giữa các môn toán, khoa học cơ bản và các môn kỹ thuật. Giúp sinh viên bước u học phương pháp giải quyết bài toán thực tiễn, phát triển kỹ năng chuyên nghiệp và kỹ năng xã hội, tạo đi u kiện cho sinh viên học phương pháp lập nhóm và làm việc theo nhóm. Giúp sinh viên có đ c sự say mê cùng sự tự tin cần thiết trong học tập và trong con đường nghề nghiệp sau này.

Sau khi học xong học phần này, yêu cầu sinh viên có khả năng: Hi u biết về ngành nghề, môi tr ờng học tập; Phát triển các kỹ năng chuyên nghi p, kỹ năng xã hội; Áp dụng đ c các công cụ, phần mềm ứng dụng thông thường, hữu ích cho tính toán khoa học kỹ thuật, tài liệu khoa học, môi tr ờng internet.

Tài liệu tham khảo:

[1]. "Lập trình C cơ bản" của Nguyễn Văn Hiền - Xuất bản bởi Nhà xuất bản Thế giới, 2018.

[2]. "Nhập môn lập trình C++" của Bùi Văn - Xuất bản bởi Nhà xuất bản Giáo dục Quốc gia TP HCM, 2018.

111156 LẮP RÁP VÀ TỐI ƯU HỆ THỐNG MÁY TÍNH

Học phần giới thiệu cho sinh viên một số thông tin về lịch sử phát triển máy tính, các thành phần cơ bản trong một máy tính. Giới thiệu cơ bản về cài đặt, sử dụng và nâng cấp hệ điều hành. Thực hành và vận dụng vào thực tiễn.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Computer architecture curriculum, Vu Duc Lung, 2019

[2]. IT Essentials PC Hardware and Software Companion Guide 3rd, CISCO Academy, 2021, netacad.com

111157- PHẦN MỀM MÃ NGUỒN MỞ

Ngoài việc trang bị cho sinh viên kiến thức về nguồn mở như khái niệm, thuật ngữ, bản quyền, giấy phép, hội thảo phát triển nguồn mở và cách tham gia hoặc các dự án mở, khóa học này cung cấp cho họ hướng dẫn thực hành về ứng dụng nguồn mở để tạo trang web quản lý nội dung (CMS) và triển khai chúng trên internet tiếp cận người dùng trong thực tế. Hơn nữa, khóa học cũng cung cấp không gian thảo luận về các vấn đề nguồn mở khác, trình bày dự án nguồn mở của họ. Từ đó nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình và biết cách quản lý một dự án mã nguồn mở

Tài liệu tham khảo:

[1]. Producing Open Source Software: How to Run a Successful Free Software Project 2nd edition 2020.

111154 - NHẬP MÔN NGÀNH

Nhập môn công nghệ thông tin là học phần nền tảng cho những học phần khác liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin sau này. Học phần sẽ giới thiệu cho sinh viên lịch sử, các thành phần của máy tính. Học phần cung cấp cho sinh viên khái niệm cơ bản về cách biểu diễn dữ liệu trong máy tính, các thành phần cơ bản của hệ điều hành, kiến thức về mạng máy tính. Ngoài ra học phần còn trình bày các nguyên tắc, kỹ năng tự trình bày báo cáo, sử dụng bảng tính. Kết thúc học phần này, sinh viên sẽ có cái nhìn đúng đắn về vai trò và trách nhiệm của mình đối với các nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin

Tài liệu tham khảo:

[1]. Nell Dale and John Lewis, "Computer science illuminated, Sixth Edition. By Jones and Bartlett Publishers, 2018.

[2]. Richard Fox, Information Technology – An Introduction for Today's Digital World, by Chapman and Hall/ CRC, 2018

111168 - NHẬP MÔN PHÁT TRIỂN DỰ ÁN KỸ THUẬT

Nhập môn Phát triển dự án kỹ thuật với mục tiêu lấy người học làm trung tâm. Dựa trên các yêu cầu trong môi trường xung quanh và tính chất kỹ thuật để có thể

thiết kế và kết hợp quy cung cấp giải pháp cho các vấn đề thực tế đáp ứng các nhu cầu của con người, cộng đồng và môi trường với các tổ chức cộng đồng địa phương và toàn cầu để giải quyết. Học phần cung cấp các bước cần thiết để chuyển từ ý tưởng thiết kế, chuẩn bị chuyên môn và kết hợp để hoàn thiện sản phẩm cũng như quy trình làm việc của bản thân.

Tài liệu tham khảo:

[1]. The Engineering Projects in Community Service course, BUILD-IT Program (2017 - 2022).

[2]. EPICS playbook. 2021.

<https://sites.google.com/asu.edu/epicstrainerresources/plans-curriculum>

111158 - VẬT LÝ THỰC HÀNH

Học phần Vật lý thực hành cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản cũng như các thí nghiệm về giao động cơ học, dao động điện và các ứng dụng của chúng trong ngành công nghệ kỹ thuật.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Tran Phu Cuong (2021), Experiment in Physics, internal circulation (Vietnamese).

[2]. Website 1: <https://phet.colorado.edu/>

[3]. Website 2: <http://hyperphysics.phy-astr.gsu.edu/hbase/hframe.html>

111159 - ĐIỆN TỬ TRONG IOT

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu trúc và chức năng của một số linh kiện điện tử cơ bản như: Điện trở, tụ điện, cuộn dây, diode, transistor và các linh kiện quang điện tử. Đồng thời, hướng dẫn sinh viên cách phân tích và tính toán các thông số của các mạch điện tử thông dụng như: Mạch chỉnh lưu, mạch nguồn DC, mạch transistor ngắt dẫn, mạch so sánh, mạch khuếch đại, mạch dao động.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Giáo trình kỹ thuật số, Ngô Văn Bình, Đại Học Lạc Hồng, 2020

111162 - THIẾT KẾ UI/UX

Sau khi học xong học phần này sinh viên sẽ có khả năng: Trình bày hình vẽ, màu sắc trong hội họa. Ứng dụng hình vẽ, màu sắc, chất liệu trong thực tế đời sống. Trình bày nguyên lý thị giác. Trang bị cho học sinh các kiến thức cơ bản về cách sử dụng các công cụ minh họa và xử lý ảnh trong thiết kế đồ họa bằng chương trình Adobe Photoshop. Trang bị kiến thức về các nguyên tắc thiết kế để tạo ra những hình ảnh đồ họa và ảnh kỹ thuật số ấn tượng công cụ vẽ và xử lý ảnh kỹ thuật số trong thiết kế đồ họa. Bên cạnh đó SV còn có thể sử dụng các công cụ để thiết kế nhanh các hình ảnh đáp ứng yêu cầu cho các chiến dịch quảng cáo.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Mobile UI Design Patterns, Dominik Pacholczyk, 2018 - A Deeper Look At The Hottest Apps Today.

111161 - Kỹ Thuật lập trình

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về ngôn ngữ lập trình C#, như kiểu dữ liệu, biến, hằng; khái niệm về nhập xuất dữ liệu; các cấu trúc điều khiển; vòng lặp; chương trình con trong C#. Ngoài ra sinh viên còn học về cách thiết kế giao diện phần mềm

Học phần sẽ chú trọng đến các kỹ thuật lập trình mạch lạc, trong sáng, hiệu quả của ngôn ngữ C# để giải quyết một số bài toán trong khoa học tự nhiên, kỹ thuật.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Dương Thăng Long, Trương Thế Tùng, Kỹ thuật lập trình cơ sở với ngôn ngữ C/C++, Nxb. Khoa học và kỹ thuật, 2017.

[2]. Vũ Việt Vũ, Phùng Th Thu Hiền, Giáo trình ngôn ngữ lập trình C++, Nxb. Khoa học và kỹ thuật, 2017.

111164 - Thiết kế web

.Tìm hiểu các khái niệm trong lĩnh vực thiết kế web: Các kiến thức trong việc sử dụng ngôn ngữ HTML trong thiết kế Website; Các kiến thức về Cascading Style Sheet (CSS)

Tài liệu tham khảo:

[1]. Jennifer Niederst Robbins, Learning Web Design: A Beginner's Guide to HTML, CSS, JavaScript, and Web Graphics, Copyright © 2018 O'Reilly Media, Inc. All rights reserved, Printed in Canada.

[2]. Online Textbook: <http://w3schools.com>, Refsnes Data

111160 - MẠNG MÁY TÍNH

Trang bị những kiến thức cơ sở về mạng, mô hình OSI, các loại đường truyền mạng LAN, các thiết bị mạng LAN, giao thức IPv4. Học theo chương trình CCNA, học kỳ 1.

Mỗi sinh viên được cấp tài khoản trên hệ thống của Cisco để tham khảo tài liệu, trao đổi nội dung học phần, cuối mỗi chương sinh viên được làm các câu hỏi, bài tập trắc nghiệm kiểm tra lý thuyết online, hướng dẫn xây dựng lab, thực hành cấu hình triển khai gỡ lỗi.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Introduction to Networks ver 7.0, Cisco Networking Academy, 2020.

[2]. Other supplemental materials: Materials (Curriculums, Labs, Assessments, Quizzes...) on netacad.com of Cisco System, GNS3, Packet Tracer

111174 - Toán rời rạc

Học phần học này cung cấp những kiến thức tối thiểu của toán học rời rạc dùng làm cơ sở cho việc học tập chuyên sâu về khoa học máy tính, kể cả hai lĩnh vực phần cứng và phần mềm.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Đỗ Đức Giáo, Toán rời rạc ứng dụng trong tin học. 2020 – NXB Giáo dục Việt Nam

111167 Cấu trúc dữ liệu và giải thuật

Học phần này trình bày những kiến thức cơ bản và nâng cao về các cấu trúc dữ liệu bao gồm các cấu trúc cơ bản như: mảng, chuỗi, cấu trúc, con trỏ, tập tin, các cấu trúc dữ liệu phục vụ cho tìm kiếm và sắp xếp như danh sách liên kết, ngăn xếp, hàng đợi, bảng băm, cấu trúc cây. Ngoài ra học phần này cũng trình bày những kiến thức cơ bản và nâng cao về thiết kế, phân tích các giải thuật, cũng như giới thiệu các giải thuật theo từng vấn đề như: các giải thuật dựa trên kỹ thuật đệ quy, các giải thuật tìm kiếm, các giải thuật sắp xếp, các giải thuật trên đồ thị, quy hoạch động và một số giải thuật thông dụng

Tài liệu tham khảo:

[1]. Narasimha Karumanchi, Data structures and algorithms made easy, ISBN 9788193245279, CareerMonk, 2020, 414tr.

[2]. Võ Đào T Hồng Tuyết, Giáo trình Cấu trúc dữ liệu (Ngành: Hệ thống thông tin, thiết kế trang web, công nghệ thông tin) - CĐ Kinh tế Kỹ thuật TP.HCM, 2020.

111163 TÍN HIỆU SỐ CƠ BẢN

Học phần Kỹ thuật số là một học phần cơ bản và có vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo đại học các ngành kỹ thuật. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về: nguyên lý chuyển đổi giữa tín hiệu tương tự và tín hiệu số, cấu trúc hoạt động và ứng dụng của bộ nhớ, nguyên lý các mạch dao động số, các hệ thống số, các cổng logic cơ bản, các định lý cơ bản của đại số Boole, các mạch tổ hợp, mạch tuần tự, cấu trúc hoạt động các vi mạch số cơ bản, thông số kỹ thuật của hai họ vi mạch TTL và CMOS. Phân loại các họ vi mạch,. Các phương pháp phân tích cũng như phương pháp thiết kế mạch logic và tuần tự. Từ đó, giúp sinh viên nắm vững được những vấn đề cốt lõi của kỹ thuật điện tử số, khả năng giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong thực tế.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Giáo trình kỹ thuật số, Ngô Văn Bình Học Lạc Hồng, 2020.

111166 CƠ SỞ DỮ LIỆU

Học phần giới thiệu về sự cần thiết trong việc tổ chức và quản lý cơ sở dữ liệu, đặc biệt áp dụng trong công nghệ. Cơ bản về cơ sở dữ liệu, hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu và mô hình dữ liệu. Các khái niệm phụ thuộc vào dữ liệu, phụ thuộc chức năng và chuyển hóa dữ liệu để có thể thiết kế một cơ sở dữ liệu phù hợp; Khóa học cũng giới thiệu việc sử dụng ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc (SQL) để thực hiện dữ liệu truy vấn ở mức cơ bản.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Cơ sở dữ liệu. Tài liệu nội bộ Khoa CNTT-LHU. 2019 (Fundamental of database, Internal materials of Faculty of Information Engineering Technology, 2019)

[2]. SQL Server technical documentation. Microsoft Documentation . 2020

111165 Mạng máy tính nâng cao

Học phần giới thiệu cho sinh viên kiến thức, thành phần và hoạt động của Router, Switch. Nắm rõ các loại địa chỉ IPv4 và IPv6. Vấn đề an toàn mạng. Hoạt động cấu hình căn bản của LAN Switch, Router. Hiểu về xây dựng hệ thống mạng vừa và nhỏ.

Mỗi sinh viên được cấp tài khoản trên hệ thống của Cisco để tham khảo tài liệu, trao đổi nội dung học phần, cuối mỗi chương sinh viên được làm các câu hỏi, bài tập trắc nghiệm kiểm tra lý thuyết online, hướng dẫn xây dựng lab, thực hành cấu hình triển khai gỡ lỗi.

Tài liệu tham khảo:

[1]. CCNA Routing and Switching ver 7.0, Cisco Networking Academy, 2020 (Online: netacad.com)

[2]. Other supplemental materials: Materials (Curriculums, Labs, Assessments, Quizzes...) on netacad.com of Cisco

111175 DỊCH VỤ MẠNG

Trang bị những kiến thức cơ sở các loại đường truyền mạng LAN, các thiết bị mạng LAN, cách chọn thiết bị mạng LAN, đường truyền mạng LAN, các bước thiết kế và thi công hệ thống mạng LAN, kết nối thiết bị mạng LAN, thiết kế IP cho mạng và kiểm thử mạng LAN. Học theo chương trình CCNA

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Textbook: Java Programming for Android Developers For Dummies, 2nd Edition, 2018.
- [2]. Developer Guides, Google Inc., 2021 <<https://developer.android.com/guide>>

111172 Lập trình hướng đối tượng

Học phần bao gồm các nội dung chính như sau: Sự khác biệt giữa lập trình hướng đối tượng và lập trình thủ tục, một số khái niệm liên quan đến lập trình hướng đối tượng như sự đóng gói, thừa kế, đa hình, nạp chồng (overloading); Cách thức tạo ra kiểu dữ liệu, cách thức xây dựng lớp thể hiện sự đóng gói, sự thừa kế; Hoàn thiện kiểu dữ liệu bằng cách nạp chồng các phép toán; Phân tích và viết một chương trình hướng đối tượng có sử dụng tính thừa kế Thể hiện tính đa hình của đối tượng qua các lớp và chương trình; Xây dựng chương trình sử dụng khuôn hình

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Huỳnh Lê Uyên Minh, Bài giảng Lập trình DOTNET, Chương 3 Lập trình hướng đối tượng với C#, 2021
- [2]. Lê Viết Mẫn, Tổng quan lập trình hướng đối tượng, Bài giảng Lập trình hướng đối tượng, 2020
- [3]. ĐH Bách Khoa Hà Nội, Bài giảng Lập trình hướng đối tượng, 2018
- [4]. Hữu Khang, Hoàng Đức Hải, Trần Tiến Dũng, - Tập 3: Lập trình hướng đối tượng, Lao động xã hội.

111170 Hệ quản trị CSDL

Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quản trị một hệ thống cơ sở dữ liệu bao gồm: Thiết lập và quản trị cơ sở dữ liệu; Tạo và phân quyền người dùng; Sao lưu và phục hồi dữ liệu; Thực hiện hàm, thủ tục truy xuất dữ liệu theo yêu cầu (sử dụng ngôn ngữ T-SQL); Trigger trong Sql Server.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu. Tài liệu nội bộ Khoa CNTT-LHU. 2019 (Database Management System, Internal materials of Faculty of Information Engineering Technology, 2019)
- [2]. SQL Server technical documentation. Microsoft Documentation. 2020

111171 Lập trình Front-End

Tìm hiểu các khái niệm trong lập trình thiết kế web: Các kiến thức trong việc sử dụng ngôn ngữ HTML trong thiết kế Website; Các kiến thức về Cascading Style Sheet (CSS); Tìm hiểu cách thức sử dụng Javascript trong việc tạo các tương tác người dùng trên web; Cách thức đưa một website lên Internet; Quản lý và duy trì hoạt động của website

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Jennifer Niederst Robbins, Learning Web Design: A Beginner's Guide to HTML, CSS, JavaScript, and Web Graphics, Copyright © 2018 O'Reilly Media, Inc. All rights reserved, Printed in Canada.
- [2]. Online Textbook: <http://w3schools.com>, Refsnes Data

111173 Kiến tập

Học phần này là cơ hội để sinh viên thực hành vận dụng những kiến thức (lý thuyết, thực hành) mà mình đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực công nghệ thông tin tại đơn vị, Tổ chức và doanh nghiệp. Sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng thực hành, lập trình, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng vận dụng các giải pháp CNTT phù hợp để giải quyết vấn đề thực tiễn. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng trình bày.

Đây là lần thực tập giữa kỳ của sinh viên, giúp sinh viên rút ra được những công việc mà doanh nghiệp hiện đang thực hiện theo với chuyên ngành sinh viên được đào tạo. Từ đó, giúp sinh viên định hướng cho công việc trong tương lai.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Tài liệu cần thiết cho công việc do cán bộ hướng dẫn tại đơn vị thực tập cung cấp.
- [2]. Tài liệu hướng dẫn trình bày báo cáo thực tập của khoa Công nghệ thông tin

111183 Thiết kế hệ thống mạng

Trang bị những kiến thức cơ sở về định tuyến động, bảo mật trong mạng LAN, cấu hình Access control list. Hiểu về mạng WAN, Công nghệ VPN và IPSec. Thiết kế và quản trị mạng

Mỗi sinh viên cấp tài khoản trên hệ thống của Cisco tham khảo tài liệu, trao đổi nội dung học phần, cuối mỗi chương sinh viên được làm các câu hỏi, bài tập trắc nghiệm kiểm tra lý thuyết online, hướng dẫn xây dựng lab, thực hành cấu hình triển khai gỡ lỗi.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. CCNA Routing and Switching ver 7.0, Cisco Networking Academy, 2020 (Online: netacad.com)
- [2]. Other supplemental materials: Materials (Curriculums, Labs, Assessments, Quizzes...) on netacad.com of Cisco System, GNS3, Packet Tracer.

111176 Lập trình Back-End

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức để có thể xây dựng một website hoàn chỉnh sử dụng công nghệ ASP.NET MVC của Microsoft và hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server.

Sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức: Các khái niệm tổng quan về công nghệ lập trình web; Cách thức tổ chức dự án website theo mô hình MVC: Layout, bộ định tuyến URL (Routes), các thành phần của mô hình MVC (Models, Controllers, View); Kết nối website với cơ sở dữ liệu MS SQL server sử dụng công nghệ Entity Framework hoặc ADO.Net; Triển khai, và quản lý website trên hosting; Kiến thức liên quan các

công nghệ mới như: Ajax, Web Service (Web API), nền bảo mật web.

Tài liệu tham khảo:

[1]. ASP.NET Core in Action, Second Edition Annotated Edition, Manning Publications; Annotated edition (April 13, 2020)

[2]. Text: Murach's ASP.NET Core MVC 1st Edition, Mike Murach & Associates; 1st edition (January 14, 2020)

111177 Lập trình trên môi trường Windows

Windows Forms cung cấp các lớp chứa đựng nhiều loại đối tượng cho phép sinh viên dùng xây dựng ứng dụng desktop chạy trên nền Windows. Sau khi học xong môn này Sinh viên có thể nắm vững các kiến thức cơ bản đến nâng cao liên quan đến việc xây dựng ứng dụng windows forms giúp sinh viên có thể kết hợp hài hòa giữa các điều khiển để có thể tạo nên một ứng dụng theo yêu cầu của mình, cũng như xây dựng những dự án lớn.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Giáo trình Lập trình ứng dụng CSDL với C#, Nguyễn Minh Phúc, Đại Học Lạc Hồng, 2020.

[2]. Lập Trình Windows Form Và Web Form Với C#, Phạm Quang Hiền, Nguyễn Tất Bảo Thiện, Nhà Xuất Bản Thanh Niên, 2020.

[3]. Programming C# 8.0: Build Cloud, Web, and Desktop Applications 1st Edition, O'Reilly Media; 1st edition (January 14, 2020)

111180 Lập trình ứng dụng CSDL

Học phần "Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu" tập trung vào việc giúp sinh viên nắm vững và áp dụng các kỹ năng liên quan đến lập trình và quản lý cơ sở dữ liệu trong môi trường phát triển phần mềm. Sinh viên sẽ được hướng dẫn cách sử dụng ADO.NET để kết nối và thao tác dữ liệu với hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft SQL Server. Mục tiêu chính của học phần bao gồm hiểu biết về ADO.NET, cách kết nối và thực hiện các thao tác dữ liệu, tạo và quản lý báo cáo, cũng như phát triển một dự án phần mềm hoàn chỉnh. Thông qua việc áp dụng kiến thức vào thực tế thông qua dự án, sinh viên sẽ phát triển kỹ năng cần thiết để thành công trong lĩnh vực phát triển phần mềm và quản lý cơ sở dữ liệu.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Giáo trình Lập trình ứng dụng CSDL với C#, Nguyễn Minh Phúc, Đại Học Lạc Hồng, 2020.

[2]. Lập Trình Windows Form Và Web Form Với C#, Phạm Quang Hiền, Nguyễn Tất Bảo Thiện, Nhà Xuất Bản Thanh Niên, 2020.

[3]. Programming C# 8.0: Build Cloud, Web, and Desktop Applications 1st Edition, O'Reilly Media; 1st edition (January 14, 2020)

111178 Phân tích thiết kế hệ thống hướng đối tượng

Học phần về mô hình hóa hướng đối tượng, giới thiệu ngôn ngữ mô hình hóa thống nhất UML và các biểu đồ của nó để biểu diễn các khung nhìn khác nhau của hệ thống. Phân tích thiết kế là một kỹ thuật trung gian trong việc chuyển các yêu cầu thành các hệ thống phần mềm thực thi được. Các mô hình khác nhau được tạo ra ở giai đoạn này để chỉ các cách nhìn cấu trúc tĩnh, hành vi

động, cài đặt của tập các đối tượng. Học phần sau đó đi sâu vào phân thu thập và biểu diễn yêu cầu phần mềm, các kỹ thuật phân tích và các kỹ thuật thiết kế hệ thống theo phương pháp hướng đối tượng.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Object-Oriented Modeling and Design using UML, Dang Van Duc, 2018

[2]. "The Unified Modeling Language User Guide", Grady Booch, James Rumbaugh, Ivar Jacobson, 12th Impression, 2018, PEARSON

111179 Phân tích thiết kế hệ thống hướng quan hệ

Học phần Phân tích thiết kế hệ thống hướng quan hệ là một học phần trong lĩnh vực Khoa học máy tính, tập trung vào việc học cách phân tích, thiết kế và triển khai các hệ thống hướng quan hệ. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng để phân tích và thiết kế các hệ thống phức tạp sử dụng cơ sở dữ liệu quan hệ.

Trong khóa học Phân tích thiết kế hệ thống hướng quan hệ, sinh viên sẽ học các kỹ năng như: phân tích yêu cầu hệ thống, thiết kế cơ sở dữ liệu, sử dụng các công cụ mô hình hóa dữ liệu, thiết kế và triển khai các ứng dụng sử dụng cơ sở dữ liệu quan hệ, quản lý và bảo trì các cơ sở dữ liệu.

Sinh viên sẽ được học các phương pháp, kỹ thuật và công cụ để phân tích yêu cầu hệ thống, thiết kế cơ sở dữ liệu, xây dựng các mô hình dữ liệu, và triển khai các ứng dụng sử dụng cơ sở dữ liệu quan hệ. Sinh viên sẽ được học cách sử dụng các ngôn ngữ lập trình để thiết kế và triển khai các ứng dụng sử dụng cơ sở dữ liệu quan hệ như SQL, PHP và các công nghệ tương tự.

Tài liệu tham khảo

[1]. Phân tích thiết kế hệ thống cơ sở dữ liệu" của Trần Ngọc Minh - Xuất bản bởi Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TPHCM vào năm 2018.

[2]. Phân tích thiết kế hệ thống thông tin quản lý của Lê Thị Thanh Thủy - Xuất bản bởi Nhà xuất bản Giáo dục vào năm 2019.

[3]. Phân tích thiết kế hệ thống thông tin" của Nguyễn Thị Ngọc Anh - Xuất bản bởi Nhà xuất bản Đại học Khoa học Tự nhiên, Hà Nội vào năm 20

112137 Thiết kế hệ thống mạng năng cao

Trang bị những kiến thức cơ sở về định tuyến động, bảo mật trong mạng LAN, cấu hình Access control list. Hiểu về mạng WAN, Công nghệ VPN và IPSec. Thiết kế và quản trị mạng

Mỗi sinh viên được cấp tài khoản trên hệ thống của Cisco để tham khảo tài liệu, trao đổi nội dung học phần, cuối mỗi chương sinh viên được làm các câu hỏi, bài tập trắc nghiệm kiểm tra lý thuyết online, hướng dẫn xây dựng lab, thực hành cấu hình triển khai gỡ lỗi.

Tài liệu tham khảo:

[1]. CCNA Routing and Switching ver 7.0, Cisco Networking Academy, 2020 (Online: netacad.com).

[2]. Other supplemental materials: Materials (Curriculums, Labs, Assessments, Quizzes...) on netacad.com of Cisco System, GNS3, Packet Tracer

111181 Lập trình giao tiếp thiết bị

Trước hết học phần sẽ trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản lĩnh kiến thức điện tử và lĩnh vực điện tử chuyên nghiệp, từ đó tạo cho sinh viên có cái nhìn tổng quan về lập trình nhúng. Sau học phần sẽ giới thiệu các KIT phát triển, sử dụng KIT Arduino học lập trình. Ghép nối được các bài học này sinh viên xây dựng được một hệ thống hoàn chỉnh (điều khiển thiết bị điện, thu thập nhiệt độ, độ ẩm, thu thập dữ liệu,...) phục vụ cho các học phần sau.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. "Computer as Components: Principles of Embedded Computing System Design", Wayne Wolf, 1st Edition, MORGAN KAUFMANN PUBLISHERS, INC. 2018.
- [2]. Arduino Cookbook, Michael Margolis, 2018.

111182 Lập trình ứng dụng di động

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lập trình ứng dụng trên thiết bị di động với nền tảng hệ điều hành Android, nắm các quy trình, các kiến thức, kỹ năng cần thiết để phát triển ứng dụng trên nền tảng Android.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Textbook: Java Programming for Android Developers For Dummies, 2nd Edition, 2018.
- [2]. Developer Guides, Google Inc., 2021 <https://developer.android.com/guide>

111184 Lập trình ứng dụng web

Học phần "Phát triển ứng dụng web" nhằm mục đích giúp sinh viên ứng dụng kiến thức từ hai học phần trước - lập trình front-end và lập trình back-end - để xây dựng một hệ thống ứng dụng web hoàn chỉnh. Trong quá trình học, sinh viên sẽ tập trung vào việc áp dụng kiến thức của mình vào việc xây dựng giao diện và logic phía máy chủ cho ứng dụng web.

Mục tiêu của học phần bao gồm:

- Áp dụng kiến thức từ lập trình front-end và back-end: Sinh viên sẽ được khuyến khích áp dụng kiến thức về HTML, CSS, JavaScript và lập trình back-end vào việc xây dựng giao diện và logic của ứng dụng web.
- Hiểu về quy trình hoàn thiện ứng dụng web: Sinh viên sẽ được hướng dẫn về các bước cần thiết để phát triển một ứng dụng web từ ý tưởng ban đầu đến quy trình triển khai cuối cùng.
- Áp dụng các mô hình triển khai ứng dụng: Sinh viên sẽ được giới thiệu và áp dụng các mô hình triển khai ứng dụng như MVC hoặc MVVM để tổ chức và quản lý dự án hiệu quả.
- Xây dựng hệ thống ứng dụng web hoàn chỉnh: Sinh viên sẽ thực hành xây dựng một ứng dụng web thực tế từ đầu đến cuối, bao gồm kế hoạch, thiết kế, phát triển, kiểm thử và triển khai.

111155 - Nhập môn lập trình

Tạo môi trường thực hành và điều kiện học trải nghiệm để sinh viên nhận thức sâu hơn về đặc điểm của ngành Công nghệ thông tin và yêu cầu công việc sau này, tự khám phá kiến thức thông qua thực hành, đồng thời rèn luyện một số kỹ năng tay nghề tối thiểu. Giúp sinh viên nhận thức rõ sự cần thiết và mối liên hệ giữa các môn toán, khoa học cơ bản và các môn kỹ thuật. Giúp sinh viên bước đầu học phương pháp giải quyết bài toán thực tiễn, phát triển kỹ năng chuyên môn và kỹ năng xã hội; tạo điều kiện cho sinh viên học phương pháp lập nhóm và làm việc theo nhóm. Giúp sinh viên có đức sự say mê cùng sự tự tin cần thiết trong học tập và trong con đường nghề nghiệp sau này.

Sau khi học xong học phần này, yêu cầu sinh viên có khả năng: Hiểu biết về ngành nghề, môi trường học tập; Phát triển các kỹ năng chuyên môn, kỹ năng xã hội; Áp dụng được các công cụ, phần mềm ứng dụng thông thường, hữu ích cho tính toán khoa học kỹ thuật, tài liệu khoa học, môi trường internet.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. "Lập trình C cơ bản" của Nguyễn Văn Hiên - Xuất bản bởi Nhà xuất bản Thế giới, 2018.
- [2]. "Nhập môn lập trình C++" của Bùi Văn Minh - Xuất bản bởi Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP HCM, 2018.

111156 - Lắp ráp và tối ưu hệ thống máy tính

Học phần giới thiệu cho sinh viên một số thông tin về lịch sử phát triển máy tính, các thành phần cơ bản trong một máy tính. Giới thiệu cơ bản về cài đặt, sử dụng và nâng cấp hệ điều hành. Thực hành và vận dụng vào thực tiễn.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Computer architecture curriculum, Vu Duc Lung, 2019
- [2]. IT Essentials PC Hardware and Software Companion Guide 3rd, CISCO Academy, 2021, netacad.com

111157- Phần mềm mã nguồn mở

Ngoài việc trang bị cho sinh viên kiến thức về nguồn mở như khái niệm, thuật ngữ, bản quyền, giấy phép, hội thảo phát triển nguồn mở và cách tham gia hoặc các dự án mở, khóa học này cung cấp cho họ hướng dẫn thực hành về ứng dụng nguồn mở để tạo trang web quản lý nội dung (CMS) và triển khai chúng trên internet tiếp cận người dùng trong thực tế. Hơn nữa, khóa học cũng cung cấp không gian thảo luận về các vấn đề nguồn mở khác, trình bày dự án nguồn mở của họ. Từ đó nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình và biết cách quản lý một dự án mã nguồn mở

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Producing Open Source Software: How to Run a Successful Free Software Project 2nd edition 2020.

111154 - Nhập môn ngành

Nhập môn công nghệ thông tin là học phần nền tảng cho những học phần khác liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin sau này. Học phần sẽ giới thiệu cho sinh viên lịch sử, các thành phần của máy tính. Học phần cung cấp cho sinh viên khái niệm cơ bản về cách biểu diễn dữ liệu trong máy tính, các thành phần cơ bản của hệ điều hành, kiến thức về mạng máy tính. Ngoài ra học phần còn trình

bày các nguyên tắc, kỹ năng trình bày báo cáo, sử dụng bảng tính. Kết thúc học phần này, sinh viên sẽ có cái nhìn rõ ràng về vai trò và trách nhiệm của mình với các nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin

Tài liệu tham khảo:

[1]. Nell Dale and John Lewis, “Computer science illuminated, Sixth Edition. By Jones and Bartlett Publishers, 2018.

[2]. Richard Fox, Information Technology – An Introduction for Today’s Digital World, by Chapman and Hall/ CRC, 2018

111168 - Nhập môn Phát triển dự án kỹ thuật

Nhập môn Phát triển dự án kỹ thuật với mục tiêu lấy người học làm trung tâm. Dựa trên các yêu cầu trong môi trường xung quanh và tính chất kỹ thuật để có thể thiết kế và kết hợp quy trình cấp giải pháp cho các vấn đề thực tế đáp ứng các nhu cầu của con người, cộng đồng và môi trường với các tổ chức cộng đồng địa phương và toàn cầu để giải quyết. Học phần cung cấp các bước cần thiết để chuyển từ ý tưởng thiết kế, chuẩn bị chuyên môn và kết hợp để hoàn thiện sản phẩm cũng như quy trình làm việc của bản thân.

Tài liệu tham khảo:

[1]. The Engineering Projects in Community Service course, BUILD-IT Program (2017 - 2022).

[2]. EPICS playbook. 2021.

<https://sites.google.com/asu.edu/epicstrainerresources/plans-curriculum>

111158 - Vật lý thực hành

Học phần Vật lý thực hành cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản cũng như các thí nghiệm về giao động cơ học, dao động điện và các ứng dụng của chúng trong ngành công nghệ kỹ thuật.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Tran Phu Cuong (2021), Experiment in Physics, internal circulation (Vietnamese).

[2]. Website 1: <https://phet.colorado.edu/>

[3]. Website 2: <http://hyperphysics.phy-astr.gsu.edu/hbase/hframe.html>

111159 - Điện tử trong IoT

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu trúc và chức năng của một số linh kiện điện tử cơ bản như: Điện trở, tụ điện, cuộn dây, diode, transistor và các linh kiện quang điện tử. Đồng thời, hướng dẫn sinh viên cách phân tích và tính toán các thông số của các mạch điện tử thông dụng như: Mạch chỉnh lưu, mạch nguồn DC, mạch transistor ngắt dẫn, mạch so sánh, mạch khuếch đại, mạch dao động.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Giáo trình kỹ thuật số, Nguyễn Văn Học Lạc Hồng, 2020

111162 - Thiết kế UI/UX

Sau khi học xong học phần này sinh viên sẽ có khả năng: Trình bày hình vẽ, màu sắc trong hội họa. Ứng dụng hình vẽ, màu sắc, chất liệu trong thực tế đời sống. Trình bày nguyên lý thị giác. Trang bị cho học sinh các kiến thức cơ bản về cách sử dụng các công cụ minh họa và

xử lý ảnh trong thiết kế đồ họa bằng chương trình Adobe Photoshop. Trang bị kiến thức về các nguyên tắc thiết kế để tạo ra những hình ảnh đồ họa và ảnh kỹ thuật số ấn tượng công cụ vẽ và xử lý ảnh kỹ thuật số trong thiết kế đồ họa. Bên cạnh đó SV còn có thể sử dụng các công cụ để thiết kế nhanh các hình ảnh đáp ứng yêu cầu cho các chiến dịch quảng cáo.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Mobile UI Design Patterns, Dominik Pacholczyk, 2018 - A Deeper Look At The Hottest Apps Today.

111161 - Kỹ Thuật lập trình

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về ngôn ngữ lập trình C#, như kiểu dữ liệu, biến, hằng; khái niệm về nhập xuất dữ liệu; các cấu trúc điều khiển; vòng lặp; chương trình con trong C#. Ngoài ra sinh viên còn được học về cách thiết kế giao diện phần mềm

Học phần sẽ chú trọng đến các kỹ thuật lập trình mạch lạc, trong sáng, hiệu quả của ngôn ngữ C# để giải quyết một số bài toán trong khoa học tự nhiên, kỹ thuật.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Dương Thăng Long, Trương Thế Tùng, Kỹ thuật lập trình cơ sở với ngôn ngữ C/C++, Nxb. Khoa học và kỹ thuật, 2017.

[2]. Vũ Việt Vũ, Phùng Thu Hiền, Giáo trình ngôn ngữ lập trình C++, Nxb. Khoa học và kỹ thuật, 2017.

111164 - Thiết kế web

.Tìm hiểu các khái niệm trong lĩnh vực thiết kế web: Các kiến thức trong việc sử dụng ngôn ngữ HTML trong thiết kế Website; Các kiến thức về Cascading Style Sheet (CSS)

Tài liệu tham khảo:

[1]. Jennifer Niederst Robbins, Learning Web Design: A Beginner's Guide to HTML, CSS, JavaScript, and Web Graphics, Copyright © 2018 O'Reilly Media, Inc. All rights reserved, Printed in Canada.

[2]. Online Textbook: <http://w3schools.com>, Refsnes Data

111160 - Mạng máy tính

Trang bị những kiến thức cơ sở về mạng, mô hình OSI, các loại đường truyền mạng LAN, các thiết bị mạng LAN, giao thức IPv4. Học theo chương trình CCNA, học kỳ 1.

Mỗi sinh viên được cấp tài khoản trên hệ thống của Cisco để tham khảo tài liệu, trao đổi nội dung học phần, cuối mỗi chương sinh viên cần làm các câu hỏi, bài tập trắc nghiệm kiểm tra lý thuyết online, hướng dẫn xây dựng lab, thực hành cấu hình triển khai gỡ lỗi.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Introduction to Networks ver 7.0, Cisco Networking Academy, 2020.

[2]. Other supplemental materials: Materials (Curriculums, Labs, Assessments, Quizzes...) on netacad.com of Cisco System, GNS3, Packet Tracer

111174 - Toán rời rạc

Học phần học này cung cấp những kiến thức tối thiểu của toán học rời rạc dùng làm cơ sở cho việc học tập chuyên sâu về khoa học máy tính, kể cả hai lĩnh vực phần cứng và phần mềm.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Đỗ Đức Giáo, Toán rời rạc ứng dụng trong tin học. 2020 – NXB Giáo dục Việt Nam

111167 Cấu trúc dữ liệu và giải thuật

Học phần này trình bày những kiến thức cơ bản và nâng cao về các cấu trúc dữ liệu bao gồm các cấu trúc cơ bản như: mảng, chuỗi, cấu trúc, con trỏ, tập tin, các cấu trúc dữ liệu phục vụ cho tìm kiếm và sắp xếp như danh liên kết, ngăn xếp, hàng đợi, bảng băm, cấu trúc cây. Ngoài ra học phần này cũng trình bày những kiến thức cơ bản và nâng cao về thiết kế, phân tích các giải thuật, cũng như giới thiệu các giải thuật theo từng vấn đề như: các giải thuật dựa trên kỹ thuật đệ quy, các giải thuật tìm kiếm, các giải thuật sắp xếp, các giải thuật trên đồ thị, quy hoạch động và một số giải thuật thông dụng.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Narasimha Karumanchi, Data structures and algorithms made easy, ISBN 9788193245279, CareerMonk, 2020, 414tr.

[2]. Võ Đào T. Hồng Tuyết, Giáo trình Cấu trúc dữ liệu (Ngành: Hệ thống thông tin, thiết kế trang web, công nghệ thông tin) - CD Kinh tế Kỹ thuật TP.HCM, 2020.

111163 Tín hiệu số cơ bản

Học phần Kỹ thuật số là một học phần cơ bản và có vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo đại học các ngành kỹ thuật. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về: nguyên lý chuyển đổi giữa tín hiệu tương tự và tín hiệu số, cấu trúc hoạt động và ứng dụng của bộ nhớ, nguyên lý các mạch dao động số, các hệ thống số, các công logic cơ bản, các định lý cơ bản của đại số Boole, các mạch tổ hợp, mạch tuần tự, cấu trúc hoạt động các vi mạch số cơ bản, thông số kỹ thuật của hai họ vi mạch TTL và CMOS. Phân loại các họ vi mạch, các phương pháp phân tích cũng như phương pháp thiết kế mạch logic và tuần tự. Từ đó, giúp sinh viên nắm vững được những vấn đề cốt lõi của kỹ thuật điện tử số, khả năng giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong thực tế.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Giáo trình kỹ thuật số, Ngô Văn Bội, Học Lạc Hồng, 2020.

111166 Cơ sở dữ liệu

Học phần giới thiệu về sự cần thiết trong việc tổ chức và quản lý cơ sở dữ liệu, đặc biệt áp dụng trong công nghệ. Cơ bản về cơ sở dữ liệu, hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu và mô hình dữ liệu. Các khái niệm phụ thuộc vào dữ liệu, phụ thuộc chức năng và chuẩn hóa dữ liệu để có thể thiết kế một cơ sở dữ liệu phù hợp; Khóa học cũng giới thiệu việc sử dụng ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc (SQL) để thực hiện dữ liệu truy vấn ở mức cơ bản.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Cơ sở dữ liệu. Tài liệu nội bộ Khoa CNTT-LHU. 2019 (Fundamental of database, Internal materials of Faculty of Information Engineering Technology, 2019)

[2]. SQL Server technical documentation. Microsoft Documentation. 2020

111165 Mạng máy tính nâng cao

Học phần giới thiệu cho sinh viên kiến trúc, thành phần và hoạt động của Router, Switch. Nắm rõ các loại địa chỉ IPv4 và IPv6. Cơ bản về an toàn mạng. Hoạt động

cấu hình căn bản của LAN Switch, Router. Hiểu về xây dựng hệ thống mạng vừa và nhỏ.

Mỗi sinh viên cấp tài khoản trên hệ thống của Cisco để tham khảo tài liệu, trao đổi nội dung học phần, cuối mỗi chương sinh viên được làm các câu hỏi, bài tập trắc nghiệm kiểm tra lý thuyết online, hướng dẫn xây dựng lab, thực hành cấu hình triển khai gỡ lỗi.

Tài liệu tham khảo:

[1]. CCNA Routing and Switching ver 7.0, Cisco Networking Academy, 2020 (Online: netacad.com)

[2]. Other supplemental materials: Materials (Curriculums, Labs, Assessments, Quizzes...) on netacad.com of Cisco

111175 Dịch vụ mạng

Trang bị những kiến thức cơ sở các loại đường truyền mạng LAN, các thiết bị mạng LAN, cách chọn thiết bị mạng LAN, đường truyền mạng LAN, các thiết kế và thi công hệ thống mạng LAN, kết nối thiết bị mạng LAN, thiết kế IP cho mạng và kiểm thử mạng LAN. Học theo chương trình CCNA

Tài liệu tham khảo:

[1]. Textbook: Java Programming for Android Developers For Dummies, 2nd Edition, 2018.

[2]. Developer Guides, Google Inc., 2021 <<https://developer.android.com/guide>>

111172 Lập trình hướng đối tượng

Học phần bao gồm các nội dung chính như sau: Sự khác biệt giữa lập trình hướng đối tượng và lập trình thủ tục, một số khái niệm liên quan đến lập trình hướng đối tượng như sự đóng gói, thừa kế, đa hình, nguyên tắc chồng (overloading); Cách thức tạo ra kiểu dữ liệu, cách thức xây dựng lớp thể hiện sự đóng gói, sự thừa kế; Hoàn thiện kiểu dữ liệu bằng cách nạp chồng các phép toán; Phân tích và viết một chương trình hướng đối tượng có sử dụng tính thừa kế Thể hiện tính đa hình của đối tượng qua các lớp và chương trình; Xây dựng chương trình dựng khuôn hình

Tài liệu tham khảo:

[1]. Huỳnh Lê Uyên Minh, Bài giảng Lập trình DOTNET, Chương 3 Lập trình hướng đối tượng với C#, 2021

[2]. Lê Viết Mẫn, Tổng quan lập trình hướng đối tượng, Bài giảng Lập trình hướng đối tượng, 2020

[3]. ĐH Bách Khoa Hà Nội, Bài giảng Lập trình hướng đối tượng, 2018

[4]. Hữu Khang, Hoàng Hải, Trần Tiến Dũng, C# - Tập 3: Lập trình hướng đối tượng, Lao động xã hội.

111170 Hệ quản trị CSDL

Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quản trị một hệ thống cơ sở dữ liệu bao gồm: Thiết lập và quản trị cơ sở dữ liệu; Tạo và phân quyền người dùng; Sao lưu và khôi phục dữ liệu; Thực hiện hàm, thủ tục truy xuất dữ liệu theo yêu cầu (sử dụng ngôn ngữ T-SQL); Trigger trong Sql Server.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu. Tài liệu nội bộ Khoa CNTT-LHU. 2019 (Database Management System, Internal materials of Faculty of Information Engineering Technology, 2019)

[2]. SQL Server technical documentation. Microsoft Documentation . 2020

111171 Lập trình Front-End

Tìm hiểu các khái niệm trong lĩnh vực thiết kế web: Các kiến thức trong việc sử dụng ngôn ngữ HTML trong thiết kế Website; Các kiến thức về Cascading Style Sheet (CSS); Tìm hiểu cách thức sử dụng Javascript trong việc tạo các tương tác người dùng trên web; Cách thức đưa một website lên Internet; Quản lý và duy trì hoạt động của website

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Jennifer Niederst Robbins, Learning Web Design: A Beginner's Guide to HTML, CSS, JavaScript, and Web Graphics, Copyright © 2018 O'Reilly Media, Inc. All rights reserved, Printed in Canada.
- [2]. Online Textbook: <http://w3schools.com>, Refsnes Data

111173 Kiến tập

Học phần này là cơ hội sinh viên thực hành vận dụng những kiến thức (lý thuyết, thực hành) mà mình đã học tại trường vào giải quyết những vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực công nghệ thông tin tại đơn vị, Tổ chức và doanh nghiệp. Sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng thực hành, lập trình, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng vận dụng các giải pháp CNTT phù hợp giải quyết vấn đề thực tiễn. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng trình bày.

Đây là lần thực tập giữa kỳ của sinh viên, giúp sinh viên rút ra được những công việc mà doanh nghiệp hiện đang thực hiện theo với chuyên ngành sinh viên được đào tạo. Từ đó, giúp sinh viên định hướng cho công việc trong tương lai.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Tài liệu cần thiết cho công việc do cán bộ hướng dẫn tại đơn vị thực tập cung cấp.
- [2]. Tài liệu hướng dẫn trình bày báo cáo thực tập của khoa Công nghệ thông tin

111183 Thiết kế hệ thống mạng

Trang bị những kiến thức cơ sở về định tuyến động, bảo mật trong mạng LAN, cấu hình Access control list. Hiểu về mạng WAN, Công nghệ VPN và IPSec. Thiết kế và quản trị mạng

Mỗi sinh viên được cấp tài khoản trên hệ thống của Cisco để tham khảo tài liệu, trao đổi nội dung học phần, cuối mỗi chương sinh viên được làm các câu hỏi, bài tập trắc nghiệm kiểm tra lý thuyết online, hướng dẫn xây dựng lab, thực hành cấu hình triển khai gỡ lỗi.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. CCNA Routing and Switching ver 7.0, Cisco Networking Academy, 2020 (Online: netacad.com)
- [2]. Other supplemental materials: Materials (Curriculums, Labs, Assessments, Quizzes...) on netacad.com of Cisco System, GNS3, Packet Tracer.

111176 Lập trình Back-End

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức để có thể xây dựng một website hoàn chỉnh sử dụng công nghệ ASP.NET MVC của Microsoft và hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server.

Sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức: Các khái niệm tổng quan về công nghệ lập trình web; Cách thức tổ chức dự án website theo mô hình MVC: Layout, bộ định tuyến URL (Routes), các thành phần của mô hình MVC (Models, Controllers, View); Kết nối website với cơ sở dữ liệu MS SQL server sử dụng công nghệ Entity Framework hoặc ADO.Net; Triển khai, và quản lý website trên hosting; Kiến thức liên quan đến các công nghệ mới như: Ajax, Web Service (Web API), an ninh bảo mật web.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. ASP.NET Core in Action, Second Edition Annotated Edition, Manning Publications; Annotated edition (April 13, 2020)
- [2]. Text: Murach's ASP.NET Core MVC 1st Edition, Mike Murach & Associates; 1st edition (January 14, 2020)

111177 Lập trình trên môi trường Windows

Windows Forms cung cấp các lớp chứa đựng nhiều loại điều khiển cho phép người dùng xây dựng ứng dụng desktop chạy trên nền Windows. Sau khi học xong môn này Sinh viên có thể nắm vững các kiến thức cơ bản đến nâng cao liên quan đến việc xây dựng ứng dụng windows forms. Đồng thời giúp sinh viên có thể kết hợp hài hòa giữa các điều khiển để có thể tạo nên một ứng dụng theo yêu cầu của mình, cũng như xây dựng những dự án lớn.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Giáo trình Lập trình ứng dụng CSDL với C#, Nguyễn Minh Phúc, Đại Học Lạc Hồng, 2020.
- [2]. Lập Trình Windows Form Và Web Form Với C#, Phạm Quang Hiên, Nguyễn Tất Bảo Thiện, Nhà Xuất Bản Thanh Niên, 2020.
- [3]. Programming C# 8.0: Build Cloud, Web, and Desktop Applications 1st Edition, O'Reilly Media; 1st edition (January 14, 2020)

111180 Lập trình ứng dụng CSDL

Học phần "Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu" tập trung vào việc giúp sinh viên nắm vững và áp dụng các kỹ năng liên quan đến lập trình và quản lý cơ sở dữ liệu trong môi trường phát triển phần mềm. Sinh viên sẽ được hướng dẫn cách sử dụng ADO.NET để kết nối và thao tác dữ liệu với hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft SQL Server. Mục tiêu chính của học phần bao gồm hiểu biết về ADO.NET, cách kết nối và thực hiện các thao tác dữ liệu, tạo và quản lý báo cáo, cũng như phát triển dự án phần mềm hoàn chỉnh. Thông qua việc áp dụng kiến thức vào thực tế thông qua dự án, sinh viên sẽ phát triển kỹ năng cần thiết để thành công trong lĩnh vực phát triển phần mềm và quản lý cơ sở dữ liệu.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Giáo trình Lập trình ứng dụng CSDL với C#, Nguyễn Minh Phúc, Đại Học Lạc Hồng, 2020.

[2]. Lập Trình Windows Form Và Web Form Với C#, Phạm Quang Hiển, Nguyễn Tất Bảo Thiện, Nhà Xuất Bản Thanh Niên, 2020.

[3]. Programming C# 8.0: Build Cloud, Web, and Desktop Applications 1st Edition, O'Reilly Media; 1st edition (January 14, 2020)

111178 Phân tích thiết kế hệ thống hướng đối tượng

Học phần về mô hình hóa hướng đối tượng, giới thiệu ngôn ngữ mô hình hóa thống nhất UML và các biểu đồ của nó để biểu diễn các khung nhìn khác nhau của hệ thống. Phân tích thiết kế là một kỹ thuật trung gian trong việc chuyển các yêu cầu thành các hệ thống phần mềm thực thi được. Các mô hình khác nhau được tạo ra ở giai đoạn này để chỉ các cách nhìn cấu trúc tĩnh, hành vi động, cài đặt,... của tập các đối tượng. Học phần sau đó đi sâu vào phân thu thập và biểu diễn yêu cầu phần mềm, các kỹ thuật phân tích và các kỹ thuật thiết kế hệ thống theo phương pháp hướng đối tượng.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Object-Oriented Modeling and Design using UML, Dang Van Duc, 2018

[2]. "The Unified Modeling Language User Guide", Grady Booch, James Rumbaugh, Ivar Jacobson, 12th Impression, 2018, PEARSON

111179 Phân tích thiết kế hệ thống hướng quan hệ

Học phần Phân tích thiết kế hệ thống hướng quan hệ là một học phần trong lĩnh vực Khoa học máy tính, tập trung vào việc học cách phân tích, thiết kế và triển khai các hệ thống hướng quan hệ. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng để phân tích và thiết kế các hệ thống phức tạp sử dụng cơ sở dữ liệu quan hệ.

Trong khóa học Phân tích thiết kế hệ thống hướng quan hệ, sinh viên sẽ học các kỹ năng như: phân tích yêu cầu hệ thống, thiết kế cơ sở dữ liệu, sử dụng các công cụ mô hình hóa dữ liệu, thiết kế và triển khai các ứng dụng sử dụng cơ sở dữ liệu quan hệ, quản lý và bảo trì các cơ sở dữ liệu.

Sinh viên sẽ được học các phương pháp, kỹ thuật và công cụ để phân tích yêu cầu hệ thống, thiết kế cơ sở dữ liệu, xây dựng các mô hình dữ liệu, và triển khai các ứng dụng sử dụng cơ sở dữ liệu quan hệ. Sinh viên sẽ được học cách sử dụng các ngôn ngữ lập trình thiết kế và triển khai các ứng dụng sử dụng cơ sở dữ liệu quan hệ như SQL, PHP và các công cụ tương tự.

Tài liệu tham khảo

[1]. Phân tích thiết kế hệ thống cơ sở dữ liệu" của Trần Ngọc Minh - Xuất bản bởi Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP HCM vào năm 2018.

[2]. Phân tích thiết kế hệ thống thông tin quản lý của Lê Thị Thanh Thủy - Xuất bản bởi Nhà xuất bản Giáo dục vào năm 2019.

[3]. Phân tích thiết kế hệ thống thông tin" của Nguyễn Thị Ngọc Anh - Xuất bản bởi Nhà xuất bản Đại học Khoa học Tự nhiên, Hà Nội vào năm 20

112137 Thiết kế hệ thống mạng nâng cao

Trang bị những kiến thức cơ sở về định tuyến động, bảo mật trong mạng LAN, cấu hình Access control list. Hiểu về mạng WAN, Công nghệ VPN và IPSec. Thiết kế và quản trị mạng

Mỗi sinh viên được cấp tài khoản trên hệ thống của Cisco để tham khảo tài liệu, tra cứu nội dung học phần, cuối mỗi chương sinh viên được làm các câu hỏi, bài tập trắc nghiệm kiểm tra lý thuyết online, hướng dẫn xây dựng lab, thực hành cấu hình triển khai gỡ lỗi.

Tài liệu tham khảo:

[1]. CCNA Routing and Switching ver 7.0, Cisco Networking Academy, 2020 (Online: netacad.com).

[2]. Other supplemental materials: Materials (Curriculums, Labs, Assessments, Quizzes...) on netacad.com of Cisco System, GNS3, Packet Tracer

111181 Lập trình giao tiếp thiết bị

Trước hết học phần sẽ trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản linh kiện điện tử và lĩnh vực điện tử chuyên nghiệp, từ đó tạo cho sinh viên có cái nhìn tổng quan về lập trình nhúng. Sau đó, học phần sẽ giới thiệu các KIT phát triển, sử dụng KIT Arduino để học lập trình. Ghép nối được các bài học này sinh viên xây dựng được một hệ thống hoàn chỉnh (điều khiển thiết bị điện, thu thập nhiệt độ, độ ẩm, thu thập dữ liệu,...) phục vụ cho các học phần sau.

Tài liệu tham khảo:

[1]. "Computer as Components: Principles of Embedded Computing System Design", Wayne Wolf, 1st Edition, MORGAN KAUFMANN PUBLISHERS, INC. 2018.

[2]. Arduino Cookbook, Michael Margolis, 2018.

111182 Lập trình ứng dụng di động

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lập trình ứng dụng trên thiết bị di động với nền tảng hệ điều hành Android, nắm được quy trình, các kiến thức, kỹ năng cần thiết để phát triển ứng dụng trên nền tảng Android.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Textbook: Java Programming for Android Developers For Dummies, 2nd Edition, 2018.

[2]. Developer Guides, Google Inc., 2021
<https://developer.android.com/guide>

111184 Lập trình ứng dụng web

Học phần "Phát triển ứng dụng web" nhằm mục đích giúp sinh viên ứng dụng kiến thức từ hai học phần trước - lập trình front-end và lập trình back-end - để xây dựng một hệ thống ứng dụng web hoàn chỉnh. Trong quá trình học, sinh viên sẽ tập trung vào việc áp dụng kiến thức của mình vào việc xây dựng giao diện và logic phía máy chủ cho ứng dụng web.

Mục tiêu của học phần bao gồm:

- Áp dụng kiến thức từ lập trình front-end và back-end: Sinh viên sẽ được khuyến khích áp dụng kiến thức về HTML, CSS, JavaScript và lập trình back-end vào việc xây dựng giao diện và logic của ứng dụng web.
- Hiểu về quy trình hoàn thiện ứng dụng web: Sinh viên sẽ được hướng dẫn về các bước cần thiết để phát triển một ứng dụng web từ ý tưởng ban đầu đến quy trình triển khai cuối cùng.

- Áp dụng các mô hình triển khai ứng dụng: Sinh viên sẽ được giới thiệu và áp dụng các mô hình triển khai ứng dụng như MVC hoặc MVVM để tổ chức và quản lý dự án hiệu quả.
- Xây dựng hệ thống ứng dụng web hoàn chỉnh: Sinh viên sẽ thực hành xây dựng một ứng dụng web thực tế từ đầu đến cuối, bao gồm kế hoạch, thiết kế, phát triển, kiểm thử và triển khai.

Thông qua học phần này, sinh viên sẽ không chỉ nắm vững kiến thức về phát triển ứng dụng web mà còn hiểu được quy trình phát triển và có khả năng áp dụng các mô hình triển khai ứng dụng vào thực tế.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Online Textbook: <http://w3schools.com>.
 [2]. David Sawyer McFarland, JavaScript & jQuery: the missing manual, Sebastopol, Calif.: O'Reilly, 2018

111185 Lập trình Python cho học máy

Nội dung học phần lập trình python giới thiệu về ngôn ngữ lập trình python, trình soạn thảo, môi trường thông dịch và thực thi chương trình. Các kiến thức cơ bản về lập trình được trình bày như biến, kiểu dữ liệu, phép toán, cấu trúc rẽ nhánh, lặp, hàm và các kiểu dữ liệu phức tạp, xuất nhập, bắt ngoại lệ, lập trình hướng đối tượng. Học phần cung cấp kiến thức lập trình ứng dụng mạng, lập trình web, lập trình giao tiếp đồ họa, lập trình IOT, điều khiển Robot, máy học.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Giáo trình lập trình Python, Nguyễn Minh Phúc, Đại Học Lạc Hồng, 2022
 [2]. David Beazley, Brian K. Jones, “Python CookBook”, O'Reilly media, 5rd, ed. , 2018.

111186 Lập trình Python trong thị giác máy tính

Học phần Lập trình Python trong Thị giác máy tính (Computer Vision) là một học phần nằm trong lĩnh vực khoa học máy tính, tập trung vào việc sử dụng ngôn ngữ lập trình Python để phát triển các ứng dụng thị giác máy tính. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng để sử dụng Python và các thư viện thị giác máy tính phổ biến như OpenCV để xử lý hình ảnh, phân tích dữ liệu hình ảnh và nhận diện đối tượng.

Trong khóa học Lập trình Python trong Thị giác máy tính, sinh viên sẽ học các kỹ năng như: xử lý hình ảnh và video, phân tích dữ liệu hình ảnh, phát hiện và nhận diện đối tượng, xử lý ảnh y tế và phân tích dữ liệu hình ảnh y tế. Sinh viên sẽ được học cách sử dụng Python để thực hiện các công việc phân tích hình ảnh, bao gồm các bước chuẩn bị dữ liệu, xử lý ảnh và phân tích dữ liệu hình ảnh. Sinh viên cũng sẽ học cách sử dụng các thư viện thị giác máy tính phổ biến như OpenCV để phân tích hình ảnh và nhận diện đối tượng.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Giáo trình lập trình Python, Nguyễn Minh Phúc, Đại Học Lạc Hồng, 2022

[2]. David Beazley, Brian K. Jones, “Python CookBook”, O'Reilly media, 5rd, ed. , 2018.

111187 Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm

Nội dung chính của học phần “Kiểm thử phần mềm” nhằm giúp sinh viên cũng có những kiến thức cơ bản thực hiện tốt công việc kiểm thử phần mềm đồng thời hướng dẫn những phương pháp, kỹ thuật cho việc kiểm thử phần mềm. Qua những kiến thức đó, tạo nền tảng để sinh viên có thể xây dựng được phần mềm có chất lượng cao, có tính hoàn thiện trong các sản phẩm. Một mục tiêu khác của học phần nhằm hướng cho sinh viên một công việc cụ thể, nghề kiểm thử phần mềm sau khi tốt nghiệp. Ngoài ra học phần cũng giới thiệu những chuẩn về chất lượng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, đặc biệt trong ngành công nghệ phần mềm

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Giáo trình lập trình Python, Nguyễn Minh Phúc, Đại Học Lạc Hồng, 2022
 [2]. David Beazley, Brian K. Jones, “Python CookBook”, O'Reilly media, 5rd, ed. , 2018

111188 Quản trị website trên VPS.

Học phần Quản trị website trên VPS (Virtual Private Server) là một học phần trong lĩnh vực Khoa học máy tính, tập trung vào việc học cách quản lý và triển khai các website trên môi trường VPS. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng quản lý các server VPS, cài đặt và cấu hình các ứng dụng web, cập nhật và bảo trì các website.

Trong khóa học Quản trị website trên VPS, sinh viên sẽ học các kỹ năng như: cài đặt và cấu hình các ứng dụng web trên VPS, quản lý các tài khoản và phân quyền trên VPS, cập nhật và bảo trì các website trên VPS, cấu hình bảo mật và tối ưu hóa hiệu suất trên VPS. Sinh viên sẽ được học cách sử dụng các công cụ quản lý VPS như cPanel, Plesk và các công cụ quản lý dòng lệnh để quản lý và triển khai các website trên VPS

Tài liệu tham khảo

- [1]. Virtual Private Server (VPS) Hosting: A Complete Guide của Hemant Beniwal - Xuất bản bởi Hemant Beniwal vào năm 2020.
 [2]. VPS Mastery: Build a Secure PHP Web Server with Ubuntu của Andrei Bunghez - Xuất bản bởi Packt Publishing vào năm 2020.

111189 Phát triển ứng dụng

Học phần phát triển ứng dụng trang bị cho sinh viên những kiến thức về quy trình phát triển một ứng dụng thực tế. Từ việc khảo sát, lấy yêu cầu khách hàng, phân tích yêu cầu, phân tích và thiết kế hệ thống, xây dựng và triển khai ứng dụng.

Vận dụng các kỹ năng kết hợp với kiến thức về quản lý dự án, phân tích thiết kế để tạo ra các tài liệu theo chuẩn CMMI bao gồm: Tài liệu phân tích yêu cầu khách hàng, tài liệu phân tích các yêu cầu phần mềm, tài liệu phân tích cấu hình, tài liệu quản lý rủi ro, tài liệu kế hoạch dự án, tài liệu về ước lượng sản phẩm, tài liệu về kiểm tra các thành phần, kiểm tra hệ thống. Kiểm tra tích hợp sản phẩm, tài liệu quản lý chất lượng sản phẩm, tài liệu bàn giao sản phẩm.

Xây dựng, lập trình dựa trên các tài liệu kế trên theo đúng chu kỳ phát triển phần mềm.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Software Development A Practical Approach, Hans-Petter Halvorsen, 2020
- [2]. A Beginner's Guide to Agile Business Analysis, Ahmed Fawzy, 2020

111190 Trí tuệ nhân tạo

Học phần cung cấp những khái niệm từ căn bản đến chuyên sâu, phù hợp với những người muốn tìm hiểu lĩnh vực học máy và khai phá dữ liệu một cách bài bản mà chưa có nền kiến thức.

Học máy (Machine Learning) đã và đang giúp con người tạo ra những sản phẩm vô cùng hữu ích, thay đổi cuộc sống của con người. Nó có thể giúp tạo ra những hệ thống máy móc mà có khả năng phán đoán (đánh giá) một cách chính xác và khai phá tri thức mới từ một lượng dữ liệu lớn. Những hệ thống đó có khả năng tự học từ dữ liệu, mà ít cần hướng dẫn của con người.

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về học máy và khai phá dữ liệu. Học phần bao gồm các khái niệm căn bản, các bài toán học cơ bản, quy trình xây dựng hệ thống dựa trên học máy và khai phá dữ liệu, các mô hình cơ bản (đôi khi chuyên sâu). Đó là những khối kiến thức cần thiết nhất khi người học muốn dùng Học máy (hay Khai phá dữ liệu) vào các ứng dụng trong thực tế. Học phần cũng giới thiệu vài ứng dụng điển hình của học máy trong thực tế, các công cụ hoặc thư viện hữu ích

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Machine learning for dummies, IBM Limited Edition, 2018 by John Wiley & Son, Inc.
- [2]. Hands on Machine learning with Scikit Learn and TensorFlow. By Aurelien Ceron, 2017, Published by O'Reilly Media, Inc.

111191 - Công nghệ Blockchain

Hiểu và biết những kiến thức cơ bản về Blockchain như: các khái niệm, đặc trưng ưu điểm và hạn chế của Blockchain; các thể chế Blockchain, tình hình phát triển và pháp lý Blockchain ở Việt Nam và trên thế giới.

Hiểu và biết kiến thức liên quan đến phát triển hệ thống Blockchain: thuật toán, hạ tầng công nghệ, các cơ chế đảm bảo đồng thuận và duy trì mạng lưới, minh bạch thông tin, API phát triển ứng dụng.

Có thái độ thích thú, quan tâm tìm hiểu ứng dụng của Blockchain trong các lĩnh vực: Thanh toán điện tử, Hợp đồng thông minh, Y tế, Logistics, Giáo dục, Chứng thực, Chính phủ điện tử

Có kỹ năng phân tích và đánh giá cơ hội ứng dụng Blockchain vào trong doanh nghiệp, kỹ năng lựa chọn các giải pháp, công nghệ, phương tiện và cách thức thực hiện Blockchain vào giải quyết các vấn đề thực tế.

Có kiến thức và kỹ năng tự xây dựng Hệ thống Blockchain đơn giản, tạo hợp đồng thông minh

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Melanie Swan, LeVN dịch, Blockchain – Khởi Nguồn Cho Một Nền Kinh Tế Mới, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2018.
- [2]. Don Tapscott, Alex Tapscott, Nguyệt Minh dịch, Cuộc cách mạng Blockchain, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2018

199005 Software Verification, Validation, and Testing

Software as a stand-alone product or embedded within a system plays an integral role in our world today. As a consequence, it is essential that software works as expected. This requires software testing which entails answering both the verification question: “Are we building the product right?” and the validation question: “Are we building the right product?”. Understanding these questions is crucial for developing good test cases. This course is for anyone involved in testing software at any level starting from code modules to system testing. Strategies and techniques are presented for both testing software as well as planning and tracking testing efforts

Tài liệu tham khảo:

- [1]. At the graduate level, inquiry, research, and critical reading are part of the learning experience; however, this course does not have a required textbook. Any required readings are provided within or are accessible through the course of the ASU Library

199006 Software Project, Process and Quality Management

This course provides a comprehensive introduction to software project management concepts, tools, and techniques. Students will gain a solid understanding of various software development process models, including their advantages and limitations, and learn how to apply them appropriately in real-world contexts. The course explores critical project management activities such as software configuration management, risk assessment and mitigation, project planning and monitoring, software acquisition strategies, and quality assurance.

Through practical case studies and project-based learning, students will develop the skills required to manage software development projects effectively. Emphasis is placed on process improvement, lifecycle management, and the use of industry-standard frameworks and tools. By the end of the course, students will be equipped to lead or contribute to software projects with a strong foundation in quality, risk, and process control.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. There is no required textbook for this course. Required course readings can be located in the Modules section

199007 Software Integration and Engineering

Software development using architecture design, composition, workflow, services, data resources, data representations, data management, and development tools

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Y. Chen and G. De Luca, Service-Oriented Computing and System Integration, Kendall Hunt Publishing, 9th edition, 2024

199008 Technology Entrepreneurship

Adopting an entrepreneurial mindset is a key to your ability to thrive in a rapidly changing world. This course will teach you how to think like an entrepreneur so you can be one. It will open your eyes to a whole new dimension which will serve you well, whether you want

to start a business or work at an established one. You will look at the world differently by the end of this course.

In Technology Entrepreneurship you will learn how to identify pressing problems and opportunities, develop technology-based solutions, interact with customers and end users, and pitch your innovations to colleagues and decision-makers. You will also learn how to communicate complex concepts in a clear and concise manner. Upon completion of this course, you will be able to immediately apply lean startup and other disciplined entrepreneurship methodologies toward the advancement of your own venture or career

Tài liệu tham khảo:

[1]. Disciplined Entrepreneurship; A free electronic version of the class textbook "Disciplined Entrepreneurship" is available. To access it, click on ASU Library Resource Organizer.

111192 Thực tập

Học phần này là cơ hội để sinh viên thực hành vận dụng những kiến thức (lý thuyết, thực hành) mà mình đã học tại trường vào giải quyết những vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực công nghệ thông tin tại đơn vị, Tổ chức và doanh nghiệp. Sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng thực hành, lập trình, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng vận dụng các giải pháp CNTT phù hợp để giải quyết vấn đề thực tiễn. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng trình bày.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguồn tài liệu có liên quan đến nội dung thực tập trong thời gian thực hiện.
[2]. Tài liệu hướng dẫn trình bày báo cáo thực tập, Đại học Lạc Hồng. 2024.

111193 Tốt nghiệp

Học phần này giúp sinh viên vận dụng các học phần của khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để xây dựng và phát triển giải pháp công nghệ thông tin (CNTT) nhằm giải quyết vấn đề trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Các công việc chính bao gồm: Xác định và phân tích vấn đề cần giải quyết, tìm kiếm giải pháp phù hợp, thiết kế giải pháp, xây dựng và triển khai giải pháp (Bao gồm kiểm thử) và viết báo cáo trình bày.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Tài liệu hướng dẫn trình bày báo cáo tốt nghiệp, Đại học Lạc Hồng. 2024.
[2]. Nguồn tài liệu có liên quan nội dung báo cáo tốt nghiệp trong thời gian thực hiện.

MÃ MH: 111154

MÔN HỌC: Nhập môn Ngành

Học phần Nhập môn Trí tuệ nhân tạo giới thiệu khái niệm, phương pháp và ứng dụng cơ bản của Trí tuệ nhân tạo. Sinh viên được làm quen với học máy, học sâu, xử lý ngôn ngữ tự nhiên và ứng dụng của Trí tuệ nhân tạo trong nhiều lĩnh vực. Học phần cung cấp kiến thức tổng quan và sử dụng các công cụ và ngôn ngữ lập trình như Python, TensorFlow, PyTorch. Mục tiêu là định hướng sinh viên đến với lĩnh vực Trí tuệ nhân tạo và khám phá

tiềm năng của nó trong thực tế. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên hiểu về các khái niệm và công nghệ đang thay đổi thế giới. Sinh viên sẽ nắm được cách áp dụng Trí tuệ nhân tạo trong công việc, tạo ra ứng dụng thông minh và đưa ra quyết định dựa trên dữ liệu. Đồng thời, học phần này cung cấp nền tảng cho việc nghiên cứu và tiếp tục học sâu hơn trong lĩnh vực Trí tuệ nhân tạo, mở ra cơ hội nghề nghiệp trong ngành công nghệ thông tin và các lĩnh vực khác. Nội dung còn bao gồm lịch sử phát triển AI, các vấn đề đạo đức và xu hướng tương lai như AI tạo sinh.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Artificial Intelligence: A Modern Approach by Stuart Russell and Peter Norvig - Pearson, 2020.
[2]. Introduction to Artificial Intelligence by Wolfgang Ertel - Springer, 2024.

MÃ MH: 111155

MÔN HỌC: Nhập môn lập trình

Học phần Nhập môn lập trình giới thiệu về ngôn ngữ lập trình Python và kỹ thuật sử dụng ngôn ngữ lập trình. Sinh viên sẽ học cách cài đặt môi trường lập trình, hiểu về biến, kiểu dữ liệu (số, chuỗi, danh sách), cấu trúc điều khiển (if-else, vòng lặp for/while), hàm và mô-đun. Nội dung còn bao gồm xử lý ngoại lệ, nhập/xuất dữ liệu từ file, và xây dựng các chương trình đơn giản như máy tính cơ bản hoặc trò chơi đơn giản. Học phần nhấn mạnh vào kỹ thuật viết code sạch, gỡ lỗi và tư duy logic để giải quyết vấn đề, giúp sinh viên áp dụng vào các dự án AI sau này. Mục tiêu là xây dựng nền tảng lập trình vững chắc để tiếp cận các môn nâng cao.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Python Crash Course, 3rd Edition by Eric Matthes - No Starch Press, 2023.
[2]. Introduction to Python Programming for Business and Social Science Applications by Frederick Kaefer and Paul Kaefer - SAGE Publications, 2020.

MÃ MH: 111156

MÔN HỌC: Lắp ráp và tối ưu hệ thống máy tính

Học phần Lắp ráp và tối ưu hệ thống máy tính giúp sinh viên biết được cấu tạo của máy tính, cách thức hoạt động của hệ điều hành và mạng máy tính. Học phần tập trung vào giới thiệu về hệ điều hành Linux và kiến thức cơ bản về mạng máy tính. Sinh viên sẽ học về lịch sử của hệ điều hành Linux, cách cài đặt và quản lý hệ thống trong môi trường dòng lệnh, cấu hình phần cứng như CPU, RAM, ổ cứng, và tối ưu hiệu suất. Nội dung còn bao gồm các khái niệm về mạng như địa chỉ IP, giao thức TCP/IP, thiết lập mạng LAN đơn giản, và bảo mật cơ bản. Qua thực hành, sinh viên sẽ lắp ráp máy tính ảo hoặc thực tế, cài đặt Linux và khắc phục sự cố phổ biến. Mục tiêu là trang bị kỹ năng quản trị hệ thống để hỗ trợ phát triển ứng dụng AI.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Building A Gaming Pc 2025: The Ultimate Guide to Upgrading, Optimizing, and Customizing Your Rig by John Miller - Independently Published, 2024.
[2]. Computer Organization and Design, Fifth Edition: The Hardware/Software Interface by David A. Patterson and John L. Hennessy - Morgan Kaufmann, 2020.

MÃ MH: 111158

MÔN HỌC: Vật lý thực hành

Học phần Vật lý thực hành cung cấp cho sinh viên những kiến thức về dao động cơ, mạch điện RLC, quang học, sai số và ước lượng sai số một phép đo. Sinh viên cũng được trải nghiệm qua các bài thí nghiệm về dao động cơ, dao động điện từ, quang học. Nội dung còn bao gồm cách sử dụng dụng cụ đo lường như đồng hồ vạn năng, oscilloscope, và phân tích liệu thí nghiệm bằng phần mềm như Excel và Python. Sinh viên sẽ học kỹ thuật an toàn phòng thí nghiệm, viết báo cáo và rút ra kết luận từ kết quả đo. Mục tiêu là phát triển kỹ năng thực hành khoa học, hỗ trợ cho các môn liên quan đến IoT và cảm biến trong AI.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Experimental Methods for Science and Engineering Students: An Introduction to the Analysis and Presentation of Data by Les Kirkup - Cambridge University Press, 2022.
- [2]. Mechanics: Experimental Physics - Descriptively Explained by Stefan Roth - Springer, 2024.

MÃ MH: 111157

MÔN HỌC: Phần mềm mã nguồn mở

Học phần Phần mềm mã nguồn mở giới thiệu về sử dụng mã nguồn mở, các giấy phép nguồn mở, Wordpress hoặc các mã nguồn mở liên quan đến Trí tuệ nhân tạo. Sinh viên sẽ học về khái niệm mã nguồn mở, các giấy phép như GPL, MIT, và cách tham gia cộng đồng phát triển. Nội dung còn bao gồm thực hành với Wordpress xây dựng website, và các công cụ AI mã nguồn mở như TensorFlow hoặc Scikit-learn. Sinh viên sẽ tham gia dự án nhóm để tùy chỉnh mã nguồn, triển khai trên server và thảo luận về lợi ích kinh tế-xã hội. Mục tiêu là khuyến khích sinh viên đóng góp vào cộng đồng mã nguồn mở và áp dụng vào phát triển AI.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Practical MLOps: Operationalizing Machine Learning Models by Noah Gift and Alfredo Deza - O'Reilly Media, 2021.
- [2]. Hands-On Machine Learning with Scikit-Learn, Keras, and TensorFlow by Aurélien Géron - O'Reilly Media, 2022.

MÃ MH: 111159

MÔN HỌC: Điện tử trong IoT

Học phần Điện tử trong IoT cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu trúc và chức năng của một số linh kiện điện tử cơ bản như: Điện trở, tụ điện, cuộn dây, diode, transistor và các linh kiện quang điện tử. Đồng thời, hướng dẫn sinh viên cách phân tích và tính toán các thông số của các mạch điện tử thông dụng như: Mạch chỉnh lưu, mạch nguồn DC, mạch transistor ngắt dẫn, mạch so sánh, mạch khuếch đại, mạch dao động. Nội dung còn bao gồm ứng dụng các linh kiện này trong hệ thống IoT, như cảm biến, actuator và giao tiếp với vi điều khiển. Sinh viên sẽ thực hành thiết kế mạch cơ bản cho dự án IoT, sử dụng phần mềm mô phỏng như Proteus hoặc Tinkercad. Mục tiêu là xây dựng nền tảng điện tử để phát triển thiết bị thông minh trong AI và IoT.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Precision: Principles, Practices and Solutions for the Internet of Things by Timothy Chou - McGraw-Hill Education, 2021.
- [2]. Cellular IoT: From 5G to 5G Advanced by Mattias Liberg et al. - Academic Press, 2025.

MÃ MH: 111174

MÔN HỌC: Toán rời rạc và LTDT

Học phần Toán rời rạc và LTDT cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý thuyết toán rời rạc và đồ thị, bao gồm tập hợp, quan hệ, hàm số, đồ thị, cây, đường ngắn nhất và các thuật toán liên quan. Sinh viên sẽ học cách áp dụng các định lý như Euler, Hamilton, định đồ thị trong giải quyết vấn đề như tối ưu hóa mạng lưới hoặc lập lịch. Nội dung còn bao gồm toán logic, xác suất rời rạc và ứng dụng trong AI và máy và thuật toán tìm kiếm. Mục tiêu là phát triển tư duy toán học rời rạc để hỗ trợ lập trình và thiết kế hệ thống phức tạp.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Discrete Mathematics and Graph Theory: A complete solution for students and researchers by Biswajit Deb Nandy - Lambert Academic Publishing, 2020.
- [2]. Discrete Mathematics and Applications by Kevin Ferland - Springer, 2020.

MÃ MH: 111161

MÔN HỌC: Kỹ Thuật lập trình

Học phần Kỹ Thuật lập trình sử dụng Python để lập trình cao và chuyên sâu hơn. Sinh viên sẽ sử dụng các thư viện của Python để viết ứng dụng, bao gồm NumPy cho tính toán khoa học, Pandas cho xử lý dữ liệu, và Matplotlib cho trực quan hóa. Nội dung còn bao gồm lập trình hướng đối tượng nâng cao, xử lý dữ liệu lớn, và tích hợp với cơ sở dữ liệu. Sinh viên sẽ thực hành xây dựng ứng dụng thực tế như phân tích liệu hoặc mô hình học máy đơn giản. Mục tiêu là nâng cao kỹ năng lập trình để áp dụng vào các dự án AI.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Python Cookbook, 4th Edition by David Beazley and Brian K. Jones - O'Reilly Media, 2023.
- [2]. Fluent Python, 2nd Edition by Luciano Ramalho - O'Reilly Media, 2022.

MÃ MH: 111166

MÔN HỌC: Cơ sở dữ liệu

Học phần Cơ sở dữ liệu giới thiệu về sự cần thiết trong việc tổ chức và quản lý cơ sở dữ liệu, đặc biệt áp dụng trong công nghệ. Sinh viên sẽ học cơ bản về cơ sở dữ liệu, hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu và mô hình dữ liệu. Các khái niệm phụ thuộc vào dữ liệu, phụ thuộc chức năng và chuẩn hóa dữ liệu để có thể thiết kế một cơ sở dữ liệu phù hợp. Học phần cũng giới thiệu việc sử dụng ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc (SQL) để thực hiện truy vấn dữ liệu ở mức cơ bản. Nội dung còn bao gồm thiết kế cơ sở dữ liệu quan hệ và ứng dụng trong AI như lưu trữ dữ liệu học máy. Mục tiêu là trang bị kỹ năng thiết kế và quản lý dữ liệu hiệu quả.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Database Systems: The Complete Book by Hector Garcia-Molina et al. - Pearson, 2022.

[2]. Fundamentals of Database Systems by Ramez Elmasri and Shamkant B. Navathe - Pearson, 2020.

MÃ MH: 111162

MÔN HỌC: Thiết kế UI/UX

Học phần Thiết kế UI/UX tập trung vào thiết kế giao diện người dùng. Sinh viên sẽ học cách trình bày hình vẽ, màu sắc trong hội họa, ứng dụng hình vẽ, màu sắc, chất liệu trong thực tế đời sống, và nguyên lý thị giác. Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cách sử dụng các công cụ minh họa và xử lý ảnh trong thiết kế đồ họa bằng chương trình Adobe Photoshop. Nội dung còn bao gồm nguyên tắc thiết kế để tạo ra những hình ảnh đồ họa và ảnh kỹ thuật số ấn tượng, sử dụng công cụ vẽ và xử lý ảnh kỹ thuật số trong thiết kế đồ họa. Sinh viên sẽ thực hành thiết kế giao diện cho ứng dụng AI, tập trung vào trải nghiệm người dùng. Mục tiêu là phát triển kỹ năng thiết kế thân thiện và hiệu quả.

Tài liệu tham khảo:

[1]. The Principles of Beautiful Web Design, 4th Edition by Jason Beaird and James George - SitePoint, 2020.

[2]. UI/UX Design Essentials: A Complete Guide to User Interface and User Experience Design by Michael Roberts - Independently Published, 2024.

MÃ MH: 111163

MÔN HỌC: Tín hiệu số cơ bản

Học phần Tín hiệu số cơ bản cung cấp cho sinh viên kiến thức về: nguyên lý chuyển đổi giữa tín hiệu tương tự và tín hiệu số, cấu trúc hoạt động và ứng dụng của bộ nhớ, nguyên lý các mạch dao động số, các hệ thống số, các công logic cơ bản, các định lý cơ bản của đại số Boole, các mạch tổ hợp, mạch tuần tự, cấu trúc hoạt động các vi mạch số cơ bản, thông số kỹ thuật của hai họ vi mạch TTL và CMOS. Nội dung còn bao gồm phân loại các họ vi mạch và ứng dụng trong hệ thống IoT hoặc AI. Sinh viên sẽ thực hành thiết kế mạch số đơn giản. Mục tiêu là hiểu cơ sở tín hiệu số để hỗ trợ phát triển phần cứng.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Digital Signal Processing: Fundamentals, Applications, and Deep Learning by Li Tan and Jean Jiang - Academic Press, 2025.

[2]. Fundamentals, Applications, and Deep Learning by Li Tan and Jean Jiang - Elsevier, 2021.

MÃ MH: 111164

MÔN HỌC: Thiết kế web

Học phần Thiết kế web dạy về xây dựng trang web sử dụng HTML, CSS, JS (Sử dụng Framework hoặc thư viện của JS). Sinh viên sẽ học cách thiết kế giao diện responsive, tích hợp JavaScript cho tương tác, và sử dụng framework như React và Bootstrap. Nội dung còn bao gồm tối ưu hóa SEO cho mật web cơ bản, và tích hợp với backend đơn giản. Sinh viên sẽ thực hành xây dựng website hoàn chỉnh, như trang ứng dụng AI. Mục tiêu là trang bị kỹ năng phát triển web để triển khai ứng dụng.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Basics of Web Design: HTML5 & CSS by Terry Felke-Morris - Pearson, 2022.

[2]. Learning Web Design: A Beginner's Guide to HTML, CSS, JavaScript, and Web Graphics by Jennifer Niederst Robbins - O'Reilly Media, 2023.

MÃ MH: 111160

MÔN HỌC: Mạng máy tính

Học phần Mạng máy tính bao gồm các bài giảng về các khái niệm quan trọng trong mạng máy tính như cấu trúc mạng, địa chỉ IP, các giao thức mạng và cách cấu hình hệ thống mạng. Học phần này sẽ đem lại cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thực tế về cách thức hoạt động của máy tính trong một mạng, giúp họ chuẩn bị tốt hơn cho các công việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin và mạng máy tính. Nội dung còn bao gồm mô hình OSI, thiết bị mạng, và ứng dụng trong IoT. Sinh viên sẽ thực hành cấu hình mạng LAN. Mục tiêu là hiểu và quản lý mạng cho hệ thống AI.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Computer Networking: A Top-Down Approach by James Kurose and Keith Ross - Pearson, 2021.

[2]. Understanding Computer Networks 2020 by Hazim Gaber - Independently Published, 2020.

MÃ MH: 111170

MÔN HỌC: Hệ quản trị CSDL

Học phần Hệ quản trị CSDL trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quản trị một hệ thống cơ sở dữ liệu bao gồm: Thiết lập và quản trị cơ sở dữ liệu; Tạo và phân quyền người dùng; Sao lưu và phục hồi dữ liệu; Thực hiện hàm, thủ tục truy xuất dữ liệu theo yêu cầu (sử dụng ngôn ngữ T-SQL); Trigger trong dữ liệu. Nội dung còn bao gồm tối ưu hóa truy vấn và bảo mật dữ liệu. Sinh viên sẽ thực hành với SQL Server hoặc MySQL. Mục tiêu là quản lý dữ liệu hiệu quả cho ứng dụng AI.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Database Systems: The Complete Book by Hector Garcia-Molina et al. - Pearson, 2022.

[2]. Fundamentals of Database Management Systems by Mark L. Gillenson - Wiley, 2023.

MÃ MH: 111167

MÔN HỌC: Cấu trúc dữ liệu và giải thuật

Học phần Cấu trúc dữ liệu và giải thuật trình bày những kiến thức cơ bản và nâng cao về các cấu trúc dữ liệu bao gồm các cấu trúc cơ bản như: mảng, chuỗi, cấu trúc, con trỏ, tập tin, các cấu trúc dữ liệu phục vụ cho tìm kiếm và sắp xếp như danh sách liên kết, ngăn xếp, hàng đợi, bảng băm, cấu trúc cây. Ngoài ra học phần này cũng trình bày những kiến thức cơ bản và nâng cao về thiết kế, phân tích các giải thuật, cũng như thiêu các giải thuật theo từng vấn đề như: các giải thuật dựa trên kỹ thuật đệ quy, các giải thuật tìm kiếm, các giải thuật sắp xếp, các giải thuật trên đồ thị, quy hoạch động và một số giải thuật thông dụng. Nội dung còn bao gồm ứng dụng trong AI như thuật toán học máy. Mục tiêu là phát triển kỹ năng thiết kế giải thuật hiệu quả.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Grokking Algorithms: An Illustrated Guide for Programmers and Other Curious People by Aditya Y. Bhargava - Manning Publications, 2021.
- [2]. Data Structures and Algorithms in Python by Michael T. Goodrich et al. - Wiley, 2023.

MÃ MH: 111172

MÔN HỌC: Lập trình hướng đối tượng

Học phần Lập trình hướng đối tượng trang bị kiến thức về lập trình OOP sử dụng Python hoặc Java, bao gồm lớp, đối tượng, kế thừa, đa hình, đóng gói. Sinh viên học thiết kế lớp, xử lý ngoại lệ, và xây dựng ứng dụng OOP. Nội dung còn bao gồm ứng dụng trong AI như mô hình hóa dữ liệu. Mục tiêu là nắm vững OOP cho phát triển phần mềm phức tạp.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Fluent Python (2nd Edition) by Luciano Ramalho – O'Reilly Media, 2022.
- [2]. Objects First with Java: A Practical Introduction Using BlueJ (6th Edition) by David J. Barnes and Michael Kölling – Pearson Education, 2020.

MÃ MH: 111173

MÔN HỌC: Kiến tập

Học phần Kiến tập cung cấp cơ hội để sinh viên quan sát và tham gia vào môi trường làm việc thực tế liên quan đến AI. Sinh viên sẽ học cách áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn, viết báo cáo và trình bày kinh nghiệm. Mục tiêu là chuẩn bị kỹ năng nghề nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. AI and Jobs Books: Complete Review Guide 2021-2025 by Various Authors - Academy of Continuing Education, 2025.
- [2]. Co-Intelligence: Living and Working with AI by Ethan Mollick - Portfolio, 2024.

MÃ MH: 111224

MÔN HỌC: Đạo đức và trách nhiệm trong AI

Học phần Đạo đức và trách nhiệm trong AI giới thiệu về các nguyên tắc đạo đức trong phát triển và ứng dụng AI, bao gồm công bằng, minh bạch, bảo mật dữ liệu, và tác động xã hội. Sinh viên sẽ thảo luận các trường hợp như thiên kiến AI, quyền riêng tư, và trách nhiệm pháp lý. Mục tiêu là hình thành ý thức đạo đức trong nghề nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Ethics of Artificial Intelligence and Robotics by Patrick Lin, Ryan Jenkins, and Keith Abney – Oxford University Press, 2023.
- [2]. The Ethics of Artificial Intelligence: Principles, Challenges, and Opportunities by Markus D. Dubber, Frank Pasquale, and Sunit Das – Oxford University Press, 2020.

MÃ MH: 111210

MÔN HỌC: Lập trình giao tiếp thiết bị IoT

Học phần Lập trình giao tiếp thiết bị IoT tập trung vào lập trình cho thiết bị IoT sử dụng Arduino hoặc ESP32, bao gồm giao tiếp serial, I2C, SPI, và kết nối không dây

như WiFi, Bluetooth. Sinh viên sẽ xây dựng dự án như hệ thống giám sát cảm biến. Mục tiêu là phát triển kỹ năng tích hợp phần cứng và phần mềm cho IoT trong AI.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Getting Started with the Internet of Things by Cuno Pfister - Maker Media, Inc., 2021.
- [2]. Learning Internet of Things by Peter Waher - Packt Publishing, 2022.

MÃ MH: 111212

MÔN HỌC: Học máy

Học phần Học máy cung cấp khái niệm từ căn bản đến chuyên sâu về học máy và khai phá dữ liệu. Sinh viên sẽ học các mô hình như hồi quy, phân lớp, cụm, và sử dụng thư viện Scikit-learn. Mục tiêu là xây dựng hệ thống học máy cho ứng dụng thực tế.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Hands-On Machine Learning with Scikit-Learn, Keras, and TensorFlow by Aurélien Géron - O'Reilly Media, 2022.
- [2]. Machine Learning for Dummies by John Paul Mueller and Luca Massaron - For Dummies, 2021.

MÃ MH: 111207

MÔN HỌC: Kỹ thuật Dữ liệu cho AI

Học phần Kỹ thuật Dữ liệu cho AI tập trung vào xử lý dữ liệu cho AI, bao gồm thu thập, làm sạch, chuyển đổi dữ liệu, và kỹ thuật feature engineering. Sinh viên sẽ sử dụng Python và thư viện như Pandas, NumPy. Mục tiêu là chuẩn bị dữ liệu chất lượng cho mô hình AI.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Data Science on AWS: Implementing End-to-End, Continuous AI and Machine Learning Pipelines by Chris Fregly and Antje Barth - O'Reilly Media, 2021.
- [2]. Designing Machine Learning Systems by Chip Huyen - O'Reilly Media, 2022.

MÃ MH: 111209

MÔN HỌC: Điện toán đám mây

Học phần Điện toán đám mây giới thiệu về các mô hình đám mây như IaaS, PaaS, SaaS, và nền tảng như AWS, Azure. Sinh viên sẽ học cách triển khai ứng dụng trên đám mây và tích hợp với AI. Mục tiêu là sử dụng đám mây cho phát triển quy mô lớn.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Cloud Computing Fundamentals (Updated Edition 2025) by John Rhoton - Independently Published, 2025.
- [2]. Cloud Computing For Dummies by Judith S. Hurwitz and Marcia Kaufman - For Dummies, 2020.

MÃ MH: 111219

MÔN HỌC: Dữ liệu lớn

Học phần Dữ liệu lớn giới thiệu về Big Data, các công cụ như Hadoop, Spark, và xử lý dữ liệu lớn. Sinh viên sẽ học phân tích dữ liệu lớn cho AI. Mục tiêu là quản lý và khai thác dữ liệu lớn.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Kafka for Architects by Katya Gorshkova - Manning Publications, 2025.
- [2]. Streaming Data Pipelines with Kafka by Stefan Sprenger - Manning Publications, 2025.

MÃ MH: 111226**MÔN HỌC: Thị giác máy tính và ứng dụng**

Học phần Thị giác máy tính và ứng dụng tập trung vào xử lý hình ảnh, nhận diện đối tượng sử dụng OpenCV và Python. Sinh viên sẽ học phát hiện cạnh, phân đo n hình ảnh, và ứng dụng như nh n diện khuôn mặt. Mục tiêu là áp dụng thị giác máy tính trong AI.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Computer Vision: A Modern Approach by David A. Forsyth and Jean Ponce - Pearson, 2025.
- [2]. Multiple View Geometry in Computer Vision by Richard Hartley and Andrew Zisserman - Cambridge University Press, 2020.

MÃ MH: 111222**MÔN HỌC: Nghiên cứu tình huống và Dự án AI ứng dụng**

Học phần Nghiên cứu tình huống và Dự án AI ứng dụng giúp sinh viên phân tích các case study AI thực tế và thực hiện dự án nhóm. Mục tiêu là áp dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề thực tế.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Artificial Intelligence: A Modern Approach by Stuart Russell and Peter Norvig - Pearson, 2020.
- [2]. The Alignment Problem: Machine Learning and Human Values by Brian Christian - W.W. Norton & Company, 2020.

MÃ MH: 111217**MÔN HỌC: MLOps - Vận hành Học máy**

Học phần MLOps - Vận hành Học máy giới thiệu về quy trình triển khai và vận hành mô hình học máy, bao gồm CI/CD, monitoring, và công cụ như MLflow. M c tiêu là tự động hóa pipeline ML.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Practical MLOps: Operationalizing Machine Learning Models by Noah Gift and Alfredo Deza - O'Reilly Media, 2021.
- [2]. Machine Learning Engineering by Andriy Burkov - True Positive Inc., 2020.

MÃ MH: 111221**MÔN HỌC: Xử lý ngôn ngữ tự nhiên**

Học phần Xử lý ngôn ngữ tự nhiên tập trung vào xử lý văn bản, phân tích cảm xúc, dịch máy sử dụng thư viện NLTK hoặc Hugging Face. Mục tiêu là xây dựng ứng dụng NLP trong AI.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Speech and Language Processing by Dan Jurafsky and James H. Martin - Stanford University, 2025.
- [2]. Natural Language Processing: A Textbook with Python Implementation by Raymond S. T. Lee - Springer, 2023.

MÃ MH: 111216**MÔN HỌC: Khai phá dữ liệu**

Học phần Khai phá dữ liệu giới thiệu về kỹ thuật khai thác dữ liệu, bao gồm phân lớp, cụm, và quy tắc liên kết sử dụng Weka hoặc Python. Mục tiêu là khám phá kiến thức từ dữ liệu.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Introduction to Data Mining and Analytics by Kris Jamsa - Jones & Bartlett Learning, 2020.
- [2]. Data Mining and Machine Learning: Fundamental Concepts and Algorithms by Mohammed J. Zaki and Wagner Meira Jr. - Cambridge University Press, 2020.

MÃ MH: 111168**MÔN HỌC: Nhập môn Phát triển dự án kỹ thuật**

Học phần Nhập môn Phát triển dự án kỹ thuật với mục tiêu lấy người học làm trung tâm. Dựa trên các yêu cầu trong môi trường xung quanh và tính chất kỹ thuật để có thể thiết kế và kết hợp cung cấp giải pháp cho các vấn đề thực tế đáp ứng các nhu cầu của con người, cộng đồng và môi trường với các tổ chức cộng đồng địa phương và toàn cầu để giải quyết. Học phần cung cấp các bước cần thiết để chuyển từ ý tưởng thiết kế, chuẩn bị chuyên môn và kết hợp để hoàn thiện sản phẩm cũng như quy trình làm việc của bản thân.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Engineering Design with SOLIDWORKS 2025 by David C. Planchard - SDC Publications, 2025.
- [2]. Project Management for Engineering, Business and Technology by John M. Nicholas and Herman Steyn - Routledge, 2020.

MÃ MH: 111218**MÔN HỌC: Học sâu mạng Neural và ứng dụng**

Học phần Học sâu mạng Neural và ứng dụng cung cấp kiến thức về mạng nơ-ron, CNN, RNN, và ứng dụng như nhận diện hình ảnh. Sinh viên sẽ sử dụng TensorFlow hoặc PyTorch. Mục tiêu là xây dựng mô hình deep learning.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Deep Learning with Python by François Chollet - Manning Publications, 2021.
- [2]. Neural Networks and Deep Learning by Charu C. Aggarwal - Springer, 2023.

MÃ MH: 111214**MÔN HỌC: Bảo mật trong IoT**

Học phần Bảo mật trong IoT tập trung vào lỗ hổng bảo mật IoT, phương pháp tấn công và biện pháp bảo vệ như mã hóa, xác thực. Mục tiêu là thiết kế hệ thống IoT an toàn.

Tài liệu tham khảo:

- Bổ sung

MÃ MH: 111223**MÔN HỌC: AI tạo sinh**

Học phần AI tạo sinh giới thiệu về mô hình generative như GAN, diffusion model, và ứng dụng trong tạo hình ảnh, văn bản. Mục tiêu là phát triển ứng dụng AI tạo sinh.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Generative AI 2025: An Introductory Guide to Artificial Intelligence by Alex Campbell - Independently Published, 2025.

[2]. The Singularity Is Nearer: When We Merge with AI by Ray Kurzweil - Viking, 2024.

MÃ MH: 111213

MÔN HỌC: An toàn và bảo mật thông tin

Học phần An toàn và bảo mật thông tin cung cấp kiến thức về an ninh mạng, mã hóa, firewall, và bảo vệ dữ liệu. Mục tiêu là bảo vệ hệ thống thông tin.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Computer Security: Principles and Practice (5th Edition) by William Stallings & Lawrie Brown – Pearson, 2023.

[2]. Web Application Security: Exploitation and Countermeasures for Modern Web Applications by Andrew Hoffman – O'Reilly Media, 2020.

MÃ MH: 111215

MÔN HỌC: Kiểm thử và ĐBCL phần mềm

Học phần Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm giúp sinh viên có kiến thức cơ bản để thực hiện kiểm thử phần mềm, các phương pháp, kỹ thuật kiểm thử. Mục tiêu là xây dựng phần mềm chất lượng cao.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Foundations of Software Testing (ISTQB – 4th Edition) by Dorothy Graham et al. – Cengage Learning, 2021.

[2]. Introduction to Software Testing (2nd Edition) by Paul Ammann and Jeff Offutt – Cambridge University Press, 2016.

MÃ MH: 199003

MÔN HỌC: Data Visualization in Business

Học phần Data Visualization in Business tập trung vào trực quan hóa dữ liệu kinh doanh sử dụng Tableau hoặc Power BI, bao gồm biểu đồ, dashboard. Mục tiêu là hỗ trợ quyết định kinh doanh qua dữ liệu.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Storytelling with Data: A Data Visualization Guide for Business Professionals by Cole Nussbaumer Knaflic - Wiley, 2020.

[2]. Data Visualization for Business Decisions: A Laboratory Manual by Andres Fortino - Mercury Learning and Information, 2020.

MÃ MH: 199001

MÔN HỌC: Machine Learning in Business

Học phần Machine Learning in Business giới thiệu ứng dụng ML trong kinh doanh như quảng cáo, phân đoạn khách hàng. Mục tiêu là sử dụng ML để cải thiện kinh doanh.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Machine Learning in Business: An Introduction to the World of Data Science by John C. Hull - Independently Published, 2020.

[2]. Machine Learning for Business by Doug Hudgeon and Richard Nichol - Manning Publications, 2020.

MÃ MH: 199004

MÔN HỌC: Python for Data Analysis

Học phần Python for Data Analysis dạy sử dụng Python cho phân tích dữ liệu, với Pandas, NumPy, Matplotlib. Mục tiêu là xử lý và phân tích dữ liệu.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Python for Data Analysis, 3rd Edition by Wes McKinney - O'Reilly Media, 2022.

[2]. Python for Data Analysis: A Complete Guide for Beginners by Samuel Burns - Independently Published, 2020.

MÃ MH: 111231

MÔN HỌC: Phát triển ứng dụng Trí tuệ nhân tạo

Học phần Phát triển ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trang bị kỹ năng xây dựng ứng dụng AI hoàn chỉnh, từ ý tưởng đến triển khai, sử dụng framework như TensorFlow. Mục tiêu là phát triển sản phẩm AI thực tế.

Tài liệu tham khảo:

[1]. AI Engineering by Chip Huyen - O'Reilly Media, 2025.

[2]. Designing Machine Learning Systems by Chip Huyen - O'Reilly Media, 2022.

MÃ MH: 199002

MÔN HỌC: Enterprise Data Analytics

Học phần Enterprise Data Analytics tập trung vào phân tích dữ liệu doanh nghiệp, bao gồm data warehouse, ETL, và analytics tools. Mục tiêu là áp dụng analytics trong môi trường doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Data Analytics Made Accessible: 2025 Edition by Anil Maheshwari - Independently Published, 2025.

[2]. Defining Enterprise Data and Analytics Strategy by Kuan-Tsae Huang et al. - Springer, 2022.

MÃ MH: 111227

MÔN HỌC: Công nghệ học tăng cường ứng dụng vào Xe tự hành

Học phần Công nghệ học tăng cường ứng dụng vào Xe tự hành giới thiệu reinforcement learning cho xe tự hành, bao gồm Q-learning và simulation. Mục tiêu là xây dựng mô hình xe tự lái.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Reinforcement Learning: An Introduction by Richard S. Sutton and Andrew G. Barto - MIT Press, 2020.

[2]. Reinforcement Learning Decision-Making for Autonomous Vehicles by Various Authors - MDPI, 2025.

MÃ MH: 111234

MÔN HỌC: Thực tập

Học phần Thực tập là cơ hội sinh viên thực hành vận dụng những kiến thức (lý thuyết, thực hành) mà mình đã học tại trường vào giải quyết những vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực công nghệ thông tin tại đơn vị, Tổ chức và doanh nghiệp. Sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng thực hành, lập trình, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng vận dụng các giải pháp CNTT phù hợp để giải quyết vấn đề thực tiễn. Ngoài ra, sinh viên còn rèn luyện các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng trình bày.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguồn tài liệu có liên quan nội dung thực tập trong thời gian thực hiện.

[2]. Tài liệu hướng dẫn trình bày báo cáo thực tập, Đại học Lạc Hồng. 2024.

MÃ MH: 111235

MÔN HỌC: Tốt nghiệp

Học phần Tốt nghiệp giúp sinh viên vận dụng các học phần của khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để xây dựng và phát triển giải pháp công nghệ thông tin (CNTT) nhằm giải quyết vấn đề trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Các công việc chính bao gồm: Xác định và phân tích vấn đề cần giải quyết, tìm kiếm giải pháp phù hợp, thiết kế giải pháp, xây dựng và triển khai giải pháp (Bao gồm kiểm thử) và viết báo cáo trình bày.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Tài liệu hướng dẫn trình bày báo cáo tốt nghiệp, Đại học Lạc Hồng. 2024.

[2]. Nguồn tài liệu có liên quan đến nội dung báo cáo tốt nghiệp trong thời gian thực hiện.

114001 - THỰC TẬP ĐIỆN TỬ CÔNG SUẤT

Tên tiếng Anh: Power electronics practice

Tóm tắt nội dung: Môn học này cung cấp cho sinh viên các kỹ năng về kiểm tra các linh kiện điện tử công suất cơ bản, các kỹ năng lắp ráp kiểm tra, đo đạc các thông số, tín hiệu của mạch để so sánh thực tế với lý thuyết của các mạch biến đổi điện năng như: Mạch chuyển đổi điện xoay chiều sang xoay chiều có điều chỉnh điện áp; Mạch điều chỉnh, đóng ngắt điện áp xoay chiều sang một chiều; Mạch nghịch lưu, Tần số, Mạch driver động cơ... Ngoài ra còn cung cấp các phương pháp kiểm tra và lắp ráp các mạch điều khiển; thu thập, phân tích và giải thích dữ liệu dẫn đến kết luận về hoạt động của mạch điện; kiểm tra loại trừ, phát hiện và khắc phục sự cố các mạch; sử dụng thành thạo phần mềm Psim để mô phỏng và thiết kế mạch điện tử công suất; vận hành, điều khiển bộ biến tần 1 pha và 3 pha;

Tài liệu tham khảo: Huỳnh Đức Chấn, Bài giảng thực tập điện tử công suất, ĐHLH Lạc Hồng, 2020

114008 - THỰC TẬP ĐIỆN CƠ BẢN

Tên tiếng Anh: Basic electrical practice

Tóm tắt nội dung: Môn học giúp người học thực hiện các nội dung về công nghệ lắp đặt điện cơ bản, phương pháp tính toán thi công, lắp đặt điện; công nghệ kiểm tra chất lượng, lắp đặt máy điện và vận hành các máy điện thông dụng.

Tài liệu tham khảo: Nguyễn Đình Đại, Bài giảng Thực tập Điện cơ bản, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

114056 - THỰC TẬP TRANG BỊ ĐIỆN

Tên tiếng Anh: Practice electrical equipment

Tóm tắt nội dung: Học phần này cung cấp cho người học quy trình lắp đặt 1 hệ thống tủ điện. Lắp ráp tủ điện dựa vào sơ đồ mạch nguyên lý. Kỹ năng sử dụng các công cụ và kết nối các thiết bị và nguyên lý hoạt động của thiết bị.

114063 - THỰC TẬP CUNG CẤP ĐIỆN

Học phần giúp sinh viên làm quen các thiết bị và hệ thống điện hạ thế trong thực tế. Tạo điều kiện cho sinh

viên thực tập thiết kế các hệ thống cung cấp điện cho nhà máy, xí nghiệp, trường học, ...

Tài liệu tham khảo: Nguyễn Hoàng Huy, Giáo trình Thực tập cung cấp điện, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2023.

114100 - NHẬP MÔN NGÀNH ĐIỆN ĐIỆN TỬ

Tên tiếng Anh: Introduction to electrical and electronic engineering

Tóm tắt nội dung: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về điện, điện tử, vi mạch bán dẫn, vị trí công việc sau khi tốt nghiệp, xu hướng phát triển của ngành, đạo đức khoa học và đạo đức nghề nghiệp của người kỹ sư điện điện tử, giới thiệu về hệ thống ME và LMS của nhà trường.

Tài liệu tham khảo: Trần Văn Thành, Bài giảng Nhập môn Ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa, Đại học Lạc Hồng, 2020.

114101 - THỰC TẬP THIẾT KẾ MẠCH ĐIỆN TỬ ỨNG DỤNG

Tên tiếng Anh: Application electronics circuit design practice

Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cơ bản để phân tích, tính toán, lựa chọn linh kiện và thiết kế mạch điện tử. Sinh viên sẽ khảo sát các đặc tính kỹ thuật của các linh kiện điện tử thường được sử dụng trong thực tế. Sử dụng các linh kiện đó thiết kế một số mạch điện tử ứng dụng đơn giản.

Tài liệu tham khảo: Nguyễn Hoàng Huy, Bài giảng Thực tập thiết kế mạch điện tử ứng dụng, trường Đại học Lạc Hồng, năm 202

114102 - KỸ THUẬT SỐ

Tên tiếng Anh: Digital systems

Tóm tắt nội dung: Do môn học Kỹ thuật số là một môn học cơ bản và có vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo đại học các ngành kỹ thuật. Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức về các hệ thống số, các cổng logic cơ bản, các định lý cơ bản của đại số Boole, các mạch tổ hợp, mạch tuần tự, cấu trúc hoạt động các vi mạch số cơ bản, thông số kỹ thuật của hai họ vi mạch TTL và CMOS. Phân loại các họ vi mạch, nguyên lý chuyển đổi giữa tín hiệu tương tự và tín hiệu số, cấu trúc hoạt động và ứng dụng của bộ nhớ, nguyên lý các mạch dao động số. Các phương pháp phân tích cũng như phương pháp thiết kế mạch logic và tuần tự. Trên cơ sở các kiến thức cơ bản này sẽ nhằm tạo tiền đề cho những môn học chuyên ngành kế tiếp. Từ đó, giúp sinh viên nắm vững được những vấn đề cốt lõi của kỹ thuật điện tử số, khả năng giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong thực tế.

Tài liệu tham khảo: Ngô Văn Bình, Giáo trình Kỹ thuật số, Đại Học Lạc Hồng, năm 2020.

114103 - ĐIỆN TỬ CƠ BẢN

Tên tiếng Anh: Electronics fundamentals

Tóm tắt nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vật liệu chế tạo linh kiện điện tử. Trình bày cấu trúc, đặc trưng và ứng dụng của các linh kiện điện tử cơ bản như diode, transistor, OP-AMP, IC555 và các linh kiện quang điện tử. Hướng dẫn sinh viên cách phân tích, tính toán các thông số và thiết kế các mạch điện tử cơ bản như: mạch chỉnh lưu, mạch nguồn DC, mạch transistor ngắt dẫn, mạch transistor khuếch đại, mạch so sánh dùng OP-AMP và mạch dao động đa hài dùng IC555 ...

Tài liệu tham khảo: Nguyễn Hoàng Huy, Bài giảng Điện tử cơ bản, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

114104 - THIẾT KẾ MẠCH IN

Tên tiếng Anh: Printed circuit board design

Tóm tắt nội dung: Học phần này trang bị cho người học về cấu tạo vật lý, quy trình thiết kế, sản xuất bo mạch in, giới thiệu những tổ chức, các tiêu chuẩn công nghiệp trong lĩnh vực thiết kế mạch in và những kiến thức cơ bản xây dựng sơ đồ mạch nguyên lý bằng phần mềm OrCAD Capture sau đó chuyển sơ đồ mạch nguyên lý sang sơ đồ mạch in trên phần mềm OrCAD Layout.

Tài liệu tham khảo: Nguyễn Thiện Tài, Bài giảng Thiết kế mạch in, Đại học Lạc Hồng, 2020.

114105 - ĐIỆN TỬ CÔNG SUẤT

Tên tiếng Anh: Power electronics

Tóm tắt nội dung: Học phần điện tử công suất trang bị cho sinh viên các kiến thức về các linh kiện điện tử công suất cơ bản, về các mạch biến đổi điện năng như: Các mạch chuyển đổi điện xoay chiều sang một chiều không điều chỉnh điện áp; Các mạch chuyển đổi điện xoay chiều sang một chiều có điều chỉnh điện áp; Mạch chỉnh lưu có độ chỉnh dòng điện; Các mạch điều chỉnh, đóng ngắt điện áp xoay chiều; Các mạch biến đổi điện áp một chiều sang một chiều; Các mạch biến đổi điện áp xoay chiều sang xoay chiều; Các mạch nghịch lưu, biến tần vv... Ngoài ra còn có năng phân tích mô hình toán của các mạch điện tử công suất; Nắm vững nguyên lý hoạt động các mạch điện tử công suất và phương pháp vận hành, điều khiển bộ biến tần 1 pha và 3 pha; sử dụng phần mềm Psim để mô phỏng và thiết kế các bộ nguồn chỉnh lưu, các nguyên tắc tạo xung điều khiển đồng bộ cho SCR và các mạch ĐTCS.

Tài liệu tham khảo: Huỳnh Đức Chấn, Bài giảng điện tử công suất, ĐH Lạc Hồng, 2020.

114106 - CAD TRONG KỸ THUẬT ĐIỆN

Tên tiếng Anh: Electric and CAD techniques

Tóm tắt nội dung: Môn học này giới thiệu cho sinh viên ngành kỹ thuật nắm vững những kiến thức cơ bản về CAD, cách sử dụng các phần mềm từ đơn giản đến chuyên nghiệp trong lĩnh vực Kỹ thuật điện - điện tử; Sau khi học xong môn học này sinh viên có những kiến thức cơ bản về: cách thành lập một bản vẽ theo đúng tiêu chuẩn, các tập lệnh hình thành một bản vẽ, xuất bản vẽ và in ấn bản vẽ; Sau khi học xong môn học này sinh viên

có kỹ năng diễn tả ý tưởng thiết kế của mình trên máy tính một cách nhanh chóng, chính xác.

Tài liệu tham khảo: Quyền Huy Anh, Giáo trình Cad trong kỹ thuật điện, trường ĐHQG Chí Minh, năm 2008.

114107 - ĐỒ ÁN ĐIỆN - ĐIỆN TỬ

Tên tiếng Anh: Electrical and electronics project

Tóm tắt nội dung: Đồ án Điện - Điện tử là môn học được thiết kế nhằm yêu cầu sinh viên tổng hợp những kiến thức cơ bản về điện và điện tử đã học thực hiện một mạch điện - điện tử cụ thể, có tính ứng dụng đơn giản. Mục đích của môn học giúp sinh viên làm quen với việc thiết kế và thi công các mạch điện - điện tử trong tương lai. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên thực tập làm việc nhóm, viết và trình bày một báo cáo khoa học.

Tài liệu tham khảo: Nguyễn Hoàng Huy, Tài liệu hướng dẫn Đồ án Điện - Điện tử, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020.

114108 - XỬ LÝ ẢNH TRONG CÔNG NGHIỆP

Tên tiếng Anh: Industrial image processing

Tóm tắt nội dung: Học phần này trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về digital image (ảnh số, đồ họa và hiển thị ảnh), histogram (tính toán lược đồ mức xám), color image processing (xử lý ảnh màu), change the properties of the RGB image (thay đổi thuộc tính của ảnh), add noise to the image (chèn nhiễu vào ảnh), noise filtering (lọc nhiễu trong ảnh), count the number of object (đếm số lượng đối tượng), edge detection (tách biên ảnh), detect and identify the image objects (phát hiện và nhận dạng đối tượng), control & monitor devices via serial port (điều khiển và giám sát thiết bị thông qua cổng nối tiếp với xử lý ảnh), image processing with OpenCV (xử lý ảnh với Opencv).

Tài liệu tham khảo: Phan Nhu Quan (2022), Image processing, LHU

114109 - MÁY ĐIỆN

Tên tiếng Anh: Electric machinery

Tóm tắt nội dung: Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hiện tượng cảm ứng điện từ, lực điện từ; nguyên lý hoạt động máy biến áp một pha, ba pha, phương pháp tính và quấn dây máy biến áp; nguyên lý hoạt động máy điện không đồng bộ xoay chiều một pha, ba pha, đặc tính tải của nó, các phương pháp điều chỉnh tốc độ, phương pháp tính và quấn dây; nguyên lý làm việc máy điện đồng bộ, quấn dây và phương pháp điều chỉnh tốc độ; nguyên lý hoạt động các loại máy điện một chiều, đặc tính momen tải và phương pháp điều chỉnh tốc độ.

Tài liệu tham khảo: Phan Nhu Quan, Electric Machinery Lesson, Lac Hong University, 2020.

114110 - TRANG BỊ ĐIỆN

Tên tiếng Anh: Electrical equipment

Tóm tắt nội dung: Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý làm việc của hệ

thống điều khiển các mạch điện trong công nghiệp. Ưu nhược điểm của hệ thống điều khiển các tủ điện trong nhà máy sản xuất. Biện pháp phát hiện lỗi của phần tử và hệ thống, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống. Biện pháp phát hiện lỗi của phần tử và hệ thống, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống.

Tài liệu tham khảo: Nguyễn Hà Thoại Phi, Bài giảng Trang Bị Điện, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020

114111 - THIẾT KẾ HỆ THỐNG ĐIỆN

Tên tiếng Anh: Electrical system design

Tóm tắt nội dung: Môn học này cung cấp cho sinh viên chi tiết các bước thiết kế một công trình điện nhỏ đơn giản như cấp điện cho một gia đình, một lớp học cho đến một công trình điện to lớn phức tạp như một nhà máy, một khu công nghiệp, một bệnh viện.

Tài liệu tham khảo: Nguyễn Hà Thoại Phi, Bài giảng Thiết Kế Hệ Thống Điện, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020

114112 - CUNG CẤP ĐIỆN

Tên tiếng Anh: Electricity supply

Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị cho sinh viên ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện-Điện tử những kiến thức về phương pháp xác định phụ tải tính toán, tính toán tổn thất điện áp, tính toán tổn thất điện năng, tính toán ngắn mạch, chọn số lượng, dung lượng máy biến áp, sơ trạm biến áp phân phối và nguồn dự phòng, chức năng và nguyên lý hoạt động của các thiết bị đóng cắt, bảo vệ trung và hạ áp, các phương pháp chọn dây dẫn, cáp, thiết bị đóng cắt - bảo vệ - đo lường, tủ phân phối trung và hạ áp, các biện pháp nâng cao chất lượng điện năng và các loại đèn, phôi vi ứng dụng, tính toán chiếu sáng.

Tài liệu tham khảo:

- Trần Quang Khánh, Bài tập Cung cấp điện, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật, 2005.
- Nguyễn Công Hiền, Nguyễn Mạnh Hoạch, Hệ thống cung cấp điện của xí nghiệp công nghiệp đô thị và nhà cao tầng, NXB Khoa học và kỹ thuật, 2001.
- Phan Thị Thanh Bình, Phan Thị Thu Vân, Dương Lan Hương, Hướng dẫn thiết kế đồ án cung cấp điện, NXB ĐHQG Tp.HCM, 2002.

114113 - BẢO TRÌ CÔNG NGHIỆP

Tên tiếng Anh: Industrial maintenance

Tóm tắt nội dung: Học phần này trang bị cho người học hiểu biết về tổ chức quản lý bảo trì bảo dưỡng công nghiệp, các nguyên tắc về bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị máy móc cũng như các hệ thống máy trong công nghiệp, lập kế hoạch bảo trì bảo dưỡng các quy trình công nghệ tháo lắp cũng như sửa chữa và phục hồi các chi tiết máy, năng thời cung cấp cho người học các định hướng chính trong ứng dụng bảo trì trong sản xuất công nghiệp. Thiết kế và Điều chỉnh các hệ thống thiết bị công nghiệp tối ưu, nhận thức và đánh giá các mức độ hư hỏng của thiết bị, và có tác phong công nghiệp.

Tài liệu tham khảo: Bùi Văn Yên, Trần Nhật Tân, Sửa chữa điện dân dụng và điện công nghiệp, Nxb Giáo dục, 2009.

114114 - BẢO VỆ ROLE VÀ TỰ ĐỘNG HOÁ

Tên tiếng Anh: Relay protection and automation

Cung cấp kiến thức về các nguyên lý của bảo vệ các phần tử trong hệ thống điện và cách áp dụng để bảo vệ các phần tử cụ thể như: máy phát, động cơ điện, máy biến áp, đường dây, thanh góp,... Nắm vững nguyên lý cơ bản hệ thống bảo vệ role, sơ đồ bảo vệ các phần tử hệ thống điện và phương pháp vận hành, đi u khiển hệ thống bảo vệ role; phân tích và giải thích bảo vệ các phần tử trong hệ thống điện và hệ thống bảo vệ role; thiết kế sơ đồ các phần tử bảo vệ role đơn giản trong hệ thống điện.

Tài liệu tham khảo: PGS. TS. Nguyễn Hoàng Việt, Bảo vệ Role và động hóa trong Hệ Thống Điện, NXB ĐH Quốc Gia Tp HCM, 2011.

114115 - NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO VÀ QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG

Tên tiếng Anh: Renewable energy and Energy Management

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về năng lượng tái tạo như là: Năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng sinh khối và năng lượng đại dương. Giới thiệu các tính chất vật lý của pin năng lượng mặt trời, phương pháp tính toán và chọn thiết bị cho một hệ thống năng lượng mặt trời và ảnh hưởng của bức xạ mặt trời đến công suất phát điện của Pin mặt trời. Bên cạnh đó, nắm vững kiến thức về hệ thống năng lượng gió như là các tính toán của gió và các cấu trúc của một tuabin gió được trang bị. Hơn thế nữa học phần này trang bị những kiến thức về quản lý năng lượng.

Tài liệu tham khảo: Hồ Phạm Huy Khánh, Nguyễn Hữu Phúc, Nguyễn Văn Tài, Thuật hệ thống năng lượng tái tạo, ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh, 2013.

114116 - ĐỒ ÁN CÔNG NGHỆ

Tên tiếng Anh: Technology project

Học phần này giúp người học củng cố những kiến thức cơ bản về tính toán mô phỏng và thiết kế mạch điện tử, hiểu được các nguyên lý truyền động và gia công tiên tiến, có kỹ năng lập trình C trên máy tính và trên phần cứng board mạch với các thuật toán để điều khiển đã học, lập bản thuyết minh.

Tài liệu tham khảo: Giáo Trình Trang Bị Điện - Điện Tử Trong Máy Công Nghiệp, PGS.TS Đặng Thiện Ngôn, Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật Tp. HCM, 2013

114117 - KỸ THUẬT ĐIỆN LẠNH

Tên tiếng Anh: Refrigeration technique

Học phần này trang bị cho người học hiểu biết những kiến thức về điều hòa không khí, các chủng loại máy, từ

điều hoà dân dụng đến nhà cao tầng ứng dụng cho các khách sạn 4 sao trở lên. Hệ thống lạnh chiller tại các nhà máy.

Tài liệu tham khảo: Nguyễn Xuân Lâm, Bài giảng Kỹ Thuật Điện Lạnh, Cao đẳng nghề số 8, năm 2019.

114118 - VI ĐIỀU KHIỂN NÂNG CAO

Tên tiếng Anh: Advanced microcontroller

Khóa học nhằm cung cấp cho người học kiến thức về các thành phần xây dựng hệ điều khiển thiết bị qua mạng dùng vi điều khiển, Hướng dẫn cách truyền thông dữ liệu giữa phần cứng và môi trường Web. Học xong, sinh viên có thể tự xây dựng được một ứng dụng điều khiển thiết bị qua mạng cơ bản theo yêu cầu.

Tài liệu tham khảo: Rui Santos and Sara Santos, MicroPython Programming with ESP32 and ESP8266, 2019.

114119 - CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT BOARD MẠCH DÁN

Tên tiếng Anh: SMT board manufacturing technology

Học phần này trang bị cho người học cách thực hiện và nắm quy trình công nghệ dán bề mặt trong sản xuất board mạch in. Từ việc lựa chọn linh kiện, hàn linh kiện và kiểm tra chất lượng mỗi hàn linh kiện.

Tài liệu tham khảo: Ray Prasad, *Surface Mount Technology: Principles and Practice 2nd Edition*, Springer, ISBN-13: 978-0412129216

114120 - MẠCH ĐIỆN

Tên tiếng Anh: Electric Circuits

Môn học giới thiệu mô hình mạch điện và các phương pháp phân tích mạch điện cơ bản. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản giúp phân tích, tổng hợp mạch, là cơ sở để thiết kế các hệ thống điện tử.

Tài liệu tham khảo: Nguyễn Hoàng Huy, Bài giảng Mạch điện, trường Đại học Lạc Hồng, năm 2020

114121 - THỰC TẬP TRANG BỊ ĐIỆN VÀ QUẢN LÝ MÁY ĐIỆN

Tên tiếng Anh: Electrical equipment and machine winding practice

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tính toán và quấn dây máy biến áp và động cơ không đồng bộ, nguyên lý làm việc của hệ thống điều khiển các mạch điện, hệ thống điện trong công nghiệp. Ưu nhược điểm, tầm quan trọng của hệ thống điều khiển các tủ điện trong nhà máy sản xuất. Giới thiệu các phần tử trong hệ thống. Nguyên tắc cơ bản để thiết kế mạch điều khiển mạch điện trong công nghiệp; Biện pháp phát hiện lỗi của phần tử và hệ thống, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Bài giảng thực hành trang bị điện 1, Trần Trọng Đức, Nguyễn Hà Thoại Phi, Đại học Lạc Hồng 2022

[2]. Trần duy phụng; *Kỹ thuật quấn dây máy biến áp, động cơ vạn năng, động cơ 1 pha và 3 pha*, NXB Đà Nẵng, 2000

114123 - ĐỒ ÁN ĐIỆN TỬ

Tên tiếng Anh: Electronics Project

Đồ án Điện tử là học phần được thiết kế nhằm yêu cầu sinh viên tổng hợp những kiến thức cơ bản về điện tử đã học, thực hiện một thiết kế điện tử hoặc vi điện tử (vi mạch) cụ thể, có tính ứng dụng đơn giản. Mục đích của học phần nhằm giúp sinh viên làm quen với việc thiết kế và thi công các mạch điện tử hoặc vi điện tử (vi mạch) trong tương lai.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Viết Tuấn (2025). Tài liệu hướng dẫn Đồ án môn học Điện tử - Vi Mạch. Nơi xuất bản: Đại học Lạc Hồng.

[2]. Neil H. E. Weste, David Money Harris (originally published 2010). CMOS VLSI Design: A Circuits and Systems Perspective. Published by Pearson.

114400 - CAD TRONG THIẾT KẾ VI MẠCH

Tên tiếng Anh: CAD for IC design

Phần mềm tự động hóa thiết kế điện tử EDA (Electronic Design Automation) cho phép các kỹ sư thực hiện và phát triển các con chip ngày càng phức tạp. Học phần này sẽ giới thiệu và hướng dẫn sử dụng một phần mềm EDA tiên tiến để thiết kế và thử nghiệm chip.

Tài liệu tham khảo:

Mark Birnbaum, *Essential Electronic Design Automation EDA 1st Edition*, Pearson P T R, ISBN-13: 978-0131828292.

114500 - KỸ THUẬT SỐ 2

Tên tiếng Anh: Digital systems design

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về quy trình, các giải pháp tối ưu, phương pháp thiết kế mạch số cho IC (Integrated circuit) lập trình được cũng như loại rời. Từ đó sinh viên có thể đưa ra các giải pháp tối ưu để thiết kế vi mạch số cho hệ tổ hợp và hệ tuần tự.

Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Đình Long, Nguyễn Thị Bích Hương, Nguyễn Quang Hưng, *Giáo trình Vi mạch số lập trình*, 2020, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2]. Nguyễn Minh Sơn, Đoàn Thiện Hải, Đoàn Thiện Lý, *Giáo trình thiết kế vi mạch số*, 2020, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.

114501 - THIẾT KẾ VI MẠCH SỐ VỚI HDL

Tên tiếng Anh: Digital IC design using HDL

Học phần giới thiệu kiến thức về các công nghệ chế tạo vi mạch số bao gồm ASIC, FPGA và PLD. Sinh viên sẽ được hướng dẫn sử dụng ngôn ngữ lập trình VHDL để thiết kế và triển khai mạch tổ hợp và tuần tự. Ngoài ra, sinh viên cũng sử dụng các công cụ phần mềm khác nhau mô hình hóa, mô phỏng và triển khai mạch kỹ thuật số để giải quyết các vấn đề cụ thể. Các dự án trong khóa học nhằm mục đích xây dựng khả năng thiết kế, triển khai, mô phỏng và xác minh hoạt động của các thiết kế đơn giản cho sinh viên.

Tài liệu tham khảo:

Volnei A. Pedroni (2020). *Circuit Design with VHDL*. Third Edition, The MIT Press.

114502 – THỰC TẬP THIẾT KẾ VI MẠCH SỐ

Tên tiếng Anh: Digital IC design - Laboratory

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kỹ năng thực hành trong thiết kế, mô phỏng và kiểm thử vi mạch số bằng ngôn ngữ mô tả phần cứng (HDL). Sinh viên sẽ được thực hành thiết kế các mạch tổ hợp và tuần tự, sử dụng phần mềm Modelsim và Quartus để mô phỏng và tổng hợp mạch. Ngoài ra, sinh viên sẽ thực hiện các bài tập thiết kế nâng cao, bao gồm mô hình hóa trạng thái máy hữu hạn (FSM) và kiểm thử trên FPGA.

Tài liệu tham khảo:

Volnei A. Pedroni (2020). *Circuit Design with VHDL*. Third Edition, The MIT Press.

114504 – CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO VI MẠCH

Tên tiếng Anh: IC fabrication technology

Học phần này cung cấp các kiến thức về công nghệ bán dẫn và công nghệ vi điện tử. Các quá trình công nghệ chế tạo linh kiện điện tử và quy trình công nghệ sản xuất vi mạch. Học phần cũng trình bày các xu thế công nghệ và linh kiện nano.

Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Đức Chiến, Nguyễn Văn Hi u, *Công nghệ chế tạo mạch vi điện tử*, Nhà xuất bản Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2014.

114600 – THIẾT KẾ MẠCH TÍCH HỢP

Tên tiếng Anh: Integrated circuit design

Học phần "Thiết kế mạch tích hợp" nằm trong chương trình đào tạo chuyên ngành Công nghệ Kỹ thuật Vi Mạch, nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng thiết kế mạch logic tổ hợp và tuần tự, phân tích ảnh hưởng của các thành phần ký sinh (R, L, C) đến định thời và công suất. Học phần trang bị cho sinh viên khả năng tối ưu hóa thiết kế vi mạch số và hiểu quy trình sản xuất, layout mạch tích hợp.

Tài liệu tham khảo:

Võ Minh Huân (2019). *Giáo trình thiết kế mạch tích hợp CMOS*. Tp. Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

114601 – THỰC TẬP THIẾT KẾ MẠCH TÍCH HỢP

Tên tiếng Anh: Integrated Circuits Design Practice

Học phần này tập trung vào việc sử dụng công cụ mô phỏng (Synopsys HSPICE hoặc Cadence SPICE) và kit thí nghiệm FPGA để thiết kế và phân tích các mạch tích hợp CMOS. Sinh viên sẽ thực hiện các bài tập từ cơ bản (công logic) đến nâng cao (hệ thống ALU, mạch tuần tự), đo đạc các tham số như định thời, công suất tiêu thụ, và ảnh hưởng của thành phần ký sinh (R, L, C).

Tài liệu tham khảo:

Võ Minh Huân (2019). *Giáo trình thiết kế mạch tích hợp CMOS*. Tp. Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

114602 – THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ VI MẠCH VỚI SYSTEM VERILOG

Tên tiếng Anh: Design verification with System Verilog

Học phần minh họa thực tế phương pháp kiểm tra và xác minh một thiết kế chip sử dụng phần mềm SystemVerilog và UVM dựa trên công cụ biên dịch và mô phỏng VCS của Synopsys.

Tài liệu tham khảo:

Chris Spear, Greg Tumbush, *SystemVerilog for Verification*, Springer, ISBN-13: 9780387270364

114603 – THỰC TẬP THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ VI MẠCH

Tên tiếng Anh: Design Verification Practice

Học phần minh họa thực tế phương pháp kiểm tra và xác minh một thiết kế chip sử dụng phần mềm SystemVerilog và UVM dựa trên công cụ biên dịch và mô phỏng VCS của Synopsys.

Tài liệu tham khảo:

Chris Spear, Greg Tumbush, *SystemVerilog for Verification*, Springer, ISBN-13: 9780387270364, 3rd Edition, 2020.

114604 – TỔNG QUAN VỀ ATP VÀ CÁC THUẬT NGỮ CHUYÊN NGÀNH VI MẠCH

Tên tiếng Anh: Overview of Assembling, Testing and Packaging and Terminologies

This course provides an in-depth understanding of the semiconductor packaging process, including assembly, testing, and reliability assessment. It covers advanced packaging technologies, failure analysis, and quality control technique essentials for semiconductor manufacturing.

Tài liệu tham khảo:

LEtuin (2025). *Hiểu về công đoạn chế tạo bán dẫn*, NXB Thông tin và Truyền thông.

114605 – CƠ SỞ ĐÓNG GÓI VI MẠCH

Tên tiếng Anh: Fundamental of Microelectronic packaging

Học phần này trình bày những nguyên tắc cơ bản của bao bì điện tử. Sinh viên sẽ tìm hiểu các lĩnh vực chính về loại bao bì, thiết kế điện, thiết kế nhiệt, lựa chọn vật liệu, đánh giá độ tin cậy cũng như những thách thức và sự đánh đổi cần thiết đối với bao bì đi kèm từ cho các hệ thống ứng dụng khác nhau.

Tài liệu tham khảo:

Rao R. Tummala, *Fundamentals of device and systems packaging (technologies and applications) Second Edition*, Pub McGrawHill, 2021.

114700 – THIẾT KẾ VẬT LÝ VI MẠCH

Tên tiếng Anh: Physical Design

Học phần minh họa thực tế phương pháp thiết kế từ Front_End sang Back_End sử dụng công cụ thiết kế vật lý chip của Synopsys.

Tài liệu tham khảo:

Andrew B. Kahng, Jens Lienig, Igor L. Markov, Jin Hu, *VLSI Physical Design: From Graph Partitioning to Timing Closure*, Springer, 2022.

114701 – THIẾT KẾ CHIP SoC

Tên tiếng Anh: System On Chip design

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức và phương pháp luận để thực hiện việc thiết kế hệ thống trên chip (System-on-Chip – SoC). Thông qua học phần này, người học có thể lập mô hình và xây dựng luồng thiết kế cho một hệ thống trên chip, phát triển các kỹ năng tái sử dụng IP, các kiến trúc liên kết dựa vào hệ thống bus và mạng trên chip, cũng như cách sử dụng bộ xử lý mềm và cân đối trong thiết kế với ngôn ngữ SystemVerilog.

Tài liệu tham khảo:

R. Reis, M. Lubaszewski, and J. Jess, “Design of System on a Chip: Design and Test”, Springer, 2022.

[2]. A. A. Jerraya, W. Wolf, “Multiprocessor Systems-on-Chip”, Elsevier, 2023.

114702 – THỰC TẬP THIẾT KẾ CHIP NÂNG CAO

Tên tiếng Anh: Advanced Chip Design Practice

Học phần hướng dẫn sinh viên thực hành thiết kế và thử nghiệm một con chip thực tế trên phần mềm thiết kế chuyên nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

Neil Weste, David Harris, *CMOS VLSI Design: A Circuits and Systems Perspective* (5th ed.). Pearson, 2021.

[2]. A. A. Jerraya, W. Wolf, *Multiprocessor Systems-on-Chip*, Elsevier, 2023.

114703 – CÔNG NGHỆ LẮP RÁP, ĐÓNG GÓI VÀ ĐO KIỂM VI MẠCH BÁN DẪN (ATP)

Tên tiếng Anh: Semiconductor Assembly, Packaging and Testing Technology

Học phần sẽ giới thiệu các công nghệ đóng gói và đo kiểm vi mạch tiên tiến. Các phương pháp phân tích lựa chọn vật liệu để đáp ứng các tiêu chuẩn về cơ và nhiệt. Các kỹ thuật phân tích và đánh giá độ tin cậy của gói chip cũng được đề cập trong học phần này.

Tài liệu tham khảo:

Andrew B. Kahng, Jens Lienig, Igor L. Markov, Jin Hu, *VLSI Physical Design: From Graph Partitioning to Timing Closure*, Springer, 2022.

114704 – CÔNG NGHỆ ĐO KIỂM VI MẠCH

Tên tiếng Anh: Integrated Circuit Testing Technology

Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết về đo kiểm mạch tích hợp (IC). Nội dung sẽ được giới thiệu các khía cạnh khác nhau của đo kiểm IC như: kiểm tra chức năng và dòng điện một chiều (DC) và dòng điện xoay chiều (AC). Đồng thời, phát

triển chương trình đo kiểm kỹ thuật số trên máy đo mạch tích hợp SoC, tích hợp với bộ xử lý để sử dụng rộng rãi trong sản xuất thiết bị tích hợp (IDM) và xưởng đúc.

Tài liệu tham khảo:

Yangyuan Wang, Min-Hwa Chi, Jesse Jen-Chung Lou, Chun-Zhang Chen, *Handbook of Integrated Circuit Industry*, Springer, ISBN: 978-981-99-2836-1.

115100 – NHẬP MÔN TỰ ĐỘNG HÓA

Tên tiếng Anh: Introduction to Automation

Học phần mở đầu ngành, giới thiệu chương trình đào tạo, vai trò tự động hóa và phương pháp tập hiệu quả (lập kế hoạch, làm việc nhóm), đặt nền tảng cho các môn chuyên sâu.

Tài liệu tham khảo:

Trần Văn Thành (2022). *Nhập môn Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa*. Đại học Lạc Hồng.

115101 – KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG – CẢM BIẾN

Tên tiếng Anh: Measurement Techniques and Sensors.

Học phần cung cấp kiến thức về cấu tạo, nguyên lý, ứng dụng cảm biến và đo lường các đại lượng vật lý (điện, nhiệt độ, vận tốc), hỗ trợ sinh viên xử lý dữ liệu đo trong thực tế.

Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Vũ Quỳnh, Phạm Quang Huy, *Giáo Trình Đo Lường Cảm Biến (Lý Thuyết-Thực Hành)*, NXB CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI STK, năm 202

115102 – THỰC TẬP KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG – CẢM BIẾN

Tên tiếng Anh: Measurement and Sensor Practice.

Học phần thực hành cơ bản về đo điện, nối dây, lắp mạch chiếu sáng và vận hành động cơ 1 pha, 3 pha, giúp sinh viên làm quen với kỹ thuật đo lường thực tế.

Tài liệu tham khảo:

Ngô Văn Bình. *Giáo trình Thực tập Đo lường cảm biến*. Đại Học Lạc Hồng, 2020.

115103 – THỰC TẬP LẮP TỦ ĐIỆN

Tên tiếng Anh: Electrical Panel Assembly Practice

Học phần hướng dẫn quy trình lắp ráp tủ điện theo sơ đồ nguyên lý, rèn kỹ năng sử dụng công cụ và kết nối thiết bị, ứng dụng trong thực tế công nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

Bài giảng thực hành trang bị điện 1, Trần Trọng Đức, Nguyễn Hà Thoại Phi, Đại học Lạc Hồng 2022.

115104 – ĐIỀU KHIỂN HỆ THỐNG SERVO

Tên tiếng Anh: Servo System Control

Học phần cung cấp kiến thức về động cơ servo, tính toán lựa chọn và ứng dụng trong dây chuyền tự động, đáp ứng yêu cầu điều khiển chính xác cao.

Tài liệu tham khảo:

Lê Hoàng Anh, “*Bài giảng Điều khiển hệ thống Servo*”, LHU, 2020.

115105 – ĐỒ ÁN TỰ ĐỘNG 1

Tên tiếng Anh: Automation Project 1

Học phần thực hành thiết kế cơ khí, điện và điều khiển relay cho cơ cấu đơn giản, giúp sinh viên áp dụng kiến thức cơ bản vào bài toán thực tế.

Tài liệu tham khảo:

Trần Văn Thành (2020), *Hướng dẫn thực hiện và đánh giá Đồ án Tự động 1*, Đại học Lạc Hồng.

115106 - CƠ LÝ THUYẾT

Tên tiếng Anh: Theoretical Mechanics

Học phần cung cấp kiến thức về tĩnh học, động học, phân tích lực và kiểm tra độ bền kết cấu, hỗ trợ giải các bài toán cơ học trong kỹ thuật tự động hóa.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Phạm GS. TSKH. Sanh, GS. TS. Nguyễn Văn Đình, GS. TS. Nguyễn Văn Khang, *Cơ học (Tập 1)*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, 2005.

[2]. GS. TSKH. Sanh, *Cơ học (Tập 2)*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, 2005.

115107 - KỸ THUẬT LẬP TRÌNH PLC

Tên tiếng Anh: PLC Programming Techniques

Học phần giảng dạy lựa chọn, lắp đặt và lập trình PLC Siemens để điều khiển logic và quy trình công nghệ, là kỹ năng cốt lõi trong tự động hóa.

Tài liệu tham khảo:

Trần Văn Thành (2022). *Kỹ thuật lập trình PLC*. Đại học Lạc Hồng.

115108 - HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG

Tên tiếng Anh: Automatic Control Systems

Học phần trang bị kiến thức về phân loại, đặc tính và thiết kế hệ thống điều khiển, sử dụng Matlab mô phỏng, phục vụ các ứng dụng công nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

Trần Văn Thành, *Hệ thống điều khiển tự động ứng dụng*. Đại học Lạc Hồng.

115109 – THỰC TẬP KỸ THUẬT LẬP TRÌNH PLC

Tên tiếng Anh: PLC Programming Practice

Học phần thực hành lập trình PLC kết hợp thiết bị điều khiển, xây dựng quy trình vận hành và xử lý lỗi, củng cố kỹ năng tự động hóa thực tế.

Tài liệu tham khảo:

Nguyen Huu Hung, “Thực hành PLC 2”, LHU, 202

115110 – CAD TRONG THIẾT KẾ TỦ ĐIỆN

Tên tiếng Anh: CAD for Electrical Panel Design

Học phần hướng dẫn thiết kế hệ thống tủ điện bằng CAD, vẽ sơ đồ mạch và lập danh sách vật tư, hỗ trợ quá trình lắp ráp tủ điện trong công nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

Trần Trọng Đức, *Giáo trình CAD trong thiết kế tủ điện*, 2024.

115112 – LẬP TRÌNH KỸ THUẬT

Tên tiếng Anh: Technical Programming

Học phần cung cấp kiến thức lập trình Python, xây dựng thuật toán và chương trình điều khiển, đặt nền tảng cho các hệ thống tự động hóa thực tế.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Đoàn Minh Phụng (2022). *Lập trình Python*. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.

[2]. Bùi Việt Hà (2020). *Python cơ bản*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

115113 – VI ĐIỀU KHIỂN

Tên tiếng Anh: Microcontroller

Học phần giảng dạy cấu trúc, chức năng vi điều khiển và lập trình ứng dụng, giúp sinh viên giải quyết các bài toán điều khiển trong công nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

Ngô Kim Long, Trần Văn Thành, Lê Tìn Lộc. *Giáo trình Vi điều khiển*, LHU, 2023.

115114 – THỰC TẬP VI ĐIỀU KHIỂN

Tên tiếng Anh: Microcontroller Practice

Học phần thực hành trên vi điều khiển STM32F4, kiểm chứng lý thuyết và ứng dụng thực tế, nâng cao kỹ năng điểu khiển hệ thống.

Tài liệu tham khảo:

Ngô Kim Long, “*Thực hành Vi điều khiển*”, LHU, 2021.

115115 – ĐỒ ÁN TỰ ĐỘNG 2

Tên tiếng Anh: Automation Project 2

Học phần thực hành lập trình PLC, vi điều khiển và máy tính để điều khiển thiết bị công nghiệp, giải quyết các bài toán logic và xử lý tín hiệu.

Tài liệu tham khảo:

Trần Văn Thành (2020) *Hướng dẫn thực hiện và đánh giá Đồ án Tự động 2*, Đại học Lạc Hồng.

115116 - SƠ ĐỒ ĐƯỜNG ỐNG FPD VÀ PI&D

Tên tiếng Anh: PFD and P&ID Diagrams

Học phần trang bị kiến thức tính toán, lựa chọn và vẽ sơ đồ hệ thống điều khiển quá trình, ứng dụng trong thiết kế công nghiệp tự động hóa.

Tài liệu tham khảo:

Trần Văn Thành (2022). *Kỹ thuật lập trình PLC*. Đại học Lạc Hồng.

115117 – THỊ GIÁC MÁY TÍNH

Tên tiếng Anh: Computer Vision

Học phần giảng dạy lập trình thị giác máy tính bằng Python và OpenCV, xử lý ảnh cơ bản (lọc, đếm đối tượng), ứng dụng trong tự động hóa thông minh.

Tài liệu tham khảo:

Đoàn Minh Phụng, *Lập trình Python*, Khoa học và kỹ thuật, 2022.

115118 - MẠNG TRUYỀN DỮ LIỆU SỐ

Tên tiếng Anh: Digital Data Communication

Học phần cung cấp kiến thức về truyền dữ liệu số, lập trình mô phỏng các chuẩn giao tiếp (I2C, Modbus), ứng dụng trong mạng công nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

Trần Văn Thành (2022). *Hệ thống truyền dữ liệu số*. Đại học Lạc Hồng.

115119 – ĐIỀU KHIỂN BẰNG MÁY TÍNH

Tên tiếng Anh: Computer-Based Control

Học phần giảng dạy lập trình giao tiếp máy tính với vi điều khiển để đo lường, điều khiển thiết bị, hỗ trợ giám sát hệ thống tự động.

Tài liệu tham khảo:

Lê Tiến Lộc (2020). *Bài giảng giao tiếp và điều khiển bằng máy tính*. ĐH Lạc Hồng.

115120 – THIẾT KẾ HỆ THỐNG NHÚNG

Tên tiếng Anh: Embedded System Design

Học phần cung cấp kiến thức về hệ nhúng, thiết kế phần cứng, phần mềm và lập trình ARM, ứng dụng trong các thiết bị tự động hóa.

Tài liệu tham khảo:

Hoàng Trang, Bùi Quốc bảo (2019). *Lập trình hệ thống nhúng*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

115121 – HỆ THỐNG SCADA ỨNG DỤNG

Tên tiếng Anh: Applied SCADA Systems

Học phần giảng dạy cấu trúc và tích hợp hệ thống SCADA, từ thiết bị chấp hành đến giao diện HMI, ứng dụng trong giám sát và điều khiển công nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

Trần Văn Thành (2022). *Thiết kế hệ thống Scada*. Đại học Lạc Hồng.

115122 – DỮ LIỆU VÀ PHÂN TÍCH DỮ LIỆU

Tên tiếng Anh: Data and Data Analysis.

Học phần cung cấp kiến thức phân tích dữ liệu bằng Excel, Python, lọc nhiễu và mô hình hóa, ứng dụng trong tự động hóa và IoT.

Tài liệu tham khảo:

Trần Văn Thành (2022). *Dữ liệu và phân tích dữ liệu*. Đại học Lạc Hồng.

115123 - CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ LẬP TRÌNH QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên tiếng Anh: Database and Database Management Programming

Học phần cung cấp kiến thức về thiết kế, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu và lập trình SQL, hỗ trợ quản lý dữ liệu trong các hệ thống tự động hóa.

Tài liệu tham khảo:

Bài giảng học phần Cơ sở dữ liệu, khoa Công nghệ thông tin - Đại học Lạc Hồng, 2019 (lưu hành nội bộ).

115124 – LẬP TRÌNH WEB ỨNG DỤNG TRONG IOT

Tên tiếng Anh: Web Programming for IoT Applications

Học phần giảng dạy lập trình web (HTML, CSS, NodeJS) và giao tiếp IoT qua MQTT, hỗ trợ xây dựng hệ thống giám sát thông minh.

Tài liệu tham khảo:

Jonathan Wexler, *Get Programming with Node.js*, Foreword by Kyle Simpson, 2020.

115125 – ĐIỀU KHIỂN THÔNG MINH

Tên tiếng Anh: Intelligent Control

Học phần giới thiệu điều khiển thông minh (mạng nơ-ron, PID), ứng dụng trong ô tô tự lái và mô phỏng, nâng cao khả năng tự động hóa tiên tiến.

Tài liệu tham khảo:

Khóa học Self-Driving Car Engineer-
<https://www.udacity.com/course/self-driving-car-engineer-nanodegree--nd0013>

115126 – MÔ HÌNH HÓA VÀ MÔ PHỎNG HỆ THỐNG TỰ ĐỘNG

Tên tiếng Anh: System Modeling and Simulation

Học phần này trang bị cho người học kiến thức về các thành phần trong hệ thống, phân loại, đặc tính, phương pháp thiết kế bộ điều khiển và áp dụng mô phỏng điều khiển sử dụng Matlab.

Tài liệu tham khảo:

Trần Văn Thành (2022). *Hệ thống điều khiển tự động ứng dụng*. Đại học Lạc Hồng.

115127 – MODULE SẢN XUẤT LINH HOẠT (FMS)

Tên tiếng Anh: Flexible Manufacturing System

Học phần giảng dạy hệ thống sản xuất linh hoạt với CNC và robot, lập trình điều khiển và mô phỏng nhà máy ảo bằng Tecnomatix.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Shivanand, H. K. (2006). *Flexible manufacturing system*. New Age International.

[2]. Trần Văn Địch (2001). *Hệ thống sản xuất linh hoạt FMS và sản xuất tích hợp CIM*.

115128 – KỸ THUẬT LẬP DỰ ÁN

Tên tiếng Anh: Project Planning Techniques

Học phần giảng dạy lập và thẩm định dự án (thị trường, kỹ thuật, tài chính), chuẩn bị cho sinh viên thực hiện các dự án tự động hóa thực tế.

Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Bạch Nguyệt (2015), *Giáo trình: Lập và quản lý dự án đầu tư*. NXB Thống kê.

115130, 115132 – KAIZEN – TPM

Tên tiếng Anh: Kaizen and Total Productive Maintenance

Học phần giới thiệu triết lý Kaizen, TPM, ứng dụng cải tiến công việc và bảo trì, nâng cao hiệu suất trong sản xuất tự động hóa.

Tài liệu tham khảo:

Trần Văn Thành (2022). *Xây dựng bản vẽ PFD và P&ID Diagram*. Đại học Lạc Hồng.

115133 – HỆ THỐNG CƠ ĐIỆN M&E

Tên tiếng Anh: Mechanical and Electrical Systems (M&E)

Tóm tắt nội dung: Học phần giúp sinh viên nắm được kiến thức tổng quan và các hệ thống trong M&E, bao gồm khả năng hiểu bản vẽ, áp dụng công cụ thiết kế, tính toán, lựa chọn thiết bị, và lập kế hoạch bảo trì hệ thống M&E.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Mechanical and Electrical Engineering (2018), Designer M&E Thiết kế cơ điện, Mee and Meeshop.vn.
[2]. Richard R. Janis, William K.Y. Tao (2014), Mechanical and Electrical System In Buildings (Sixth Edition), Publish Pearson.

116100 – TỐT NGHIỆP

Tên tiếng Anh: Graduation Project

Học phần tổng hợp kiến thức toàn khóa, yêu cầu sinh viên thiết kế, triển khai một dự án tự động hóa thực tế, chuẩn bị cho công việc chuyên môn sau tốt nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

Phan Nhu Quan (2022), Hướng dẫn trình bày án tốt nghiệp, LHU, 2020.

116101 – HÌNH HỌA – VẼ KỸ THUẬT

Tên tiếng Anh: Descriptive geometry and technical drawing

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về vẽ kỹ thuật: phép chiếu, phương pháp chiếu, các quy tắc, quy định của tiêu chuẩn nhà nước về bản vẽ kỹ thuật. Cung cấp kiến thức, rèn luyện kỹ năng đọc, hiểu và biết cách thiết lập các bản vẽ kỹ thuật sử dụng trong lĩnh vực cơ khí tạo máy. Rèn luyện tác phong làm việc khoa học, tính cẩn thận, ý thức tổ chức kỷ luật của người làm công tác kỹ thuật.

Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Quốc Bình, Giáo trình Autocad 2008, NXB Hồng Đức, 2008

116102 – KỸ THUẬT ĐIỆN

Tên tiếng Anh: Electrical Engineering

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý làm việc của hệ thống điều khiển các mạch điện trong công nghiệp. Ưu nhược điểm của hệ thống điều khiển trong các tủ điện ở nhà máy sản xuất.

Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Hà Thoại Phi (2022), Bài giảng Kỹ thuật điện, trường Đại học Lạc Hồng

116103 - KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG CƠ

Tên tiếng Anh: Technical mechanical measurement

Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp kiến thức cho sinh viên về độ chính xác của các chi tiết máy trên các yêu cầu kỹ thuật của máy hay bộ phận máy. Từ đó sinh viên sẽ vận dụng các kiến thức trong học phần này để

giải quyết các vấn đề về thiết kế máy khi thực hiện đồ án môn học, án tốt nghiệp

116104 - THỰC TẬP CƠ KHÍ TỔNG QUÁT

Tên tiếng Anh: General Mechanics in Practice

Tóm tắt nội dung: Môn học này nhằm rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cần thiết về nghề nguội và hàn hồ quang. Môn học gồm 2 phần: Phần lý thuyết cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: các dụng cụ trong nghề nguội, các bước tiến hành khi sử dụng các dụng cụ đó để gia công chi tiết; các kiến thức cơ bản về kỹ thuật hàn điện hồ quang. Phần thực hành rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để hoàn thành bài tập tổng hợp gia công búa nguội và sử dụng máy hàn điện hồ quang để hàn được một số mối hàn.

116105 - CAD TRONG KỸ THUẬT

Tên tiếng Anh: Computer-aided design techniques

Tóm tắt nội dung: Môn học này giới thiệu cho sinh viên ngành kỹ thuật nắm vững những kiến thức về kỹ thuật trên máy tính, rèn luyện kỹ năng lập và vẽ bản vẽ. Bao gồm cách thành lập một bản vẽ theo đúng tiêu chuẩn, các tập lệnh hình thành một bản vẽ, xuất bản vẽ và in bản vẽ. Sinh viên sau khi học xong môn học sẽ diễn tả ý tưởng thiết kế của mình trên máy tính một cách nhanh chóng, chính xác đúng thời môn học này sẽ làm cơ sở cho các phần mềm ứng dụng công nghệ cao như cad, cad/cam/cnc ... sau này.

116106 NGUYÊN LÝ - CHI TIẾT MÁY

Tên tiếng Anh: Principles and Parts of Machines

Phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về: tính toán thiết kế các chi tiết theo các chỉ tiêu khả năng làm việc: độ bền, cứng, độ chịu mòn, độ chịu nhiệt ... Đúng thời trang bị cho học viên kiến thức và kỹ năng để giải các bài toán phân tích và tổng hợp cơ cấu. Đây là môn học cơ sở nghiên cứu về cấu tạo, động học và động lực học của cơ cấu.

116107 - CƠ KỸ THUẬT

Tên tiếng Anh: Engineering mechanics

Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị cho sinh viên những nền tảng về cơ học. Môn học gồm 2 nội dung chính: cơ học vật rắn tuyệt đối và cơ học biến dạng (sức bền vật liệu). Cơ học vật rắn tuyệt đối giải quyết bài toán về cân bằng của vật rắn dựa trên sự hiểu biết về lực, moment của lực, các phương trình cân bằng tĩnh và chuyển động có gia tốc của vật rắn; Trong khi Sức bền vật liệu nghiên cứu các hình thức biến dạng cơ bản của thanh: kéo nén đúng tâm, uốn. Kiến thức về cơ học là kiến thức thiết yếu để tính toán thiết kế các cấu trúc, các bộ phận cơ khí cũng như các thiết bị điện thường gặp trong kỹ thuật.

116108 - CÔNG NGHỆ KHÍ NÉN-THỦY LỰC

Tên tiếng Anh: Pneumatic and hydraulics technology

Tóm tắt nội dung: Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nguyên lý làm việc của hệ thống điều khiển khí nén, khí nén, thủy lực, điện thủy lực. Ưu nhược điểm của hệ thống điều khiển bằng khí nén, thủy lực so với điện. Giới thiệu các phần tử trong hệ thống. Nguyên tắc cơ bản thiết kế mạch điều khiển khí nén, thủy lực. Biện pháp phát hiện lỗi của phần tử và hệ thống, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống

116109 - CƠ CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY

Tên tiếng Anh: Fundamentals of Machinery Manufacturing Technology

Tóm tắt nội dung: Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lý thuyết cơ sở chế tạo máy như nguyên lý tạo hình bề mặt, các chuyển động cắt gọt, nguyên lý cắt gọt kim loại, dụng cụ cắt và các vấn đề liên quan đến sai số gia công, các biện pháp khắc phục chúng để nâng cao độ chính xác gia công, chất lượng bề mặt của sản phẩm, cách tính sai số gá đặt khi gia công đặc biệt là sai số chuẩn, tính chuồi kích thước công nghệ khi gá đặt.

116110 - BẢO TRÌ CÔNG NGHIỆP

Tên tiếng Anh: Industrial maintenance

Tóm tắt nội dung: Học phần này trang bị cho người học hiểu biết về tổ chức quản lý bảo trì bảo dưỡng công nghiệp, các nguyên tắc về bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị máy móc cũng như các hệ thống máy trong công nghiệp, lập kế hoạch bảo trì bảo dưỡng các quy trình công nghệ tháo lắp cũng như việc sửa chữa và phục hồi các chi tiết máy, đồng thời cung cấp cho người học các định nghĩa chính trong ứng dụng bảo trì trong sản xuất công nghiệp. Thiết kế và Điều chỉnh các hệ thống thiết bị công nghiệp tối ưu, nhận thức và đánh giá được các mức độ hư hỏng của thiết bị, và có tác phong công nghiệp

116111 – QUẢN TRỊ HỌC ĐẠI CƯƠNG

Tên tiếng Anh: Administration Science

Học phần trang bị cho sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Cơ điện tử) những kiến thức cơ bản về doanh nghiệp – các loại hình doanh nghiệp hiện nay, đặc điểm, nhiệm vụ và quyền hạn, các cơ cấu tổ chức trong doanh nghiệp, phương thức tổ chức quá trình tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp như cân bằng dây chuyền sản xuất và xác định thời gian công nghệ, đưa ra biện pháp rút ngắn thời gian chu kỳ sản xuất; định mức lao động và sản lượng nhằm chuẩn bị mọi điều kiện tốt nhất phục vụ sản xuất; phương pháp lập lịch trình sản xuất tối ưu khi nhận được đơn hàng với nhiều công việc khác nhau; các vấn đề về chất lượng và phương pháp quản lý chất lượng đạt hiệu quả cao nhất; công cụ quản lý chất lượng bằng thống kê nhằm theo dõi kiểm soát, cải tiến quá trình; hệ thống quản lý chất lượng ISO.

Tài liệu tham khảo:

Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Huyền (2009). Giáo trình quản trị học. Nhà xuất bản Tài Chính.

116112 - THỰC TẬP MÁY CÔNG CỤ

Tên tiếng Anh: Machine tools practice

Tóm tắt nội dung: Môn học trang bị cho sinh viên chuyên ngành Cơ điện tử những kỹ năng làm việc trên máy tiện, máy phay vạn năng, qua đó sinh viên củng cố những kiến thức chuyên ngành để làm nền tảng cho những máy, thiết bị cắt gọt hiện đại hơn. Môn học giúp cho sinh viên biết cách mài dao tiện, chọn chuẩn thô, chuẩn tinh, chuẩn tinh chính,... biết sử dụng các loại đồ gá chuyên dùng trong nghề tiện, nghề phay, biết chọn dao cắt, chọn chế độ cắt phù hợp với biên dạng gia công trên máy tiện, máy phay, lập được quy trình, nguyên công gia công đặc trưng trên máy tiện, máy phay, tổ chức vận hành sản xuất trong phân xưởng cơ khí.

116113 – ĐỒ ÁN CƠ ĐIỆN TỬ

Tên tiếng Anh: Mechatronics Project

Môn học này giúp sinh viên làm quen với việc tìm kiếm, lựa chọn, thiết kế cơ khí. Xuất bản vẽ, lập danh sách vật tư thiết bị cho chi tiết, máy, lựa chọn phương gia công phù hợp cho từng chi tiết cơ khí. Ngoài ra, học phần còn giúp học viên trao đổi kỹ năng làm việc nhóm.

Tài liệu tham khảo:

La Khải Khải, Giáo trình Đồ án Cơ điện tử, 2024

116114 – ROBOT CÔNG NGHIỆP

Tên tiếng Anh: Industrial robot

Học phần này trang bị cho người học kiến thức về vai trò và cấu tạo của các loại robot được sử dụng phổ biến trong công nghiệp. Người học vận dụng được kiến thức, kỹ năng lập trình robot công nghiệp, khả năng giải quyết các vấn đề thực tế trong công nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

<https://academy.universal-robots.com>

116115 – KỸ THUẬT LẬP TRÌNH PLC NÂNG CAO

Tên tiếng Anh: Advanced Programmable Logic Controller

Khóa học cung cấp kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về lập trình và vận hành hệ thống tự động hóa sử dụng PLC. Sinh viên sẽ làm việc với cảm biến, HMI, biến tần, AC Servo và các lệnh lập trình nâng cao. Khóa học tập trung vào giao thức Modbus TCP/IP, Modbus RTU và thực hành triển khai giải pháp tự động hóa, xử lý lỗi, tối ưu hệ thống trong môi trường công nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

Nguyen Huu Hung, “Thực hành PLC Nâng cao”, LHU, 2021

116117 – CÔNG NGHỆ CAD/CAM/CNC

Tên tiếng Anh: CAD/CAM/CNC technology

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công nghệ CAD/CAM, quá trình sản xuất tự động có ứng dụng máy tính vào công việc thiết kế mẫu mã sản phẩm và gia công sản xuất tạo hình sản phẩm, trình bày các toán học dùng để xây dựng giải thuật xử lý dữ liệu và mô tả đối tượng thiết kế vào máy tính, nguyên lý cấu tạo của hệ thống thiết bị điều khiển số,

chuyển ngữ nội suy, cách thức lập trình điều khiển số nói chung và lập trình điều khiển số trên máy CNC.

Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Đức Lộc, Tăng Huy, Điều khiển số và công nghệ trên máy điều khiển số CNC, NXB Khoa học kỹ thuật, 2000

116118 – THỰC TẬP CÔNG NGHỆ CAD/CAM/CNC

Tên tiếng Anh: CAD/CAM/CNC technology practice

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về thực hành công nghệ CAD/CAM/CNC, thiết kế vật thể 3D (công nghệ CAD), thiết kế quy trình gia công (công nghệ CAM) lập trình gia công chi tiết trên máy công cụ CNC, tạo chương trình CNC bằng phần mềm (công nghệ CAD/CAM/CNC), sử dụng phần mềm mô phỏng máy CNC để gia công.

Tài liệu tham khảo:

Đoàn Thị Minh Trinh, Công nghệ lập trình gia công điều khiển số, NXB khoa học và kỹ thuật, 2002

116119 – HỌC KỲ THỰC TẬP 1

Tên tiếng Anh: Internship 1

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và trải nghiệm thực tiễn tại doanh nghiệp. Thông qua quá trình thực tập, sinh viên có cơ hội đánh giá, đối chiếu lý thuyết và thực tế, nhằm điều chỉnh chiến lược học tập, tăng cường hiệu quả chuẩn bị nghề nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Phan Xuân Khương (2024). Cẩm nang hướng dẫn sinh viên thực tập tại doanh nghiệp. Đại học Lạc Hồng.

116121 – THỰC TẬP KỸ THUẬT LẬP TRÌNH PLC NÂNG CAO

Tên tiếng Anh: Advanced Practical PLC programming

Môn học tập trung vào thực hành vận hành các thiết bị tự động hóa như cảm biến, encoder, HMI, AC servo, step motor, biến tần và camera. Sinh viên sẽ làm việc với các chuẩn truyền thông công nghiệp và ứng dụng lập trình PLC để xây dựng, điều khiển và giám sát một hệ thống tự động hóa cỡ nhỏ.

Tài liệu tham khảo:

Nguyen Huu Hung, “Thực hành PLC Nâng cao”, LHU, 2021

116122 – HỌC KỲ THỰC TẬP 2

Tên tiếng Anh: Internship 2

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và trải nghiệm thực tiễn tại doanh nghiệp. Thông qua quá trình thực tập, sinh viên có cơ hội đánh giá, đối chiếu lý thuyết và thực tế, nhằm điều chỉnh chiến lược học tập, tăng cường hiệu quả chuẩn bị nghề nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Phan Xuân Khương (2024). Cẩm nang hướng dẫn sinh viên thực tập tại doanh nghiệp. Đại học Lạc Hồng

116123 – NHẬP MÔN NGÀNH CƠ ĐIỆN TỬ

Tên tiếng Anh: Introduction to Mechatronics engineering

Môn học giúp sinh viên có kiến thức tổng quan về ngành Cơ điện tử, hiểu rõ những nội dung tổng quát nhất của các môn chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Định hướng phát triển công việc sau khi tốt nghiệp cho sinh viên theo sở trường sở thích của bản thân. Môn học giúp sinh viên trang bị kiến thức cơ bản về: Chương trình đào tạo của ngành Cơ điện tử, các phương pháp học tập trong môi trường đại học, các kỹ năng cần rèn luyện, làm quen với các hệ thống cơ điện tử, xu hướng phát triển của ngành Cơ điện tử.

Tài liệu tham khảo:

La Khải Khải (2024), Introduction to Mechatronics, LHU

116124 – KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ

Tên tiếng Anh: Electrical and electronic engineering

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vật liệu chế tạo linh kiện điện tử. Trình bày cấu trúc, đặc trưng và ứng dụng của các linh kiện điện tử cơ bản như diode, transistor, OP-AMP, IC555 và các linh kiện quang điện tử. Hướng dẫn sinh viên cách phân tích, tính toán các thông số và thiết kế các mạch điện tử cơ bản như: mạch chỉnh lưu, mạch nguồn DC, mạch transistor ngắt dẫn, mạch transistor khuếch đại, mạch so sánh dùng OP-AMP và mạch dao động đa hài dùng IC555 ...

Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Hoàng Huy (2022). Điện tử ứng dụng. Nơi xuất bản: Đại học Lạc Hồng.

116125 – QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Tên tiếng Anh: Quality Management

Học phần này cung cấp cho người học các nguyên tắc và chiến lược quản lý chất lượng không dùng toán học, tập trung vào các vấn đề chiến lược qua ví dụ lịch sử và nghiên cứu trường hợp. Môn học này đề cập đến cải tiến quy trình, đo lường, tiếng nói khách hàng và hệ thống chất lượng, khác biệt nhưng quan trọng cho tổ chức hiện đại. Không cần điều kiện tiên quyết, chỉ yêu cầu sự quan tâm đến các thách thức thực tiễn của tổ chức.

Tài liệu tham khảo:

ASU (2020). IEE 571: Quality Management.

148082 - LẬP TRÌNH PYTHON CƠ BẢN

Tên tiếng Anh: Python Programming

Học phần trang bị cho sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô điện người học kiến tạo những kiến thức căn bản trong tư duy lập trình và giải quyết vấn đề, tạo nền tảng vững chắc khi tiếp cận các kỹ năng lập trình nâng cao. Ngoài ra, người học còn được tiếp xúc với các công cụ đặc thù để gia tăng hiệu suất lập trình, cũng như tiếp

cận phương pháp học tập và phát triển bản thân một cách khoa học, hiệu quả và bền vững.

Tài liệu tham khảo:

Hoàng Ngọc Tân, Bài Giảng Lập Trình Python Cơ Bản, Đại học Lạc Hồng, năm 2025.

John M Zelle, Python Programming, NXB Ingram, 2020

148084 - ĐIỆN - ĐIỆN TỬ CÔNG SUẤT

Tên tiếng Anh: Power Electronics and Electrical Engineering

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vật liệu bán dẫn và linh kiện điện tử. Học phần cũng trình bày cấu trúc, đặc trưng và ứng dụng của các linh kiện điện tử cơ bản như diode, transistor, OP-AMP, IC555 và các linh kiện quang điện tử. Và hướng dẫn cách phân tích và tính toán các thông số cho mạch điện tử cơ bản như: mạch chỉnh lưu, mạch transistor ngắt dẫn, mạch transistor khuếch đại và mạch so sánh dùng OP-AMP.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Hoàng Huy (2022). Điện tử ứng dụng. Nơi xuất bản: Đại học Lạc Hồng.

- Nguyễn Hoàng Huy (2023). Thúc tập điện tử. Nơi xuất bản: Đại học Lạc Hồng.

- Albert Malvino, David Bates (2021). Electronic Principles. Published by McGraw-Hill Education.

- Nguyễn Hoàng Huy (2022). Mạch điện. Nơi xuất bản: Đại học Lạc Hồng.

148100 - NHẬP MÔN CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ

Tên tiếng Anh: Introduction to Automotive Technology
Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản liên quan đến ngành công nghệ ô tô, cách tra cứu thông tin liên quan, giúp cho sinh viên hiểu biết về công việc sẽ làm sau khi tốt nghiệp nhằm nâng cao lòng yêu nghề và tinh thần học tập.

Tài liệu tham khảo: Hoàng Ngọc Tân, Bài giảng nhập môn công nghệ kỹ thuật ô tô, Đại học Lạc Hồng, 2020.

148101 - KỸ THUẬT NHIỆT

Tên tiếng Anh: Thermal Engineering

Học phần cung cấp cho sinh viên một số khái niệm cơ bản về nhiệt động học kỹ thuật, các định luật 1 và 2, các chu trình sinh công và tiêu hao công, qua đó tính toán nhiệt và công cho các chu trình. Phần truyền nhiệt giúp cho sinh viên nắm bắt một số khái niệm liên quan cũng như các quy luật trao đổi nhiệt: dẫn nhiệt, truyền nhiệt đối lưu, bức xạ nhiệt.

Tài liệu tham khảo: Lê Xuân Hòa, Kỹ thuật nhiệt, NXB Đại học Quốc gia TP. HCM, 2004.

148102 - ĐỒ ÁN THIẾT KẾ Ô TÔ

Tên tiếng Anh: vehicle design Project

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp tháo lắp động cơ, phương pháp điều chỉnh, kiểm tra, sửa chữa các bộ phận chi tiết của động cơ, sử dụng các loại dụng cụ trong ngành ô tô có

khoa học và chính xác.

Tài liệu tham khảo: Hoàng Ngọc Tân, Hướng dẫn thực hiện và đánh giá án thiết kế ô tô, Đại học Lạc Hồng, 2020.

148103 - NGUYÊN LÝ ĐỘNG CƠ ĐÓT TRONG

Tên tiếng Anh: Internal Combustion Engine Principles
Môn học cung cấp các kiến thức về nguyên lý làm việc của động cơ đốt trong. Các quá trình lý hóa cơ bản xảy ra trong động cơ. Các chu trình nhiệt động, chu trình làm việc lý tưởng và chu trình làm việc thực tế của động cơ, lý thuyết về quá trình cháy, các biện pháp giảm lượng khí xả trên động cơ. Các thông số đặc trưng cho các quá trình làm việc của động cơ đốt trong và các yếu tố ảnh hưởng trong quá trình làm việc. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật. Các đặc tính của động cơ

Tài liệu tham khảo: Ninh Thị Thúy, Bài giảng Nguyên lý động cơ đốt trong, Đại học Lạc Hồng, Năm 202

148104 - VẬT LIỆU HỌC

Tên tiếng Anh: Materials science

+ Kiến thức chung về cấu tạo kim loại và hợp kim, vật liệu kim loại trong chế tạo cơ khí và các kiến thức cơ bản trong nhiệt luyện các vật liệu kim loại để bảo đảm cơ tính làm việc. Cung cấp kiến thức cơ bản về cấu tạo, tính chất sử dụng các vật liệu polime, chất dẻo, vật liệu composite, cao su, vật liệu keo, v.v.

+ Thí nghiệm vật liệu học trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng để có thể kiểm tra đặc tính cơ, của vật liệu bằng các thiết bị đo lường hiện đại.

Tài liệu tham khảo:

- Lê Công Dưỡng, Kim loại học vật lý,

- Nghiêm Hùng, Kim loại học và Nhiệt luyện, Trường ĐHSPKT 1997

148105 - DUNG SAI KỸ THUẬT ĐO

Tên tiếng Anh: Tolerances and measuring technique

Môn học trình bày về tính đối xứng năng trong ngành chế tạo máy, dung sai và lắp ghép các mối thông dụng trong ngành chế tạo máy như mối ghép hình trụ trơn, mối ghép then và then hoa, mối ghép ren, phương pháp giải bài toán chuỗi kích thước và nguyên tắc cơ bản để ghi kích thước trên bản vẽ chi tiết, một số loại dụng cụ đo và phương pháp đo các thông số cơ bản của chi tiết.

Tài liệu tham khảo: Trần Quốc Hùng, Dung sai – Kỹ thuật đo, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM, 2004.

148106 - CƠ KỸ THUẬT

Tên tiếng Anh: Engineering Mechanics

Vận dụng lý thuyết vào khảo sát các bài toán cân bằng tĩnh học cơ bản. Xác định các lực tại các liên kết bằng phương pháp hình học, Phương pháp giải tích. Vận dụng lý thuyết vào khảo sát: chuyển động của đi m, chuyển động của vật rắn, hợp chuyển động, chuyển động song phẳng. Vận dụng lý thuyết vào bài toán cơ bản của sức bền vật liệu như: thanh chịu kéo (nén) đúng tâm, xoắn thuần túy, uốn ngang phẳng, chịu lực phức tạp (nén